

0  
**MỤC LỤC**

<b>CHƯƠNG TRÌNH HỘI NGHỊ</b> .....	1
<b>BÁO CÁO SƠ KẾT CÔNG TÁC 6 THÁNG ĐẦU NĂM</b> .....	2
Phụ lục I.....	22
Phụ lục II.....	27

**THAM LUẬN CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG VÀ BỘ NỘI VỤ**

1. Sở Nội vụ tỉnh Nam Định.....	30
2. Sở Nội vụ thành phố Hà Nội.....	35
3. Sở Nội vụ tỉnh Thanh Hóa.....	40
4. Sở Nội vụ tỉnh Nghệ An.....	45
5. Sở Nội vụ tỉnh Lâm Đồng.....	49
6. Sở Nội vụ TP. Hải Phòng.....	53
7. Sở Nội vụ tỉnh Quảng Trị.....	57
8. Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên.....	61
9. Sở Nội vụ tỉnh Khánh Hòa.....	68
10. Sở Nội vụ tỉnh Thái Bình.....	73
11. Sở Nội vụ tỉnh Quảng Nam.....	77
12. Sở Nội vụ tỉnh Phú Yên.....	82
13. Sở Nội vụ tỉnh Bình Dương.....	86
14. Sở Nội vụ tỉnh Bình Thuận.....	93
15. Sở Nội vụ TP. Cần Thơ.....	96
16. Sở Nội vụ TP. Hồ Chí Minh.....	101
17. Sở Nội vụ tỉnh Đắk Nông.....	105
18. Sở Nội vụ tỉnh Bến Tre.....	109
19. Sở Nội vụ tỉnh Hậu Giang.....	115
20. Sở Nội vụ tỉnh Tây Ninh.....	119
21. Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ninh.....	122
22. Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên.....	127
23. Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk.....	131
24. Sở Nội vụ tỉnh Bình Phước.....	136
25. Sở Nội vụ tỉnh Hà Tĩnh.....	141
26. Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên.....	145
27. Sở Nội vụ tỉnh Hòa Bình.....	150
28. Sở Nội vụ tỉnh Hà Giang.....	153
29. Sở Nội vụ tỉnh Lạng Sơn.....	156
30. Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, Bộ Nội vụ.....	159
31. Vụ Chính quyền địa phương, Bộ Nội vụ.....	162
31. Vụ Tiền lương, Bộ Nội vụ.....	168

<b>GIẢI ĐÁP CÁC KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG</b> .....	172
---	-----

**BỘ NỘI VỤ****CHƯƠNG TRÌNH****Hội nghị của Bộ Nội vụ với các địa phương sơ kết công tác 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2024**

**Thời gian:** 8h00, thứ Hai, ngày 08/7/2024

**Địa điểm:** Hội trường tầng 4 Sảnh Amber, Khách sạn Tân Sơn Nhất, số 202 đường Hoàng Văn Thụ, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

<b>THỜI GIAN</b>	<b>NỘI DUNG</b>
07h30-08h00	Đón tiếp đại biểu
08h00-09h30	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu (Chánh Văn phòng Bộ)
	Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà phát biểu khai mạc Hội nghị
	Thứ trưởng Trương Hải Long báo cáo tóm tắt kết quả công tác 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2024 của ngành Nội vụ
	Các đại biểu trình bày tham luận, thảo luận theo chuyên đề
09h30-9h50	Hội nghị giải lao
9h50-10h50	Tiếp tục phát biểu tham luận, thảo luận theo chuyên đề
10h50-11h00	Phát động phong trào thi đua đặc biệt Kỷ niệm 80 năm Ngày thành lập Bộ Nội vụ (28/8/1945-28/8/2025)
11h00-11h30	Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà tổng kết và bế mạc Hội nghị

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-BNV

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2024

DỰ THẢO

**BÁO CÁO****Sơ kết công tác 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2024 của ngành Nội vụ**

Trong 6 tháng đầu năm 2024, dưới sự chỉ đạo sát sao, quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, toàn ngành Nội vụ đã bám sát mục tiêu, nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện bảo đảm đồng bộ, hiệu quả, chất lượng, phát huy tinh thần chủ động, tích cực gắn trách nhiệm người đứng đầu và thể chế hóa đến từng cá nhân trong việc tham mưu, thực hiện nhiệm vụ. Ngay từ đầu năm, Bộ Nội vụ đề ra phương châm hành động của năm 2024 là **“Kỷ cương, gương mẫu, chuyên nghiệp, hiệu quả”**, theo đó, đã xây dựng và hoàn thiện thể chế, đề xuất sửa đổi, bổ sung nhiều chính sách quan trọng nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, khai thông những điểm nghẽn trong quá trình tổ chức, thực hiện chính sách, pháp luật ngành Nội vụ và đạt được nhiều kết quả nổi bật, cụ thể như sau:

**Phần I****KẾT QUẢ CÔNG TÁC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024****I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH**

1. Toàn ngành Nội vụ đã quán triệt, thực hiện nghiêm túc chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước để hoàn thành nhiệm vụ chính trị trong 6 tháng đầu năm 2024 được Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH), Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và cấp thẩm quyền giao; quyết liệt triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, các Nghị quyết, Kết luận, Chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chương trình công tác năm 2024 và Kế hoạch hành động của Đảng bộ các địa phương liên quan đến lĩnh vực Nội vụ.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành có nhiều đổi mới, tập trung, quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm, vừa tập trung tham mưu, tổ chức thực hiện các chủ trương lớn của Đảng trên lĩnh vực nội vụ, vừa giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tiễn bảo đảm yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ trước mắt và chiến lược lâu dài. Đặc biệt, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công vụ, công chức; tập trung xây dựng, hoàn thiện phê duyệt Đề án vị trí việc làm (VTVL) trong các tổ chức hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNNCL) làm cơ sở đẩy mạnh thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (CBCCV); sắp xếp, tổ chức lại các ĐVSNNCL thuộc phạm vi quản lý của bộ,

ngành; quyết tâm thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025, giải quyết khó khăn, vướng mắc trong thực hiện chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã; tập trung cao độ xây dựng các phương án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện chính sách cải cách tiền lương đối với CBCCVC, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW. Quyết liệt đơn đốc các bộ, ngành, địa phương tập trung thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ cải cách hành chính (CCHC) theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trọng tâm là rà soát, cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính (TTHC), xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số; tăng cường đối thoại với các tổ chức hội, quỹ, các tổ chức tôn giáo nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý nhà nước, bảo đảm ổn định, phát triển.

**3.** Công tác phối hợp giữa Bộ Nội vụ với các bộ, ngành, địa phương được cải thiện nhiều qua từng năm. Qua đó đã nắm bắt được những khó khăn, vướng mắc ở cơ sở để kịp thời tham mưu, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện chính sách, pháp luật thuộc lĩnh vực nội vụ và giải đáp kiến nghị, đề xuất của các địa phương tạo sự thống nhất, đồng thuận cao trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, ngành Nội vụ.

**4.** Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã kịp thời tham mưu cấp ủy, chính quyền địa phương ban hành, điều chỉnh chương trình, kế hoạch công tác phù hợp với thực tiễn ở địa phương; quán triệt, triển khai nghiêm túc các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và hướng dẫn của Bộ Nội vụ; bám sát yêu cầu thực tiễn, kịp thời tham mưu triển khai nhiệm vụ bằng các giải pháp quyết liệt, hiệu quả, nhất là những công việc quan trọng, khó khăn, phức tạp, nhạy cảm như: xây dựng và phê duyệt VTVL; sắp xếp tổ chức bộ máy gắn với tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025; xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC. Các cụm, khối thi đua đã chủ động phát động phong trào thi đua với các chủ đề cụ thể của từng đơn vị và tổ chức ký kết giao ước thi đua, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ cấp thẩm quyền giao trong năm 2024.

**5.** Đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra công vụ, kịp thời chấn chỉnh những sai phạm trong công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức; công tác bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý của các bộ, ngành, địa phương; kịp thời trả lời kiến nghị cử tri, phản ánh của người dân, doanh nghiệp theo nguyên tắc đi thẳng vào vấn đề, không né tránh trách nhiệm hoặc đẩy trách nhiệm cho các bộ, ngành khác được cử tri, Nhân dân và dư luận xã hội đồng tình, ủng hộ, đánh giá cao.

## **II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC TRÊN CÁC LĨNH VỰC**

### **1. Công tác xây dựng thể chế, chính sách**

Bộ Nội vụ xác định công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách là nhiệm vụ trọng tâm, cốt lõi trong công tác quản lý nhà nước, theo đó ưu tiên toàn diện, tập trung nguồn lực để thực hiện nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy gắn với tinh giản biên chế; đổi mới nền công vụ và nâng cao chất lượng, tính

chuyên nghiệp của đội ngũ công chức, viên chức; điều chỉnh chính sách tiền lương và sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã tại các địa phương. Kết quả trong 6 tháng đầu năm 2024, Bộ Nội vụ đã trình Bộ Chính trị cho ý kiến thống nhất về chủ trương (*Kết luận số 83-KL/TW ngày 21/6/2024*) làm cơ sở trình Quốc hội xem xét, thông qua các nội dung cải cách tiền lương, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội từ ngày 01/7/2024 (*Nghị quyết số 143/2024/NQ-QH15 ngày 29/6/2024 kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV*); trình Quốc hội thông qua Luật Lưu trữ (sửa đổi); trình UBTVQH thông qua **02** Nghị quyết và **01** báo cáo; trình Chính phủ ban hành **04** Nghị định và **08** Nghị quyết; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành **12** Quyết định, **01** Công điện; Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành theo thẩm quyền **06** Thông tư, **02** văn bản hợp nhất. Đặc biệt, đã tập trung nghiên cứu, rà soát, tổng hợp những vấn đề bất cập trong quá trình triển khai thực hiện 04 Luật: Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức làm cơ sở đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các Luật cho phù hợp với thực tiễn.

Nhìn chung, công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách thuộc lĩnh vực Nội vụ đã có nhiều chuyển biến tích cực, đổi mới, hoàn thiện theo hướng thống nhất, chặt chẽ, đồng bộ và liên thông giữa các quy định của Đảng với pháp luật của nhà nước; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền trong cơ quan hành chính nhà nước ở Trung ương với địa phương, CCHC, nhất là cải cách TTHC đã giải quyết khó khăn, vướng mắc từ thực tiễn.

*(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo).*

## **2. Tổ chức bộ máy và biên chế**

### *a) Sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước*

Trình Chính phủ ban hành Quyết định số 269/QĐ-TTg ngày 02/4/2024 thành lập Ban Chỉ đạo và triển khai Kế hoạch tổng kết, xây dựng Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện mô hình tổ chức bộ máy của Chính phủ; tập trung đánh giá, tổng kết thực hiện Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 làm cơ sở lập hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật Tổ chức Chính phủ (sửa đổi)<sup>1</sup>; Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về 02 năm thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP của Chính phủ về phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước<sup>2</sup>.

Về cơ bản các bộ, ngành, địa phương đã chủ động, tích cực triển khai việc sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Do đó, số lượng tổ chức bên trong bộ máy hành chính nhà nước tương đối ổn định, các bộ, cơ quan ngang bộ không có biến động về số lượng tổng cục, vụ, cục và tương đương; Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố đã tích cực tham mưu UBND cấp tỉnh thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính, theo đó đã giảm **10** tổ chức

<sup>1</sup> Kế hoạch số 659/KH-BNV ngày 05/02/2024 và Quyết định số 165/QĐ-BNV ngày 08/3/2024.

<sup>2</sup> Văn bản số 3158/BNV-TCBC ngày 05/6/2024.

(chi cục, phòng và tương đương) của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (*hiện còn 7.117 tổ chức*) và giảm **08** tổ chức phòng và tương đương thuộc UBND cấp huyện (*hiện còn 6.983 tổ chức*)<sup>3</sup>.

*b) Sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập*

Thực hiện Thông báo kết luận số 114/TB-BCĐĐMSXTCBM của Ban Chỉ đạo đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Bộ Nội vụ đã chủ động đôn đốc, phối hợp với các bộ, ngành tiến hành khảo sát, tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVSNCL thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ<sup>4</sup>; trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 02/4/2024 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các ĐVSNCL; Xây dựng Báo cáo của Chính phủ phục vụ Đoàn giám sát của Quốc hội về thực hiện quy định về đổi mới cơ chế quản lý ĐVSNCL theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW<sup>5</sup>; Báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật về các ĐVSNCL giai đoạn 2018-2023<sup>6</sup>.

*c) Tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức*

Căn cứ quy định của Bộ Chính trị tại Kết luận số 40-KL/TW, Quy định số 70-QĐ/TW và Quyết định số 73-QĐ/TW thống nhất trong quản lý và đến hết năm 2026 số biên chế tối đa bằng số Bộ Chính trị đã phê duyệt, bảo đảm theo lộ trình tinh giản biên chế của giai đoạn 2022-2026<sup>7</sup>, Bộ Nội vụ đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện tinh giản biên chế giai đoạn 2015-2023<sup>8</sup>; báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế đề trình Bộ Chính trị cho phép điều chuyển, bổ sung biên chế trong các cơ quan, tổ chức hành chính, ĐVSNCL<sup>9</sup>. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đã hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện chính sách tinh giản biên chế công chức và giảm biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước gắn với việc phê duyệt VTVL và cơ cấu

<sup>3</sup> Báo cáo 63 tỉnh, thành phố: (1) Tổ chức chi cục, phòng và tương đương thuộc UBND cấp tỉnh: An Giang giảm 1; Đồng Nai giảm 1; Hà Nội tăng 10; Hậu Giang giảm 10; Hưng Yên giảm 2; Kon Tum giảm 1; Nghệ An giảm 1; Quảng Ngãi giảm 1; Quảng Ninh giảm 1; Sơn La giảm 1; Tây Ninh giảm 1; Vĩnh Long giảm 1; (2) Tổ chức phòng và tương đương thuộc UBND cấp huyện: An Giang giảm 3; Bà Rịa - Vũng Tàu giảm 1; Bình Phước giảm 1; Đắk Nông giảm 3; Nghệ An giảm 1; Quảng Ninh giảm 1.

<sup>4</sup> Phân đầu đến năm 2025, số lượng ĐVSNCL là 895 đơn vị, giảm 118 đơn vị so với năm 2022 và giảm 140 đơn vị so với năm 2021. Trong đó, (1) phân đầu giảm 13,5% ĐVSNCL thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành; (2) Phân đầu đạt trên 60% ĐVSNCL thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành tự bảo đảm chi thường xuyên trở lên; (3) 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác có đủ điều kiện hoàn thành chuyển đổi thành công ty cổ phần.

<sup>5</sup> Văn bản số 2943/BNV-TCBC ngày 27/5/2024.

<sup>6</sup> Báo cáo số 1496/BNV-TCBC ngày 19/3/2024.

<sup>7</sup> Giai đoạn 2022-2026, Bộ Chính trị quản lý, giao biên chế theo mục tiêu, do đó tại các Quyết định giao biên chế giai đoạn 05 năm (2022 - 2026) cho các cơ quan của hệ thống chính trị đã thực hiện: Giảm 5% biên chế công chức; Giảm 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN (đối với bộ, ngành, Bộ Nội vụ đã thẩm định số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN trong các ĐVSNCL chưa tự chủ tài chính tại 29 bộ, ngành giai đoạn 2022 - 2026, giảm 17.736 biên chế, tương ứng giảm 14,84% so với số biên chế giao năm 2021).

<sup>8</sup> Báo cáo số 2349/BC-BNV ngày 02/5/2024.

<sup>9</sup> Tờ trình số 2439-TTr/BCSĐCP ngày 17/11/2023.

lại, nâng cao chất lượng của đội ngũ CBCCVV, tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị<sup>10</sup>. Theo đó, các bộ, ngành, địa phương về cơ bản đã sử dụng đúng số biên chế được giao, không vượt quá số biên chế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện lộ trình tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVV theo VTVL.

Kết quả thực hiện tinh giản biên chế công chức, viên chức trong 6 tháng đầu năm 2024 của bộ, ngành, địa phương theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ tổng số là **3.853** người; trong đó, bộ, ngành là **107** người (*47 công chức, 60 viên chức*), địa phương là **3.746** người (*530 công chức, 3.216 viên chức*).

#### *d) Về xây dựng, hoàn thiện vị trí việc làm*

Thực hiện Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ<sup>11</sup> và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực<sup>12</sup>, các địa phương đã tích cực xây dựng kế hoạch và chỉ đạo, tổ chức xây dựng và phê duyệt VTVL, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung kịp thời các quy định hướng dẫn vị VTVL theo ngành, lĩnh vực bảo đảm tính thống nhất, liên thông, đồng bộ trong hệ thống chính trị gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVV. Xác định việc phê duyệt VTVL là nhiệm vụ trọng tâm cần sớm hoàn thành với tinh thần “*vừa làm, vừa hoàn thiện, không cầu toàn theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo*” và thực hiện hiệu quả phân cấp trong việc phê duyệt VTVL. Đến nay, 100% bộ, ngành, địa phương hoàn thành phê duyệt Đề án VTVL, Bộ Nội vụ đã tổng hợp kết quả phê duyệt VTVL trong cơ quan, tổ chức hành chính, ĐVSNCL<sup>13</sup>.

Một số địa phương đã thực hiện tốt công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, quản lý biên chế, xây dựng VTVL như: Hưng Yên, Hà Nội, Nghệ An, Quảng Ninh, Đồng Nai, Kon Tum, Quảng Ngãi, An Giang, Hậu Giang, Sơn La, Đắk Nông, Bà Rịa - Vũng Tàu.

### **3. Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức**

#### *a) Về quản lý cán bộ, công chức, viên chức*

Trong 6 tháng đầu năm 2024, Bộ Nội vụ tập trung nghiên cứu rà soát, đề

<sup>10</sup> Văn bản số 2992/BNV-TCBC ngày 28/5/2024.

<sup>11</sup> 02 Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn: (1) VTVL công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong CQ, TCHC và VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong ĐVSNCL; (2) Xác định cơ cấu ngạch công chức.

<sup>12</sup> 20 Thông tư của 20 Bộ, ngành hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành; 17 Thông tư của 15 Bộ, ngành hướng dẫn về VTVL lãnh đạo quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong ĐVSNCL.

<sup>13</sup> Danh mục VTVL trên cơ sở Thông tư hướng dẫn của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực gồm:

- VTVL trong cơ quan, tổ chức hành chính: Tổng số: 840 vị trí, chia ra: VTVL lãnh đạo, quản lý: 122 vị trí; VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành: 656 vị trí; VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 40 vị trí; VTVL hỗ trợ, phục vụ: 22 vị trí.

- VTVL trong cơ quan thuộc Chính phủ: VTVL lãnh đạo, quản lý: 31 vị trí; trong đó: VTVL đã quy định tại Thông tư: 10 vị trí; VTVL áp dụng chức danh, chức vụ tương đương: 21 vị trí. VTVL nghiệp vụ chuyên ngành, nghiệp vụ chuyên môn dùng chung và VTVL hỗ trợ, phục vụ thì áp dụng các VTVL theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

- VTVL trong ĐVSNCL: Tổng số: 559 vị trí, chia ra: VTVL lãnh đạo, quản lý: 110 vị trí; VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: 392 vị trí; VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: 30 vị trí; VTVL hỗ trợ, phục vụ: 27 vị trí.

- VTVL cán bộ, công chức cấp xã: Tổng số 17: vị trí, trong đó: Cán bộ chuyên trách: 11 vị trí; công chức cấp xã: 06 vị trí.

xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) liên quan đến tuyển dụng, sử dụng và quản lý CBCCVC<sup>14</sup>; tích cực phối hợp các cơ quan liên quan tiếp tục xây dựng, hoàn thiện chính sách thu hút và trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan nhà nước và ĐVSNCL, nhằm tạo cơ sở pháp lý, ban hành khung chính sách, nhất là xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, các cấp, các ngành trong việc phát hiện, thu hút, sử dụng, trọng dụng đối với người có tài năng. Đôn đốc, hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện Nghị định số 85/2023/NĐ-CP<sup>15</sup> và thực hiện quy định về cơ cấu ngạch công chức, qua đó đã giải quyết cơ bản những khó khăn, vướng mắc từ thực tiễn góp phần nâng cao hiệu quả quản lý CBCCVC.

Tập trung đánh giá kết quả thi hành Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức làm cơ sở đề xuất sửa 02 Luật này; trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao tỷ lệ CBCCVC người dân tộc thiểu số trong các cơ quan nhà nước trong giai đoạn hiện nay; Báo cáo về chính sách đặc thù trong tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC người dân tộc thiểu số; Báo cáo tổng hợp kết quả xử lý trách nhiệm về tài chính - ngân sách theo Chỉ thị số 22/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Tiếp tục tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính, thực hiện nghiêm quy định của Đảng, pháp luật của nhà nước về xử lý kỷ luật CBCCVC, kể cả đã nghỉ việc, nghỉ hưu; đẩy mạnh các giải pháp nhằm thực hiện quy định của Đảng về kịp thời thay thế, đình chỉ công tác đối với cán bộ cố tình trì hoãn, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, không thực hiện công việc thuộc thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Trên cơ sở tổng hợp số liệu của các bộ, ngành, địa phương, trong 6 tháng đầu năm 2024 có **1.338** CBCCVC bị kỷ luật (*trong đó cán bộ 139 người, công chức 432 người, viên chức 767 người*).

Các bộ, ngành, địa phương trong 6 tháng đầu năm 2024 đã thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức được **13.965** người (*bộ, ngành tuyển dụng 169 công chức, 391 viên chức; địa phương tuyển dụng 1.519 công chức, 11.886 viên chức*). Tuyển dụng theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP được **30** sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ (*bộ, ngành tuyển dụng 04 người, địa phương 26 người*) để bổ sung vào đội ngũ CBCCVC của cả nước.

<sup>14</sup> Trình Chính phủ ban hành Nghị định số 29/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước; hoàn thiện Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 138/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 83/2022/NĐ-CP quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý; dự thảo Nghị định về chính sách thu hút và trọng dụng người có tài năng vào cơ quan hành chính nhà nước và ĐVSNCL; dự thảo Thông tư quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng viên chức hành chính, viên chức văn thư, viên chức lưu trữ; Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 13/2022/TT-BNV hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức.

<sup>15</sup> Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; xây dựng báo cáo tổng kết thực hiện Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

*b) Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức*

Tập trung triển khai Kế hoạch thực hiện Quyết định số 163/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC giai đoạn 2023-2025<sup>16</sup> nhằm tiếp tục đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC. Tổ chức thành công các khóa bồi dưỡng cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trẻ và cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ của chính quyền địa phương ở nước ngoài (đã tổ chức **03** Đoàn bồi dưỡng tại Pháp và Nhật Bản). Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số và hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC đã mang lại kết quả tích cực; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số, bồi dưỡng theo VTVL và đạo đức công vụ. Công tác đào tạo, bồi dưỡng được các bộ, ngành, địa phương xác định là khâu đột phá để nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC đáp ứng yêu cầu CCHC, cải cách công vụ, công chức gắn với chuyển đổi số quốc gia. Kết quả 6 tháng đầu năm 2024, các bộ, ngành, địa phương đã cử **94.437** công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch, chức vụ, chức danh và VTVL (*trong đó, bộ ngành có 11.553 lượt người và địa phương có 82.884 lượt người*).

Các địa phương đã chủ động tham mưu cấp có thẩm quyền xây dựng, hoàn thiện thể chế về quản lý CBCCVC theo ngành, lĩnh vực; công tác tuyển dụng, sử dụng, tiếp nhận, đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC được thực hiện đúng quy định, phù hợp nhu cầu và theo VTVL, tiêu biểu như: Cao Bằng, Thái Nguyên, Thái Bình, Hà Nội, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Đà Nẵng, Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh.

*c) Về chính sách tiền lương*

Bộ Nội vụ tập trung tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương về cải cách chính sách tiền lương tổ chức 21 cuộc họp để xem xét, thảo luận kỹ lưỡng, thận trọng, tính toán các phương án tối ưu, khả thi nhất để báo cáo Bộ Chính trị, Quốc hội xem xét, quyết định các nội dung cải cách tiền lương, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công, trợ cấp xã hội<sup>17</sup>. Theo đó, thực hiện cải cách chính sách tiền lương theo lộ trình phù hợp, từng bước, chắc chắn, khả thi, hiệu quả; thực hiện đầy đủ cải cách chính sách tiền lương khu vực doanh nghiệp; thực hiện 4/6 nội dung cải cách chính sách tiền lương khu vực công; 2/6 nội dung thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở tăng 30%, giữ nguyên phụ cấp hiện hành. Đồng thời, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, trong đó điều chỉnh mức lương cơ sở tăng **30%** (từ **1.800.000** đồng lên **2.340.000** đồng/tháng) và hướng dẫn thực hiện cơ chế thưởng 10% tổng mức lương cơ bản của cơ quan, đơn vị để thực hiện từ ngày 01/7/2024.

Trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 24/NQ-CP ngày 20/02/2024 về chế độ phụ cấp đặc biệt đối với CBCCVC, lực lượng vũ trang công tác tại xã Chợ Chun

<sup>16</sup> Quyết định số 22/QĐ-BNV ngày 16/01/2023 của Bộ Nội vụ.

<sup>17</sup> Nghị quyết số 95/NQ-CP ngày 21/6/2024 của Chính phủ.

và xã Đắc Tôi thuộc huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện cải cách chính sách tiền lương đối với CBCCV, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp<sup>18</sup>.

#### 4. Xây dựng chính quyền địa phương, địa giới hành chính

Triển khai Nghị quyết số 99/NQ-CP của Chính phủ, Bộ Nội vụ đã ban hành Kế hoạch tổng kết thi hành Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; đồng thời đề nghị các bộ, ngành, địa phương tiến hành rà soát và tổng kết thi hành Luật làm cơ sở trình Chính phủ hồ sơ đề nghị xây dựng Luật trong tháng 10/2024; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch xây dựng Quy hoạch tổng thể ĐVHC các cấp giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045<sup>19</sup>; xây dựng dự thảo Nghị quyết của Chính phủ về việc giải quyết vướng mắc trong việc thực hiện chế độ phụ cấp công vụ đối với cán bộ cấp xã là người đang hưởng chế độ hưu trí hoặc trợ cấp mất sức lao động<sup>20</sup>.

Với vai trò là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030, Bộ Nội vụ đã chủ động đôn đốc các địa phương khẩn trương hoàn thiện Đề án: “Sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025”. Đến nay, có **53** tỉnh, thành phố thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 đã hoàn thiện phương án tổng thể; trong đó cấp huyện thực hiện sắp xếp là **49** đơn vị (*bao gồm 09 đơn vị thuộc diện phải sắp xếp, 40 đơn vị khuyến khích và liền kề, sau sắp xếp dự kiến giảm 12 đơn vị*), cấp xã thực hiện sắp xếp là **1.247** đơn vị (*bao gồm 745 đơn vị thuộc diện phải sắp xếp, 502 đơn vị khuyến khích và liền kề, sau sắp xếp dự kiến giảm 624 đơn vị*).

Tính đến ngày 30/6/2024, Bộ Nội vụ đã nhận được **28/53** hồ sơ đề nghị sắp xếp đơn vị hành chính của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trong đó, chủ trì tổ chức thẩm định, hoàn thiện trình Chính phủ đề trình UBNDTVQH xem xét, thông qua Đề án của **05** địa phương<sup>21</sup>, **09** địa phương đang hoàn thiện Đề án sau thẩm định<sup>22</sup>; **14** địa phương đang hoàn thiện hồ sơ để tổ chức thẩm định (**03** địa phương đã tổ chức khảo sát<sup>23</sup>; **11** địa phương đang hoàn thiện hồ sơ<sup>24</sup>) và **25** tỉnh, thành phố đang khẩn trương xây dựng, hoàn thiện Đề án.

Bộ Nội vụ đã tham mưu Ban Chỉ đạo đánh giá kết quả thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025, trên cơ sở đó chủ động, phối hợp với Ủy ban Pháp luật của Quốc hội, Bộ Xây dựng để xây dựng văn bản trình Chính phủ (hồ sơ đã được thẩm định) để trình UBNDTVQH xem xét, ban hành Nghị quyết tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các địa phương về các quy định của pháp luật

<sup>18</sup> Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>19</sup> Quyết định số 139/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>20</sup> Tờ trình số 1486/TTr-BNV ngày 19/3/2024 của Bộ Nội vụ.

<sup>21</sup> Gồm: Nam Định, Tuyên Quang, Sóc Trăng, Cần Thơ, Ninh Thuận.

<sup>22</sup> Gồm: Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Phú Yên, Hải Dương, Quảng Trị, Cà Mau, Yên Bái, Bình Định, Tiền Giang

<sup>23</sup> Gồm: Lào Cai, Thừa Thiên - Huế, Quảng Ninh.

<sup>24</sup> Gồm: Thái Bình, Hà Nội, Điện Biên, Bắc Giang, Nghệ An, Quảng Bình, Hưng Yên, Bến Tre, Quảng Ngãi, Đồng Nai, Khánh Hòa.

liên quan đến phân loại đô thị, tiêu chuẩn của ĐVHC, phân loại ĐVHC, kinh phí.

Trình UBND tỉnh thông qua 02 Nghị quyết thành lập các phường, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương và các phường, thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang<sup>25</sup>; Quyết định công nhận số lượng, chất lượng hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp các tỉnh Bình Thuận, Sơn La, Bắc Giang; Báo cáo sơ kết thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị khóa XII về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; tập trung nghiên cứu, đề xuất các nội dung sửa đổi, bổ sung thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị trong dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 119/2020/QH14.

Sở Nội vụ các địa phương đã tích cực tham mưu UBND cấp tỉnh thực hiện tốt các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực chính quyền địa phương, trong đó có nhiệm vụ trọng tâm về sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025, tiêu biểu như: Nam Định, Tuyên Quang, Hà Nội, Thừa Thiên Huế, Sóc Trăng, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Cần Thơ, Phú Yên, Tiền Giang, Hải Dương.

## 5. Cải cách hành chính

Bộ Nội vụ với vai trò cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ đã trình Thủ tướng Chính phủ kiến nghị toàn Ban Chỉ đạo CCHC<sup>26</sup>; ban hành Kế hoạch hoạt động của Ban chỉ đạo năm 2024<sup>27</sup>, trong đó quy định cụ thể 64 nhiệm vụ, gắn trách nhiệm của từng thành viên BCD và các bộ, ngành, địa phương; kiến nghị toàn Ban chỉ đạo và Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo CCHC<sup>28</sup>; tham mưu cho Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ tổ chức thành công Hội nghị công bố Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2023 (SIPAS 2023) và Chỉ số CCHC năm 2023 của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (PAR INDEX 2023). Kết quả cụ thể như sau: Giá trị trung bình chỉ số CCHC của 17 bộ, cơ quan ngang bộ năm 2023 đạt **84.38%** (tăng **0.33%** so với năm 2022), chỉ số CCHC của UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có giá trị trung bình năm 2023 đạt **86.98%** (tăng **2.19%** so với năm 2022); Chỉ số mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước nói chung trong cả nước năm 2023 đạt **82,66%** (tăng **2.58%** so với năm 2022).

Tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành và chỉ đạo nhiều giải pháp đẩy mạnh CCHC trên từng lĩnh vực, trọng tâm là giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đơn giản hóa TTHC phục vụ người dân, doanh nghiệp; Báo cáo mô hình tổ chức Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ninh; Báo cáo công tác CCHC của Chính phủ 6 tháng đầu năm 2024; chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ nghiên cứu, đánh giá mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, áp dụng chuyển đổi số, tổ chức tinh gọn, phù hợp với thực tiễn; triển khai Kế hoạch tăng cường năng

<sup>25</sup> Thành lập phường An Điền, An Tây thuộc thị xã Bến Cát và thành lập thành phố Bến Cát thuộc tỉnh Bình Dương; thành lập, sắp xếp các phường thuộc thị xã Gò Công và thành lập thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

<sup>26</sup> Quyết định số 110/QĐ-TTg ngày 28/01/2024.

<sup>27</sup> Quyết định số 42/QĐ-BCĐCCHC ngày 18/3/2024.

<sup>28</sup> Quyết định số 48/QĐ-BCĐCCHC ngày 02/4/2024.

lực đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác CCHC năm 2024; Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024; tập trung xây dựng Đề án đánh giá tổ chức và Chiến lược CCHC đến năm 2030, định hướng đến năm 2050.

Công tác CCHC được các bộ, ngành, địa phương quan tâm, tập trung đẩy mạnh thực hiện, triển khai đồng bộ, toàn diện trên các lĩnh vực, đặc biệt là công tác cắt giảm, đơn giản hoá TTHC và xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số; kết nối, liên thông hệ thống thông tin giải quyết TTHC kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia; 100% các cơ quan hành chính đã tiếp nhận, xử lý văn bản trên môi trường điện tử (trừ văn bản mật); đẩy mạnh việc áp dụng công cụ theo dõi, đánh giá CCHC phục vụ kịp thời công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành các cấp, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, tiêu biểu như: Quảng Ninh, Đồng Tháp, Hà Nội, Thái Nguyên, Hải Phòng, Thừa Thiên Huế.

## 6. Công tác thi đua, khen thưởng

Đồng bộ với thời điểm Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2024, Bộ Nội vụ đã tập trung hoàn thiện các văn bản hướng dẫn để triển khai thống nhất các quy định thi đua, khen thưởng mới. Theo đó, đã trình Chính phủ ban hành 02 Nghị định<sup>29</sup>; Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành 01 Thông tư<sup>30</sup>, 01 Quyết định công bố, công khai TTHC về Luật thi đua, khen thưởng mới; các bộ, ngành đã hoàn thiện 10/10 Nghị định và 20/22 Thông tư hướng dẫn thi hành Luật<sup>31</sup>; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các nội dung cơ bản của Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành. Với vai trò là cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng nhà nước, Bộ Nội vụ đã tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hoạt động và Kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2024; kiện toàn thành viên và sửa đổi, bổ sung Quy chế làm việc của Hội đồng theo quy định; hướng dẫn bộ, ban, ngành, địa phương tổ chức Đại hội thi đua các cấp, các ngành tiến tới Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ XI năm 2025; báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng.

Chủ động tham mưu hướng dẫn khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong các hoạt động kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ; Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương độc lập hạng Nhất cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Điện Biên. Hướng dẫn khen thưởng thành tích xuất sắc, sơ kết các phong trào thi đua “*Cả nước thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023-2030*”; “*Cả nước đoàn kết, chung sức, đồng lòng thi đua phòng, chống và chiến thắng đại dịch Covid-19*”; “*Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới*” và “*Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*” giai đoạn 2021-2025. Phối hợp Ủy ban Dân tộc trình Thủ tướng Chính phủ Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “*Cả nước chung sức phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân*

<sup>29</sup> Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 và Nghị định số 28/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024.

<sup>30</sup> Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24/02/2024.

<sup>31</sup> Còn 02 Thông tư của: Văn phòng Chính phủ, Bộ Ngoại giao chưa được ban hành.

*tộc thiểu số và miền núi” giai đoạn 2023-2030; đặc biệt là phong trào thi đua “Xóa nhà tạm, nhà dột nát từ nay đến năm 2025”<sup>32</sup>.*

Các địa phương đã tập trung ban hành kế hoạch và phát động thi đua năm 2024; tích cực hướng dẫn nghiệp vụ công tác thi đua, khen thưởng; đôn đốc các cụm, khối thi đua ký kết giao ước thi đua phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, tiêu biểu như: Điện Biên, Bình Dương, Bình Định, Sơn La, Bắc Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đắk Lắk, Đắk Nông, Hưng Yên, Hà Tĩnh.

## **7. Công tác tín ngưỡng, tôn giáo**

Trong 6 tháng đầu năm 2024, tình hình tín ngưỡng, tôn giáo trên cả nước cơ bản ổn định, tuân thủ pháp luật; kịp thời tham mưu, giải quyết các vụ việc phức tạp ảnh hưởng tới an ninh, trật tự liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo<sup>33</sup>; nhiều tổ chức tôn giáo đã tổ chức đại hội nhiệm kỳ, hội nghị thường niên theo quy định; chủ động nắm bắt tình hình, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết các vấn đề phức tạp, các điểm nóng về tôn giáo, đất đai tôn giáo; hướng dẫn UBND các tỉnh, thành phố quan tâm, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức thực thi công tác tôn giáo tại địa phương và tăng cường hoạt động quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn<sup>34</sup>.

Triển khai các văn bản QPPL về tín ngưỡng, tôn giáo theo Kế hoạch; báo cáo Ban Bí thư kết quả tổng kết 20 năm thực hiện công tác đối với Hội Giáo; trình Chính phủ dự thảo Nghị quyết triển khai thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 18/4/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện chủ trương công tác đối với đạo Cao Đài trong tình hình mới; báo cáo Thủ tướng Chính phủ chủ trương Giáo hội Phật giáo Việt Nam đăng cai tổ chức Đại lễ Vesak năm 2025 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Triển khai Kế hoạch công tác Việt Nam - Vatican và Đại diện Thường trú Tòa thánh Vatican tại Việt Nam nhằm thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Vatican.

Tham mưu lãnh đạo các tổ chức tôn giáo chào thăm, chúc mừng Chủ tịch nước Tô Lâm trong không khí vui tươi, phấn khởi, qua đó thể hiện sự quan tâm của lãnh đạo Đảng, nhà nước đối với tôn giáo; Đoàn chức sắc, chức việc, cốt cán các tôn giáo tỉnh Ninh Thuận chào, thăm Thủ tướng Chính phủ và một số cơ quan Trung ương. Chủ động, phối hợp với Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam và các cơ quan liên quan vận động để Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đưa Việt Nam ra khỏi danh sách theo dõi đặc biệt về tự do tôn giáo - SWL.

Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố đã chủ động tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định; thực hiện tốt công tác tranh thủ, vận động chức sắc, chức việc, tín đồ tôn giáo thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và

<sup>32</sup> Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 19/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>33</sup> Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về vụ việc liên quan đến tôn giáo: (1) “Xả lợi tóc Đức Phật” tại chùa Ba Vàng, tỉnh Quảng Ninh; (2) Kết quả giải quyết vụ việc liên quan đến ông Lê Anh Tú (Thích Minh Tuệ); (3) Vụ việc liên quan đến Hòa Thượng Thích Chân Quang; (4) Vụ việc liên quan đến ông Thạch Chanh Đa Ra tỉnh Vĩnh Long...

<sup>34</sup> Văn bản số 321/BNV-TGCP ngày 19/01/2024.

phát huy nguồn lực tôn giáo, tiêu biểu như: Hà Nội, Nghệ An, Điện Biên, Huế, Phú Yên, Đồng Nai, An Giang, Ninh Thuận, Trà Vinh, Tây Ninh, TP. Hồ Chí Minh.

### **8. Công tác văn thư, lưu trữ**

Với nhiệm vụ trọng tâm hoàn thiện thể chế lĩnh vực văn thư, lưu trữ, Bộ Nội vụ đã tập trung tham mưu trình Quốc hội thông qua Luật Lưu trữ (sửa đổi) tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV; Báo cáo kết quả triển khai Quyết định số 2194/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về “*Công bố tài liệu lưu trữ quốc gia phục vụ xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ chủ quyền đất nước*”; xây dựng Đề án “*Sưu tầm tài liệu lưu trữ quý, hiếm của Việt Nam và về Việt Nam giai đoạn 2025-2035*”, để tổng hợp thông tin, số liệu về kết quả và nhu cầu sưu tầm tài liệu lưu trữ quý, hiếm ở trong nước và nước ngoài; phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các hoạt động công bố, phát huy giá trị tài liệu lưu trữ về các chủ đề: Chiến thắng Điện Biên Phủ; Chủ quyền của Việt Nam tại Hoàng Sa và Trường Sa; Tòa nhà Quốc hội Việt Nam; các chuyên đề phục vụ các kỳ họp Quốc hội...; hướng dẫn phương hướng, nhiệm vụ công tác văn thư, lưu trữ năm 2024 đối với các bộ, ngành, địa phương; hướng dẫn, trả lời, giải đáp nghiệp vụ cho các cơ quan, tổ chức và cấp 11 phối Chứng chỉ hành nghề lưu trữ.

Các địa phương đã chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị lập hồ sơ điện tử, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, có giải pháp nâng cao chất lượng tỷ lệ lập hồ sơ công việc điện tử và giao nộp hồ sơ điện tử vào lưu trữ, tiêu biểu như: Lạng Sơn, Thái Bình, Đà Nẵng, Bà Rịa - Vũng Tàu, Nghệ An, Sơn La, Tuyên Quang

### **9. Công tác thanh niên; công tác dân vận, dân chủ, cán bộ nữ**

Tập trung đôn đốc, hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương triển khai thi hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành; tham mưu Ban Cán sự đảng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai và tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình phối hợp số 03-CTr/BDVTW-BCSĐCP ngày 15/12/2021 giữa Ban Dân vận Trung ương và Ban Cán sự đảng Chính phủ về công tác dân vận giai đoạn 2021-2026; trình Chính phủ ban hành Nghị quyết về Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TW của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới; Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá XIII về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc.

Tham mưu tổ chức thành công Chương trình Thủ tướng Chính phủ gặp mặt và đối thoại với thanh niên năm 2024 và gặp mặt nữ lãnh đạo, quản lý cấp Thứ trưởng và tương đương trở lên của các bộ, ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương, đại diện các nhà khoa học nữ, nữ trí thức tiêu biểu và trao giải thưởng Kovalevskaia năm 2023 nhân dịp kỷ niệm 114 năm ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3; báo cáo kết quả thực hiện các mục tiêu Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới năm 2023; hướng dẫn các bộ,

ngành và địa phương thông kê nữ lãnh đạo, quản lý các cấp theo Quyết định số 2282/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2021-2030”; tổ chức Đoàn công tác đi học tập kinh nghiệm và giao lưu thanh niên tại Hàn Quốc năm 2024.

Các địa phương tập trung triển khai nhiệm vụ quản lý nhà nước về thanh niên năm 2024; xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân về triển khai Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; triển khai các nhiệm vụ liên quan về công tác cán bộ nữ, dân chủ dân vận, nông thôn mới, dân tộc, giảm nghèo..., tiêu biểu như: Hà Giang, Quảng Ninh, Hưng Yên, Quảng Ngãi, Bình Định, Bình Phước, Đồng Tháp; Vĩnh Long, Ninh Thuận, Khánh Hòa, Thái Nguyên.

## 10. Quản lý hội, quỹ và tổ chức phi chính phủ

Tập trung xây dựng, hoàn thiện thể chế về lĩnh vực quản lý hội, quỹ, Bộ Nội vụ đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình hoạt động của các hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện năm 2023<sup>35</sup>. Thực hiện việc thẩm định, phê duyệt hồ sơ thành lập, hồ sơ tổ chức Đại hội của các hội<sup>36</sup>, các quỹ xã hội, quỹ từ thiện<sup>37</sup> theo đúng quy định pháp luật; triển khai Kế hoạch kiểm tra công tác quản lý nhà nước về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện năm 2024; tập trung tham mưu giải quyết các vụ việc phức tạp trong các hội, như: Hội Chiến sỹ thành cổ Quảng Trị năm 1972, Hiệp hội Yên sào Việt Nam, Hội những người lao động sáng tạo Việt Nam; tổ chức phát động thi đua và hướng dẫn khen thưởng đối với công tác hội, quỹ năm 2024.

Công tác quản lý nhà nước về hội, quỹ và tổ chức phi chính phủ đã bảo đảm hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích; phát huy tích cực vai trò các tổ chức Hội trong đoàn kết, tập hợp và tham gia đóng góp mục tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Về lĩnh vực quản lý hội, quỹ các địa phương triển khai thực hiện tốt gồm: Hà Nội, Yên Bái, Hải Dương, Cần Thơ...

## 11. Công tác thanh tra, pháp chế

### a) Công tác thanh tra, kiểm tra

Trong 6 tháng đầu năm 2024, Bộ Nội vụ đã tiếp nhận và xử lý **767** đơn, trong đó có **264** đơn tố cáo, **117** đơn khiếu nại và **386** đơn kiến nghị phản ánh, tất cả các đơn thư đều được tiếp nhận, xem xét, giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và thời hạn theo luật định. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ, Bộ Nội

<sup>35</sup> Báo cáo số 1625/BC-BNV ngày 25/3/2024 và Báo cáo số 124/BC-BNV ngày 29/3/2024.

<sup>36</sup> Gồm **04** Quyết định về thành lập hội, quỹ (Liên đoàn Triathlon Việt Nam, Liên đoàn Thuyền máy thể thao Việt Nam và công nhận Quỹ đủ điều kiện hoạt động: Quỹ Niềm tin vàng; Quỹ Từ thiện vì cộng đồng).

<sup>37</sup> Gồm **17** Quyết định phê duyệt Điều lệ: Hội Khoa học phát triển nguồn nhân lực, nhân tài Việt Nam; Liên đoàn Judo Việt Nam; Liên đoàn Cờ tướng Việt Nam; Hội Y học giới tính Việt Nam; Hội Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ Việt Nam; Hội Toán học Việt Nam; Hội Điện Quang và Y học hạt nhân Việt Nam; Hội Nội thất Việt Nam; Hiệp hội Thể Thao Công an nhân dân Việt Nam; Hiệp hội ngành hàng lúa gạo Việt Nam; Hiệp hội Nhựa Việt Nam; Hội Hậu môn - Trực tràng Việt Nam; Hiệp hội Bưu chính Việt Nam; Hiệp hội Tinh dầu - Hương liệu - Mỹ phẩm Việt Nam; Hội Chấn thương chỉnh hình Việt Nam; Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam; Hội Khoa học kỹ thuật Bảo vệ thực vật Việt Nam.

vụ đã tiến hành kiểm tra tình hình công chức, viên chức thôi việc, bỏ việc, việc chấp hành kỷ cương, kỷ luật công vụ liên quan đến người dân và doanh nghiệp tại thành phố Hà Nội, thành phố Cần Thơ, tỉnh Bình Dương. Tổ chức thanh tra tại các bộ, ngành, địa phương theo Kế hoạch năm 2024<sup>38</sup>.

Qua công tác thanh tra, kiểm tra tại các bộ, ngành, địa phương đã phát huy tốt chức năng, nhiệm vụ, góp phần nâng cao hiệu quả và kỷ cương, kỷ luật, công vụ; phát hiện những tồn tại, hạn chế trong cơ chế, chính sách và áp dụng pháp luật để báo cáo cấp thẩm quyền xem xét, sửa đổi các quy định pháp luật cho phù hợp; phát hiện và kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý trách nhiệm, thu hồi các quyết định vi phạm pháp luật.

Để nâng cao kỷ luật, kỷ cương, chủ động phòng ngừa vi phạm trong thực thi công vụ, Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố đã chủ động xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2024 và trong 6 tháng đầu năm đã tổ chức **543** cuộc thanh tra, kiểm tra thuộc lĩnh vực Nội vụ (gồm **101** cuộc thanh tra và **442** cuộc kiểm tra).

#### *b) Công tác pháp chế*

Đã ban hành và tổ chức thực hiện bảo đảm hiệu lực, hiệu quả **08** Chương trình, kế hoạch công tác<sup>39</sup>; rà soát gần **1.000** văn bản QPPL và công bố kết quả hệ thống hóa văn bản QPPL lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ giai đoạn 2019-2023; tổ chức **05** đoàn kiểm tra công tác thi hành pháp luật kết hợp kiểm tra văn bản QPPL<sup>40</sup>; tham gia ý kiến đối với **72** Phiếu ý kiến Thành viên Chính phủ; góp ý đối với **136** văn bản QPPL (gồm: 26 dự án và hồ sơ đề nghị xây dựng Luật phục vụ 05 Phiên họp Chính phủ chuyên đề xây dựng pháp luật; 48 dự thảo Nghị định và 62 dự thảo Thông tư của Bộ, ngành); thực hiện kiểm tra **310** văn bản QPPL do HĐND, UBND cấp tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực nội vụ; đã tổ chức biên soạn tài liệu phổ biến, tuyên truyền thể chế, chính sách lĩnh vực Nội vụ.

Công tác thanh tra, pháp chế 6 tháng đầu năm 2024 đạt được kết quả tích cực, kịp thời rà soát, điều chỉnh, kiến nghị, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung văn bản QPPL lĩnh vực Nội vụ cho phù hợp, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, khả thi, thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; đồng thời tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm CBCCVN suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của ngành Nội vụ.

<sup>38</sup>Các bộ, ngành, địa phương: Hưng Yên; Thái Nguyên; Hậu Giang; Yên Bái; Trà Vinh, Quảng Trị; Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Bộ Thông tin và Truyền thông. Thông báo kết thúc theo dõi việc thực hiện Kết luận thanh tra đối với UBND tỉnh Tiền Giang, UBND tỉnh Ninh Thuận, Thông tấn xã Việt Nam, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

<sup>39</sup>Quyết định số 14/QĐ-BNV ngày 10/01/2024 ban hành Chương trình xây dựng VBQPPL năm 2024 của Bộ Nội vụ; Quyết định số 26/QĐ-BNV ngày 16/01/2024 ban hành Kế hoạch hợp nhất VBQPPL năm 2024; Quyết định số 29/QĐ-BNV ngày 17/01/2024 ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2024 của Bộ Nội vụ; Quyết định số 52/QĐ-BNV ngày 29/01/2024 ban hành Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến thể chế, chính sách thuộc lĩnh vực Nội vụ năm 2024; Quyết định số 73/QĐ-BNV ngày 02/02/2024 ban hành Kế hoạch thực hiện pháp điển hệ thống QPPL đối với 02 Đề mục: Cán bộ, công chức và Thực hiện dân chủ ở cơ sở; Quyết định số 74/QĐ-BNV ngày 02/02/2024 ban hành Kế hoạch kiểm tra trực tiếp văn bản quy phạm pháp luật tại các bộ, ngành và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

<sup>40</sup> Tại 04 tỉnh: Bà Rịa-Vũng Tàu; Nghệ An; Sơn La; Tuyên Quang và Bộ Quốc phòng.

## 12. Hoạt động đối ngoại, nghiên cứu khoa học; công nghệ thông tin; công tác chuyển đổi số; tuyên truyền

a) Công tác đối ngoại trong 6 tháng đầu năm 2024 diễn ra sôi động, nhiều hoạt động hợp tác có ý nghĩa chiến lược, quan trọng góp phần nâng tầm vai trò, vị thế của Bộ, ngành Nội vụ, như: Tổ chức Đoàn công tác do Bộ trưởng Bộ Nội vụ thăm và làm việc chính thức tại nước CHDCND Lào<sup>41</sup>; triển khai hợp tác với các cơ quan, tổ chức quốc tế theo Kế hoạch<sup>42</sup>.

b) Hoạt động nghiên cứu khoa học 6 tháng đầu năm 2024 tiếp tục bám sát việc hoàn thiện cơ sở lý luận, luận cứ khoa học phục vụ công tác xây dựng thể chế, chính sách và nâng cao chất lượng quản lý nhà nước ngành Nội vụ; triển khai quy trình thực hiện đề tài, dự án từ khâu xét duyệt, tổ chức nghiệm thu và công nhận kết quả thực hiện đề tài đảm bảo chất lượng tốt<sup>43</sup>. Làm tốt công tác đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội và bồi dưỡng CBCCVN trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước.

c) Công tác chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông của ngành Nội vụ

Xác định công tác chuyển đổi số và tạo lập cơ sở dữ liệu chuyên ngành là nhiệm vụ chính trị quan trọng góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước của ngành Nội vụ, Bộ Nội vụ đã ưu tiên, tập trung nguồn lực để triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số ngay từ đầu năm 2024. Theo đó, đã ban hành Danh mục điện tử dùng chung ngành Nội vụ; tổ chức rà soát, thống kê số lượng công chức, viên chức của Bộ Nội vụ có chuyên ngành công nghệ thông tin làm cơ sở huy động tối đa, hiệu quả nguồn nhân lực tại chỗ phục vụ triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số của Bộ. Tính đến ngày 30/6/2024, 100% các bộ, ngành, địa phương đã hoàn thành kết nối, đồng bộ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVN; tổng số dữ liệu được đồng bộ đạt **2.292.771** hồ sơ (*gồm 261.800 hồ sơ của bộ, ngành và 2.030.971 hồ sơ của địa phương*); đã phối hợp với Bộ Công an đối khớp được tổng cộng **861.903** hồ sơ CBCCVN từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVN với Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư trong tổng số **1.051.938** hồ sơ đã

<sup>41</sup> Kế hoạch số 711/KH-BNV ngày 07/02/2024 của Bộ Nội vụ.

<sup>42</sup> Triển khai Đề án “*Tăng cường hợp tác với các đối tác Hàn Quốc đến năm 2030*” của cơ quan Bộ Nội vụ năm 2024; Kế hoạch triển khai “*Đề án phát triển quan hệ với các đối tác Nhật Bản đến năm 2030*” của cơ quan Bộ Nội vụ năm 2024; Kế hoạch triển khai thực hiện Bản ghi nhớ hợp tác giai đoạn 2023-2026 giữa Bộ Nội vụ Việt Nam và Bộ Nội vụ Lào; Kế hoạch triển khai Đề án “*Tăng cường hợp tác quốc tế về xây dựng nền công vụ giai đoạn 2022-2026*” năm 2024; Kế hoạch Hợp tác quốc tế của Cơ quan Bộ Nội vụ năm 2024; tiếp tục triển khai ký kết bản ghi nhớ hợp tác với Bộ Phát triển địa phương Ai Cập. Tổ chức buổi chào xã giao và làm việc của Lãnh đạo Bộ với Trưởng đại diện Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA); Đoàn công tác Cơ quan Giáo dục quốc tế Canada; Đại sứ Các tiểu vương quốc Ả-rập thống nhất (UAE); Đại diện thường trú Tòa thánh Vatican tại Việt Nam; Viện Nghiên cứu Chính sách Quốc gia Nhật Bản (GRIPS); JCLAIR Singapore; Đại sứ quán Pháp; trường Đại học Hiroshima (HU).

<sup>43</sup> Tổ chức công nhận kết quả thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ; Báo cáo kết quả nghiên cứu kinh nghiệm một số quốc gia trên thế giới về xây dựng Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức; Báo cáo kinh nghiệm về tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương một số quốc gia trên thế giới; báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị; Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của BCHTW Đảng; tổ chức nghiệm thu, triển khai các đề tài, đề án, dự án theo kế hoạch.

được phê duyệt. Đồng thời đã ban hành văn bản hướng dẫn một số yêu cầu, tính năng cơ bản của hệ thống quản lý CBCCVC làm cơ sở để các bộ, ngành và địa phương triển khai thực hiện đồng bộ và thống nhất trong toàn quốc. Các bộ, ngành, địa phương đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, hoàn thành việc cập nhật, bổ sung và đồng bộ dữ liệu với CSDLQG về CBCCVC bảo đảm “*đúng, đủ, sạch, sống*”, tiêu biểu như: Bắc Giang, Thái Bình, Bình Thuận, Cà Mau, Đắk Nông, Đồng Tháp, Hải Phòng, Kon Tum, Ninh Bình, Lâm Đồng; Quảng Ngãi, Thừa Thiên Huế; Yên Bái.

Bộ Nội vụ đã phối hợp với Cục C06 - Bộ Công an, Đại học Bách Khoa Hà Nội tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho CBCCVC ngành Nội vụ và hỗ trợ tạo lập CSDL chuyên ngành Nội vụ với sự tham gia của 19.134 học viên của bộ, ngành, địa phương, qua đó góp phần nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, các dịch vụ công thiết yếu, các công nghệ phục vụ chuyển đổi số, an ninh và an toàn thông tin trong không gian số.

Tích cực đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, chủ động đấu tranh, phản bác với các thông tin sai lệch, định hướng các vấn đề dư luận xã hội quan tâm liên quan ngành Nội vụ.

## II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

### 1. Ưu điểm

Ngay từ đầu năm, Bộ Nội vụ và các địa phương đã xác định công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách là nhiệm vụ trọng tâm, cốt lõi, là nhiệm vụ chính trị quan trọng phải ưu tiên, tập trung nguồn lực để thực hiện; công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành có nhiều đổi mới, quyết liệt, đề cao trách nhiệm người đứng đầu, cá thể hóa trách nhiệm đến từng cá nhân, theo đó đã đề xuất sửa đổi, bổ sung nhiều chính sách pháp luật thuộc lĩnh vực Nội vụ bảo đảm tính khả thi, đến nay các quy định pháp luật đã cơ bản đồng bộ, thống nhất, liên thông với các quy định của Đảng.

Các địa phương đã chủ động phối hợp với Bộ Nội vụ để kịp thời tham mưu cấp có thẩm quyền về sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025; triển khai VTVL gắn tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ CBCCVC; tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra tại các bộ, ngành, địa phương góp phần nâng cao hiệu quả và kỷ cương, kỷ luật công vụ; chủ động phát hiện những tồn tại, hạn chế trong cơ chế, chính sách, pháp luật để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, sửa đổi.

Chủ động, tích cực tham mưu Chính phủ, Ban chỉ đạo cải cách chính sách tiền lương triển khai cải cách chính sách tiền lương theo lộ trình hợp lý, từng bước, thận trọng, chắc chắn, khả thi và hiệu quả được CBCCVC, lực lượng vũ trang và xã hội thống nhất, đồng thuận cao, thiết thực góp phần nâng cao đời sống các đối tượng hưởng lương và chính sách trợ cấp, phụ cấp nhiều đối tượng liên quan.

Đẩy mạnh cải cách công vụ, công chức nhằm xây dựng đội ngũ CBCCVC có đủ phẩm chất, trình độ năng lực và cơ cấu hợp lý đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; quán triệt tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ, không né tránh, đùn đẩy trách nhiệm trong xử lý công việc; thực hiện nghiêm kỷ cương, kỷ luật hành chính trong

cơ quan nhà nước và văn hoá công vụ.

Công tác CCHC được triển khai quyết liệt, đặc biệt là cải cách TTHC. Thành tựu đạt được của công tác CCHC trong những năm qua của các bộ, ngành, địa phương cơ bản đã được định lượng, thể hiện thông qua kết quả điểm, xếp hạng chỉ số CCHC hàng năm. Đây là thước đo quan trọng giúp các bộ, ngành, địa phương xác định rõ thế mạnh, điểm yếu trong thực hiện CCHC, từ đó có giải pháp nâng cao chất lượng CCHC và cụ thể hóa trách nhiệm đến từng cá nhân, tổ chức, người đứng đầu của cơ quan, đơn vị. Các địa phương đã cơ bản hoàn thành triển khai hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh trên cơ sở hợp nhất công dịch vụ công và hệ thống một cửa điện tử.

Công tác thi đua, khen thưởng được các địa phương quan tâm, chủ động, sát sao từ những ngày đầu năm theo hướng tôn vinh, khen thưởng, biểu dương đối tượng lao động trực tiếp. Công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo được duy trì ổn định, tuân thủ pháp luật, chủ động nắm tình hình, kịp thời tham mưu giải quyết các vấn đề phức tạp về tín ngưỡng, tôn giáo và thường xuyên hướng dẫn các tổ chức tôn giáo hoạt động theo đúng đường hướng, phương châm hành đạo; đặc biệt là công tác đấu tranh để Hoa Kỳ đưa Việt Nam ra khỏi danh sách quan tâm đặc biệt về tôn giáo (SWL). Công tác văn thư, lưu trữ, quản lý hội, quỹ và tổ chức phi chính phủ, công tác thanh niên, thanh tra, pháp chế, nghiên cứu khoa học... đã có nhiều đổi mới, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực Nội vụ.

## **2. Tồn tại, hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đạt được, ngành Nội vụ thẳng thắn nhìn nhận vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục trong thời gian tới, đó là:

- Công tác triển khai thực hiện một số văn bản QPPL thuộc lĩnh vực Nội vụ chưa kịp thời, công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn triển khai các chính sách mới đã ban hành còn hạn chế; công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị tuy đã được cải thiện nhưng chưa đáp ứng yêu cầu đề ra.

- Việc triển khai sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã một số địa phương còn chậm; việc sắp xếp ĐVSNCL và đẩy mạnh tự chủ đạt kết quả hạn chế nên số biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước khó giảm 10% theo Nghị quyết của Trung ương và quyết định giao của Bộ Chính trị.

- Vẫn còn tình trạng CBCCVC có biểu hiện né tránh, đùn đẩy công việc, sợ trách nhiệm, không dám tham mưu, đề xuất xử lý công việc, né tránh trách nhiệm, không thực hiện công việc thuộc thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao dẫn đến chậm tiến độ, giảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và niềm tin của doanh nghiệp, người dân.

## **3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế**

- Công tác xây dựng thể chế thuộc lĩnh vực Nội vụ có tính chất phức tạp, nhiều điểm mới, đối tượng phạm vi rộng liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực do đó cần thời gian để nghiên cứu, đối sánh dữ liệu, nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế,

lấy ý kiến góp ý các bộ, ngành, địa phương, chuyên gia, nhà khoa học. Bên cạnh đó, cấp có thẩm quyền giao bổ sung, đột xuất nhiều nhiệm vụ ngoài kế hoạch, chương trình công tác.

- Một số bộ, ngành có phạm vi quản lý rộng, đối tượng đa dạng, phức tạp và có nhiều cấp quản lý, nhiều tổ chức đầu mối trực thuộc nên việc phê duyệt VTVL chưa bảo đảm so với tiến độ theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo. Do tính chất phức tạp, phụ thuộc vào đặc thù ngành, lĩnh vực, địa bàn, dẫn tới chưa hoàn thiện được bản mô tả VTVL và khung năng lực của từng VTVL bảo đảm khoa học, thống nhất.

- Ý thức trách nhiệm, tinh thần, thái độ làm việc và kỷ cương, kỷ luật hành chính của một số CBCCVN chưa cao; có lối sống, đạo đức chưa chuẩn mực làm ảnh hưởng xấu đến uy tín của tổ chức, cá nhân; có biểu hiện, hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trong thực thi công vụ.

## **Phần II**

### **NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024**

#### **I. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CHUNG**

Bộ Nội vụ và các địa phương tập trung thực hiện nhiệm vụ được giao tại các Nghị quyết của Trung ương, Quốc hội, UBTWQH và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong đó trọng tâm là hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật của ngành Nội vụ; đẩy mạnh cải cách công vụ, công chức, CCHC và phân cấp, phân quyền trong tất cả các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực Nội vụ; tăng cường tự chủ ĐVSNCL và thúc đẩy xã hội hoá dịch vụ công; tổ chức triển khai có hiệu quả sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025; thực hiện tốt chính sách đối với cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở xã, ở thôn, tổ dân phố, cụ thể như sau:

**1.** Tập trung, ưu tiên nguồn lực xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách như: (1) Xây dựng hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức; Luật Tổ chức Chính phủ; Luật Tổ chức chính quyền địa phương; (2) Trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, ban hành Nghị quyết về sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của các địa phương; (3) Trình Chính phủ xem xét, ban hành **10** Nghị định; (4) Ban hành theo thẩm quyền **11** Thông tư thuộc lĩnh vực Nội vụ (*Chi tiết tại Phụ lục 2*).

**2.** Quyết liệt đôn đốc các địa phương hoàn thành Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 trình UBTWQH xem xét, thông qua trong tháng 9/2024 để địa phương ổn định, tổ chức Đại hội Đảng ở cơ sở năm 2025; hướng dẫn tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện sắp xếp, chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư, xử lý tài sản công theo quy định pháp luật.

3. Triển khai các nội dung cải cách chính sách tiền lương theo Kết luận số 83-KL/TW ngày 21/6/2024 của Bộ Chính trị và Nghị quyết của Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV; kịp thời đôn đốc, hướng dẫn tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, nhất là những nội dung mới liên quan quản lý tiền lương, tiền thưởng của CBCCVC và lực lượng vũ trang.

4. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030, trong đó đẩy mạnh cải cách TTHC và xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số. Triển khai Kế hoạch xác định Chỉ số CCHC của các bộ, cơ quan ngang bộ và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2024; Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2024; tăng cường kiểm tra thực hiện công tác CCHC tại các bộ, ngành, địa phương.

5. Kiên trì thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong của các cơ quan, đơn vị và ĐVSNCL của bộ, ngành, địa phương bảo đảm mục tiêu, tiến độ của Ban Chỉ đạo đổi mới sắp xếp tổ chức bộ máy của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

6. Đẩy mạnh cải cách công vụ, công chức, tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện mô hình chế độ công vụ theo hướng năng động, linh hoạt, hiệu quả, thực tài để xây dựng môi trường làm việc công bằng, chuyên nghiệp, văn minh, hiện đại; hoàn thiện chế độ, chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng vào làm việc trong cơ quan hành chính, ĐVSNCL; nâng cao đạo đức, văn hóa công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với trách nhiệm người đứng đầu cơ quan; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công vụ để chấn chỉnh việc né tránh, đùn đẩy trách nhiệm của CBCCVC trong thực thi công vụ.

7. Tập trung triển khai Kế hoạch tổ chức Đại hội Thi đua yêu nước các cấp, các ngành tiến tới Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ XI năm 2025; thực hiện tốt, có hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng, nhất là các phong trào thi đua trên cả nước, bảo đảm thực chất, lan tỏa rộng khắp trong cộng đồng.

8. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo, nhất là các biểu hiện phức tạp (*việc tu tập, phát ngôn, truyền đạo trên không gian mạng...*), mâu thuẫn nội bộ tôn giáo, khiếu kiện đất đai tôn giáo; lĩnh vực văn thư, lưu trữ; công tác thanh niên; quản lý hội quy; thanh tra, pháp chế; hợp tác quốc tế; thông tin truyền thông và chuyển đổi số của ngành Nội vụ.

9. Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, tập trung hoàn thành các cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ; đồng thời, tiếp tục phối hợp với các bộ, ngành, địa phương cập nhật, bổ sung làm giàu CSDLQG về CBCCVC để đưa vào sử dụng, khai thác phục vụ hiệu quả công tác quản lý CBCCVC; tiếp tục triển khai tập huấn, bồi dưỡng trên nền tảng đào tạo trực tuyến mở (MOOC) về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực Nội vụ cho đội ngũ CBCCVC của Bộ và ngành Nội vụ.

## II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG

**1.** Tập trung triển khai thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025; chủ động giải quyết các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; báo cáo về những vấn đề khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền của địa phương để kịp thời tháo gỡ, hướng dẫn và sửa đổi, bổ sung các quy định cho phù hợp.

**2.** Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW của Trung ương bảo đảm đáp ứng tiêu chí thành lập tổ chức theo quy định của Chính phủ; sắp xếp thu gọn đầu mối và nâng cao mức độ tự chủ về tài chính đối với các ĐVSNCL và thực hiện tổ chức lại, giải thể các ĐVSNCL hoạt động không hiệu quả theo Nghị quyết số 19-NQ/TW của Trung ương. Thực hiện các quy định về quản lý biên chế, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ CBCCVC theo VTVL. Hoàn thiện cơ chế tự chủ, chính sách khuyến khích xã hội hóa để tiếp tục đẩy mạnh tự chủ đối với ĐVSNCL và thúc đẩy xã hội hóa hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công.

**3.** Đẩy mạnh cải cách công vụ, công chức, triển khai đồng bộ các quy định về quản lý CBCCVC; triển khai VTVL gắn với quản lý biên chế, tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của từng cấp chính quyền phù hợp với quy định.

**4.** Tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính, xử lý nghiêm, kịp thời CBCCVC có vi phạm, khắc phục kịp thời tình trạng CBCCVC đùn đẩy, né tránh, trách nhiệm trong giải quyết công việc được giao. Thực hiện tốt công tác đánh giá, xếp loại CBCCVC năm 2024 bảo đảm thực chất, dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp thẩm quyền giao; đồng thời biểu dương, khen thưởng kịp thời đối với tổ chức, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

**5.** Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về CCHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông gắn với rà soát, đơn giản hoá TTHC; tập trung giải quyết ổn định các vụ việc phức tạp liên quan đến tôn giáo trên địa bàn; đồng thời tăng cường công tác QLNN về tín ngưỡng, tôn giáo và giải quyết nhu cầu sinh hoạt tôn giáo của các tổ chức, cá nhân thuần túy tôn giáo đúng quy định.

Trên đây là báo cáo kết quả công tác 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2024 của ngành Nội vụ./.

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC CÁC VĂN BẢN, ĐỀ ÁN TRÌNH CẤP THẨM QUYỀN VÀ**  
**THÔNG TƯ CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ BAN HÀNH TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024**  
*(Kèm theo Báo cáo số: BC-BNV ngày tháng 7 năm 2024)*

STT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
<b>I.</b>	<b>VĂN BẢN, ĐỀ ÁN TRÌNH BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ (01 Báo cáo)</b>	
1.	Báo cáo về các nội dung cải cách tiền lương; điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội từ ngày 01/7/2024	Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 83-KL/TW ngày 21/6/2024.
<b>II.</b>	<b>TRÌNH QUỐC HỘI (01 Luật, 02 Báo cáo)</b>	
1.	Luật Lưu trữ (sửa đổi)	Ngày 21/6/2024, Quốc hội biểu quyết thông qua Luật Lưu trữ (sửa đổi) với tỷ lệ tán thành đạt: 93,84%.
2.	Báo cáo về các nội dung cải cách tiền lương; điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội từ ngày 01/7/2024	Quốc hội đã ban hành Nghị quyết Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khoá XV.
3.	Báo cáo giải trình ý kiến của các Đại biểu Quốc hội tại phiên thảo luận Tổ về các nội dung cải cách tiền lương; điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội từ ngày 01/7/2024	Báo cáo số 3668/BNV-TL ngày 26/6/2024.
<b>III.</b>	<b>TRÌNH QUỐC HỘI, ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI THÔNG QUA (02 Nghị quyết, 01 Báo cáo)</b>	
1.	Nghị quyết số 1012/NQ-UBTVQH15 ngày 19/3/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập phường An Điền, An Tây thuộc thị xã Bến Cát và thành lập thành phố Bến Cát thuộc tỉnh Bình Dương	
2.	Nghị quyết số 1013/NQ-UBTVQH15 ngày 19/3/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập, sắp xếp các phường thuộc thị xã Gò Công và thành lập thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang	
3.	Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 ngày 12/9/2022 về việc tiếp tục thực hiện chủ trương sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã	Báo cáo số 305/BC-CP ngày 13/6/2024

STT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
<b>IV.</b>	<b>TRÌNH CHÍNH PHỦ XEM XÉT, BAN HÀNH CÁC NGHỊ ĐỊNH, NGHỊ QUYẾT (04 Nghị định, 08 Nghị quyết)</b>	
1.	Nghị định số 07/2024/NĐ-CP ngày 01/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết việc bầu, tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức làm việc tại xã, thị trấn và cán bộ phường của Thành phố Hồ Chí Minh	
2.	Nghị định số 28/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang” và việc khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến	
3.	Nghị định số 29/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước	
4.	Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang	
5.	Nghị quyết số 24/NQ-CP ngày 20/02/2024 của Chính phủ về chế độ phụ cấp đặc biệt đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang công tác tại xã Chợ Chun và xã Đắc Tôi thuộc huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	
6.	Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 02/4/2024 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập	
7.	Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 04/5/2024 của Chính phủ về việc thông qua Tờ trình và Báo cáo của Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, giải quyết theo thẩm quyền các vướng mắc, khó khăn về thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025	
8.	Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 11/5/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TW của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới	
9.	Nghị quyết số 94/NQ-CP ngày 19/6/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá XIII về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc	
10.	Nghị quyết số 95/NQ-CP ngày 21/6/2024 của Chính phủ về việc báo cáo Quốc hội về các nội dung cải cách tiền lương, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công, trợ cấp xã hội từ ngày 01/7/2024	

STT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
11.	Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 29/6/2024 của Chính phủ về việc thông qua Tờ trình và Đề án của Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 của tỉnh Sóc Trăng	
12.	Nghị quyết số 100/NQ-CP ngày 29/6/2024 của Chính phủ về việc thông qua Tờ trình và Đề án của Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 của tỉnh Tuyên Quang	
<b>V.</b>	<b>TRÌNH THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ BAN HÀNH (12 Quyết định, 01 Công điện)</b>	
1.	Quyết định số 05/QĐ-BCĐ ngày 09/01/2024 của Ban Chỉ đạo thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo	
2.	Quyết định số 91/QĐ-TTg ngày 24/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung, kiện toàn thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương	
3.	Quyết định số 110/QĐ-TTg ngày 28/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ	
4.	Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai thực hiện chính sách cải cách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp	
5.	Quyết định số 139/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch xây dựng Quy hoạch tổng thể ĐVHC các cấp giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045	
6.	Quyết định số 220/QĐ-TTg ngày 04/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ	
7.	Quyết định số 42/QĐ-BCĐCCHC ngày 18/3/2024 của Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2024	
8.	Quyết định số 06/2024/QĐ-TTg ngày 05/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 27/2022/QĐ-TTg ngày 19/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Hành chính Quốc gia trực thuộc Bộ Nội vụ	
9.	Quyết định 48/QĐ-BCĐCCHC ngày 02/4/2024 của Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ về việc ban hành Quy chế hoạt động Ban Chỉ đạo cải cách hành chính Chính phủ	
10.	Quyết định 269/QĐ-TTg 2024 ngày 02/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết 20 năm thực hiện mô hình tổ chức bộ máy của Chính phủ	
11.	Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 12/6/2024 Chủ Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương	

STT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
12.	Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 19/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Phong trào thi đua “Chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước trong năm 2025	
13.	Công điện số 11/CĐ-TTg ngày 30/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc bảo đảm nếp sống văn minh, an toàn, tiết kiệm trong các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn và Lễ hội Xuân 2024	
<b>VI.</b>	<b>BAN HÀNH THEO THẨM QUYỀN THÔNG TƯ (06)</b>	
1.	Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.	
2.	Thông tư số 02/2024/TT-BNV ngày 12/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Nghị định số 28/2014/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang” và việc khen thưởng tổng kết kháng chiến.	
3.	Thông tư số 03/2024/TT-BNV ngày 13/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định phân cấp một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo của Bộ Nội vụ.	
4.	Thông tư số 04/2024/TT-BNV ngày 27/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức	
5.	Thông tư số 05/2024/TT-BNV ngày 27/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng lên hạng II và lên hạng I đối với viên chức hành chính, viên chức văn thư, viên chức lưu trữ; xếp lương đối với người được tuyển dụng, tiếp nhận vào viên chức	
6.	Thông tư 06/2024/TT-BNV ngày 27/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập	
<b>VII.</b>	<b>BAN HÀNH VĂN BẢN HỢP NHẤT (02)</b>	
1.	Văn bản hợp nhất số 1/VBHN ngày 08/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hợp nhất Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.	
2.	Văn bản hợp nhất số 2/VBHN ngày 12/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hợp nhất Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Hành chính Quốc gia trực thuộc Bộ Nội vụ.	



**Phụ lục II**  
**DANH MỤC CÁC VĂN BẢN, ĐỀ ÁN TRÌNH CẤP THẨM QUYỀN VÀ**  
**THÔNG TƯ CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ BAN HÀNH TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM**  
*(Kèm theo Báo cáo số: BC-BNV ngày tháng 7 năm 2024)*

STT	NỘI DUNG	Ghi chú
<b>I</b>	<b>VĂN BẢN, ĐỀ ÁN TRÌNH BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ (01)</b>	
1.	Tổng kết thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 07/4/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng và trình Bộ Chính trị xem xét ban hành Chỉ thị về công tác thi đua, khen thưởng trong tình hình mới	
<b>II</b>	<b>LUẬT (04)</b>	
1.	Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi) và Luật Viên chức (sửa đổi)	
2.	Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật hoạt động chữ thập đỏ	
3.	Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Chính phủ	
4.	Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức chính quyền địa phương	
<b>III</b>	<b>NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ (10)</b>	
1.	Nghị định sửa đổi, bổ sung các quy định về cấp phó tại Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020, Nghị định số 47/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020	Đã trình Chính phủ
2.	Nghị định phân cấp quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực cho Thành phố Hồ Chí Minh thay thế Nghị định số 93/2001/NĐ-CP	Đã trình Chính phủ
3.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 83/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	Đã trình Chính phủ
4.	Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội	
5.	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức	

STT	NỘI DUNG	Ghi chú
6.	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 93/2019/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/11/2019 quy định về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện	
7.	Nghị định về chính sách thu hút và trọng dụng người có tài năng vào cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập	
8.	Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ	
9.	Nghị định quy định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực lưu trữ	
10.	Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	
<b>IV</b>	<b>THÔNG TƯ CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ (11)</b>	
1.	Thông tư quy định về việc lập, quản lý hồ sơ địa giới ĐVHC	
2.	Thông tư hướng dẫn quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức vụ chỉ huy của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã	
3.	Thông tư hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và hội	
4.	Thông tư hướng dẫn thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã, phường, thị trấn già yếu nghỉ việc	
5.	Thông tư bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành	
6.	Thông tư quy định tặng Kỷ niệm chương về các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ	
7.	Thông tư hướng dẫn khoản 3 Điều 9 Nghị định số 103/2022/NĐ-CP ngày 12/12/2022 quy định về trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân	
8.	Thông tư hướng dẫn cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực lưu trữ	
9.	Thông tư quy định khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 34, khoản 7 Điều 36 Luật Lưu trữ	

STT	NỘI DUNG	Ghi chú
10.	Thông tư quy định chi tiết khoản 2 Điều 13, khoản 6 Điều 16, khoản 3 Điều 19, khoản 5 Điều 23, khoản 6 Điều 39, khoản 7 Điều 56 và khoản 1 Điều 65 Luật Lưu trữ	
11.	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 18/2014/TT-BNV quy định việc xác nhận phiên hiệu đơn vị thanh niên xung phong đã được thành lập và hoạt động trong các thời kỳ đối với đơn vị chưa được xác định phiên hiệu	
<b>V</b>	<b>CÁC VĂN BẢN, ĐỀ ÁN (05)</b>	
1.	Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh phong trào thi đua lập thành tích chào mừng đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ XI	
2.	Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục thực hiện các biện pháp đẩy lùi tình trạng đùn đẩy, né tránh, thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức	
3.	Sưu tầm tài liệu lưu trữ quý, hiếm của Việt Nam và về Việt Nam, giai đoạn 2025 - 2035	
4.	Trình Chính phủ đề trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội các đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 của các tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương	
5.	Trình Chính phủ báo cáo tổng kết 20 năm cơ cấu Chính phủ (2005-2025)	

## THAM LUẬN CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG

### 1. Sở Nội vụ tỉnh Nam Định

**Tham luận “Giải pháp tổ chức thực hiện tốt việc sắp xếp ĐVHC tại địa phương có sắp xếp ĐVHC cấp huyện và nhiều trường hợp sắp xếp, nhập ba xã thành một xã”**

Đối với Nam Định, trước khi thực hiện sắp xếp ĐVHC (ĐVHC) cấp huyện, cấp xã theo Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH), thì tỉnh Nam Định có diện tích tự nhiên 1.668,82 km<sup>2</sup>, quy mô dân số 2.252.283 người, có 10 ĐVHC cấp huyện (gồm 9 huyện và thành phố Nam Định); có 226 xã, phường, thị trấn (gồm 188 xã, 22 phường, 16 thị trấn). Trên cơ sở chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 tỉnh Nam Định đã quyết tâm, quyết liệt tổ chức triển khai thực hiện và đạt được những kết quả nổi bật như sau:

**Thứ nhất**, thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của tỉnh giai đoạn 2023-2025 với số lượng rất lớn; nhập 03 ĐVHC cấp xã thành 01 ĐVHC cấp xã mới, không thực hiện đặc thù trong sắp xếp ĐVHC:

(1) Nam Định là tỉnh đứng thứ 5 toàn quốc về số lượng ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023-2025:

- Cấp huyện: có 02 ĐVHC cấp huyện thực hiện sắp xếp là huyện Mỹ Lộc và thành phố Nam Định; trong đó huyện Mỹ Lộc là ĐVHC thuộc diện khuyến khích sắp xếp và thành phố Nam Định là ĐVHC cấp huyện liền kề có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp.

- Cấp xã: có 77 ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp (gồm 55 xã, 17 phường và 05 thị trấn); trong đó có 44 ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp (gồm 24 xã, 17 phường và 03 thị trấn), 02 ĐVHC cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp (gồm thị trấn Mỹ Lộc và xã Mỹ Hưng), 31 ĐVHC cấp xã liền kề có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp (gồm 30 xã và 01 thị trấn).

(2) Khi thực hiện sắp xếp 77 ĐVHC cấp xã thành 26 ĐVHC cấp xã mới, tỉnh Nam Định đa số sắp xếp, nhập 03 ĐVHC cấp xã thành 01 ĐVHC cấp xã, trong đó sắp xếp 75 ĐVHC cấp xã thành 25 ĐVHC cấp xã mới, chỉ có 02 ĐVHC cấp xã (thị trấn Mỹ Lộc và xã Mỹ Hưng) thành 01 ĐVHC cấp xã mới, không có ĐVHC thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp.

(3) Sau sắp xếp, tỉnh Nam Định có 09 ĐVHC cấp huyện (gồm 08 huyện và 01 thành phố), có 175 ĐVHC cấp xã (gồm 146 xã, 14 phường, 15 thị trấn); *giảm 01 ĐVHC cấp huyện, 51 ĐVHC cấp xã* (gồm 42 xã, 08 phường, 01 thị trấn).

**Thứ hai**, bảo đảm trình tự, thủ tục theo đúng quy định trong quá trình lập hồ sơ Đề án, đó là:

(1) Xây dựng Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã

- UBND tỉnh xây dựng Phương án tổng thể về sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025, báo cáo xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Ngày 20/10/2023, UBND tỉnh ban hành Phương án số 21 gửi Bộ Nội vụ xin ý kiến.

- Trên cơ sở ý kiến của Bộ Nội vụ và 13 bộ, cơ quan trung ương liên quan; ngày 22/01/2024, UBND tỉnh đã có Văn bản số 50/UBND-VP8 về báo cáo tiếp thu góp ý Phương án gửi Bộ Nội vụ và tổ chức xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025.

### (2) Xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã

- Căn cứ Phương án tổng thể đã được phê duyệt, UBND tỉnh giao Sở Nội vụ chủ trì xây dựng 02 Đề án: (i) Đề án nhập huyện Mỹ Lộc vào thành phố Nam Định và thành lập, sắp xếp ĐVHC cấp xã trực thuộc thành phố Nam Định, (ii) Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã tỉnh Nam Định giai đoạn 2023-2025.

- Cùng với triển khai xây dựng 02 Đề án trên, tỉnh Nam Định chủ động tiến hành đồng thời việc hoàn thiện các điều kiện, tiêu chuẩn (trong đó có trình tự, thủ tục liên quan đến quy hoạch và phân loại, rà soát đánh giá chất lượng đô thị) theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng, Bộ Nội vụ. Khi hoàn thiện hồ sơ Đề án trình Chính phủ, tỉnh đã có Quyết định phân loại đô thị, Báo cáo trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đối với khu vực dự kiến thành lập các phường<sup>44</sup>.

### (3) Tổ chức lấy ý kiến cử tri

Các địa phương tổ chức lấy ý kiến cử tri bắt đầu từ ngày 10/12/2023 và hoàn thành việc lấy ý kiến cử tri vào ngày 21/01/2024, bảo đảm phù hợp với đặc điểm dân cư, dân chủ, công khai và tuân thủ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị định số 54/2018/NĐ-CP và Nghị định số 66/2023/NĐ-CP của Chính phủ. Kết quả: Đa số cử tri đều đồng tình, ủng hộ, thống nhất cao với phương án sắp xếp, thành lập và tên gọi của các ĐVHC cấp huyện, cấp xã hình thành sau sắp xếp.

- Về nhập huyện Mỹ Lộc vào thành phố Nam Định: Tỷ lệ cử tri đồng ý: thành phố Nam Định đạt 99,73%; huyện Mỹ Lộc đạt 95,89%.

- Về thành lập, sắp xếp ĐVHC cấp xã trực thuộc: có 75/77 đơn vị tỷ lệ cử tri đồng ý từ 90% trở lên (trong đó có 05 đơn vị tỷ lệ cử tri đồng ý 100%); có 02/77 đơn vị tỷ lệ cử tri đồng ý từ 85% trở lên.

(4) Hội đồng nhân dân các cấp thông qua chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã sau khi các huyện và thành phố Nam Định hoàn thành việc thông qua chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã từ ngày 22/12/2023 đến ngày

<sup>44</sup> Đối với các xã, thị trấn liên quan đến việc sắp xếp ĐVHC của 04 ĐVHC nông thôn cấp xã với ĐVHC đô thị cùng cấp để hình thành ĐVHC đô thị mới: Ngày 23/02/2024, UBND tỉnh Nam Định ban hành các Quyết định số 402, 403, 404 và 405 công nhận thị trấn đạt tiêu chí loại V đối với thị trấn Yên Định, thị trấn Cồn, huyện Hải Hậu; thị trấn Giao Thủy, huyện Giao Thủy; thị trấn Quý Nhất (mở rộng), huyện Nghĩa Hưng. Đối với khu vực dự kiến thành lập các phường thuộc thành phố Nam Định: Ngày 03/5/2024, Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 369/QĐ-BXD công nhận khu vực dự kiến thành lập các phường thuộc thành phố Nam Định (dự kiến mở rộng địa giới hành chính) đạt tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị. Đối với Đề án phân loại đô thị thành phố Nam Định: Ngày 05/5/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 379/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Nam Định (dự kiến mở rộng địa giới hành chính), tỉnh Nam Định đạt tiêu chí đô thị loại 2.

19/02/2024. Thực hiện Thông báo số 1053-TB/TU ngày 11/3/2024 của Tỉnh ủy thông báo ý kiến của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh, ngày 13/3/2024, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh thông qua chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã tỉnh Nam Định giai đoạn 2023-2025 tại kỳ họp thứ XVI ngày 13/3/2024. Kết quả: HĐND các cấp đã thông qua chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã với tỷ lệ đại biểu tán thành 100%.

**Thứ ba**, là tinh đầu tiên trình Bộ Nội vụ thẩm định Đề án, trước thời hạn đăng ký là 45 ngày Hồ sơ Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã tỉnh Nam Định giai đoạn 2023-2025 đã đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 9 Nghị quyết số 35 của UBTWQH. Ngày 14/3/2023, UBND tỉnh trình Bộ Nội vụ Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã tỉnh Nam Định giai đoạn 2023-2025; vượt trước 45 ngày so với văn bản đăng ký Bộ Nội vụ thời hạn nộp hồ sơ Đề án trước 30/4/2024. Ngày 03/4/2024, Đoàn công tác liên ngành do Bộ Nội vụ chủ trì đã tiến hành khảo sát hiện trạng các ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023- 2025, UBND tỉnh Nam Định đã khẩn trương tiếp thu đầy đủ ý kiến của Đoàn khảo sát liên ngành, hoàn thiện hồ sơ Đề án và là địa phương đầu tiên gửi hồ sơ Đề án đến Bộ Nội vụ để tổ chức Hội nghị thẩm định, bảo đảm tiến độ đề ra.

Để đạt được những kết quả nêu trên, tỉnh Nam Định đã triển khai đồng bộ kịp thời các giải pháp để thực hiện tốt việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025, cụ thể như sau:

**Một là**, quán triệt đầy đủ, kịp thời chủ trương của Đảng, Nghị quyết, Kết luận của Bộ Chính trị, các Nghị quyết của UBTWQH, Nghị quyết của Chính phủ; Tỉnh ủy, UBND tỉnh Nam Định đã khẩn trương, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức phổ biến, tuyên truyền, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong toàn hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở; sự đồng thuận, ủng hộ của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân.

- Cấp ủy, chính quyền các cấp tổ chức Hội nghị quán triệt, triển khai công tác sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025. Tổ chức quán triệt, phổ biến chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 đến chi bộ đảng. Chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, công tác tư tưởng để mỗi cán bộ, đảng viên, người dân đều nắm bắt và thực hiện đúng chủ trương của Đảng, Nhà nước; tạo sự thống nhất cao về nhận thức, sự đồng thuận của các tầng lớp nhân dân tại địa phương trong quá trình thực hiện sắp xếp.

- Các cấp, các ngành, địa phương chú trọng và đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền trong toàn hệ thống chính trị:

+ Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo, định hướng các cơ quan thông tin đẩy mạnh công tác tuyên truyền về triển khai thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030, đồng thời phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng bộ tài liệu tuyên truyền nội dung sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh.

+ Báo Nam Định, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh mở chuyên trang, chuyên mục về sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã tỉnh Nam Định.

+ Chính quyền địa phương cấp huyện, cấp xã đăng tải kịp thời, đầy đủ các thông tin liên quan đến sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên công (trang) thông tin điện tử của huyện, của xã; thông tin trên hệ thống đài truyền thanh của xã.

**Hai là, chỉ đạo quyết liệt, chủ động triển khai đồng bộ trong toàn hệ thống chính trị từ tỉnh tới cơ sở thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã**

- Tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh và 09 đơn vị cấp huyện về sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 do đồng chí Bí thư cấp ủy là Trưởng ban Chỉ đạo (trừ huyện Trục Ninh do không có đơn vị phải sắp xếp).

- Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo, lãnh đạo tổ chức thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã: Chỉ thị số 15 ngày 26/5/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 theo Kết luận 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị; Thông báo số 817 ngày 03/8/2023 của Tỉnh ủy thông báo Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 15/8/2023 về thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã tỉnh Nam Định giai đoạn 2023-2025; trong đó phân công rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của các cấp, các ngành trong thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã tỉnh Nam Định giai đoạn 2023-2025.

- Xác định trách nhiệm cụ thể của từng cơ quan, đơn vị, địa phương gắn với việc phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu (từ Bí thư chi bộ, Trưởng thôn (xóm), Tổ trưởng Tổ dân phố rồi đến Bí thư, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Giám đốc các sở, ngành, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan. Kết quả thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã là một tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu.

- Xác định cụ thể nội dung công việc, lộ trình tiến độ và thời điểm hoàn thành, kết quả thực hiện đối với từng công việc theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền trong thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 để kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở; đồng thời tập trung xử lý, tháo gỡ khó khăn ngay những vướng mắc để hoàn thành dứt điểm từng việc theo tiến độ đề ra.

*Ví dụ:* Đối với tổ chức lấy ý kiến cử tri, các địa phương phải hoàn thành trong thời gian trước Tết Âm lịch năm 2024 vì thời điểm đó cử tri tham gia với số lượng đầy đủ, tập trung.

**Ba là, ban hành chính sách hỗ trợ mang tính đột phá đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư sau sắp xếp**

- Tỉnh xây dựng phương án bố trí, sắp xếp cụ thể để giải quyết đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã, người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo lộ trình từng năm; trong đó có phương án điều động cán bộ, công chức lên các cơ quan, đơn vị của tỉnh, của cấp huyện, đến các đơn vị cấp xã còn thiếu.

- Ban hành chính sách đặc thù đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư: HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số

141/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 quy định về chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp ĐVHC cấp xã tỉnh Nam Định giai đoạn 2023-2025; trong đó nêu nghị trong thời gian 12 tháng kể từ ngày Nghị quyết của UBND tỉnh có hiệu lực thi hành thì được hưởng mức hỗ trợ tối đa 30 tháng lương.

***Bốn là, tạo sự đồng thuận về chính sách đối với người dân trong thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã***

- Tên gọi của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp được các địa phương nghiên cứu kỹ lưỡng, thấu đáo các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hoá, tôn giáo, tín ngưỡng trong quá trình đặt tên của ĐVHC sau sắp xếp, bảo đảm sự đồng thuận, thống nhất của người dân. Đa số cử tri nhất trí cao với dự kiến tên gọi của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp.

- Ổn định hệ thống y tế, giáo dục cơ sở: Giữ nguyên hiện trạng tổ chức bộ máy, nhân sự, cơ sở vật chất để không ảnh hưởng đến việc khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân và việc di chuyển của học sinh, đảm bảo chất lượng dạy và học; sử dụng hợp lý, tiết kiệm cơ sở vật chất hiện có của trạm y tế và của các trường.

- Xử lý tài sản công, xử lý trụ sở, tài sản công: Tỉnh đã lập danh sách và dự kiến phương án, lộ trình trong từng năm để giải quyết trụ sở, tài sản công dôi dư sau sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 nhằm giải quyết kịp thời, hiệu quả, hạn chế lãng phí, bảo đảm trong thời hạn 03 năm kể từ ngày Nghị quyết của UBND tỉnh về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của tỉnh Nam Định có hiệu lực thi hành phải hoàn thành việc sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công dôi dư trên địa bàn. Xử lý trụ sở công cấp xã theo nguyên tắc: 01 trụ sở cho Đảng ủy, HĐND, UBND cấp xã, 01 trụ sở cho Công an xã, 01 trụ sở cho thiết chế văn hóa cơ sở.

- Tạo sự công bằng, công khai trong phương án sắp xếp: Việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã tỉnh Nam Định đã được tích hợp vào quy hoạch tỉnh Nam Định theo Quyết định số 1729/QĐ-TTg ngày 28/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành phê duyệt Quy hoạch tỉnh Nam Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 17/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Nam Định đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050.

Sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển của đất nước, nhằm mở rộng không gian để quy hoạch, tập trung được các nguồn lực về đất đai, dân số, phát huy có hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương, phù hợp với yêu cầu đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Để đạt được những kết quả nổi bật trên, công tác sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã tỉnh Nam Định giai đoạn 2023 - 2030 được chuẩn bị và triển khai thực hiện rất chủ động, quyết liệt, bài bản, linh hoạt với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự chung tay, góp sức của các cấp, các ngành và các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh./.

## **2. Sở Nội vụ thành phố Hà Nội**

### **Tham luận về “Giải pháp thực hiện tốt việc sắp xếp ĐVHC tại địa phương có số lượng sắp xếp ĐVHC nhiều nhất cả nước giai đoạn 2023-2025”**

Thực hiện Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025; thành phố Hà Nội đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai tổ chức thực hiện nghiêm túc theo chủ trương, định hướng của Trung ương, song cũng phải đảm bảo đoàn kết, phát huy dân chủ, trách nhiệm của toàn hệ thống chính trị nhằm tạo sự thống nhất trong cán bộ, đảng viên và sự đồng thuận trong nhân dân.

Việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã ở Thủ đô đã không chỉ ảnh hưởng, tác động đến hệ thống chính trị và nhân dân Thủ đô mà còn tác động đến an ninh chính trị, sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; tác động đến tâm tư, tình cảm của nhân dân cả nước và bạn bè quốc tế. Với Hà Nội, những yếu tố là trung tâm chính trị, hành chính quốc gia; vị trí đặc biệt về quốc phòng - an ninh; truyền thống lịch sử, văn hóa, bản sắc, phong tục tập quán; trình độ phát triển đô thị; trình độ phát triển kinh tế; dân trí... là những tác động sâu sắc nhất. Đây không đơn thuần chỉ là các tiêu chí diện tích tự nhiên, dân số, do đó yêu cầu việc triển khai, tổ chức thực hiện phải được tiến hành khoa học, chặt chẽ, thận trọng, cụ thể:

Thành phố Hà Nội đã tổ chức các hội nghị quán triệt, triển khai thực hiện với Phương án tối ưu, khoa học và khả thi nhất; đáp ứng yêu cầu hiện tại và sự ổn định, phát triển lâu dài trong tương lai, sát với tình hình thực tiễn; trong triển khai đã có nhiều giải pháp thực hiện hiệu quả, nổi bật là:

### **1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo**

- Ban Thường vụ Thành ủy đã thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo trong đó giao trách nhiệm cho cơ quan thường trực là Sở Nội vụ nghiên cứu hướng dẫn, đôn đốc, rà soát, thẩm định và đề xuất phương án cụ thể đối với từng quận, huyện, thị xã.

- Ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn cũng như quyết định chính sách đặc thù như: Nghị quyết về chế độ cán bộ dôi dư hoặc cán bộ nghỉ hưu trước tuổi; xây dựng văn bản, hướng dẫn quy trình cách làm; hướng dẫn đề cương, đề án, các biểu mẫu. Chỉ đạo các Sở ban ngành liên quan như: Sở Tài chính, Tư pháp, Công an Thành phố... xây dựng văn bản hướng dẫn các địa phương triển khai các nội dung liên quan đến lĩnh vực chuyên môn để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

- Tổ chức làm việc với các địa phương, đơn vị về nội dung dự thảo phương án, đề án để có chỉ đạo thống nhất ngay từ đầu. Tại các buổi làm việc đều phải thuyết minh trên mô hình bản đồ gắn với các số liệu đánh giá về các tiêu chí liên quan để có cách nhìn toàn diện, thống nhất từ Thành phố đến địa phương. Qua đó tạo sự thống nhất cao trong xây dựng phương án.

- Tổ chức Hội nghị Cán bộ chủ chốt toàn Thành phố và triển khai đến cấp xã để phổ biến, quán triệt; đồng thời tăng cường tuyên truyền trên các phương tiện thông tin, truyền thông chính thức và mạng xã hội, các diễn đàn xã hội từ Thành phố đến cơ sở. Thường xuyên giao ban, đôn đốc tiến độ, giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

## **2. Về xây dựng phương án sắp xếp**

- Theo tiêu chí về diện tích tự nhiên, quy mô dân số: Thành phố Hà Nội có 173 xã, phường, thị trấn thuộc 26 quận, huyện, thị xã và quận Hoàn Kiếm thuộc diện sắp xếp.

- Căn cứ tiêu chí, tiêu chuẩn quy định và thực tiễn ở mỗi địa phương, các quận, huyện, thị xã xây dựng dự thảo theo phương án sắp xếp cụ thể gửi Sở Nội vụ rà soát, thẩm định, tham mưu, đề xuất phương án cụ thể để Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo tiến hành làm việc, cho ý kiến thống nhất hay điều chỉnh dự thảo phương án để trình Ban Chỉ đạo Thành phố. Tiếp theo, các quận, huyện báo cáo đề xuất bổ sung phương án theo góp ý của Tổ giúp việc để trình Ban Chỉ đạo Thành phố cho ý kiến trước khi trình Thường trực, Ban Thường vụ Thành ủy phê chuẩn chủ trương.

Đề án tổng thể sắp xếp ĐVHC của thành phố Hà Nội đã được HĐND Thành phố thông qua, tác động đến 130 xã, phường, thị trấn của 20 quận, huyện, thị xã; Phương án sắp xếp của Hà Nội sẽ giảm 61 xã, phường; có 03 địa phương (huyện Thanh Trì, Hoài Đức và Đan Phượng) xây dựng Đề án lên quận, thực hiện sắp xếp theo Đề án xây dựng huyện lên quận.

## **3. Triển khai phê duyệt Phương án - Đề án**

Sau khi Ban Chỉ đạo Thành phố, Thường trực, Ban Thường vụ Thành ủy đồng ý chủ trương; các quận, huyện, thị xã đã tập trung xây dựng phương án cụ thể và triển khai một số giải pháp rất cụ thể để tạo sự thống nhất trong cán bộ, đảng viên và đồng thuận trong nhân dân, đáng chú ý là:

### ***(1) Về phương án đặt tên ĐVHC mới sau sắp xếp***

- Đây là nội dung được nhân dân rất quan tâm, bởi việc đặt tên ĐVHC sau sắp xếp có liên quan đến các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hoá, tôn giáo, tín ngưỡng gắn với giá trị tinh thần, niềm tự hào của cộng đồng dân cư nơi sắp xếp. Trong quá trình triển khai xây dựng Đề án, Thành phố đã chỉ đạo các quận, huyện, thị xã xây dựng nguyên tắc đặt tên cho ĐVHC mới theo thứ tự ưu tiên về tên gọi: địa danh có yếu tố lịch sử văn hóa lâu đời; địa danh cũ; có chung đặc điểm về văn hóa; nếu không có các yếu tố trên thì ghép tên các ĐVHC cũ nhưng tên gọi mới phải đảm bảo các giá trị ngôn ngữ, có ý nghĩa và đặc điểm của địa bàn.

### ***(2) Về phương án bố trí, sắp xếp, phân công cán bộ, nhất là cấp trưởng, người đứng đầu tổ chức ở các địa phương phải sắp xếp và cán bộ dôi dư***

Thành phố đã chỉ đạo các quận, huyện, thị xã xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện, có phương án bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức thận trọng, khoa học,

khách quan, có tính nhân văn; vừa đáp ứng tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, công chức vừa phù hợp với năng lực, sở trường, vị trí công việc của từng CBCC, với một số chỉ đạo cụ thể:

- Dựa trên năng lực của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư của các cơ quan, tổ chức do sắp xếp ĐVHC cấp xã để xem xét tuyển dụng, điều động hoặc luân chuyển đến làm việc tại các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị của cấp huyện, ở địa phương khác trong Thành phố theo yêu cầu nhiệm vụ.

- Cán bộ, công chức đủ tuổi nghỉ hưu, gần đến tuổi nghỉ hưu, Thành phố cho nghỉ chế độ theo quy định pháp luật; cán bộ có nguyện vọng nghỉ công tác, chuyển công tác cũng được giải quyết kịp thời. Đồng thời, Thành phố sắp xếp, điều động cán bộ đáp ứng được yêu cầu, tiêu chuẩn từ nơi thừa sang nơi thiếu trong cùng địa giới hành chính cấp huyện.

- Ngoài các cơ chế, chính sách chung của Trung ương. Đối với cán bộ dôi dư; Thành phố đã ban hành Nghị quyết của HĐND Thành phố quy định chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách dôi dư nghỉ công tác khi sắp xếp ĐVHC.

Nhờ triển khai dân chủ, khách quan, khoa học nên đến nay CBCC và người hoạt động không chuyên trách ở các địa phương thực hiện sắp xếp đều thống nhất cao, chưa có đơn thư, khiếu nại, phản ánh để phản đối.

### ***(3) Về Phương án thay đổi tên gọi trong hồ sơ, giấy tờ có liên quan của tổ chức, công dân bị ảnh hưởng do sắp xếp***

Công an Thành phố, Sở Tư pháp và các sở, ngành có liên quan của Thành phố đã xây dựng phương án hỗ trợ tổ chức, công dân trong việc chuyển đổi hồ sơ, giấy tờ do sắp xếp ĐVHC. Cụ thể, Thành phố đã chỉ đạo sau khi thực hiện sắp xếp xong ĐVHC, các cơ quan có liên quan sẽ thực hiện làm thủ tục, hồ sơ cho tổ chức và cá nhân ngay tại thôn, tổ dân phố ở xã, phường, thị trấn và không thu lệ phí của tổ chức, cá nhân.

### ***(4) Phương án bố trí, sắp xếp, khai thác có hiệu quả trụ sở, cơ sở vật chất, tài sản, tài chính của các cơ quan, đơn vị***

Thành phố tiếp tục đẩy nhanh tiến độ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất, tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở các ĐVHC gắn với lộ trình thực hiện Đề án quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả tài sản công trên địa bàn Thành phố (qua rà soát có 182 cơ sở nhà, đất thuộc danh mục phải sắp xếp lại, xử lý nhà, đất).

Sở Tài chính đã rà soát xây dựng phương án quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả tài sản công trên địa bàn Thành phố đảm bảo huy động và sử dụng có hiệu quả trụ sở; khai thác tốt các cơ sở vật chất, tài sản

### ***(5) Tổ chức lấy ý kiến cử tri và thông qua HĐND các cấp***

Do việc xây dựng Phương án khoa học, chặt chẽ, đồng thời đã làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền về chủ trương, phương án sắp xếp tới đông đảo Nhân

dân Thủ đô nên phương án đã nhận được sự đồng thuận rất cao trong Nhân dân, thể hiện trong kết quả:

- Có 99,02% tổng số cử tri tham gia cho ý kiến về Đề án sắp xếp ĐVHC.
- Có 97,00% tổng số cử tri đồng ý với Đề án sắp xếp ĐVHC.
- Có 96,54% cử tri đồng ý tên gọi ĐVHC sau sắp xếp.

Sau khi có kết quả tổng hợp lấy ý kiến cử tri, HĐND các cấp đã tổ chức kỳ họp chuyên đề ban hành nghị quyết tán thành chủ trương sắp xếp ĐVHC trên địa bàn với tỷ lệ:

- Có 92 xã, thị trấn có 100% đại biểu HĐND đồng ý tán thành chủ trương.
- Có 20/20 quận, huyện, thị xã có 100% đại biểu HĐND đồng ý tán thành chủ trương.

Từ kết quả đồng thuận của Nhân dân, thống nhất của HĐND và tập thể lãnh đạo các quận, huyện, thị xã; UBND Thành phố đã trình HĐND Thành phố thông qua Đề án sắp xếp ĐVHC; HĐND Thành phố đã ban hành Nghị quyết tán thành chủ trương; UBND Thành phố đã trình Đề án lên Bộ Nội vụ thẩm định, báo cáo Chính phủ - Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét phê duyệt Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của thành phố Hà Nội.

Thực hiện sắp xếp ĐVHC là chủ trương lớn, việc làm khó, phức tạp, nhạy cảm, khối lượng công việc nhiều, yêu cầu tiến độ gấp, nhất là phải sớm hoàn thành để phục vụ Đại hội Đảng bộ các cấp và bầu cử Đại biểu Quốc hội, HĐND các cấp nhiệm kỳ tới. Sau khi có Nghị quyết của UBTW Quốc hội về sắp xếp ĐVHC của Hà Nội, Thành phố sẽ tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm đó là:

**Một là**, tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc sắp xếp ĐVHC nhằm xây dựng nền hành chính tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả cũng như tạo không gian phát triển hợp lý tại các địa phương và phục vụ Nhân dân được tốt hơn để tạo sự đồng thuận cao trong hệ thống chính trị và trong Nhân dân.

**Hai là**, tập trung thực hiện tốt việc sắp xếp, ổn định bộ máy, nhân sự tại các ĐVHC được sắp xếp, nhất là làm tốt công tác tư tưởng đối với cán bộ dôi dư và cán bộ, công chức, người lao động thuộc diện phải điều động sang đơn vị khác hoặc bố trí công tác khác nhằm ổn định tư tưởng, tâm lý của đội ngũ cán bộ, công chức sau sắp xếp; đồng thời lựa chọn cán bộ, công chức có phẩm chất, năng lực tốt để tiếp tục bố trí vào các vị trí người đứng đầu ĐVHC sau sắp xếp.

**Ba là**, giải quyết kịp thời chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư khi thực hiện sắp xếp ĐVHC.

**Bốn là**, tập trung bố trí, sắp xếp nhanh chóng, khai thác có hiệu quả đối với trụ sở, nhà, đất, tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở các ĐVHC sau sắp xếp gắn với lộ trình thực hiện Đề án quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả tài sản công trên địa bàn Thành phố.

*Năm là*, quan tâm, ưu tiên nguồn lực hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng phát triển kinh tế-xã hội, tạo lập môi trường và điều kiện sống tốt hơn cho người dân tại các địa phương thực hiện sắp xếp góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.

Để thực hiện có hiệu quả Đề án sắp xếp ĐVHC và các vấn đề có liên quan; trong thời gian tới, Sở Nội vụ Hà Nội kính mong lãnh đạo Bộ và các Vụ trực thuộc Bộ quan tâm hỗ trợ một số nhiệm vụ:

1) Sớm tổ chức thẩm định, trình Chính phủ về Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 của thành phố Hà Nội.

2) Thành phố Hà Nội vừa được Quốc hội phê duyệt quy hoạch phát triển kinh tế xã hội; Đồ án quy hoạch xây dựng; Luật Thủ đô (sửa đổi) và Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, xác định Thành phố có 05 huyện lên quận, xây dựng 03 thành phố thuộc Thủ đô (phía Bắc - Tây - Nam); các dự án giao thông đô thị chia cắt địa giới hành chính do đó trong tương lai sẽ có nhiều thay đổi về địa giới của các địa phương. Với xu hướng đó Thành phố tiếp tục sắp xếp các ĐVHC, kính mong nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của Bộ Nội vụ để thành phố Hà Nội hoàn thành nhiệm vụ được giao./.

### 3. Sở Nội vụ tỉnh Thanh Hóa

**Tham luận “Giải pháp giải quyết số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư, trụ sở công dôi dư khi nhập huyện Đông Sơn vào thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa”**

1. Tỉnh Thanh Hóa có diện tích 11.114 km<sup>2</sup>, dân số 4,29 triệu người. Toàn tỉnh có 27 đơn vị hành chính cấp huyện (gồm: 23 huyện, 02 thị xã và 02 thành phố), có 558 đơn vị hành chính cấp xã (gồm: 467 xã, 60 phường và 31 thị trấn). Trước thời điểm thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019-2021, tỉnh có 635 đơn vị hành chính cấp xã; là địa phương có số đơn vị hành chính cấp xã lớn nhất cả nước.

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII<sup>45</sup>, Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị<sup>46</sup>, Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội<sup>47</sup> và Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14/5/2019 của Chính phủ<sup>48</sup>, tỉnh Thanh Hóa đã triển khai hiệu quả việc sắp xếp các ĐVHC cấp xã trong giai đoạn 2019-2021. Theo đó, Tỉnh đã thực hiện sắp xếp 143 đơn vị thành 67 ĐVHC cấp xã, giảm 76 đơn vị (giảm 12%)<sup>49</sup>; đồng thời, Tỉnh đã thực hiện sắp xếp 3.184 thôn, tổ dân phố thành 1.564 thôn, tổ dân phố, giảm 1.620 thôn, tổ dân phố (giảm 26%).

Tiếp tục triển khai thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 theo Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ; đến nay, tỉnh Thanh Hóa đã hoàn thành việc xây dựng phương án, đề án tổng thể, tổ chức lấy ý kiến cử tri, thông qua HĐND cấp xã, cấp huyện; dự kiến sẽ trình HĐND tỉnh và hoàn chỉnh hồ sơ, đề án gửi Bộ Nội vụ trong tháng 7/2024. Theo đó, giai đoạn 2023-2025 Tỉnh sẽ sắp xếp, nhập 02 ĐVHC cấp huyện thành 01 đơn vị (nhập huyện Đông Sơn vào thành phố Thanh Hóa), sắp xếp 27 ĐVHC cấp xã thành 15 đơn vị (giảm 12 đơn vị). Tổng cả hai giai đoạn 2019-2021 và 2023-2025, tỉnh Thanh Hóa giảm 01 ĐVHC cấp huyện, 88 ĐVHC cấp xã.

2. Thành phố Thanh Hóa là vùng đất giàu truyền thống lịch sử, văn hóa, đã có từ cách đây hơn 4.000 năm, gắn liền với sự hình thành và phát triển của người Việt Cổ với những thành tựu rực rỡ của nền văn hóa Đông Sơn - một trong bốn nền văn hóa lớn của thời kỳ đồ đồng; được chọn là "ly sở" qua nhiều thời kỳ lịch sử; luôn giữ vai trò trọng yếu về chính trị, quân sự, kinh tế của tỉnh.

<sup>45</sup> Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

<sup>46</sup> Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã.

<sup>47</sup> Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019-2021.

<sup>48</sup> Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14/5/2019 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019-2021.

<sup>49</sup> Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH14 ngày 16/10/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Trong những năm qua, được sự quan tâm đầu tư của Trung ương và của tỉnh; thành phố Thanh Hóa đã có nhiều bước phát triển nhanh và toàn diện trên các tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội; được công nhận là đô thị loại I năm 2014; hoàn thành xây dựng nông thôn mới năm 2019. Đến nay, thành phố Thanh Hóa được đánh giá là một trong những thành phố hấp dẫn, năng động nhất khu vực Bắc Trung Bộ, một trong những đô thị có quy mô dân số, diện tích tự nhiên lớn nhất vùng Bắc Trung Bộ.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, sau hơn 15 năm thực hiện Quy hoạch chung xây dựng thành phố Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035; 12 năm điều chỉnh, mở rộng địa giới hành chính, quá trình xây dựng và phát triển thành phố Thanh Hóa đã bộc lộ những bất cập, hạn chế.

Trên cơ sở đó, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh khóa XIX nhiệm kỳ 2020-2025, đã xác định nhập huyện Đông Sơn vào thành phố Thanh Hóa nhằm mở rộng không gian đô thị, xây dựng và phát triển thành phố Thanh Hóa xứng tầm đô thị loại I, trung tâm chính trị - hành chính của tỉnh; trở thành một đô thị thông minh, văn minh, có bản sắc, trung tâm thương mại, du lịch, khoa học - công nghệ, công nghiệp công nghệ cao, y tế, văn hóa, giáo dục - đào tạo của vùng Bắc Trung Bộ và Nam Bắc Bộ; góp phần tinh gọn đầu mối tổ chức ĐVHC; xây dựng và phát triển Thanh Hoá trở thành tỉnh kiểu mẫu, trở thành một cực tăng trưởng mới của cả nước theo Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị.

Thực hiện nhiệm vụ nêu trên, từ năm 2022 đến nay, tỉnh Thanh Hóa đã triển khai đồng bộ, hiệu quả và hoàn thành các nội dung công việc có liên quan như: tổ chức quán triệt, thông tin, tuyên truyền để tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong cán bộ, đảng viên, Nhân dân trên địa bàn; lập, trình phê duyệt quy hoạch đô thị, chương trình phát triển đô thị, phân loại đô thị; rà soát, đánh giá hiện trạng, xây dựng phương án, đề án nhập huyện Đông Sơn vào thành phố Thanh Hóa; tổ chức lấy ý kiến cử tri; thông qua HĐND cấp xã, HĐND thành phố Thanh Hóa và huyện Đông Sơn (hoàn thành ngày 15/6/2024).

**3. Về công tác tổ chức bộ máy, bố trí, sắp xếp các chức danh lãnh đạo, quản lý, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;** sử dụng công sở khi nhập huyện Đông Sơn vào thành phố Thanh Hóa đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh Thanh Hóa xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm để trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, cụ thể ở một số giải pháp, nhiệm vụ như sau:

a) Về tổ chức bộ máy, bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động

Thực hiện kiện toàn tổ chức, bố trí sắp xếp trên cơ sở nguyên trạng tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của huyện Đông Sơn và thành phố Thanh Hóa theo Điều lệ Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các Đoàn thể chính trị - xã hội, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và hướng dẫn của cơ quan, tổ chức, đơn vị ngành dọc cấp trên.

Theo đó, sau khi sắp xếp, thành phố Thanh Hóa có 115 cán bộ, công chức (CBCC) thuộc các cơ quan quan đảng, mặt trận, đoàn thể chính trị - xã hội, 167 CBCC thuộc cơ quan chính quyền, 296 viên chức, người lao động thuộc các đơn vị sự nghiệp trực thuộc. Đối với số lượng cán bộ lãnh đạo quản lý; *cấp trưởng, cấp phó của cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp; công chức, viên chức dôi dư; từ thời điểm xây dựng Đề án - năm 2022, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và UBND tỉnh Thanh Hóa đã chỉ đạo về các giải pháp bố trí, sắp xếp, giải quyết như sau:*

**Thứ nhất,** tổ chức thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ, quy hoạch chức danh lãnh đạo quản lý thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh, của thành phố; xây dựng phương án bố trí CBCC; xác định số lượng, lộ trình, giải pháp, nhiệm vụ giải quyết số lượng cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) dôi dư.

**Thứ hai,** thực hiện tạm dừng bổ nhiệm, bầu cử các chức danh lãnh đạo quản lý; tuyển dụng, tiếp nhận CCVC; trường hợp đặc biệt, do yêu cầu công việc phải báo cáo, xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

**Thứ ba,** luân chuyển, điều động một số chức vụ lãnh đạo của thành phố Thanh Hóa và huyện Đông Sơn đến cơ quan, đơn vị, địa phương khác còn thiếu; theo đó, từ năm 2022 đến nay, tỉnh đã điều động, bổ nhiệm Phó Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần cấp nước Thanh Hóa; điều động, bổ nhiệm một số đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng các phòng chuyên môn giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng Ban Thi đua, khen thưởng, giới thiệu bầu cử giữ chức vụ Phó Chủ tịch UBND huyện Nông Cống, Trưởng phòng chuyên môn huyện Mường Lát...

**Thứ tư,** từng bước bố trí, sắp xếp, kiện toàn đội ngũ CBCC; chưa bầu hoặc bổ nhiệm bổ sung một số chức danh còn thiếu như: Phó Chủ tịch UBND huyện; Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra; Trưởng ban Dân vận; Chủ tịch UBMT Tổ quốc Việt Nam, Chủ tịch Liên đoàn lao động... Thực hiện kiêm nhiệm một số chức danh, như: Bí thư Huyện ủy kiêm Chủ tịch UBND huyện; Trưởng Ban Dân vận kiêm Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc...

**Thứ năm,** xây dựng phương án, xác định cụ thể số lượng, lộ trình, thời gian giải quyết CBCC dôi dư; bảo đảm trong 05 năm kể từ ngày sắp xếp, thành phố Thanh Hóa sẽ thực hiện bố trí số lượng biên chế.

**Thứ sáu,** đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động và tăng cường thực hiện tinh giản biên chế, nghỉ hưu trước tuổi để tạo thuận lợi cho việc bố trí, sắp xếp sau khi sáp nhập; từ năm 2022 đến nay, đã có 17 CBCCVC, người lao động của các cơ quan đảng, chính quyền của thành phố Thanh Hóa và huyện Đông Sơn thực hiện tinh giản biên chế, nghỉ hưu trước tuổi; trong đó có một đồng chí thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

b) Về bố trí trụ sở làm việc; giải quyết trụ sở dôi dư

Sau khi sắp xếp, thành phố Thanh Hóa sử dụng trụ sở của Thành ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc, Đoàn thể chính trị - xã hội của thành phố Thanh Hóa hiện nay. Đối với trụ sở dôi dư sau khi nhập huyện Đông Sơn vào thành phố Thanh Hóa: Trụ sở Huyện ủy Đông Sơn; trụ sở HĐND và UBND

huyện Đông Sơn; Trung tâm hội nghị huyện Đông Sơn; Nhà thi đấu đa năng huyện Đông Sơn; trụ sở các đơn vị sự nghiệp huyện Đông Sơn - giải pháp thực hiện như sau:

*Thứ nhất*, tổ chức rà soát, xây dựng phương án sử dụng; hoàn chỉnh cập nhật, bổ sung quy hoạch đô thị Thanh Hóa và các quy hoạch phân khu trên địa bàn; cập nhật, điều chỉnh trong quy hoạch sử dụng đất, làm cơ sở điều chỉnh mục đích sử dụng đất theo quy hoạch và phương án bố trí, sử dụng trụ sở.

*Thứ hai*, sau khi sắp xếp, trong thời gian chờ hoàn chỉnh, phê duyệt, chuyển đổi mục đích sử dụng theo quy định, sẽ bố trí lực lượng trông coi, bảo vệ các trụ sở, công sở nhằm tránh hư hỏng, xuống cấp, lãng phí tài sản công.

*Thứ ba*, xác định lộ trình, đề ra thời gian giải quyết các trụ sở dôi dư; theo đó, trên cơ sở quy hoạch đô thị, quy hoạch phân khu đã được phê duyệt, trong năm 2024 sẽ hoàn chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; năm 2025 - 2026, hoàn thành việc giải quyết trụ sở, công sở dôi dư, cụ thể:

(1) Trụ sở Huyện ủy Đông Sơn: Thu hồi một phần diện tích để đầu tư đường trục chính đô thị; diện tích còn lại bàn giao, sử dụng làm trụ sở phường Rừng Thông.

(2) Trụ sở HĐND và UBND huyện Đông Sơn: Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(3) Trung tâm hội nghị huyện: Thu hồi một phần diện tích để đầu tư đường trục chính đô thị; diện tích còn lại được quy hoạch đất dịch vụ thương mại.

(4) Nhà thi đấu đa năng huyện Đông Sơn: Thu hồi một phần để đầu tư đường trục chính đô thị; diện tích còn lại đã quy hoạch đất ở đô thị nên sẽ bán tài sản, chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

(5) Đối với trụ sở các đơn vị sự nghiệp huyện Đông Sơn: Thực hiện bán tài sản, chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc chuyển đổi công năng sử dụng.

#### **4. Một số kiến nghị, đề xuất**

Nhập huyện Đông Sơn vào thành phố Thanh Hóa là một trong những nhiệm vụ chính trị đã được Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh khóa XIX nhiệm kỳ 2020-2025 đề ra, đến nay các bước chuẩn bị, xây dựng phương án, đề án, tổ chức lấy ý kiến cử tri, thông qua HĐND cấp xã, cấp huyện đã được hoàn thành và dự kiến trình HĐND tỉnh và hoàn chỉnh hồ sơ, đề án báo cáo Bộ Nội vụ trong tháng 7/2024. Do đó, tỉnh Thanh Hóa kính mong tiếp tục nhận được sự quan tâm, hướng dẫn của Bộ Nội vụ và bộ, ngành Trung ương trong quá trình tổ chức thực hiện, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị nêu trên của tỉnh. Đồng thời, kiến nghị, đề xuất một số nội dung đối với các bộ, ngành Trung ương cụ thể sau:

(1) Quan tâm, thẩm định hồ sơ, đề án để trình cơ quan có thẩm quyền công nhận đô thị Thanh Hóa đạt tiêu chí đô thị loại I, để Tỉnh làm cơ sở hoàn chỉnh tiêu chuẩn, hồ sơ, đề án theo quy định.

(2) Quan tâm, thẩm định hồ sơ, đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp

huyện, cấp xã trình cơ quan có thẩm quyền quyết định để các ĐVHC mới được thành lập và đi vào hoạt động kể từ tháng 12/2024. Đây là thời điểm thuận lợi nhất để các địa phương ổn định tổ chức bộ máy, nhân sự, chuẩn bị cho việc tổ chức đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2025-2030.

Trên đây là báo cáo tham luận của tỉnh Thanh Hóa về giải pháp giải quyết số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư, trụ sở công dôi dư khi nhập huyện Đông Sơn vào thành phố Thanh Hóa.

Xin trân trọng cảm ơn./.

#### **4. Sở Nội vụ tỉnh Nghệ An**

**Tham luận “Giải pháp trọng tâm của tỉnh Nghệ An trong việc tạo sự đồng thuận của Nhân dân, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 gắn với mở rộng không gian thành phố Vinh”**

Tổng kết ngành nội vụ 2023, Bộ Nội vụ đã đưa ra **10** nhiệm vụ và **06** giải pháp thực hiện nhiệm vụ trong năm 2024, trong đó có nhiệm vụ hết sức quan trọng, liên quan đến nhiều cấp, ngành, địa phương và các tầng lớp nhân dân đó là: “Triển khai đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả Kết luận của Bộ Chính trị và Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025”.

Tỉnh Nghệ An xem nhiệm vụ sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023- 2025 là nhiệm vụ chính trị quan trọng, then chốt xuyên suốt trong 2 năm 2023 và năm 2024. Là địa phương có diện tích lớn nhất cả nước: 16.486,52 km<sup>2</sup>, dân số đứng thứ 4 cả nước khoảng 3.737.480 người (hơn ba triệu bảy); có 21 ĐVHC cấp huyện (17 huyện, 01 thành phố, 03 thị xã); có 460 xã, phường, thị trấn (411 xã, 32 phường, 17 thị trấn); trong đó, có 10 ĐVHC cấp huyện là miền núi, địa bàn rộng, rất khó khăn trong việc quản lý hành chính nói chung và quản lý địa giới hành chính nói riêng. Bên cạnh đó, tỉnh có rất nhiều ĐVHC cấp xã ở vùng đồng bằng diện tích nhỏ (trong khi đó Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13 quy định diện tích xã vùng đồng bằng 30 km<sup>2</sup>), do vậy, khi áp tiêu chí diện tích của quy định thì số lượng ĐVHC cấp xã phải thực hiện sắp xếp các giai đoạn với số lượng lớn và quá trình sắp xếp gặp nhiều khó khăn.

Giai đoạn 2023-2025, tỉnh Nghệ An có 01 ĐVHC cấp huyện, 89 ĐVHC cấp xã thuộc diện phải sắp xếp. Tỉnh xây dựng phương án sắp xếp Thị xã Cửa Lò và 04 xã thuộc huyện Nghi Lộc vào thành phố Vinh; thực hiện sắp xếp 92 ĐVHC cấp xã (65 đơn vị không đủ tiêu chuẩn và 27 đơn vị đủ tiêu chuẩn liền kề). Thành lập 44 ĐVHC cấp xã. Sau sắp xếp tỉnh Nghệ An còn 20 ĐVHC cấp huyện (giảm 01 ĐVHC cấp huyện - thị xã Cửa Lò); có 412 ĐVHC cấp xã gồm 362 xã, 17 thị trấn, 33 phường (giảm 48 ĐVHC cấp xã). Sau sắp xếp, dự kiến dôi dư 207 CBCC cấp huyện, 799 CBCC cấp xã. Để hoàn thành nhiệm vụ quan trọng, tỉnh đã huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc, với quyết tâm chính trị cao nhất. Để tạo sự đồng thuận của Nhân dân, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 gắn với mở rộng địa giới hành chính thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đã thực hiện một số giải pháp trọng tâm như sau:

**1. Thành lập Ban Chỉ đạo các cấp, xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các tập thể cá nhân liên quan để tổ chức chỉ đạo, thực hiện.** Ngay từ khi Bộ chính trị ban hành Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030; Tỉnh uỷ, UBND tỉnh đã giao các sở, ngành, địa phương có liên quan rà soát các ĐVHC dự kiến phải thực hiện sắp xếp. Ngay sau khi Chính phủ tổ chức hội nghị triển khai thực

hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030, tỉnh đã Ban hành Quyết định thành lập Ban chỉ đạo (Trưởng ban là Bí thư Tỉnh uỷ và thành viên Ban Chỉ đạo là Uỷ viên Ban Thường vụ và Giám đốc các sở, ngành); Phân công rõ nhiệm vụ các thành viên và phân công các thành viên trực tiếp chỉ đạo các địa phương thực hiện sắp xếp ĐVHC; Xây dựng Kế hoạch, lộ trình chi tiết thời gian triển khai thực hiện. Các địa phương cấp huyện, xã cũng thành lập Ban chỉ đạo, phân công nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện theo đúng lộ trình quy định.

**2. Để tạo sự đồng thuận của Nhân dân, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình thực hiện sắp xếp, Tỉnh quan tâm và tập trung chỉ đạo công tác tuyên truyền với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. UBND tỉnh đã tổ chức hội nghị triển khai nhiệm vụ trên địa bàn toàn tỉnh đồng thời tổ chức hướng dẫn, tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức thực thi nhiệm vụ sắp xếp ĐVHC. Các địa phương cũng đã tổ chức các cuộc hội nghị tập huấn, kết hợp tuyên truyền thường xuyên, liên tục trên các phương tiện thông tin đại chúng với mục đích làm cho cán bộ, công chức và mọi tầng lớp Nhân dân thông suốt về nhận thức tư tưởng, thống nhất trong thực hiện. Nhằm đạt được sự ủng hộ, nhất trí cao để tham gia có hiệu quả lộ trình triển khai chủ trương sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh, việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền có thể tập trung vào những nội dung như: Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030; Nghị Quyết số 35/2023/NQ-UBTVQH15; Chính Phủ ban hành Nghị quyết số 117/NQ-CP. Công tác tuyên truyền, vận động triển khai với nhiều hình thức: Trên cổng thông tin điện tử của tỉnh, qua hệ thống phát thanh truyền hình; thông qua các buổi sinh hoạt tại thôn, tổ dân phố. Đồng thời cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp liên quan thường xuyên theo dõi, nắm bắt, dự báo tình hình tư tưởng, dư luận xã hội, từ đó kịp thời phát hiện và giải quyết khi có vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện và tạo sự đồng thuận của cử tri về công tác sắp xếp ĐVHC. Báo Nghệ An đã thông tin kịp thời việc tuyên truyền các nội dung liên quan đến công tác sắp xếp các ĐVHC cấp xã thuộc tỉnh Nghệ An trong chuyên đề, chuyên trang pháp luật trong các số báo xuất bản hàng ngày. Đài Phát thanh - Truyền hình Nghệ An thực hiện các phóng sự có nội dung liên quan đến công tác sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã trong các chương trình thời sự, chuyên mục phát trên 02 làn sóng phát thanh và truyền hình toàn tỉnh; tổ chức chương trình đối thoại trực tiếp trên sóng truyền hình để giải đáp các vấn đề vướng mắc liên quan đến sắp xếp ĐVHC. Thông qua công tác tuyên truyền, các tổ chức, đoàn thể, các tầng lớp nhân dân đã nắm rõ sự cần thiết, mục đích, ý nghĩa của việc sắp xếp ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ liên quan khi sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã.**

**3. Xây dựng phương án sắp xếp các ĐVHC được chỉ đạo quyết liệt, công khai, dân chủ trên cơ sở đề xuất của các địa phương. Chú trọng các yếu tố về địa lý, phong tục tập quán, quy mô về diện tích tự nhiên, dân số để các cấp chính quyền địa phương thuận lợi trong việc quản lý điều hành và Nhân dân thuận lợi trong việc**

sinh hoạt và phát triển kinh tế - xã hội. Các phương án đều được nghiên cứu, xem xét, đánh giá toàn diện về lịch sử hình thành, phát triển của ĐVHC, đảm bảo phù hợp và tương đồng về bản sắc văn hóa, điều kiện tự nhiên, tạo sự thống nhất, đồng thuận và đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương sau sắp xếp. Cùng với phương án sắp xếp ĐVHC, tỉnh đã xây dựng phương án về việc xử lý trụ sở, tài sản công và cán bộ, công chức dôi dư sau khi sắp xếp. Trụ sở của các đơn vị sự nghiệp công lập (giáo dục và y tế) trên địa bàn cấp xã giữ nguyên như hiện trạng đang sử dụng để không ảnh hưởng đến việc dạy và học của giáo viên và học sinh cũng như việc chăm sóc sức khỏe, khám, chữa bệnh cho Nhân dân. Trụ sở, tài sản công không tiếp tục sử dụng sẽ thực hiện việc kiểm kê, đánh giá lại và thực hiện sắp xếp lại, xử lý theo quy định hiện hành. Cán bộ, công chức dôi dư được thống kê, phân tích cụ thể để xây dựng phương án sắp xếp tổ chức, bộ máy, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức phù hợp với vị trí việc làm; trên cơ sở đó cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động lựa chọn người có trình độ chuyên môn, tâm huyết để phục vụ chính quyền địa phương và người dân; xây dựng lộ trình thực hiện tinh giản biên chế tại các xã sau khi sáp nhập khoa học, hợp lý. Việc sắp xếp cán bộ, công chức được thực hiện theo phương án điều động sang các ĐVHC cấp xã không thực hiện sắp xếp trong nội bộ huyện; dần thay thế số cán bộ, công chức cấp xã sẽ nghỉ hưu đến năm 2029 (kết thúc 5 năm lộ trình sắp xếp) tại các ĐVHC cấp xã không thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023-2025; tiếp nhận vào làm công chức cấp huyện; điều động về các đơn vị sự nghiệp công lập nếu đủ điều kiện và thực hiện tinh giản biên chế; khuyến khích, động viên người hoạt động không chuyên trách cấp xã nghỉ theo chế độ tinh giản biên chế. Tất cả phương án giải quyết sau sắp xếp được tỉnh Nghệ An cụ thể vào nội dung Đề án và có lộ trình thực hiện hoàn thành cụ thể.

**4.** Trong quá trình xây dựng, phương án, đề án, tỉnh thường xuyên tranh thủ xin ý kiến góp ý của các chuyên gia, chuyên viên, lãnh đạo phụ trách các bộ, ban, ngành Trung ương. Tổ chức làm việc, xin ý kiến Ủy ban Pháp luật của Quốc hội, làm việc với Vụ Chính quyền địa phương - Bộ Nội vụ, Cục phát triển hạ tầng - Bộ Xây dựng, Tổ Tư vấn kinh tế xã hội tỉnh để xây dựng phương án, đề án ngay từ đầu đảm bảo đúng quy định.

**5.** Tập trung giải quyết dứt điểm các tồn tại công tác sắp xếp ĐVHC giai đoạn 2019-2021, quan tâm giải quyết kịp thời các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bị tác động do sắp xếp. Rà soát danh sách các trụ sở của cơ quan, tổ chức ở các ĐVHC đã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2019-2021 để bố trí, sử dụng hoặc thanh lý. Bố trí nguồn ngân sách để đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các trụ sở làm việc được tiếp tục sử dụng phục vụ hoạt động của ĐVHC mới hình thành sau sắp xếp đáp ứng yêu cầu về địa điểm làm việc. Thường xuyên kiểm tra việc bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách dôi dư của các địa phương thực hiện sắp xếp ĐVHC để kịp thời chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho cơ sở. Làm tốt nội dung này để tạo thuận lợi đặc biệt là tính đồng thuận của CBCC và người dân tốt hơn cho việc thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC hiện tại và giai đoạn tiếp theo. Chủ động tham mưu

Ban Thường vụ sớm ban hành chủ trương để tạm dừng việc tuyển dụng, bổ nhiệm mới CBCC để phục vụ cho việc bố trí sắp xếp CBCC dôi dư sau sắp xếp. Thường xuyên nắm bắt cơ sở, tổ chức nhiều đoàn công tác về tận xã, xóm để nắm tâm tư nguyện vọng của cán bộ và Nhân dân để tham mưu Ban chỉ đạo có giải pháp kịp thời, hiệu quả. Chủ động đề xuất chủ trương, tham mưu xây dựng Nghị quyết giải quyết chế độ chính sách cho CBCCVC người lao động dôi dư do sắp xếp ĐVHC. Song song với việc xây dựng đề án, tỉnh đã chủ động tham mưu trình Ban Thường vụ xin chủ trương về ban hành Nghị quyết và hiện đang lấy ý kiến rộng rãi các cấp các ngành để trình HĐND tỉnh theo quy định. Nhờ thực hiện đồng bộ các giải pháp nên đã ***"tạo sự đồng thuận của Nhân dân, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 gắn với mở rộng địa giới hành chính thành phố Vinh"***. Sự đồng thuận thể hiện ở kết quả lấy ý kiến cử tri trong việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ đồng ý cao (bình quân từ 90%, có nhiều đơn vị đạt 100%). Đại biểu hội đồng nhân dân các cấp tán thành chủ trương sắp xếp ĐVHC với tỷ lệ đồng thuận tuyệt đối (đạt 100% số đại biểu HĐND tham gia tán thành)/.

## 5. Sở Nội vụ tỉnh Lâm Đồng

**Tham luận “Công tác triển khai thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố”**

### 1. Tình hình triển khai thực hiện

Ngay sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (có hiệu lực thi hành kể ngày 01/8/2023); thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh<sup>(50)</sup>, Sở Nội vụ đã tham mưu, triển khai thực hiện một số nội dung:

- Phối hợp với UBND các huyện, thành phố rà soát số lượng công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã tăng thêm do có đủ ½ (một phần hai) mức quy định về quy mô dân số và có đủ 100% mức quy định về diện tích tự nhiên báo cáo UBND tỉnh. Như vậy, theo quy mô dân số và diện tích, tỉnh Lâm Đồng tăng thêm 648 người; trong đó: công chức tăng thêm là 324 người, nâng tổng số cán bộ, công chức cấp xã toàn tỉnh là 3.382 người so với phân loại ĐVHC; người hoạt động không chuyên trách cấp xã tăng thêm là 324 người, nâng tổng số người hoạt động không chuyên trách cấp xã là 2.228 người so với phân loại ĐVHC.

- Báo cáo UBND tỉnh về việc rà soát, thực hiện khoản 2 Điều 32 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ và quyền hạn của UBND cấp tỉnh.

- Đề xuất và được UBND tỉnh thống nhất cho chủ trương thay thế một số văn bản quy phạm pháp luật sau khi Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực thi hành và các văn bản hướng dẫn của Trung ương<sup>(51)</sup>, cụ thể: Thay thế 02 Quyết định quy phạm pháp luật về tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn và xét chọn, sử dụng và quản lý người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh<sup>(52)</sup>.

- Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành 02 Nghị quyết, cụ thể:

+ Nghị quyết số 237/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 quyết định số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã đối với từng ĐVHC cấp huyện thuộc tỉnh Lâm Đồng năm 2024<sup>(53)</sup>.

+ Nghị quyết số 264/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 quy định chức danh, chế độ đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng<sup>(54)</sup> (thay thế Nghị quyết số 188/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 và Nghị quyết số 148/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 188/2020/NQ-HĐND của HĐND

<sup>50</sup> Công văn số 5197/UBND-TKCT ngày 14/6/2023 về triển khai thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

<sup>51</sup> Văn bản số 6101/UBND-TKCT ngày 14/7/2023 về việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật cụ thể hóa các nội dung quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ.

<sup>52</sup> Quyết định thay thế Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh về ban hành Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Quyết định thay thế Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 23/9/2016 của UBND tỉnh về xét chọn, sử dụng và quản lý người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng và Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 19/3/2019 của UBND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh).

<sup>53</sup> Tổng số cán bộ, công chức cấp xã là 3.058 người; tổng số người hoạt động không chuyên trách cấp xã là 2.228 người.

<sup>54</sup> Gồm 18 chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

*tinh về quy định chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.*

- Tham mưu UBND tỉnh phê duyệt danh mục và bản mô tả vị trí việc làm cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng tại Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 25/4/2024.

- Trên cơ sở Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ, Sở Nội vụ đã kịp thời ban hành các văn bản đề nghị UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện các quy định về tuyển dụng, xếp lương, điều động... đối với cán bộ, công chức cấp xã thuộc thẩm quyền; đánh giá tình hình hoạt động, chi trả mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố; tạm dừng việc tuyển dụng công chức cấp xã khi không thể hoàn thành việc tuyển dụng trước ngày 31/7/2023; cung cấp số liệu liên quan phục vụ cho việc xây dựng, tham mưu các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của HĐND tỉnh và UBND tỉnh; xin ý kiến hướng dẫn của Bộ Nội vụ và trả lời UBND, phòng Nội vụ các huyện, thành phố liên quan đến chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố...

## **2. Đánh giá chung**

### **a) Thuận lợi**

Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ đã kế thừa các quy định tại 04 Nghị định<sup>55</sup> có liên quan đến đội ngũ cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và được bổ sung nhiều điểm mới, trong đó nổi bật là các nội dung:

- Số lượng công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được tăng thêm do có đủ  $\frac{1}{2}$  (một phần hai) mức quy định về quy mô dân số và có đủ 100% mức quy định về diện tích tự nhiên.

- Phân cấp cho UBND cấp huyện quyết định số lượng cụ thể cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở từng ĐVHC cấp xã và bố trí số lượng công chức, người hoạt động không chuyên trách của từng chức danh công chức cấp xã thuộc phạm vi quản lý cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của từng ĐVHC cấp xã. Số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở từng ĐVHC cấp xã có thể thấp hơn mức của cấp xã loại III hoặc có thể cao hơn mức của cấp xã loại I, nhưng phải bảo đảm không vượt quá tổng số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã của cả ĐVHC cấp huyện được HĐND tỉnh giao.

- Quy định cụ thể trình độ chuyên môn theo hướng nâng cao trình độ đối với đội ngũ cán bộ cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

- Phân cấp cho UBND cấp tỉnh quy định cụ thể tiêu chuẩn, nhiệm vụ, bầu cử, tuyển chọn, tiếp nhận, sử dụng, quản lý, đánh giá, xếp loại, khen thưởng, kỷ

<sup>55</sup> Gồm: Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 về công chức xã, phường, thị trấn; Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

luật và bãi nhiệm, miễn nhiệm, thôi việc đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

- Nâng chế độ phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố...

b) Khó khăn, vướng mắc

- Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ đã bãi bỏ 04 Nghị định có liên quan đến đội ngũ cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; vì vậy, các Thông tư liên quan của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện 04 Nghị định trên cũng không còn căn cứ để thực hiện. Tuy nhiên, Bộ Nội vụ chưa ban hành thông tư hướng dẫn cho các địa phương dẫn đến tình trạng nhiều địa phương có những cách hiểu khác nhau trong quá trình triển khai thực hiện.

- Theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ thì số lượng công chức cấp xã được bố trí theo phân loại ĐVHC và số lượng công chức cấp xã được tăng thêm do có đủ  $\frac{1}{2}$  (một phần hai) mức quy định về quy mô dân số và có đủ 100% mức quy định về diện tích tự nhiên; tuy nhiên, ngày 28/9/2022, Ban Tổ chức Trung ương ban hành Quyết định số 69-QĐ/BTCTW giao biên chế công chức và người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Lâm Đồng; trong đó, đối với cán bộ, công chức cấp xã giai đoạn 2022-2026 tỉnh Lâm Đồng là 2.805 người. Như vậy số lượng cán bộ, công chức cấp xã được giao theo quy định tại Quyết định số 69-QĐ/BTCTW thấp hơn so với thực tế tại tỉnh Lâm Đồng. Ngày 30/10/2023, Tỉnh uỷ Lâm Đồng có Văn bản số 3162-CV/TU gửi Ban Tổ chức Trung ương đề nghị điều chỉnh, bổ sung biên chế cán bộ, công chức cấp xã năm 2024; tuy nhiên, đến nay Ban Tổ chức Trung ương vẫn chưa có văn bản phúc đáp về nội dung này.

- Bộ Nội vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao xây dựng Đề án liên thông cán bộ, công chức cấp xã với cấp huyện, cấp tỉnh<sup>(56)</sup>. Trước khi Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực thi hành, một số huyện, thành phố của tỉnh đã xây dựng và triển khai kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã trước ngày 31/7/2023 nhưng chưa thực hiện xong thì phải dừng lại vì Nghị định không có điều khoản chuyển tiếp, dẫn đến khó khăn trong quá trình tuyển dụng công chức cấp xã của các địa phương. Đến nay, Bộ Nội vụ vẫn chưa có văn bản hướng dẫn đối với nội dung này.

### **3. Kiến nghị, đề xuất**

Trong thời gian chưa có các quy định mới và Đề án liên thông cán bộ, công chức cấp xã với cấp huyện, cấp tỉnh, kính đề nghị Bộ Nội vụ xem xét hướng dẫn một số nội dung sau:

- Thống nhất giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ để thống nhất thực hiện trên toàn quốc.

- Xem xét ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

<sup>56</sup> Công văn số 3889/BNV-CCVC ngày 21/7/2023 của Bộ Nội vụ báo cáo về đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã.

- Khi ban hành Nghị định cần xây dựng điều khoản chuyển tiếp (thời gian ít nhất là 06 tháng) để các địa phương tiếp tục triển khai thực hiện.

- Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã do UBND cấp tỉnh trình HĐND cấp tỉnh quy định, trong đó có các chức danh tham mưu về công tác đảng như (*Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra; tham mưu, giúp việc công tác Tổ chức; tham mưu, giúp việc công tác Tuyên giáo; tham mưu, giúp việc công tác Dân vận*). Tuy nhiên, theo điểm 17 Hướng dẫn số 01-HD/TW ngày 28/9/2021 của Ban Bí thư hướng dẫn một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng quy định “17. *Tổ chức cơ sở Đảng không thành lập cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc, cấp ủy phân công cấp ủy viên phụ trách các mặt công tác văn phòng, tuyên giáo, tổ chức, kiểm tra, dân vận; các thành viên đều kiêm nhiệm*”. Đề nghị cần có hướng dẫn cụ thể đối với các chức danh tham mưu về công tác đảng như đã nêu ở trên.

Trên cơ sở những khó khăn, vướng mắc nhất là đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Sở Nội vụ tỉnh Lâm Đồng đề xuất Bộ Nội vụ nghiên cứu sửa đổi, cụ thể:

Tỉnh Lâm Đồng quy định 18 chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; trong đó, đề nghị bỏ 10 chức danh, bao gồm: (1) Văn phòng Đảng ủy; (2) Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra; (3) Tham mưu, giúp việc công tác Tổ chức; (4) Tham mưu giúp việc công tác Tuyên giáo; (5) Tham mưu giúp việc công tác Dân vận; (6) Phụ trách Đài truyền thanh - Quản lý nhà văn hóa; (7) Văn thư - Lưu trữ - Thủ quỹ; (8) Nội vụ, Tôn giáo, Thi đua - Khen thưởng; (9) Kế hoạch - Giao thông - Thủy lợi, Nông, Lâm nghiệp; (10) Dân số - gia đình và trẻ em; thay bằng đội ngũ công chức. Dự kiến 10 chức danh này có thể bố trí 02 - 04 công chức để mỗi công chức đảm nhiệm từ 02 - 03 chức danh.

Lý do đề nghị thay thế người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã bằng đội ngũ công chức, vì: Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tuy mức phụ cấp hàng tháng đã được cải thiện nhưng vẫn không thể đảm bảo cuộc sống cho họ; về mặt thời gian, họ chỉ thực hiện nhiệm vụ khi được phân công và chỉ làm việc ½ (nửa ngày) nên tính chuyên môn hóa không cao, chất lượng công việc chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của xã hội; họ cũng không yên tâm và không gắn bó lâu dài với cơ quan hành chính dẫn đến đội ngũ này thường xuyên thay đổi, thiếu tính ổn định.

Nếu thay thế người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã bằng đội ngũ công chức thì sẽ đáp ứng đầy đủ các yêu cầu cũng như việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng... ngày càng thuận lợi và hiệu quả cao hơn.

Sở Nội vụ kiến nghị Bộ Nội vụ trước mắt xem xét, bổ sung thêm chức danh công chức Văn phòng Đảng ủy và chức danh công chức Văn thư - Lưu trữ - Thủ quỹ, vì: chức danh này thường xuyên phải làm việc như công chức (đảm bảo 8 giờ/ngày) có khi phải làm quá giờ vì liên quan đến đóng dấu hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp, liên quan đến phát hành văn bản; liên quan đến bảo mật thông tin, con dấu, tài chính của đơn vị.../.

## 6. Sở Nội vụ TP. Hải Phòng

### **Tham luận “Định hướng và giải pháp đổi mới tổ chức, hoạt động của chính quyền địa phương (trong đó có chính quyền đô thị) tại thành phố thời gian tới”**

Hải Phòng là thành phố Cảng, đô thị loại I cấp quốc gia, có vị trí quan trọng về kinh tế xã hội và an ninh, quốc phòng của vùng Bắc Bộ và cả nước. Trong 6 tháng đầu năm 2024, kinh tế xã hội thành phố Hải Phòng tiếp tục duy trì đà tăng trưởng trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt công nghiệp tiếp tục là trọng tâm của kinh tế thành phố với mức tăng trưởng cao, tiệm cận với kỳ vọng tăng trưởng đề ra. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu cơ bản đạt kết quả tốt, cho thấy sự điều hành có hiệu quả của các chính sách kinh tế vĩ mô của các cấp, các ngành thành phố. Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn thành phố 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt 62.716,4 tỷ đồng, tăng 38,99% so với cùng kỳ; trong đó, thu nội địa hơn 30.761,3 tỷ đồng, tăng 106,12% so với cùng kỳ và thu từ hoạt động xuất nhập khẩu hơn 31.011,4 tỷ đồng, tăng 7,56% so với cùng kỳ. Tổng chi ngân sách địa phương ước đạt hơn 12.140,3 tỷ đồng, giảm 17,66% so với cùng kỳ, đạt 30,53% dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao.

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) 6 tháng đầu năm 2024 ước tăng 10,32% so với cùng kỳ năm trước, đứng thứ 5 cả nước, đứng đầu 5 thành phố trực thuộc Trung ương và đứng thứ 3 vùng đồng bằng sông Hồng. Môi trường đầu tư, kinh doanh của thành phố tiếp tục được cải thiện, chỉ số cải cách hành chính xếp thứ 2/63 tỉnh, thành phố và chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh xếp thứ 3/63 tỉnh, thành phố trong năm 2023; thu hút đầu tư nước ngoài (FDI) 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt 1.475,24 triệu USD, đạt 73,76% kế hoạch năm. Một số chỉ tiêu tăng trưởng hai con số như: sản xuất công nghiệp, vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn... Các hoạt động du lịch, dịch vụ phục hồi rõ nét, các chính sách an sinh, xã hội phát huy hiệu quả, quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Thành phố Hải Phòng có 15 ĐVHC cấp huyện (07 quận và 08 huyện, trong đó có 02 huyện đảo là Cát Hải và Bạch Long Vĩ), 217 xã, phường, thị trấn (141 xã, 66 phường và 10 thị trấn) và 1.761 thôn, tổ dân phố. Thành phố có 21 sở, ngành và tương đương (bao gồm 19 sở, ngành, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố; Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng); 18 chi cục và tương đương; 810 đơn vị sự nghiệp công lập (668 đơn vị thuộc quận, huyện và 142 đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, sở, ngành).

Tổ chức bộ máy chính quyền ở 3 cấp thành phố đều được tổ chức thống nhất theo đúng quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương, gồm Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân. Trong 6 tháng đầu năm 2024, HĐND thành phố đã tổ chức 04 kỳ họp chuyên đề để thông qua 38 Nghị quyết<sup>57</sup> trên các lĩnh vực và đây là năm tổ chức nhiều kỳ họp chuyên đề nhất nhằm thực hiện các công việc cấp thiết

<sup>57</sup> Kỳ họp thứ 14 thông qua 12 Nghị quyết, Kỳ họp thứ 15 thông qua 07 Nghị quyết, Kỳ họp thứ 16 thông qua 12 Nghị quyết và kỳ họp thứ 17 thông qua 07 Nghị quyết.

phát sinh từ tình hình thực tiễn trong công tác chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, trong đó có Nghị quyết về đẩy mạnh phân cấp đối với UBND cấp huyện, cấp xã và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Hải Phòng; Ủy ban nhân dân thành phố đã có nhiều phương pháp chỉ đạo, điều hành đổi mới mạnh mẽ theo hướng sâu sát, cụ thể; việc xây dựng chính quyền các cấp luôn được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Các cơ quan chuyên môn đã tham mưu UBND thành phố thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước, quản lý ngành, lĩnh vực được giao, đồng thời thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ, quyền hạn theo ủy quyền, phân cấp của UBND thành phố; đã chủ động tham mưu cho Thành ủy, HĐND, UBND thành phố ban hành các chủ trương, chính sách nhằm phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội của địa phương.

Tuy nhiên, với tốc độ phát triển, đô thị hoá cao của thành phố trong thời gian qua, trong khi mô hình tổ chức chính quyền địa phương các cấp của thành phố từ thành phố đến cấp huyện và cấp xã đều được tổ chức thống nhất gồm HĐND và UBND ở các ĐVHC đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế như: (1) Việc tổ chức HĐND ở từng cấp đã bộc lộ tính hình thức và hiệu quả hoạt động chưa cao nhất là ở cấp quận và phường; (2) Vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính còn chưa được quy định rõ; (3) Tổ chức bộ máy của cơ quan chuyên môn của UBND thành phố theo quy định pháp luật hiện nay chưa thật sự đảm bảo việc quản lý đa ngành, đa lĩnh vực; (4) Quản lý ngành và quản lý địa bàn lãnh thổ giữa bộ, ngành Trung ương và chính quyền địa phương còn chông chéo về thẩm quyền, trách nhiệm; (5) Phân cấp, phân quyền giữa trung ương và chính quyền đô thị còn chưa tạo điều kiện cho chính quyền đô thị phát huy quyền chủ động, sáng tạo trong việc quản trị đô thị; (6) Quá trình phát triển các khu đô thị mới, khu dân cư đô thị với tính tự quản cao về an ninh, trật tự, quản lý nhân khẩu; tính thống nhất, liên thông về kết cấu hạ tầng đô thị điện, nước, giao thông, vệ sinh môi trường..., đòi hỏi cần có cơ chế quản lý phù hợp. Việc quản lý nhà nước ở đô thị đòi hỏi cần có sự linh hoạt, độc lập, chủ động khai thác, tận dụng những ưu điểm, lợi thế của thành phố....

Nhằm tiếp tục đổi mới về tổ chức và nâng cao chất lượng, hoạt động của chính quyền địa phương và cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đặt ra trong Nghị quyết số 45-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết số 108/NQ-CP của Chính phủ và để xây dựng chính quyền đô thị tại thành phố Hải Phòng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thành phố Hải Phòng hiện đang xây dựng **“Đề án Tổ chức chính quyền đô thị thành phố Hải Phòng”**, dự kiến sẽ trình Quốc hội thông qua vào cuối năm 2024, theo đó thành phố sẽ không tổ chức Hội đồng nhân dân tại **08** quận (gồm 07 quận hiện tại và 01 quận dự kiến thành lập mới trong năm 2024) và **79** phường (sau khi thành phố hoàn thành sắp xếp các ĐVHC cấp xã trên địa bàn thành phố giai đoạn 2023-2025, thành phố có 79 phường, gồm 66 phường hiện tại và 13 phường dự kiến thành lập mới trong năm 2024), thời gian thực hiện bắt đầu từ nhiệm kỳ 2026-2031; ngoài ra trong Đề án cũng dự kiến đề xuất một số nội dung như:

- Tăng số đại biểu HĐND thành phố hoạt động chuyên trách lên 18 - 19 đại biểu (hiện nay là 10 đại biểu), gồm: Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND (02 người), Trưởng các Ban HĐND (04 người, mỗi ban 01 người), Phó Trưởng ban các Ban HĐND (08 người, mỗi ban 02 người) và Ủy viên các Ban HĐND (04 người, mỗi ban 01 người) để có thể thực hiện được các nhiệm vụ của HĐND quận, phường trước đây thực hiện và để tăng cường các hoạt động giám sát khi không còn giám sát của HĐND quận, phường và giám sát chuyên đề khi thành phố được Trung ương cho phép thực hiện các cơ chế đặc thù.

- Tăng số lượng Phó Chủ tịch UBND quận lên 03 Phó Chủ tịch (theo quy định, ĐVHC loại I có không quá 03 Phó Chủ tịch; ĐVHC loại II và loại III có không quá 02 Phó Chủ tịch) để thực hiện các nhiệm vụ trước đây HĐND quận, phường thực hiện, nay chuyển về UBND quận thực hiện.

- Tăng 01 Ban đô thị, HĐND thành phố Thủy Nguyên thuộc thành phố Hải Phòng và tăng 02 đại biểu HĐND thành phố Thủy Nguyên hoạt động chuyên trách để bố trí chức danh Trưởng ban, Phó Trưởng ban Ban Đô thị để phù hợp với mô hình tổ chức ĐVHC đô thị; tăng 01 Phó Chủ tịch UBND thành phố Thủy Nguyên để phụ trách về lĩnh vực đô thị để tăng cường công tác quản lý nhà nước về đô thị...

Cùng với việc xây dựng Đề án tổ chức chính quyền đô thị, thành phố Hải Phòng đang thực hiện việc sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 35/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng và đề xuất bổ sung các cơ chế, chính sách mới để giúp cho chính quyền đô thị thành phố Hải Phòng duy trì ổn định, hoạt động hiệu lực, hiệu quả khi được khoác lên mình một mô hình mới.

Ngoài ra, thực hiện Kết luận số 48-KL/TW của Bộ Chính trị về sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030, Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ và các văn bản của Trung ương, hiện nay thành phố Hải Phòng đang xây dựng, hoàn thiện 04 Đề án: (1) Sắp xếp các ĐVHC cấp xã, thành lập các phường và thành lập thành phố Thủy Nguyên thuộc thành phố Hải Phòng; (2) Sắp xếp ĐVHC cấp xã, thành lập các phường, thành lập quận An Dương và điều chỉnh địa giới ĐVHC giữa huyện An Dương và quận Hồng Bàng; (3) Điều chỉnh địa giới ĐVHC huyện An Dương để mở rộng quận Hồng Bàng và sắp xếp, thành lập các phường thuộc quận Hồng Bàng; (4) Sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 của thành phố Hải Phòng, theo đó sẽ thực hiện sắp xếp 82 ĐVHC cấp xã thành 32 đơn vị, giảm 50 đơn vị; dự kiến cuối tháng 6/2024, thành phố Hải Phòng sẽ báo cáo Bộ Nội vụ 04 Đề án nêu trên, góp phần tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương, tinh giản biên chế; tiết kiệm chi cho ngân sách, góp phần vào cải cách chính sách tiền lương, nâng cao đời sống và nâng cao chất lượng, trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Tại Hội nghị sơ kết công tác 06 tháng đầu năm và triển khai thực hiện nhiệm

vụ 06 tháng cuối năm 2024 hôm nay, Sở Nội vụ thành phố Hải Phòng xin trân trọng cảm ơn đồng chí Bộ trưởng, các đồng chí Thứ trưởng và các đồng chí lãnh đạo, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nội vụ trong thời gian vừa qua đã đồng hành, giúp đỡ thành phố Hải Phòng trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ về công tác nội vụ của thành phố Hải Phòng trong 6 tháng đầu năm 2024 vừa qua, nhất là các nhiệm vụ liên quan đến các Đề án mà thành phố đang xây dựng để trình các cơ quan Trung ương xem xét, quyết định; Sở Nội vụ thành phố Hải Phòng kính mong các đồng chí tiếp tục quan tâm để thành phố Hải Phòng hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ về công tác nội vụ, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị của thành phố trong năm 2024.

Tại hội nghị hôm nay, tôi xin đề xuất, kiến nghị một số nội dung sau:

(1) Ngày 19/6/2024, Ủy ban nhân dân thành phố đã có Tờ trình số 107/TTr-UBND về Đề án Tổ chức chính quyền đô thị thành phố Hải Phòng (kèm hồ sơ Đề án) trình Chính phủ. Sau khi có ý kiến của Chính phủ, đề nghị Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành Trung ương và UBND thành phố Hải Phòng tham mưu Chính phủ thực hiện việc lập hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị thành phố Hải Phòng, trình Quốc hội thông qua trong năm 2024 để thành phố có cơ sở lãnh đạo, chỉ đạo chuẩn bị nhân sự phục vụ Đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020-2025 và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

(2) Hiện nay trên cả nước hiện có 05 thành phố trực thuộc Trung ương; tiếp tới đây sẽ có thêm thành phố Huế; trong 06 thành phố trực thuộc Trung ương hiện đã có 03 thành phố thực hiện hoặc thí điểm tổ chức chính quyền đô thị (thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng), cùng với đó thành phố Hải Phòng và thành phố Cần Thơ đang xây dựng Đề án tổ chức chính quyền đô thị. Như vậy các thành phố trực thuộc Trung ương đến nay đều đã hoặc đang chuẩn bị tổ chức mô hình chính quyền đô thị.

Do vậy để đảm bảo thống nhất, Sở Nội vụ Hải Phòng đề nghị Bộ Nội vụ xem xét, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức chính quyền địa phương hoặc ban hành Luật riêng quy định về tổ chức chính quyền tại các thành phố trực thuộc Trung ương theo hướng “Quy định một số mô hình tổ chức cho các thành phố trung ương; căn cứ đặc điểm tình hình cụ thể của từng thành phố trực thuộc Trung ương, báo cáo Quốc hội để lựa chọn 1 mô hình cho phù hợp”. Đồng thời căn cứ vào mô hình được lựa chọn, đồng ý để các địa phương xây dựng, trình Quốc hội cho áp dụng một số cơ chế, chính sách đặc thù.

(3) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền giữa Trung ương, địa phương và giữa các cấp chính quyền địa phương. Thực hiện sự phân cấp, phân quyền, ủy quyền thật rõ ràng về nhiệm vụ, quyền hạn giữa trung ương, địa phương và giữa mỗi cấp chính quyền địa phương, đảm bảo tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp và đồng thời phù hợp với tiềm năng, năng lực và thực tế của từng địa phương. Song song với việc phân cấp cần tăng quyền kiểm soát của chính quyền Trung ương với địa phương./.

## **7. Sở Nội vụ tỉnh Quảng Trị**

### **Tham luận “Giải pháp đẩy mạnh chuyển đơn vị sự nghiệp công lập sang tự chủ hoàn toàn về tài chính của tỉnh Quảng Trị”**

Quảng Trị là tỉnh thuộc vùng Bắc Trung Bộ với 01 thành phố, 01 thị xã, 08 huyện và 125 xã, phường, thị trấn; phía Bắc giáp tỉnh Quảng Bình, phía Nam giáp tỉnh Thừa Thiên Huế, phía Tây giáp nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và phía Đông giáp biển Đông, với diện tích tự nhiên 4.739,8 km<sup>2</sup> và dân số 650.321 người.

Trong thời gian qua, đẩy mạnh thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) sang tự chủ hoàn toàn về tài chính là một trong những giải pháp trọng tâm để thực hiện mục tiêu giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước, giảm chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước đối với ĐVSNCL. Việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính giúp cho các ĐVSNCL chủ động sử dụng các nguồn tài chính cho các hoạt động chuyên môn, bố trí hợp lý các khoản chi trong dự toán được giao, áp dụng các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để có nguồn chi thu nhập tăng thêm cho nhân viên, thu hút nhân tài, lao động giỏi, trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để tái đầu tư, phát triển đơn vị, tăng nguồn thu, từ đó giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách quan trọng để lãnh đạo, chỉ đạo toàn bộ hệ thống chính trị thực hiện các biện pháp đổi mới, tổ chức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, Hội nghị Trung ương 6 (khoá XII) đã ban hành Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 về “Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các ĐVSNCL” với mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện và đồng bộ các ĐVSNCL, bảo đảm tinh gọn, có cơ cấu hợp lý nhằm đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập; Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của ĐVSNCL.

Trên cơ sở định hướng trên, UBND tỉnh Quảng Trị đã ban hành Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 về ban hành Đề án Tổ chức, sắp xếp lại ĐVHC cấp xã, thôn, khu phố; cơ quan hành chính, ĐVSNCL và có văn bản triển khai Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ (Công văn số 484/UBND-TM ngày 10/02/2022 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ); trong đó đề ra mục tiêu đến năm 2021 tỉnh Quảng Trị có 10% và đến năm 2026 có 20% ĐVSNCL tự chủ hoàn toàn về tài chính.

Cùng với sự quyết liệt trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm đạt được các mục tiêu, thời gian qua việc thực hiện đẩy mạnh cơ chế tự chủ về tài chính tại các ĐVSNCL thuộc tỉnh Quảng Trị đạt kết quả tích cực, cụ thể như sau:

- Đến năm 2021, tỉnh Quảng Trị có 53 đơn vị tự chủ hoàn toàn về tài chính (trong đó có 03 đơn vị tự đảm bảo hoàn toàn về chi thường xuyên và chi đầu tư), chiếm 10,6% tổng ĐVSNCL toàn tỉnh, đạt được mục tiêu của Nghị quyết số 19-NQ/TW đến năm 2021 có 10% ĐVSNCL tự chủ hoàn toàn về tài chính.

- Đến nay, tỉnh Quảng Trị còn 488 đơn vị (đã sắp xếp giảm 176 đơn vị so với năm 2015, đạt 26,5%, vượt 6,5% so với mục tiêu đến năm 2025 đã đề ra tại Nghị quyết số 19-NQ/TW), trong đó có 44 đơn vị tự chủ hoàn toàn về tài chính (có 07 đơn vị tự đảm bảo hoàn toàn về chi thường xuyên và chi đầu tư), chiếm 9,0%; giảm 09 đơn vị so với thời điểm 31/12/2021 do sáp nhập các đơn vị tự đảm bảo về chi thường xuyên vào các đơn vị tự chủ một phần chi thường xuyên.

Tỉnh Quảng Trị hiện có 06 ĐVSNCL đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chuyển đổi thành công ty cổ phần giai đoạn 2021-2025. Hiện nay, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch thực hiện chuyển ĐVSNCL thành công ty cổ phần giai đoạn 2021-2025 và thành lập Ban Chỉ đạo để triển khai thực hiện các bước theo quy định tại Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25/12/2020 của Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần. UBND tỉnh Quảng Trị tăng cường chỉ đạo Sở Tài chính và Sở Nội vụ đôn đốc các địa phương tiếp tục đẩy mạnh phê duyệt phương án tự chủ về tài chính theo hướng tăng số lượng các ĐVSNCL tự chủ hoàn toàn về tài chính để đảm bảo đạt mục tiêu của Nghị quyết số 19-NQ/TW và Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ là đến năm 2025 có tối thiểu 20% ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên; 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; giảm 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước.

Tuy nhiên, mục tiêu đến 2025 có tối thiểu 20% ĐVSNCL theo Nghị quyết số 19-NQ/TW khó đạt được do tỉnh Quảng Trị là tỉnh có điều kiện kinh tế - xã hội đang ở mức trung bình so với cả nước, đời sống người dân còn khó khăn, mật độ dân số phân bố không đồng đều; nguồn thu của các đơn vị sự nghiệp còn thấp, mức độ xã hội hóa các dịch vụ công chưa cao, đặc biệt là sự nghiệp giáo dục; việc chuyển một số ĐVSNCL tự chủ hoàn toàn về tài chính đủ điều kiện thành công ty cổ phần làm giảm số lượng đơn vị tự chủ; số lượng đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập chiếm đến 79,1% trong tổng số ĐVSNCL, nhưng các quy định để đẩy mạnh tự chủ đối với các ĐVSNCL thuộc lĩnh vực này còn chậm, hầu như chưa có quy định.

### ***Giải pháp đẩy mạnh chuyển đơn vị sự nghiệp công lập sang tự chủ hoàn toàn về tài chính trên địa bàn tỉnh Quảng Trị***

Thực tiễn thời gian qua cho thấy việc triển khai đẩy mạnh thực hiện chuyển ĐVSNCL sang tự chủ hoàn toàn về tài chính trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, cũng như các địa phương khác trên địa bàn của nước đã mang lại một số kết quả tích cực. Tuy nhiên, kết quả này mới chỉ tập trung tại một số ngành, lĩnh vực, một số đơn vị năng động, sáng tạo và có lợi thế trong cung cấp dịch vụ sự nghiệp công hoặc ở một số ngành nghề có khả năng xã hội hóa cao. Để tiếp tục đẩy mạnh chuyển ĐVSNCL sang tự chủ hoàn toàn về tài chính cần thực hiện đồng bộ các giải pháp như sau:

***Thứ nhất***, tiếp tục quán triệt, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về mục tiêu, ý nghĩa, yêu cầu, nội dung đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính và tổ chức lại hệ thống các ĐVSNCL nhằm nâng cao nhận thức, tạo đồng thuận ở các

ngành, các cấp, các đơn vị sự nghiệp và toàn xã hội trong việc thực hiện chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

**Thứ hai**, tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại các các ĐVSNCL đảm bảo phù hợp, tinh gọn, cơ cấu đội ngũ viên chức, người lao động gắn với vị trí việc làm; đổi mới phương thức quản lý tiên tiến, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, hiệu quả hoạt động được đánh giá dựa trên sản phẩm, kết quả công việc, từ đó tạo điều kiện để nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công, đẩy mạnh tự chủ.

**Thứ ba**, xây dựng và hoàn thiện các danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, xác định rõ mức độ tự chủ tài chính của ĐVSNCL trên cơ sở phân định rõ hoạt động thực hiện nhiệm vụ chính trị do Nhà nước giao và hoạt động kinh doanh dịch vụ của đơn vị theo nguyên tắc: Đối với các dịch vụ thiết yếu thì Nhà nước bảo đảm kinh phí; đối với các dịch vụ cơ bản thì Nhà nước hỗ trợ kinh phí để thực hiện; đối với các dịch vụ mang tính đặc thù của một số ngành, lĩnh vực cần thực hiện theo cơ chế đặt hàng hoặc đấu thầu để tạo điều kiện cho các cơ sở ngoài công lập cùng tham gia; đối với các dịch vụ khác thì đẩy mạnh thực hiện theo cơ chế xã hội hoá, huy động sự tham gia cung ứng của các thành phần kinh tế; chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công.

**Thứ tư**, thực hiện đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng lực quản trị ĐVSNCL bảo đảm chặt chẽ, hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công, đáp ứng yêu cầu của xã hội; đảm bảo tự chủ về nguồn thu và quản lý nguồn thu của các ĐVSNCL. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu ĐVSNCL trong việc quản trị tài chính, tài sản công, trong việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị.

**Thứ năm**, đẩy mạnh phê duyệt phương án tự chủ về tài chính đối với các ĐVSNCL theo quy định của pháp luật theo hướng tăng cường giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các ĐVSNCL có khả năng tự bảo đảm chi thường xuyên; đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ sự nghiệp công ở những nơi có điều kiện xã hội hóa cao; kiên quyết thực hiện chuyển sang cơ chế tự chủ hoàn toàn về tài chính đối với nhóm các ĐVSNCL cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công có khả năng xã hội hoá cao (giáo dục nghề nghiệp, y tế, khoa học và công nghệ, môi trường... ở các địa bàn có khả năng xã hội hoá cao) trên cơ sở Nhà nước thực hiện lộ trình bảo đảm kinh phí hoạt động có thời hạn.

**Thứ sáu**, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động đối với việc thực hiện tự chủ của các ĐVSNCL.

### **Kiến nghị, đề xuất**

Đẩy mạnh chuyển ĐVSNCL sang tự chủ hoàn toàn về tài chính là hướng đi đúng đắn và cần phải quyết tâm thực hiện, giúp giảm chi ngân sách nhà nước, giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước, tăng cường tự chủ cho các ĐVSNCL trong tổ chức và hoạt động của ĐVSNCL, phù hợp với xu thế hiện nay;

tỉnh Quảng Trị kiến nghị, đề xuất một số nội dung sau:

- Đề nghị các bộ, ngành Trung ương rà soát các danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước để tham mưu Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, ban hành; hiện nay, ngoài Bộ Nội vụ thì hầu hết các bộ, ngành chưa ban hành danh mục đơn vị sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu để địa phương có cơ sở tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành danh mục áp dụng tại địa phương cũng như có cơ sở triển khai thực hiện sắp xếp tổ chức lại các ĐVSNCL.

- Đề nghị các bộ, ngành Trung ương rà soát ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật của các lĩnh vực chưa ban hành hoặc đã ban hành nhưng chưa phù hợp với thực tiễn để địa phương triển khai việc xây dựng giá, phí dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tại địa phương.

- Tỉnh Quảng Trị cũng như của các tỉnh khác có số lượng đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập chiếm gần 80% tổng số đơn vị và biên chế sự nghiệp giáo dục công lập chiếm trên 80% tổng biên chế sự nghiệp, trong khi các quy định về chuyển ĐVSNCL sang tự chủ hoàn toàn về tài chính còn chậm, chưa được ban hành, nên mục tiêu đến năm 2026 tiếp tục giảm 10% biên chế hưởng lương ngân sách nhà nước và có 20% ĐVSNCL tự chủ hoàn toàn về tài chính theo theo Nghị quyết số 19-NQ/TW và Nghị quyết số 76/NQ-CP đề ra khó đạt được. Do đó, đề nghị Trung ương sớm sửa đổi, thay thế Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; ban hành quy định về chuyển các trường mầm non, trung học phổ thông ở những nơi có điều kiện xã hội hóa cao ra ngoài công lập theo tinh thần của Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương; đồng thời đẩy mạnh việc thực hiện xã hội hóa đối với đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập để địa phương có cơ sở thực hiện./.

## **8. Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên**

### **Tham luận “Kinh nghiệm xây dựng và phê duyệt vị trí việc làm, bản mô tả và khung năng lực vị trí việc làm trong tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập”**

Trong 10 năm qua, tỉnh Hưng Yên luôn xác định việc xây dựng và phê duyệt vị trí việc làm (VTVL) của các cơ quan, đơn vị là nhiệm vụ chính trị, có ý nghĩa quan trọng, làm cơ sở để thực hiện tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh. Vì vậy, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Hưng Yên đã chỉ đạo quyết liệt và các cơ quan, đơn vị từ tỉnh đến cơ sở triển khai tích cực, từng bước hoàn thành việc phê duyệt, điều chỉnh VTVL của các cơ quan, đơn vị ngày một hoàn thiện và đưa vào sử dụng một cách hiệu quả. Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên báo cáo một số nội dung về công tác xây dựng và phê duyệt VTVL, bản mô tả công việc và khung năng lực VTVL trong tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên như sau:

#### **1. Kết quả triển khai thực hiện**

a) Kết quả thực hiện Nghị định số 36/2013/NĐ-CP và Nghị định số 41/2012/NĐ-CP

Ngay từ những năm 2013-2014, Sở Nội vụ Hưng Yên đã tích cực tham mưu UBND tỉnh triển khai xây dựng VTVL trong các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp theo Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ, Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ và Hưng Yên là một trong số ít địa phương trong cả nước hoàn thành việc xây dựng Đề án VTVL gửi Bộ Nội vụ xem xét, phê duyệt đúng thời hạn tháng 7/2014 theo quy định.

Việc triển khai xây dựng và phê duyệt VTVL của tỉnh được tiến hành đồng bộ nhiều giải pháp, có trọng tâm, trọng điểm, mục tiêu cụ thể, lộ trình thích hợp, vừa làm vừa điều chỉnh, có sự áp dụng quy định pháp luật một cách linh hoạt, phù hợp với thực tiễn của tỉnh, do đó việc sắp xếp, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo VTVL gắn với tinh giản biên chế của Hưng Yên đã đạt được những kết quả quan trọng.

Tính đến thời điểm tháng 5/2020, tỉnh Hưng Yên đã cơ bản hoàn thành việc phê duyệt VTVL cho các cơ quan hành chính (cấp sở, cấp chi cục và UBND cấp huyện) và 624 đơn vị sự nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh theo Nghị định số 36/2013/NĐ-CP và Nghị định số 41/2012/NĐ-CP.

b) Kết quả thực hiện Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP

Tiếp tục triển khai thực hiện xây dựng và phê duyệt VTVL của các cơ quan, đơn vị theo quy định Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 về vị trí việc làm và biên chế công chức và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, việc triển khai và phê duyệt VTVL tại tỉnh Hưng Yên đạt được những kết quả như sau:

*\* Giai đoạn trước khi Bộ Nội vụ, các bộ chuyên ngành, lĩnh vực ban hành Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm (giai đoạn 2021-2022)*

Đề triển khai Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP của Chính phủ; Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 23/6/2021 thực hiện Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP. Trong đó, giao Sở Nội vụ triển khai việc xây dựng, tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt VTVL trong các cơ quan, tổ chức hành chính cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh và có ý kiến thẩm định đối với các cơ quan cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, ban, ngành, UBND cấp huyện theo quy định.

Kết quả: Từ năm 2021 đến tháng 12/2022 tỉnh Hưng Yên đã hoàn thành việc phê duyệt VTVL, giai đoạn 2022-2025 đối với 20/20 sở, ban, ngành, 10/10 UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP; 591/591 đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 106/2020/NĐ-CP đảm bảo theo quy định.

Trên cơ sở vị VTVL đã được phê duyệt các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đã ban hành Quyết định quy định sản phẩm đầu ra đối với từng VTVL để làm cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức; đồng thời là cơ sở để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý, cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức bảo đảm theo VTVL đã được phê duyệt theo quy định.

*\* Giai đoạn sau khi Bộ Nội vụ, các bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm (năm 2023-3/2024)*

Căn cứ quy định về việc thực hiện điều chỉnh VTVL tại Điều 9 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP, Điều 8 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP; ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang, Trưởng Ban Chỉ đạo xây dựng và quản lý VTVL trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; các Thông tư hướng dẫn về VTVL của Bộ Nội vụ, các bộ quản lý ngành, lĩnh vực; các Văn bản của Bộ Nội vụ: số 6139/BNV-TCBC ngày 20/10/2023 về việc xây dựng Đề án và phê duyệt VTVL, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 về việc xác định cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và Công văn số 3443/UBND-NC ngày 13/12/2023 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc triển khai và phê duyệt VTVL; việc xây dựng và phê duyệt VTVL của tỉnh Hưng Yên được triển khai trên cơ sở kế hoạch số 208, 209/KH-TU của Tỉnh ủy; Chương trình 133/CTr-UBND của UBND tỉnh và Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 của UBND tỉnh, Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên đã khẩn trương hướng dẫn, đôn đốc cơ quan, tổ chức, đơn vị xây dựng Đề án điều chỉnh VTVL trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt hoặc phê duyệt theo phân cấp quản lý công tác tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh, hoàn thành trong quý I/2024.

Tính đến hết ngày 31/3/2024, Hưng Yên là một trong những tỉnh đầu tiên của cả nước đã hoàn thành xong việc xây dựng Đề án và phê duyệt điều chỉnh vị trí việc làm:

- Tại cơ quan, tổ chức hành chính: 20/20 sở, ban, ngành (17 cơ quan chuyên môn; 01 cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội, HĐND tỉnh (*Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh*); 02 cơ quan hành chính cấp tỉnh khác thuộc UBND tỉnh (*Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý khu Đại học Phố Hiến*) và 10/10 UBND cấp huyện (với 2.218 VTVL), trong đó: Chủ tịch UBND tỉnh đã quyết định phê duyệt điều chỉnh VTVL đối với 20/20 sở, ban, ngành; đồng thời uỷ quyền cho Giám đốc các sở, ban, ngành quyết định phê duyệt điều chỉnh vị trí việc làm đối với 04 Chi cục và Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định phê duyệt điều chỉnh vị trí việc làm đối với 10/10 UBND cấp huyện đảm bảo quy định (*sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ*).

- Tại đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh: 553/553 ĐVSNCL của tỉnh (với 2.707 vị trí việc làm), trong đó: Chủ tịch UBND tỉnh đã thực hiện phê duyệt điều chỉnh VTVL đối với 04/04 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; uỷ quyền cho Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện Quyết định phê duyệt điều chỉnh vị trí việc làm đối với 505/505 đơn vị (*sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ*); đơn vị tự phê duyệt điều chỉnh VTVL 44/44 đơn vị.

- Đồng thời tỉnh cũng đã hoàn thành xong việc phê duyệt VTVL tại 161 xã, phường, thị trấn; 42 hội do đảng, nhà nước giao nhiệm vụ đảm bảo mục tiêu đề ra.

Theo đó, khi thực hiện phê duyệt (điều chỉnh) VTVL, tỉnh Hưng Yên đã gắn việc phê duyệt biên chế công chức, biên chế sự nghiệp theo lộ trình tinh giản biên chế đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 2016/QĐ-UBND và Quyết định 2041/QĐ-UBND, giai đoạn 2023-2026 để làm cơ sở cho việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ công chức, viên chức và người lao động theo VTVL, kết quả đánh giá viên chức, người lao động gắn với sản phẩm đầu ra, kết quả sản phẩm đầu ra của từng VTVL.

## **2. Các giải pháp trong triển khai xây dựng và phê duyệt vị trí việc làm của tỉnh Hưng Yên**

Để đạt được những kết quả nổi bật nêu trên, tỉnh Hưng Yên thực hiện hiệu quả một số giải pháp cụ thể như sau:

**Thứ nhất**, trong suốt quá trình triển khai thực hiện xây dựng, phê duyệt VTVL đã được Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh, UBND tỉnh quyết liệt, khẩn trương chỉ đạo thực hiện từ năm 2014, dần dần hoàn thiện, củng cố đến thời điểm hiện tại. Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên đã chủ động tham mưu, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cấp ủy, cơ quan thuộc các cấp, các ngành đã tích cực vào cuộc triển khai thực hiện theo đúng tinh thần chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh; lấy kết quả triển khai thực hiện làm một trong những căn cứ đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức (nhất là người đứng đầu) hàng tháng và là tiêu chí thi đua của các cơ quan đơn vị. Các cơ quan, đơn vị đã nhận thức rõ được vị trí, vai trò của vị trí việc làm trong quá trình thực hiện tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức nên đã rất sát sao, kỹ lưỡng trong quá trình xây dựng và phê duyệt VTVL của đơn vị mình. Do đó, việc phê duyệt VTVL của tỉnh Hưng Yên không chỉ đảm bảo về tiến độ mà chất lượng.

**Thứ hai,** Tỉnh đã đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đến từng cơ quan, tổ chức, đơn vị, cụ thể: Thay vì trước đây Chủ tịch UBND tỉnh ký quyết định phê duyệt VTVL của tất cả các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp từ tỉnh đến huyện thì từ tháng 5/2023 Chủ tịch UBND tỉnh chỉ thực hiện phê duyệt VTVL đối với các cơ quan, tổ chức hành chính cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; ủy quyền cho Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện Quyết định phê duyệt VTVL đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý; đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên, tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư chủ động phê duyệt VTVL.

**Thứ ba,** Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên đã chủ động đi đầu trong việc làm mẫu danh mục VTVL, bản mô tả công việc, khung năng lực, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, số biên chế công chức, số lượng người làm việc của từng VTVL theo Thông tư quy định của Bộ Nội vụ, của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực đảm bảo theo quy định. Đồng thời, các cơ quan, đơn vị cũng đã quan tâm, sâu sát để bám sát vào Đề án mẫu do Sở Nội vụ xây dựng để rà soát, thông kê công việc theo chức năng, nhiệm vụ, số biên chế cần thiết đảm bảo theo khung chuẩn năng lực VTVL đã được quy định.

**Thứ tư,** Các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên, tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư chủ động phê duyệt VTVL trước khi phê duyệt VTVL của mình thì đều gửi về Sở Nội vụ (*dù không quy định bắt buộc*) để kiểm soát trước, tránh tình trạng sai sót phải làm đi làm lại.

**Thứ năm,** Các cơ quan, đơn vị khi xây dựng VTVL đều xác định theo giai đoạn đến năm 2025 hoặc năm 2026 để xác định nhiệm vụ và biên chế theo nhiệm kỳ đại hội Đảng hoặc mốc tình giản biên chế theo quy định. Do đó, bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL cũng như bố trí biên chế theo VTVL của các cơ quan, đơn vị đã được thực hiện sát với tình hình thực tế của đơn vị và của tỉnh.

### **3. Khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện và kiến nghị của tỉnh Hưng Yên**

Tại khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 17 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP, khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 15 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP có quy định: Bộ trưởng quản lý ngành, lĩnh vực hướng dẫn về việc VTVL công chức, viên chức nghiệp vụ chuyên ngành, định mức biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị; Bộ Nội vụ hướng dẫn về VTVL công chức, viên chức nghiệp vụ chuyên ngành, VTVL công chức, viên chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung, định mức biên chế công chức, số lượng người làm việc thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý.

Theo đó, hiện nay đã có 20 bộ, cơ quan ngang bộ đã ban hành Thông tư hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành; 15 bộ, cơ quan ngang bộ đã ban hành Thông tư hướng dẫn VTVL lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, trong đó đã có quy định về danh mục VTVL, bản mô tả công việc, khung năng lực của từng

VTVL. Tuy nhiên, qua quá trình thẩm định, phê duyệt VTVL theo Thông tư hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, tỉnh Hưng Yên vẫn còn gặp một số khó khăn, vướng mắc sau:

a) Về danh mục vị trí việc làm

- Hiện nay, danh mục VTVL của các cơ quan, đơn vị được xác định trên cơ sở của các Thông tư của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực quy định, hướng dẫn về VTVL công chức, viên chức nghiệp vụ chuyên ngành. Theo đó, trong cùng một lĩnh vực ở các cơ quan cấp tỉnh có các VTVL “Chuyên viên”, “Chuyên viên chính” và gắn với mỗi VTVL đó là số lượng biên chế nhất định. Trường hợp cơ quan đó có chức năng, nhiệm vụ của cả 2 VTVL này nhưng chưa có người đáp ứng điều kiện để đảm nhiệm VTVL “Chuyên viên chính” thì dẫn đến tình trạng khó khăn trong quá trình sử dụng và quản lý biên chế của đơn vị.

- Việc có nhiều VTVL chuyên ngành trong cùng 1 lĩnh vực (*như tại Thanh tra Sở làm nhiệm vụ thanh tra -Pháp chế nên có đến 20 VTVL; Phòng Văn hoá, Thông tin cấp huyện có đến 20 VTVL;...*) mà số lượng biên chế thường chỉ ở mức tối thiểu theo quy định nên sẽ khó khăn cho tỉnh xác định vị trí, chức trách, nhiệm vụ công việc nào giữ ngạch, hạng VTVL tương ứng;...

- Thông tư hướng dẫn danh mục VTVL của một số bộ, ngành chưa bao quát hết VTVL của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý nên địa phương gặp khó khăn khi phê duyệt VTVL đối với các đơn vị này. Cụ thể như:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Tiếp công dân năm 2013: “2. Ban tiếp công dân cấp huyện do Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập, trực thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện, do một Phó Chánh Văn phòng phụ trách, chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý Trụ sở tiếp công dân cấp huyện”. Tuy nhiên, danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành quy định tại Thông tư số 02/2023/TT-VPCP ngày 11/9/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, không có VTVL liên quan đến công tác tiếp công dân của Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện.

- Các bộ, ngành đã quy định VTVL nhưng một số bộ, ngành Trung ương chưa quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng với VTVL đó (*ví dụ: Bộ Xây dựng chưa quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của vị trí Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa quy định VTVL, mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành tài nguyên và môi trường;...*) gây khó khăn trong việc phê duyệt VTVL cũng như việc tuyển dụng, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với viên chức.

- Nhiều bộ, ngành quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp nhưng việc hoàn thiện chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp gặp khó khăn do chưa có cơ sở đào tạo, bồi dưỡng mở lớp đào tạo, bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp cần hoàn thiện, ví dụ: chứng chỉ bồi dưỡng chức danh công nghệ; chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp chuyên ngành giao thông, xây dựng, ...

Từ những vấn đề nêu trên, Sở Nội vụ Hưng Yên đề nghị Bộ Nội vụ và các bộ, ngành có liên quan sớm tham mưu sửa đổi/ban hành đồng bộ các quy định có liên quan để việc xây dựng VTVL của các cơ quan, đơn vị đạt hiệu quả cao.

b) Về cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

- Việc xác định cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức đã được Bộ Nội vụ hướng dẫn tại Văn bản số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024, trong đó việc xác định cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chỉ xác định với công chức, viên chức nghiệp vụ chuyên ngành và nghiệp vụ chuyên môn dùng chung, mà không xác định với công chức lãnh đạo, quản lý và viên chức quản lý. Tuy nhiên, việc không xác định như trên đã gây không ít khó khăn cho tình hình sắp xếp, sử dụng, bổ nhiệm ngạch, hạng chức danh nghề nghiệp cho đội ngũ công chức, viên chức, nhất là đội ngũ công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý (*Tại Nghị định số 29/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ đã có quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước, nhưng vị trí việc làm của từng chức danh lãnh đạo như “Giám đốc Sở, Phó Giám đốc Sở, Trưởng, Phó phòng...” lại không quy định rõ ngạch công chức tối thiểu của từng vị trí sẽ gây khó khăn, bất cập trong công tác bổ nhiệm, nâng ngạch công chức theo quy định*).

- Hiện tại, số biên chế công chức, số lượng người làm việc tại nhóm VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung/chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung đều phải kiêm nhiều VTVL (ví dụ: 01 biên chế sự nghiệp thực hiện cả 02 vị trí là “Công nghệ thông tin hạng III” và “Chuyên viên Quản trị công sở”, nhưng chức danh nghề nghiệp của 02 vị trí này là “Công nghệ thông tin hạng III và Chuyên viên”) dẫn đến khó khăn khi xác định cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức của từng VTVL.

Từ những vấn đề nêu trên, Sở Nội vụ Hưng Yên đề nghị các bộ, ngành Trung ương có liên quan sớm có Thông tư cụ thể hướng dẫn cơ cấu ngạch công chức, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức để làm cơ sở chuyển ngạch, nâng ngạch, thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với từng VTVL.

c) Về biên chế

Vị trí việc làm là cơ sở để quản lý nhân sự, phân bổ nguồn lực hiệu quả và nâng cao chất lượng công việc của công chức, viên chức, đã được quy định tại khoản 3 Điều 7 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 và khoản 1 Điều 7 Luật Viên chức năm 2010. Tuy nhiên, các quy định hiện hành để thẩm định, phê duyệt VTVL chưa đáp ứng được các quy định về công tác quản lý nhân sự, phân bổ nguồn lực theo Luật cán bộ, công chức, viên chức nêu trên, cụ thể:

- Khi các bộ, quản lý ngành, lĩnh vực ban hành Thông tư hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ của các sở, đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực quản lý, có điều chỉnh tăng thêm nhiệm vụ, quyền hạn cho địa phương, nhưng không có quy định về biên chế tăng theo nhiệm vụ, nên sau khi hoàn thành quy trình tổ chức lại cơ quan, đơn

vị, việc bố trí biên chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị phải tự cân đối, thực hiện kiêm nhiệm nhiều công việc trong tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

- Các bộ, ngành chưa có hướng dẫn về định mức số lượng người làm việc (*không bao gồm lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, lao động-thương binh và xã hội*), để tỉnh làm cơ sở xác định số lượng người làm việc theo VTVL, giao số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp.

Từ những vấn đề nêu trên, Sở Nội vụ Hưng Yên đề nghị các bộ, ngành Trung ương có liên quan sớm có Thông tư hướng dẫn cụ thể xác định định mức biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính và số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành lĩnh vực, quản lý trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, được tăng thêm; theo quy mô, dân số, vị trí, địa lý của từng địa phương cho các tỉnh tính số lượng người làm việc cần thiết cho từng vị trí việc làm một cách khoa học gắn với thực tiễn và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao, đồng thời làm cơ sở để các tỉnh giao số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp theo quy định.

d) Về bản mô tả công việc, khung năng lực vị trí việc làm

Còn một số bộ, ngành chưa ban hành bản mô tả công việc, khung năng lực của VTVL thuộc ngành, lĩnh vực quản lý hoặc đã ban hành nhưng chưa phù hợp với thực tế (*ví dụ như: Thông tư số 08/2023/TT-BTTTT ngày 28/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Thông tư 03/2023/TT-BYT ngày 17/2/2023 của Bộ Y tế chưa quy định cụ thể về bản mô tả công việc, khung năng lực của vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành*).

Từ những vấn đề nêu trên, Sở Nội vụ Hưng Yên đề nghị các bộ, ngành Trung ương có liên quan sớm ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung bản mô tả VTVL đảm bảo đúng các quy định có liên quan và phù hợp với thực tiễn nhiệm vụ, công việc của các cơ quan, đơn vị./.

## **9. Sở Nội vụ tỉnh Khánh Hòa**

### **Tham luận “Kinh nghiệm xây dựng và phê duyệt vị trí việc làm, bản mô tả và khung năng lực vị trí việc làm trong tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập”**

Xác định vị trí việc làm là nhiệm vụ quan trọng trong quá trình đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức; Từ năm 2014, tỉnh Khánh Hòa đã tập trung triển khai quyết liệt và toàn diện, hướng tới mục tiêu 100% cơ quan, đơn vị được phê duyệt VTVL, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, đảm bảo tính khoa học, khách quan, công khai, minh bạch, hiệu quả và nâng cao chất lượng của đội ngũ công chức, viên chức. Nếu như giai đoạn những năm 2016 trở về trước, việc xác định VTVL là công việc mới và khó, lần đầu tiên áp dụng ở nước ta; quy định của pháp luật còn chưa rõ ràng và đầy đủ; cách hiểu và thực hiện của các cơ quan, đơn vị còn chưa thống nhất, chưa chính xác; kết quả xác định VTVL không lượng hóa được thời gian lao động cần thiết để hoàn thành từng công việc hoặc đối với những công việc đòi hỏi có sự tham gia, phối hợp của nhiều người. Thì từ năm 2020 trở lại đây, sau khi đã được Chính phủ cụ thể hóa quy định trong 02 Nghị định (Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về VTVL và biên chế công chức và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP của Chính phủ về VTVL và số lượng người làm việc trong ĐVSNCL) và các văn bản triển khai của Bộ Nội vụ, tỉnh Khánh Hòa đã có nhận thức rõ hơn trong việc xác định VTVL gắn với chức danh, chức vụ, cơ cấu ngạch, làm căn cứ xác định biên chế, tuyển dụng, bố trí công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị.

Như vậy, xác định VTVL và cơ cấu ngạch công chức, viên chức là công việc mới, khó nhưng có ý nghĩa; có vai trò quan trọng giúp cơ quan, tổ chức trong việc đổi mới cơ chế quản lý công chức, viên chức từ khâu tuyển dụng, quản lý, bố trí sử dụng, đánh giá đến quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức.

Xin báo cáo sơ bộ quá trình triển khai thực hiện: Thời gian đầu, trong khi chờ hướng dẫn của các bộ, ngành, lĩnh vực về VTVL chuyên ngành, để có cơ sở cho việc bố trí, tuyển dụng, sử dụng biên chế trong các cơ quan, tổ chức hành chính một cách khoa học, đảm bảo quy định, UBND tỉnh Khánh Hòa đã xem xét ban hành các Quyết định tạm phê duyệt Danh mục VTVL cho 21/21 cơ quan, tổ chức hành chính (đạt 100%); Đối với ĐVSNCL, tỉnh Khánh Hòa đã phê duyệt tạm thời danh mục VTVL của 579/579 ĐVSNCL do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và ĐVSNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (chiếm tỷ lệ: 100%). Đồng thời, tỉnh Khánh Hòa cũng đã chủ động giao quyền tự phê tự quyết VTVL cho các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư.

Sau khi Bộ Nội vụ ban hành Thông tư số 12/2022/TT-BNV và các văn bản hướng dẫn của Bộ chuyên ngành khi chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định cơ cấu ngạch đối với chức vụ lãnh đạo quản lý trong khi hiện nay các chức vụ lãnh đạo, quản lý vẫn thực hiện các chế độ theo ngạch, hạng chức danh nghề nghiệp. Vì

vậy, để đảm bảo triển khai đầy đủ các nội dung về cơ cấu ngạch và hạng chức danh nghề nghiệp, UBND tỉnh chỉ đạo việc xây dựng đề án VTVL có xác định tỉ lệ cơ cấu ngạch, hạng chức danh nghề nghiệp trong cơ quan, đơn vị và địa phương như sau: Khi xác định tỉ lệ cơ cấu ngạch ngạch công chức, xác định tỉ lệ hạng chức danh nghề nghiệp thì vẫn xây dựng tỉ lệ này cho chức danh lãnh đạo quản lý và tách riêng so với nhóm VTVL nghiệp vụ chuyên ngành và nhóm VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung. Việc này tạo được sự liên tục, chủ động trong quản lý hành chính cũng như không ảnh hưởng nhiều đến việc xác định cơ cấu ngạch và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp tại VTVL chuyên môn nghiệp vụ và VTVL chuyên môn dùng chung. Đến khi có hướng dẫn của Bộ Nội vụ về việc xác định cơ cấu ngạch công chức và hạng chức danh nghề nghiệp tại Văn bản số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024, UBND tỉnh đã chỉ đạo cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập xác định cơ cấu ngạch và hạng chức danh nghề nghiệp với tỉ lệ đảm bảo theo hướng dẫn và không xác định cơ cấu ngạch cho chức danh lãnh đạo, quản lý. Với quyết tâm của tỉnh, bước đầu đã đạt được kết quả như sau:

*\* Cơ quan hành chính*

- Cấp tỉnh: UBND tỉnh đã ban hành 22 Quyết định phê duyệt VTVL và cơ cấu ngạch công chức của các sở, ban, ngành (bao gồm Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Ban Quản lý Khu kinh tế Vân phong). Trong đó để đảm bảo triển khai chủ động, tránh việc điều chỉnh liên tục các Quyết định khi có sự thay đổi về cơ cấu ngạch công chức và mô tả cụ thể VTVL, UBND tỉnh đã giao các, sở, ban, ngành thực hiện một số công việc: xây dựng Bản mô tả công việc, khung năng lực, ngạch công chức đối với từng VTVL theo đúng quy định hiện hành; phân bổ, bố trí biên chế theo VTVL chuyên trách hoặc kiêm nhiệm, đảm bảo nằm trong số biên chế được cấp có thẩm quyền giao; đồng thời đảm bảo thực hiện tinh giản biên chế theo lộ trình quy định; thường xuyên rà soát, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh VTVL, cơ cấu ngạch công chức của khi có sự điều chỉnh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức theo quy định của pháp luật.

- Cấp huyện: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định phê duyệt Khung danh mục VTVL và cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (Bao gồm cả chức danh Chủ tịch UBND; Phó Chủ tịch UBND; Chủ tịch HĐND; Phó Chủ tịch HĐND; Trưởng ban thuộc HĐND; Phó Trưởng ban thuộc HĐND cấp huyện) căn cứ danh mục VTVL, cơ cấu ngạch công chức đã được UBND tỉnh phê duyệt và biên chế được giao hàng năm để làm cơ sở ban hành chỉ đạo xây dựng Đề án, ban hành Quyết định phê duyệt VTVL và cơ cấu ngạch công chức đối với từng cơ quan tổ chức trực thuộc, xây dựng Bản mô tả công việc, khung năng lực, ngạch công chức đối với từng VTVL đảm bảo quy định...

- Đối với chức danh Phó trưởng Đoàn chuyên trách Đoàn đại biểu Quốc hội, Phó Chủ tịch HĐND; Trưởng ban thuộc HĐND; Phó Trưởng ban thuộc HĐND cấp tỉnh sẽ do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh xây

dựng Bản mô tả, khung năng lực của VTVL, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, phê duyệt.

- Chức danh Phó Chủ tịch UBND tỉnh sẽ do Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Bản mô tả, khung năng lực của VTVL, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét phê duyệt.

*\* Đơn vị sự nghiệp công lập*

(1) Lĩnh vực giáo dục và đào tạo

- Chỉ đạo Trường Đại học Khánh Hòa xây dựng và trình Hội đồng trường phê duyệt theo thẩm quyền;

- Thực hiện phê duyệt thống nhất khung danh mục cho khối các đơn vị sự nghiệp có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và VTVL tương đồng: Khối trường Mầm non, khối trường Tiểu học, khối trường Trung học cơ sở và Trường Phổ thông dân tộc nội trú, khối trường Tiểu học - Trung học cơ sở trực thuộc UBND cấp huyện; khối trường Trung học phổ thông, Trường Trung học phổ thông chuyên, Trường phổ thân dân tộc nội trú tỉnh trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

(2) Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp: phê duyệt VTVL và cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức cho 100% cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn, bao gồm 02 Trường Cao đẳng thuộc UBND tỉnh và 06 Trường Trung cấp nghề trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

(3) Lĩnh vực y tế: thực hiện phê duyệt VTVL và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức cho 100% cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh, bao gồm: 10 Bệnh viện, 09 Trung tâm tuyến tỉnh và 08 Trung tâm y tế tuyến huyện.

(4) Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch: thực hiện việc phê duyệt VTVL và cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức cho 100% đơn vị sự nghiệp lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn, bao gồm 08 đơn vị trực thuộc Sở Văn hóa và Thể thao và 01 đơn vị trực thuộc Sở Du lịch; Thực hiện phê duyệt một Quyết định thống nhất Khung danh mục VTVL cho các đơn vị sự nghiệp có chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và VTVL tương đồng là 08 Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao trực thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

(5) Đối với sự nghiệp khác: UBND tỉnh Khánh Hòa đã triển khai, thực hiện việc phê duyệt VTVL và cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo từng đơn vị sự nghiệp đối với 100% đơn vị sự nghiệp lĩnh khác. Riêng đối với đơn vị sự nghiệp khác cấp huyện có tính tương đồng như Trung tâm Phát triển quỹ đất, Ban Quản lý dịch vụ công ích, Trung tâm bảo trợ xã hội cấp huyện thực hiện phê duyệt một Quyết định cho khung danh mục như sự nghiệp văn hóa thể thao và sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

*\* Chia theo mức độ tự chủ*

Đơn vị sự nghiệp nhóm 1, nhóm 2, UBND tỉnh chỉ đạo đơn vị thực hiện tự phê duyệt VTVL và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đối với 100%

đơn vị sự nghiệp theo quy định. Đến nay, đã thực hiện đảm bảo phê duyệt VTVL cho 100% các cơ quan đơn vị từ cơ quan hành chính đến ĐVSNCL làm cơ sở quan trọng trong thực hiện xác định biên chế để bố trí trong cơ quan, tổ chức, đơn vị, căn cứ để tuyển dụng, nâng ngạch, nâng hạng, đào tạo bồi dưỡng công chức trong cơ quan hành chính và viên chức trong ĐVSNCL...

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, trên thực tế công tác triển khai xây dựng, quản lý VTVL trong các cơ quan, tổ chức hành chính, ĐVSNCL vẫn còn tồn tại không ít khó khăn, hạn chế, cụ thể là:

- Khó khăn trong việc thống kê và phân nhóm công việc theo chức năng, nhiệm vụ, tính chất, mức độ phức tạp của từng công việc và tính toán một cách khoa học biên chế dành cho mỗi VTVL tại các cơ quan, đơn vị sao cho vừa bảo đảm khoa học lại phải sát với thực tế yêu cầu công việc; công việc thay đổi theo tính chất sự vụ công việc cấp trên giao, việc phân định mức độ phức tạp từng công việc hiện nay còn mang tính ước lượng;

- Việc xây dựng VTVL, phân loại và xác định biên chế theo khối lượng công việc vẫn chưa được triển khai đồng bộ, thống nhất;

- Việc sắp xếp, bố trí lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị phù hợp, bảo đảm cơ cấu ngạch, chức danh nghề nghiệp hợp lý, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao vẫn còn mơ hồ và gặp một số khó khăn, vướng mắc nhất định;

- Vị trí việc làm theo hướng dẫn của bộ, ngành chưa thể hiện được hết công việc thực tế tại cơ quan, đơn vị.

- Việc mô tả, xác định VTVL còn liên quan đến các quy định của pháp luật chuyên ngành khác như mã ngạch, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của viên chức nên khó phân loại VTVL;

- Các văn bản, hướng dẫn về VTVL và phê duyệt VTVL chưa thực sự đồng bộ, thường xuyên thay đổi dẫn đến những khó khăn, bị động của địa phương trong quá trình thực hiện.

- Chưa xác định cụ thể về hạng chức danh nghề nghiệp và cơ cấu ngạch công chức, ở một số chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp vẫn hướng dẫn vị trí có ngạch là chuyên viên, chuyên viên chính...

- Danh mục VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành trong ĐVSNCL thuộc ngành, lĩnh vực một số bộ hướng dẫn cụ thể ở cấp Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, tuy nhiên một số bộ lại hướng dẫn chung nên việc xác định VTVL phù hợp với đơn vị gặp nhiều khó khăn.

- Chưa có hướng dẫn VTVL đối với Trường Đại học, Trường Cao đẳng trực thuộc UBND tỉnh; các trung tâm giáo dục thường xuyên và hướng nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục và đào tạo, ...

Tại Hội nghị hôm nay, tỉnh Khánh Hòa xin đề xuất Bộ Nội vụ và Trung

ương nghiên cứu xem xét, hướng dẫn một số vấn đề sau đây:

**Thứ nhất**, rà soát, đồng bộ các quy định, hướng dẫn về VTVL; theo đó, có hướng dẫn cụ thể về các VTVL tương đương với các hạng chức danh để đảm bảo cơ sở cho địa phương trong quá trình triển khai thực hiện;

**Thứ hai**, việc xây dựng Đề án vị trí việc làm là công việc quan trọng, xác định đúng người, đúng việc mới xây dựng được, nên đòi hỏi thời gian rất nhiều, biên chế giao cho các cơ quan, đơn vị lại thường xuyên cắt giảm, gây áp lực công việc rất lớn. Đề nghị xây dựng khung VTVL chi tiết theo từng cơ quan trên toàn quốc (vì số lượng các cơ quan chuyên môn ở các địa phương cơ bản giống nhau), từ đó, hoàn thiện để hạn chế thời gian, tiết kiệm nguồn lực;

**Thứ ba**, tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp luật liên quan về VTVL, các quy định còn bất cập hạn chế trong các văn bản quy phạm pháp luật; xem xét, đồng bộ quy định về hệ thống danh mục và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp với VTVL và trả lương, xếp lương tương ứng với từng chức danh nghề nghiệp để làm cơ sở xây dựng, quản lý và phát triển đội ngũ viên chức; nâng cao chất lượng phục vụ người dân và xã hội trong các lĩnh vực sự nghiệp;

**Thứ tư**, đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền phổ biến kết hợp với mở các lớp bồi dưỡng, hội nghị tập huấn ở các bộ, ngành và địa phương về xây dựng đề án xác định VTVL;

**Thứ năm**, xây dựng tiêu chí cụ thể phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động, lãnh thổ, quy mô phát triển,... để xác định tổng biên chế và tỷ lệ tinh giản biên chế của từng địa phương, tránh việc áp đặt bình quân đồng loạt, cắt giảm cơ học.

**Thứ sáu**, hướng dẫn cụ thể thẩm quyền phê duyệt VTVL đối với các chức danh lãnh đạo Đoàn Đại biểu Quốc hội, HĐND, UBND, các Ban của HĐND cấp tỉnh, cấp huyện...

**Thứ bảy**, Hướng dẫn VTVL đối với Trường Đại học, Trường Cao đẳng trực thuộc UBND tỉnh; các trung tâm giáo dục thường xuyên và hướng nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục và đào tạo, ...

## 10. Sở Nội vụ tỉnh Thái Bình

### Tham luận “Nâng cao hiệu lực, hiệu quả sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập”

Xác định Nghị quyết 19 có ý nghĩa rất quan trọng nhằm sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh gọn đầu mối các ĐVSNCL, giảm số lượng, cơ cấu lại đội ngũ, viên chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động; Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, triển khai, quán triệt tới các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, các ĐVSNCL trực thuộc. Đồng thời, đề ra các nhiệm vụ, giải pháp nhằm thực hiện tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ viên chức. Đến nay tỉnh Thái Bình đã thực hiện giảm 229 ĐVSNCL so với năm 2015, đạt tỷ lệ 21,7%. Kết quả sắp xếp, tổ chức lại các ĐVSNCL, cụ thể như sau:

- Lĩnh vực giáo dục - đào tạo: toàn tỉnh đã thực hiện sáp nhập 368 trường mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở thành 187 trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông hai cấp học; giảm 181 trường.

- Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp: giảm 08 đơn vị;

- Lĩnh vực y tế: giảm 12 đơn vị;

- Lĩnh vực khoa học và công nghệ: giảm 02 đơn vị;

- Lĩnh vực văn hóa, thể dục, thể thao: giảm 9 đơn vị;

- Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác: giảm 17 đơn vị;

Cùng với việc sắp xếp các ĐVSNCL, công tác quản lý và sử dụng biên chế của tỉnh được triển khai thực hiện nghiêm theo đúng quy định của pháp luật. Từ năm 2015 đến nay, tỉnh Thái Bình đã thực hiện giảm 6.985/35.034 biên chế viên chức đạt tỷ lệ 19,9%. Như vậy, giai đoạn 2015-2021, tỉnh đã thực hiện vượt chỉ tiêu tinh giản biên chế so với quy định (10%), góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, giảm chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước.

Việc thực hiện cơ chế, tự chịu trách nhiệm trong các ĐVSNCL trên địa bàn tỉnh đảm bảo thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Trung ương. Đến nay, tỉnh Thái Bình có 04 ĐVSNCL tự chủ nhóm 01 và 38 ĐVSNCL tự chủ nhóm 02; 37 ĐVSNCL tự chủ nhóm 03 và 748 ĐVSNCL tự chủ nhóm 04. Việc quản lý, sử dụng tài chính và tài sản công trong các ĐVSNCL được chú trọng hơn 100% các ĐVSNCL đã ban hành Quy chế tài chính, Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công, từng bước khắc phục việc sử dụng tài sản công lãng phí, sai mục đích, vượt tiêu chuẩn, định mức, sử dụng vào mục đích cá nhân.

Việc cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa tiếp tục được đẩy mạnh; khuyến khích thành lập các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, nhất là trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, y tế, khoa học và công nghệ. Toàn tỉnh có 545 bệnh viện và cơ sở khám chữa bệnh ngoài công lập; 27 trường mầm non, phổ thông ngoài công lập (17 trường mầm

non; 10 trường trung học phổ thông).

Giai đoạn 2016-2021, tỉnh Thái Bình được phê duyệt cổ phần hóa đối với 05 ĐVSNCL, hoàn thành cổ phần hóa 01 đơn vị là Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Thái Bình. Hiện nay, Công ty cổ phần Đăng kiểm xe cơ giới Thái Bình tiếp tục duy trì ngành nghề kinh doanh chính và thương hiệu của đơn vị cổ phần hóa theo đúng cam kết trong phương án cổ phần hóa trong thời gian ít nhất 03 năm. Dịch vụ công ích môi trường đô thị trên địa bàn thành phố Thái Bình hiện đang được giao cho doanh nghiệp thực hiện theo hình thức đặt hàng theo hợp đồng dịch vụ giữa UBND thành phố Thái Bình với Công ty cổ phần Môi trường và công trình đô thị Thái Bình. Việc thực hiện đặt hàng với doanh nghiệp giúp tiết kiệm kinh phí ngân sách nhà nước; doanh nghiệp phải tự cân đối nguồn kinh phí để hoàn thành hợp đồng đã ký kết và chủ động tiết kiệm các khoản chi phí nhằm tối đa lợi nhuận để duy trì, bảo toàn nguồn vốn kinh doanh.

Bên cạnh kết quả đạt được trong việc sắp xếp tổ chức bộ máy các ĐVSNCL, tỉnh Thái Bình cũng gặp những khó khăn, vướng mắc như sau:

- Một số cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện chưa đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp được nêu trong Nghị quyết của Bộ Chính trị và Chương trình, Kế hoạch thực hiện của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về việc sắp xếp tổ chức bộ máy các ĐVSNCL.

- Việc xây dựng chương trình, kế hoạch hành động thực hiện nghị quyết có những đơn vị chưa kịp thời, nội dung chương trình, kế hoạch còn dàn trải, chưa trọng tâm, trọng điểm; lộ trình, thời gian thực hiện chưa cụ thể, nhất là những việc cần phải triển khai ngay.

- Việc sáp nhập, hợp nhất các đơn vị sự nghiệp chưa có hướng dẫn của Bộ chuyên ngành về tên gọi, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của đơn vị mới nên có đơn vị sự nghiệp mang tính chất cộng dồn chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị cũ. Việc thực hiện chế độ chính sách đối với các đơn vị sự nghiệp công lập sau khi sáp nhập cũng đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết nhưng chưa có hướng dẫn cụ thể.

- Việc thực hiện chỉ tiêu chuyển đơn vị sự nghiệp sang hoạt động theo cơ chế tự chủ hoặc chuyển thành Công ty cổ phần gặp khó khăn vì các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh chủ yếu là các đơn vị thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo chiếm 86,5% tổng số đơn vị sự nghiệp, nguồn thu chủ yếu là học phí còn lại là ngân sách nhà nước cấp đảm bảo. Các ĐVSNCL còn lại quy mô nhỏ, nguồn thu sự nghiệp không cao, do vậy việc chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp này sang hoạt động theo cơ chế tự chủ gặp nhiều khó khăn, trở ngại do các đơn vị này ít khả năng tự trang trải cho hoạt động của đơn vị.

- Kết quả thực hiện chính sách tinh giản biên chế chưa thực sự gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, viên chức. Ngoại trừ giảm biên chế do ĐVSNCL chuyển sang tự chủ nhóm 2 (ĐVSNCL ngành y tế) thì việc giảm biên chế chủ yếu do có người làm việc nghỉ hưu hoặc giảm biên chế do chưa được tuyển dụng tại các ĐVSNCL.

Có được kết quả như trên, Sở Nội vụ Thái Bình rút ra một số bài học kinh nghiệm trong tổ chức triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

**Một là**, đổi mới, sắp xếp, hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy là việc khó, phức tạp và nhạy cảm do đó phải có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt; luôn phải chủ động, sáng tạo, vận dụng các quy định của Trung ương, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh để xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể có trọng tâm, trọng điểm và lộ trình phù hợp; xác định nguồn lực và phân công nhiệm vụ rõ ràng gắn với đề cao trách nhiệm của tập thể, cá nhân, nhất là người đứng đầu.

**Hai là**, cần có sự vào cuộc và phối hợp chặt chẽ của các cấp ủy, chính quyền. Trong đó, phải phát huy mạnh mẽ vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, lấy kết quả thực hiện sắp xếp tổ chức, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế là một trong những nội dung đánh giá, xếp loại hàng năm đối với cán bộ, đảng viên có liên quan.

**Ba là**, luôn quan tâm đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, và sự đồng thuận của Nhân dân trong quá trình triển khai thực hiện.

**Bốn là**, trong quá trình triển khai thực hiện phải thực hiện nghiêm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo xây dựng và quản lý tổ chức bộ máy, biên chế của toàn hệ thống chính trị.

**Năm là**, thường xuyên, chủ động nắm bắt tình hình dư luận, tư tưởng đội ngũ, coi trọng công tác chính trị tư tưởng, nâng cao nhận thức, trách nhiệm, tạo sự đồng thuận, thống nhất hành động của đội ngũ cán bộ, viên chức, quan tâm giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, viên chức đặc biệt là các đơn vị được sắp xếp, chuyển đổi cơ chế hoạt động.

Trong thời gian tới, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh sẽ tiếp tục quan tâm, chỉ đạo thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các ĐVSNCL, cụ thể là:

**Một là**, tiếp tục thực hiện việc giảm đầu mối, đẩy mạnh sự tham gia cung ứng dịch vụ sự nghiệp của khu vực ngoài công lập; phấn đấu chỉ duy trì các ĐVSNCL phục vụ nhiệm vụ chính trị, phục vụ quản lý nhà nước và các đơn vị công cung ứng các dịch vụ phúc lợi cơ bản, thiết yếu; giảm 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách Nhà nước so với năm 2021; giảm bình quân 15% chi trực tiếp từ ngân sách Nhà nước cho ĐVSNCL so với giai đoạn 2021-2025.

**Hai là**, đẩy mạnh phân cấp, giao quyền tự chủ cho các ĐVSNCL theo hướng phân định rõ việc quản lý nhà nước với quản trị ĐVSNCL và việc cung ứng dịch vụ sự nghiệp công; quy định rõ trách nhiệm người đứng đầu ĐVSNCL.

**Ba là**, tiếp tục chuyển một số ĐVSNCL hoạt động do ngân sách nhà nước đảm bảo sang tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, nâng mức độ tự chủ đối với các ĐVSNCL tự đảm bảo một phần chi thường xuyên; chuyển một số ĐVSNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên đủ điều kiện sang đơn vị tự đảm bảo chi

thường xuyên.

**Bốn là**, xây dựng quy hoạch mạng lưới các ĐVSNCL lập theo ngành, lĩnh vực; trong đó chú ý: xây dựng và phát triển mạng lưới khám, chữa bệnh, mạng lưới y tế dự phòng, mạng lưới y tế cơ sở của tỉnh Thái Bình theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Rà soát quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục công lập, phát triển loại hình giáo dục ngoài công lập, chủ động phân luồng và định hướng cho phụ huynh và người học lựa chọn các mô hình trường không phân biệt công lập hay ngoài công lập.

**Năm là**, ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, ban hành đơn giá, giá từng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo lộ trình giá dịch vụ được tính đủ chi phí làm cơ sở để các đơn vị sự nghiệp công xác định mức độ tự chủ về tài chính của đơn vị.

**Sáu là**, tăng cường kiểm tra, giám sát các cấp, tổ chức, tập thể lãnh đạo các đơn vị, địa phương nhằm kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, khuyết điểm để tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch đề ra.

## 11. Sở Nội vụ tỉnh Quảng Nam

### Tham luận “Nâng cao hiệu lực, hiệu quả sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập”

Căn cứ các quy định của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và các Bộ ngành về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập (*viết tắt là ĐVSNCL*); các cấp chính quyền, các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh bám sát chỉ đạo của Trung ương, của Chính phủ, Chương trình hành động của Tỉnh ủy để triển khai thực hiện viện sắp xếp, kiện toàn các ĐVSNCL với quyết tâm cao, tích cực, chủ động, thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, có lộ trình phù hợp, bước đầu đã đạt được một số kết quả nhất định, đảm bảo tiến độ đề ra; việc sắp xếp, tổ chức lại các ĐVSNCL theo ngành, lĩnh vực được thực hiện theo quy định; tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị từng bước được kiện toàn theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả; giảm đầu mối, giảm cấp phó, giảm cấp trung gian, nâng cao hiệu quả hoạt động của ĐVSNCL, góp phần tiết kiệm chi thường xuyên, tăng chi cho đầu tư phát triển; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng ĐVSNCL được rà soát, bổ sung, hoàn thiện, khắc phục sự chồng chéo, trùng lặp; chất lượng đội ngũ viên chức được nâng cao, cơ cấu đội ngũ viên chức ngày càng hợp lý; kết quả tinh giản biên chế hằng năm đảm bảo tỷ lệ và lộ trình theo quy định; đạt được kết quả cụ thể như sau:

- Về số lượng ĐVSNCL: Giai đoạn 2015-2023, giảm 207 ĐVSNCL, tương đương tỷ lệ 19,01% (*trong đó: ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh giữ nguyên; ĐVSNCL thuộc Sở, Ban, ngành giảm 58 đơn vị; ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện giảm 149 đơn vị*);

- Về biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN: Giai đoạn 2015-2021, giảm 3.936 biên chế, tương đương tỷ lệ 11,6%; Giai đoạn 2022-2024, giảm 2.194 biên chế, tương đương tỷ lệ 7,3%;

- Về thực hiện cơ chế tự chủ đối với ĐVSNCL: Giai đoạn 2015-2023, tăng 55 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên trở lên (*trong đó: ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh 06 đơn vị; ĐVSNCL thuộc Sở, Ban, ngành 21 đơn vị; ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện 28 đơn vị*), đơn vị ngân sách tự đảm bảo chi thường xuyên giảm 211 đơn vị (*trong đó: ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh giảm 01 đơn vị; ĐVSNCL thuộc Sở, Ban, ngành giảm 93 đơn vị; ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện giảm 117 đơn vị*), tương đương 22,6%;

- Về cơ cấu tổ chức bên trong của các ĐVSNCL chưa tự chủ: Giai đoạn 2015-2023, giảm 191 tổ chức bên trong, tương đương 25,1%;

- Về số lượng đơn vị ngoài công lập cung ứng dịch vụ sự nghiệp công: Giai đoạn 2015-2023, tăng 621 đơn vị, tương đương 89,7%.

- Thực hiện chủ trương sắp xếp, đổi mới nâng cao hiệu quả hoạt động của các ĐVSNCL đã góp phần nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý đối với ĐVSNCL, các đơn vị đã chủ động khai thác các nguồn lực, mở rộng hoạt động dịch vụ, tăng nguồn thu, nâng cao thu nhập, giảm chi thường xuyên cho ngân sách,...

Bên cạnh những kết quả nổi bật đã đạt được, việc đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các ĐVSNCL trên địa bàn tỉnh Quảng Nam còn có những khó khăn, hạn chế nhất định, đó là:

- Đối với tỉnh Quảng Nam việc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật, xây dựng giá dịch vụ sự nghiệp công lập chỉ thực hiện được đối với một số danh mục sự nghiệp công có sử dụng ngân sách nhà nước, còn lại hầu hết chưa được ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, giá dịch vụ sự nghiệp công. Nguyên nhân là do việc xây dựng danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, trong đó xác định rõ dịch vụ thiết yếu và dịch vụ cơ bản; xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật, xây dựng giá dịch vụ sự nghiệp công lập chưa được các bộ, ngành hướng dẫn kịp thời, đồng bộ;

- Thực trạng tỉnh Quảng Nam hiện nay số lượng ĐVSNCL lĩnh vực giáo dục - đào tạo rất lớn (725/887 đơn vị trên toàn tỉnh, chiếm trên 80%), nhưng do biên chế bố trí tại các đơn vị chưa được Trung ương bổ sung đảm bảo theo định mức học sinh/lớp, định mức giáo viên/lớp dẫn đến việc sắp xếp mạng lưới trường lớp, bố trí giáo viên, nâng cao chất lượng giáo dục còn nhiều bất cập (*năm học 2023-2024, để đảm bảo theo định mức quy định thì tỉnh cần được giao bổ sung 715 biên chế giáo dục - đào tạo*);

- Việc thực hiện phân loại tự chủ tài chính, chuyển các ĐVSNCL sang cơ chế tự chủ (tự bảo đảm chi thường xuyên, tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư) còn hạn chế; mức độ tự chủ trong các lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công không đồng đều, thường chỉ tập trung ở một số lĩnh vực sự nghiệp kinh tế để thu lợi nhuận và tập trung ở các địa phương vùng đồng bằng, nơi có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển; bên cạnh đó, việc tự chủ trên lĩnh vực sự nghiệp giáo dục - đào tạo, y tế tại tỉnh còn gặp rất nhiều khó khăn.

- Nguồn thu từ phí, thu từ các hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp của một số ĐVSNCL không ổn định, làm ảnh hưởng đến khả năng tăng mức độ tự chủ để tiến tới tự đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên (như lĩnh vực y tế, nguồn kinh phí hoạt động của các đơn vị khám chữa bệnh phụ thuộc nhiều vào nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế; những khó khăn trong việc cân đối thu chi quỹ bảo hiểm y tế là một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc thực hiện tự chủ tại các đơn vị khám chữa bệnh chưa thể đạt được hiệu quả như mong muốn). Bên cạnh đó, trong năm 2020 và năm 2021 do ảnh hưởng của Covid-19, các hoạt động của các ĐVSNCL bị ảnh hưởng, nguồn thu giảm mạnh ảnh hưởng đến việc thực hiện tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Hiện nay, để nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các ĐVSNCL tỉnh Quảng Nam tiếp tục triển khai các giải pháp như sau:

- Tiếp tục quán triệt, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về mục tiêu, ý nghĩa, yêu cầu, nội dung đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính và tổ chức lại hệ thống các ĐVSNCL nhằm nâng cao nhận thức, tạo đồng thuận trong việc thực hiện chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần nâng

cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các ĐVSNCL, đẩy mạnh xã hội hoá dịch vụ sự nghiệp công;

- Căn cứ danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu và quy hoạch mạng lưới các ĐVSNCL trong từng ngành, lĩnh vực; văn bản hướng dẫn về VTVL lãnh đạo quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc đối với ĐVSNCL thuộc ngành, lĩnh vực; hướng dẫn về VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung và hỗ trợ, phục vụ của ĐVSNCL và các quy định, hướng dẫn có liên quan để tiếp tục rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các ĐVSNCL trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đảm bảo theo quy định;

- Quản lý và giám sát chặt chẽ biên chế của các ĐVSNCL do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ hoặc một phần chi thường xuyên. Thực hiện nghiêm việc đánh giá, phân loại viên chức hằng năm theo quy định hiện hành để đưa ra khỏi đội ngũ những người 02 năm liên tiếp không hoàn thành nhiệm vụ và thực hiện có hiệu quả việc thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ vào làm việc tại các ĐVSNCL;

- Tiếp tục nghiên cứu, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng lực quản trị đơn vị, bảo đảm chặt chẽ, hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công, đáp ứng yêu cầu của xã hội. Rà soát, hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy bên trong từng đơn vị theo hướng tinh gọn, giảm mạnh đầu mối, bỏ cấp trung gian, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin;

- Căn cứ quy định của Trung ương để rà soát, hoàn thiện quy hoạch định hướng mạng lưới các ĐVSNCL gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tăng cường phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành với cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, tài chính trong quản lý ngân sách nhà nước chi cho lĩnh vực sự nghiệp, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước. Quy định rõ quyền hạn gắn với trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương, đặc biệt là người đứng đầu ĐVSNCL. Tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của các đơn vị cung ứng dịch vụ sự nghiệp công;

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, cố tình né tránh hoặc không thực hiện nhiệm vụ được giao.

Từ thực tiễn việc triển khai sắp xếp, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các ĐVSNCL; tỉnh Quảng Nam đề xuất, kiến nghị một số nội dung như sau:

**Thứ nhất**, Chính phủ chỉ đạo các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực rà soát để ban hành và kịp thời sửa đổi bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, trong đó xác định rõ dịch vụ thiết yếu và dịch vụ cơ bản; đồng thời, sớm ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, khung giá dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu, khung tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công đối với các lĩnh vực chưa được ban hành để địa phương có cơ sở triển khai thực hiện;

**Thứ hai**, Chính phủ sớm ban hành Nghị định thay thế Nghị định số

120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; trong đó, đề nghị xem xét điều chỉnh khoản 2, Điều 6 (về khung số lượng cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL): đối với một số ĐVSNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và ĐVSNCL do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên được bố trí không quá 03 cấp phó; đặc biệt là các đơn vị sự nghiệp y tế (thuộc Sở Y tế - Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh) có 150 người làm việc trở lên hoặc các đơn vị có phạm vi hoạt động trải rộng ở nhiều địa bàn, phức tạp;

**Thứ ba**, Ban Tổ chức Trung ương và Bộ Nội vụ:

+ Xem xét, nghiên cứu tham mưu Bộ Chính trị phương pháp xác định và giao biên chế cho các ĐVSNCL trên cơ sở Đề án VTVL được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Xem xét báo cáo Bộ Chính trị điều chỉnh biên chế viên chức giao giai đoạn 2022-2026 đối với những đơn vị, địa phương đã thực hiện vượt chỉ tiêu giai đoạn 2016-2021 thì phần vượt được tính vào kết quả thực hiện giai đoạn 2022-2026 theo Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị.

Theo đó, giai đoạn 2016-2021 tỉnh Quảng Nam đã thực hiện vượt mục tiêu tinh giản biên chế là 1,6% tương đương 541 biên chế viên chức; do đó, kính đề nghị điều chỉnh biên chế viên chức giao giai đoạn 2022-2026 đối với tỉnh Quảng Nam từ **26.903** viên chức lên **27.444** viên chức ( $26.903 + 541$ ), có tính phần vượt chỉ tiêu biên chế tinh giản đã thực hiện giai đoạn 2016-2021.

+ Xem xét báo cáo Bộ Chính trị tiếp tục giao bổ sung biên chế viên chức sự nghiệp giáo dục - đào tạo đảm bảo theo định mức quy định tại Thông tư 19/2023/TT-BGDĐT, Thông tư 20/2023/TT-BGDĐT;

+ Kiến nghị các cơ quan Trung ương cần thống nhất và hướng dẫn chung trên toàn quốc về biên chế hội; đồng thời, kiến nghị Bộ Nội vụ sớm trình Chính phủ ban hành Nghị định mới thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP của Chính phủ;

+ Hiện nay, mô hình Đội Quản lý trật tự xây dựng (hoặc Đội Quy tắc đô thị, Đội Kiểm tra quy tắc) với nhiệm vụ về kiểm tra quy tắc đô thị cấp huyện; tuy nhiên xuất phát từ yêu cầu thực tiễn của địa phương đối với công tác quản lý hiện trạng; hướng dẫn, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật đối với các hành vi vi phạm hành chính trên các lĩnh vực quản lý trật tự xây dựng, quản lý trật tự đô thị trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố; chưa được tổ chức thống nhất trên cả nước và đồng thời chưa có hướng dẫn cụ thể về mô hình tổ chức, biên chế; do đó, xuất phát từ nhu cầu thực tiễn đặt ra, đề nghị kiến nghị Bộ Nội vụ tham mưu cấp có thẩm quyền hướng dẫn cụ thể về mô hình tổ chức, biên chế của Đội Quy tắc đô thị cấp huyện.

+ Do yêu cầu cấp thiết đối với việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực đường thủy nội địa tại địa phương; đồng thời, để đảm bảo thực hiện

chủ trương tinh giản 05% biên chế công chức, tỉnh Quảng Nam dự kiến thành lập Cảng vụ đường thủy nội địa là tổ chức hành chính, trên cơ sở sử dụng đồng thời biên chế công chức (04 biên chế) và biên chế viên chức (08 biên chế), tương tự mô hình một số đơn vị quản lý nhà nước về đường thủy nội địa thuộc Bộ Giao thông vận tải, Cảng vụ đường thủy nội địa tỉnh Bến Tre... Do đó, kính đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, thống nhất cho tỉnh thành lập tổ chức hành chính là Cảng vụ đường thủy nội địa trực thuộc Sở Giao thông vận tải (trong đó sử dụng đồng thời biên chế công chức và biên chế viên chức).

Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các ĐVSNCL là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng hàng đầu góp phần tăng cường quản lý biên chế viên chức và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hoá dịch vụ sự nghiệp công; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước... Vì vậy, tỉnh Quảng Nam sẽ quyết tâm hơn nữa và mong muốn nhận được sự quan tâm, hướng dẫn của Chính phủ, bộ, ngành Trung ương./.

## **12. Sở Nội vụ tỉnh Phú Yên**

### **Tham luận “Nâng cao hiệu lực, hiệu quả sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập”**

#### **1. Việc quán triệt, triển khai thực hiện các nhiệm vụ nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập tại tỉnh Phú Yên**

Từ năm 2017, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các ĐVSNCL; Chính phủ ban hành Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 19-NQ/TW; Tỉnh ủy Phú Yên ban hành Kế hoạch số 58-KH/TU ngày 11/4/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW và Kết luận số 334-KL/TU của Hội nghị lần thứ 9 Ban chấp hành Đảng bộ khoá XVII sơ kết 04 năm thực hiện Kế hoạch số 58-KH/TU, ngày 11/4/2018 của Tỉnh ủy;

Mới nhất, Bộ Chính trị có Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 về việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Chính phủ ban hành Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 02/4/2024 về Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 62-KL/TW của Bộ Chính trị; UBND tỉnh Phú Yên ban hành Kế hoạch bám sát các quan điểm chỉ đạo, mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể nhằm tiếp tục thực hiện các mục tiêu đã đề ra tại Nghị quyết số 19-NQ/TW và tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các ĐVSNCL tại địa phương.

Như vậy, việc nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các ĐVSNCL ở địa phương cũng như trong cả nước là nhiệm vụ được chỉ đạo thực hiện thường xuyên, thống nhất, xuyên suốt, có mục tiêu, giải pháp rõ ràng qua từng giai đoạn, có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay.

#### **2. Kết quả sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập tại tỉnh Phú Yên giai đoạn 2018 - 2023 và 06 tháng đầu năm 2024**

##### **a) Kết quả chung**

Tại tỉnh Phú Yên, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị đã tập trung thực hiện nhiệm vụ rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các ĐVSNCL cũng như sắp xếp cơ cấu tổ chức bên trong của các đơn vị, nhằm đổi mới, sắp xếp và quản lý tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc; kết hợp hài hòa giữa kế thừa, ổn định với đổi mới, phát triển; gắn đổi mới tổ chức bộ máy với đổi mới phương thức lãnh đạo, tinh giản biên chế và cải cách chế độ tiền lương, nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức, nâng cao chất lượng dịch vụ công khắc phục tình trạng manh mún, dàn trải và trùng lặp; bảo đảm quy hoạch mạng lưới các ĐVSNCL gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước, bảo đảm chất lượng, hoạt động hiệu quả; giữ vai trò chủ đạo, then chốt trong thị trường dịch vụ sự nghiệp công; cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu có chất lượng ngày càng cao.

## b) Kết quả sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập

Kết quả, tỉnh Phú Yên đã triển khai thực hiện sắp xếp các ĐVSNCL trên toàn diện các lĩnh vực: giáo dục - đào tạo<sup>(58)</sup>, giáo dục nghề nghiệp<sup>(59)</sup>, y tế<sup>(60)</sup>, khoa học và công nghệ<sup>(61)</sup>, văn hóa, thể dục, thể thao<sup>(62)</sup>, thông tin và truyền thông<sup>(63)</sup>, sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác<sup>(64)</sup>, các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn cấp huyện<sup>(65)</sup>, mang lại nhiều kết quả khả quan.

Về số lượng ĐVSNCL: năm 2021, tỉnh Phú Yên có 455 ĐVSNCL, giảm 134 đơn vị so với năm 2015<sup>(66)</sup>, tỷ lệ giảm đạt 22,8%, vượt chỉ tiêu đề ra trong giai đoạn đến năm 2021 (giảm 10% ĐVSNCL so với năm 2015); tính đến ngày 30/6/2024, tỉnh Phú Yên có 439 ĐVSNCL, giảm 150 đơn vị so với năm 2015, giảm 16 đơn vị so với năm 2021.

Về tinh giản số lượng người làm việc: tinh giản số lượng người làm việc trong ĐVSNCL được chú trọng, tỉnh Phú Yên đã ban hành Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 17/3/2023 về quản lý, sử dụng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các ĐVSNCL giai đoạn 2022-2026. Theo đó, đến đầu năm 2026, số lượng người làm việc tỉnh Phú Yên là: 15.395 người (không tính số

<sup>(58)</sup> 09/09 địa phương thực hiện hợp nhất, sáp nhập các trường mầm non công lập, các trường tiểu học, các trường trung học và trung học cơ sở trên địa bàn giảm 95 đơn vị trường học.

<sup>(59)</sup> Thực hiện hợp nhất các Trung tâm giáo dục thường xuyên trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và các Trung tâm dạy nghề trực thuộc UBND cấp huyện về UBND cấp huyện quản lý đã thực hiện năm 2016.

<sup>(60)</sup> Thực hiện mô hình cấp huyện chỉ có một trung tâm y tế đa chức năng (thực hiện sáp nhập 09 Trung tâm DS-KHHGD trực thuộc Chi cục Dân số Kế hoạch hóa gia đình vào Trung tâm y tế huyện, thị xã, thành phố); hợp nhất Trung tâm Y tế dự phòng và Trung tâm Truyền thông giáo dục sức khỏe, Trung tâm phòng chống HIV/AIDS thành Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh; đã thực hiện giải thể các trạm y tế xã trên địa bàn có Trung tâm y tế. Sáp nhập Trạm y tế xã An Hòa và Trạm y tế xã An Hải thành Trạm y tế xã An Hòa Hải, Trạm y tế xã Xuân Cảnh và Trạm y tế xã Xuân Hòa thành Trạm y tế xã Xuân Cảnh do thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp xã.

<sup>(61)</sup> Sáp nhập Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng vào Trung tâm Ứng dụng và Chuyển giao công nghệ và đổi tên thành Trung tâm Khoa học và Công nghệ trực thuộc Sở KHCN (từ 02 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở, 01 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Chi cục, hiện nay chỉ còn 01 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở KHCN).

<sup>(62)</sup> Hợp nhất Trung tâm Văn hóa tỉnh, Trung tâm phát hành phim và Chiếu bóng thành Trung tâm Văn hóa và Điện ảnh tỉnh trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; sáp nhập, hợp nhất 09/09 Trung tâm Văn hóa, Trung tâm Văn hóa - thể thao và Đài Truyền Thanh và Truyền hình, Đài Truyền thanh cấp huyện.

<sup>(63)</sup> Hợp nhất Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông, Trung tâm Dữ liệu và Dịch vụ viễn thông thành Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông.

<sup>(64)</sup> Hợp nhất Trung tâm Giống và Kỹ thuật cây trồng; Trung tâm Giống và Kỹ thuật vật nuôi; Trung tâm Giống và Kỹ thuật thủy sản thành một đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Hợp nhất Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông thành Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh trực thuộc UBND tỉnh; Hợp nhất Trung tâm Khuyến công và xúc tiến thương mại, Trung tâm tư vấn công nghiệp và tiết kiệm năng lượng thành một đơn vị trực thuộc Sở Công Thương; Sáp nhập các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường: Trung tâm Điều tra, đánh giá tài nguyên & Môi trường biển, hải đảo vào Trung tâm Quan trắc Tài nguyên & Môi trường; Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường vào Văn phòng Đăng ký Đất đai. Hiện nay, đang tiếp tục triển khai thực hiện sáp nhập Trung tâm kỹ thuật TN&MT vào Văn phòng Đăng ký Đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

<sup>(65)</sup> Đã thực hiện giải thể các Đội (Đội quản lý các công trình đô thị huyện Phú Hoà, Đội quản lý Đô thị và Môi trường huyện Sông Hinh, Đội quản lý đô thị huyện Tây Hoà); hợp nhất Đội quản lý trật tự đô thị với các đơn vị sự nghiệp khác thành Trung tâm Cung ứng dịch vụ công ích thành phố Tuy Hòa là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên; thực hiện thí điểm hợp nhất Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Trung tâm phát triển quỹ đất thành Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất cấp huyện tại 04 địa phương (UBND các huyện, thị xã, thành phố: Sơn Hòa, Đồng Xuân, Đông Hòa, Tuy Hòa).

<sup>(66)</sup> Năm 2015 có 589 đơn vị sự nghiệp công lập trên toàn tỉnh.

lượng người làm việc được giao bổ sung cho ngành giáo dục), giảm 1.711 biên chế so với số giao năm 2021<sup>(67)</sup>, đạt tỷ lệ giảm 10% bảo đảm theo lộ trình đề ra.

Việc đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công, chuyển đổi đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần nhằm mục đích đổi mới căn bản và toàn diện hệ thống các ĐVSNCL phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế, tăng cường xã hội hóa; hiện nay, tỉnh Phú Yên thực hiện các thủ tục để chuyển 02 ĐVSNCL trực thuộc Sở Giao thông vận tải (Bến xe liên tỉnh và Trung tâm Đăng kiểm phương tiện giao thông vận tải 78.01S) và 01 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh (Trung tâm Dịch vụ công ích) thành công ty cổ phần.

### **3. Đánh giá chung và bài học kinh nghiệm**

Qua 06 năm thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, với sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, các cấp, các ngành, địa phương đã bám sát nội dung kế hoạch để triển khai thực hiện với quyết tâm cao, tích cực, chủ động, thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, có lộ trình phù hợp, đã đạt được nhiều kết quả, đảm bảo tiến độ đề ra.

Bên cạnh đó, việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy các đơn vị sự nghiệp hoạt động hiệu lực, hiệu quả là chủ trương lớn, sâu rộng trong cả nước. Khi thực hiện tại địa phương, các cấp, ngành của tỉnh cũng những khó khăn nhất định trong công tác chỉ đạo, điều hành, nhất là trong việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức của đội ngũ viên chức quản lý, viên chức chuyên môn và người lao động, những người bị tác động trực tiếp trong việc tổ chức, sắp xếp bộ máy đơn vị sự nghiệp của tỉnh.

Vì mục tiêu chung là tinh gọn, cơ cấu hợp lý, có năng lực tự chủ, hoạt động có hiệu quả, giảm mạnh đầu mối của ĐVSNCL và sự quyết tâm cao của hệ thống chính trị tại tỉnh, sự phối hợp đồng bộ của nhiều cấp, ngành, đạt được ổn định về tư tưởng, đồng thuận của viên chức, người lao động tại ĐVSNCL; tỉnh Phú Yên từng bước đạt được những kết quả bước đầu, cơ bản vững chắc để tiếp tục thực hiện những mục tiêu mới trong sắp xếp ĐVSNCL, nâng cao mức độ tự chủ, tiến tới xã hội hóa những lĩnh vực sự nghiệp ngoài ngân sách nhà nước; góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu chung của cả nước đồng thời đạt được những kết quả mang màu sắc riêng của tỉnh trong công tác sắp xếp, tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả sắp xếp ĐVSNCL tại địa phương.

### **4. Các nhiệm vụ, giải pháp nhằm tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập tại tỉnh Phú Yên trong thời gian tới**

#### **a) Yêu cầu và giải pháp**

Bám sát Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị để tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 38/NQ-CP

<sup>(67)</sup> Năm 2021, tỉnh Phú Yên được cấp có thẩm quyền giao: 17.106 người làm việc.

ngày 02/4/2024 của Chính phủ và phần đầu đạt các chỉ tiêu cụ thể theo yêu cầu của Nghị quyết; phân công và có lộ trình cụ thể đối với việc thực hiện các nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện.

b) Nhiệm vụ trọng tâm

Thực hiện các nhiệm vụ được đề ra, trong đó, tỉnh Phú Yên xác định nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới là thực hiện quyết liệt công tác xã hội hóa, chuyển tất cả các dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước cho các đơn vị ngoài công lập; hỗ trợ các đơn vị ngoài công lập, nhà đầu tư tham gia, nâng cao chất lượng dịch vụ sự nghiệp công, nhất là trong lĩnh vực giáo dục, y tế, bảo đảm phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Đảm bảo mục tiêu đẩy mạnh sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu, nâng cao khả năng tiếp cận và chất lượng dịch vụ sự nghiệp công.

### 13. Sở Nội vụ tỉnh Bình Dương

#### Tham luận “Giải pháp thực hiện tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập và kiến nghị, đề xuất”

##### 1. Đặt vấn đề

Việc đẩy mạnh cải cách và đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ dịch vụ công của người dân là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, gần đây nhất, Hội nghị Trung ương 6 khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 19/NQ-TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các ĐVSNCL, trong đó đề ra mục tiêu tổng quát: đổi mới căn bản, toàn diện và đồng bộ hệ thống các ĐVSNCL, nâng cao hiệu quả chi ngân sách nhà nước (NSNN) cho ĐVSNCL để cơ cấu lại NSNN, cải cách tiền lương và nâng cao thu nhập cho cán bộ, viên chức trong ĐVSNCL; Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã thông qua Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, trong đó khẳng định chủ trương hoàn thiện hệ thống các ĐVSNCL theo hướng tinh gọn, có cơ cấu hợp lý, có năng lực tự chủ, quản trị tiên tiến, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu có chất lượng ngày càng cao; đẩy mạnh việc chuyển giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các ĐVSNCL.

Đơn vị sự nghiệp công lập: thành quả của quá trình chuyển đổi mô hình quản lý công ở Việt Nam

Bước vào thập niên 90 của thế kỷ XX, công cuộc đổi mới đất nước do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng đã tạo ra “bước đột phá”. “Đột phá” mang tính tiền đề, nền tảng là thay đổi về tư duy, nhận thức và thực thi chuyển đổi mô hình từ “quản lý nhà nước” sang “quản trị nhà nước” trong quản lý công.

Quản trị nhà nước, “các khía cạnh thực hành quyền lực qua thể chế chính thức hoặc phi chính thức nhằm quản trị mọi nguồn tài nguyên”<sup>68</sup> hay “các truyền thống và thể chế thực thi quyền lực ở một quốc gia”<sup>69</sup>, hình thành và được vận dụng vào quá trình cải cách khu vực công trong giai đoạn Việt Nam thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, để đi lên công nghiệp hóa - hiện đại hóa (1996). Đó là quá trình đổi mới tư duy và thực hành chuyển đổi quan trọng, mà nhà nước từ vai trò chủ thể quản lý, xuất hiện với hai tư cách: chủ thể quản trị xã hội và đồng thời là đối tượng quản trị (cơ chế giám sát của công dân và các thể chế chính trị xã hội khác).

Trước đổi mới (1986), với đặc tính của nền kinh tế tập trung, kế hoạch hóa, trong hệ thống quản lý công của Việt Nam, ĐVSNCL chiếm vị trí độc tôn với sự bao cấp toàn diện của nhà nước - từ bộ máy (cơ cấu tổ chức, lãnh đạo, nhân sự,

<sup>68</sup> Phạm Thị Hồng Điệp, *Nghiên cứu vận dụng mô hình “quản trị nhà nước tốt” ở Việt Nam*, Tạp chí Khoa học ĐHQG HN: Kinh tế và Kinh doanh, tập 33, số 3 (2017).

<sup>69</sup> Phạm Thị Hồng Điệp, *Nghiên cứu vận dụng mô hình “quản trị nhà nước tốt” ở Việt Nam*, Tạp chí Khoa học ĐHQG HN: Kinh tế và Kinh doanh, tập 33, số 3 (2017).

biên chế) đến chức năng, hoạt động (nhiệm vụ, kế hoạch,...) và nguồn lực (cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí,...).

Giai đoạn 1986-1996, tiến trình đổi mới toàn diện đất nước đưa đến hình thành nền kinh tế thị trường. Mô hình quản lý “bao cấp” khiến các ĐVSNCL trì trệ, hoạt động kém hiệu quả, không đáp ứng được nhu cầu của xã hội và cạnh tranh yếu kém với các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập. Qua thực tiễn, Đảng, Nhà nước Việt Nam sớm chủ trương và triển khai đổi mới mô hình quản lý đơn vị sự nghiệp. Ngày 28/01/1992, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định số 35-HĐBT về quản lý công tác khoa học, công nghệ cho phép các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế thành lập tổ chức khoa học, công nghệ. Sau đó, ngày 24/12/1996, Hội nghị Trung ương Đảng khóa VIII quyết nghị Nghị quyết “khuyến khích thành lập các tổ chức khoa học, công nghệ ngoài khu vực nhà nước”. Chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam đưa đến sự ra đời hàng loạt viện nghiên cứu, trung tâm, tổ chức và doanh nghiệp công nghệ ngoài nhà nước. Tiếp sau khoa học, công nghệ là các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa - xã hội,...

Việc cho phép các thành phần ngoài nhà nước tham gia vào các lĩnh vực thuộc quản lý nhà nước đã làm rõ nhu cầu cấp thiết phải chuyển đổi mô hình của các ĐVSNCL. Ngày 09/6/2000, Quốc hội Việt Nam khóa 10 thông qua Luật Khoa học và Công nghệ, lần đầu tiên đề cập đến cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, trở thành tiền đề quan trọng cho sự hình thành mô hình mới. Đến năm 2005 và 2006, Chính phủ ban hành 02 Nghị định (Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học, công nghệ công lập và Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với ĐVSNCL khác), vấn đề chuyển đổi mô hình quản lý ĐVSNCL chính thức hình thành.

Quá trình triển khai chuyển đổi mô hình quản lý ĐVSNCL trải qua nhiều giai đoạn với sự phát triển của tư duy đổi mới mô hình quản trị, đưa đến hoàn thiện dần cơ chế, thể hiện qua việc ban hành các văn bản “tháo gỡ” những vấn đề nảy sinh trong quá trình hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, như: Nghị định số 80/2007/NĐ-CP về doanh nghiệp khoa học công nghệ; Nghị định số 96/2010/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 và Nghị định số 80/2007/NĐ-CP. Do đó tạo sự chuyển biến về mô hình tự chủ, đặc biệt là trong lĩnh vực khoa học công nghệ. Thống kê đến năm 2009, trên cả nước có 331 đơn vị được phê duyệt đề án tự chủ (chiếm 63,5% số đơn vị trong tất cả các lĩnh vực). Đồng thời, xuất hiện nhiều đơn vị điển hình tự chủ, như: Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 (Bộ Khoa học và Công nghệ), Viện Nghiên cứu cơ khí, Viện Máy và Dụng cụ công nghiệp (Bộ Công Thương); Trung tâm Nghiên cứu gia cầm Thụy Phương, Tổng công ty Cơ điện xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)... Đến năm 2016, số lượng ĐVSNCL đạt 57.995 đơn vị (cấp trung ương: 1.206 đơn vị; địa phương: 56.789 đơn vị. Khối các cơ quan Đảng, đoàn thể quản lý có 811 đơn vị; khối Quốc hội, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân và Kiểm

toán Nhà nước quản lý có 14 đơn vị; khối Chính phủ quản lý có 57.170 đơn vị. Lĩnh vực giáo dục - đào tạo chiếm tỷ lệ cao nhất với 41.801 đơn vị, tương đương 72,08%); y tế có 6.160 đơn vị, chiếm 10,62%)<sup>70</sup>.

Mặc dù vậy, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nổi cộm là sự không đồng bộ của hệ thống pháp luật, giai đoạn 2010-2015, mô hình tự chủ các ĐVSNCL có sự đình trệ. Nhận thức về mô hình tự chủ diễn biến theo nhiều xu hướng: một là tư duy cực đoan, do hoạt động kém hiệu quả, không ít đơn vị công lập tự chủ có xu hướng quay trở lại cơ chế quản lý “bao cấp”; hai là tư duy “cào bằng”, xu hướng xây dựng cơ chế tự chủ chung cho tất cả ngành nghề, lĩnh vực mà bỏ qua yếu tố đặc thù; ba là tư duy “lợi nhuận”, chú trọng tự chủ về tài chính, thiếu sự phân cấp, phân quyền về tổ chức bộ máy, nhân sự;....

Số liệu về tự chủ tài chính và nhân sự thống kê đến năm 2016 cho thấy:

- Về nhân sự: 81,04%, tương ứng với 1.978.810 lao động, là biên chế do cấp quản lý có thẩm quyền giao chỉ tiêu, ĐVSNCL chưa thực sự tự quyết về nhân sự phù hợp với thực tiễn hoạt động của đơn vị; gần 20% nhân sự còn lại do ĐVSNCL tự quyết theo hình thức hợp đồng lao động (Nghị định số 68/2000/NĐ-CP) chủ yếu tập trung vào đội ngũ nhân sự đóng vai trò phục vụ, hỗ trợ (bảo vệ, lao công, tài xế,...)<sup>71</sup>.

- Về tài chính, 57.171 ĐVSNCL thực hiện cơ chế tự chủ ở 3 mức độ: bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: 123 đơn vị (0,21%); bảo đảm chi thường xuyên: 1.934 đơn vị (3,33%); bảo đảm một phần chi thường xuyên có 12.968 đơn vị (22,36%); hoạt động do ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ kinh phí: 42.146 đơn vị (72,67%), chưa tự chủ về tài chính: 824 đơn vị<sup>72</sup>.

Qua đó có thể nhìn nhận, số lượng ĐVSNCL chuyển sang hoạt động theo mô hình tự chủ tăng mạnh. Nhưng cơ chế “tự quyết” của họ chưa phát triển tương xứng. Trên 70% ĐVSNCL tự chủ mang tính hình thức. Hệ quả, số lượng các ĐVSNCL hoạt động kém hiệu quả có xu hướng gia tăng.

Trước thực trạng đó, ngày 25/10/2017, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII lần thứ 6 thông qua Nghị quyết số 19-NQ/TW (Nghị quyết 19) về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của ĐVSNCL, mở đầu giai đoạn sắp xếp, tổ chức lại ĐVSNCL. Quá trình cơ cấu, tái cấu trúc diễn ra theo chiều hướng quy hoạch mạng lưới, định hướng sắp xếp, tổ chức lại các ĐVSNCL thông qua sáp nhập, giải thể những đơn vị trùng chéo chức năng, nhiệm vụ, hoạt động không hiệu quả ở các bộ/ngành/ địa phương; tăng cường phân cấp, phân quyền về tổ chức bộ máy, tài chính và hoạt động; thực hiện cơ chế đặt hàng, đấu thầu sản phẩm dịch vụ công về phương diện tài chính. Từ đó nâng cao chất lượng năng lực tự chủ, khả năng cung ứng dịch vụ công, cũng như hiệu quả hoạt động dịch vụ, sức cạnh tranh của các ĐVSNCL.

<sup>70</sup> Bộ Nội vụ. *Đề án đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập trình Hội nghị lần thứ Sáu Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII), năm 2017.*

<sup>71</sup> Bộ Nội vụ. *Đề án đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập trình Hội nghị lần thứ Sáu Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII), năm 2017.*

<sup>72</sup> Bộ Nội vụ. *Đề án đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập trình Hội nghị lần thứ Sáu Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII), năm 2017.*

## 2. Thực tiễn tỉnh Bình Dương

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình số 77-CTr/TU ngày 11/5/2018 về việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW và UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 4651/KH-UBND ngày 02/10/2018 về sắp xếp, đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các ĐVSNCL tỉnh Bình Dương giai đoạn 2018-2021. Theo đó đã đề ra mục tiêu cụ thể “*Sắp xếp, đổi mới hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm tinh gọn, hợp lý; giải thể các đơn vị hoạt động không hiệu quả; tăng cường thực hiện chuyển đổi các đơn vị hoạt động theo cơ chế tự chủ; đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút mạnh mẽ hơn nữa các thành phần kinh tế tham gia phát triển dịch vụ sự nghiệp công; thực hiện cổ phần hóa các đơn vị đủ điều kiện*”.

Nhận thức rõ tầm quan trọng và để tổ chức triển khai chủ trương đổi mới và đẩy mạnh tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các ĐVSNCL theo quy định<sup>73</sup>, các sở, ngành đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, cụ thể hóa các quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ, tăng cường phân cấp và tăng tính chủ động cho các ĐVSNCL. Qua quá trình triển khai thực hiện, cơ chế tự chủ tài chính của các ĐVSNCL từng bước được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, phương thức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước chuyển dần sang cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu, tạo cơ hội cho các tổ chức, cá nhân ngoài nhà nước tham gia cung ứng dịch vụ sự nghiệp công, cơ cấu tổ chức bộ máy được sắp xếp phù hợp với quy định hiện hành. Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 514 ĐVSNCL (gồm: 10 ĐVSNCL trực thuộc UBND tỉnh, 106 ĐVSNCL trực thuộc sở, ngành, 398 ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện), trong đó có 25 ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (tự chủ mức 1), 33 ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên (tự chủ mức 2), 114 ĐVSNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (tự chủ mức 3), 342 ĐVSNCL do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (tự chủ mức 4).

*3. Mô hình “quản trị nhà nước tốt” - giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đơn vị sự nghiệp công lập*

*Sau 5 năm (2017-2023), triển khai “tái cấu trúc” theo tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết 19, chất lượng hoạt động của các ĐVSNCL đã có những chuyển biến tích cực. Như đánh giá của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Kết luận số 63-KL/TW, “đơn vị sự nghiệp công lập được sắp xếp, tổ chức lại, tinh giản đầu mối và biên chế, tăng tính tự chủ, công khai, minh bạch; phát huy được vai trò chủ đạo, nâng cao chất lượng, cơ bản đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của Nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên*

<sup>73</sup> - Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

- Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25/12/2020 của Chính phủ về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;

- Nghị định 106/2020/NĐ-CP về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

giới, hải đảo; kết quả thực hiện chủ trương xã hội hoá đã góp phần tăng thêm nguồn lực, giảm áp lực cho các đơn vị sự nghiệp công lập, từng bước hình thành thị trường dịch vụ sự nghiệp công lành mạnh”<sup>74</sup>. Tuy nhiên, kết luận của Bộ Chính trị cũng nêu rõ: Bên cạnh đó, còn một số hạn chế, yếu kém đó là, chưa thể chế hoá kịp thời, đầy đủ, đồng bộ chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là về tổ chức bộ máy, chế độ, chính sách đối với ĐVSNCL sau sắp xếp; cơ chế tự chủ tài chính; định mức kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở để định giá dịch vụ sự nghiệp công; trách nhiệm công khai, minh bạch, giải trình. Một số nơi sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế còn máy móc, cào bằng, chưa gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, viên chức. Hiệu quả hoạt động của nhiều ĐVSNCL sau sắp xếp chưa đáp ứng yêu cầu. Chính sách xã hội hoá chưa thu hút mạnh mẽ các thành phần kinh tế tham gia phát triển dịch vụ sự nghiệp công. Công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động của các ĐVSNCL chưa được quan tâm đúng mức, một số cá nhân, đơn vị còn vi phạm pháp luật”<sup>75</sup>.

*Cụ thể hóa kết luận của Bộ Chính trị trên cơ sở hoạt động thực tiễn, những hạn chế và vướng mắc trong hoạt động các ĐVSNCL tập trung vào một số nội dung:*

- Đơn vị sự nghiệp công lập về cơ bản được tổ chức theo ngành, lĩnh vực và địa giới hành chính. Do đó, trong một ngành, lĩnh vực hay trên một địa bàn tồn tại cùng lúc nhiều ĐVSNCL có chức năng, nhiệm vụ trùng lặp, dẫn đến đầu tư dàn trải, lãng phí trong sử dụng nguồn tài nguyên.

- Quá trình sắp xếp tập trung chủ yếu ở tinh giản đầu mối, chưa chú trọng đến đổi mới cơ chế tổ chức và hoạt động.

- Hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước đối với ĐVSNCL còn hạn chế; hệ thống văn bản quy phạm pháp luật chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ.

- Cơ chế tài chính về cơ bản vẫn thực hiện theo cơ chế cũ - phân bổ ngân sách, kinh phí dựa vào biên chế và kế hoạch được giao, chưa hình thành rõ nét cơ chế đặt hàng, đấu thầu cung ứng dịch vụ công. Mặt khác, xuất hiện “mâu thuẫn” giữa yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của Nhà nước với nhu cầu tăng doanh thu, lợi nhuận nhằm đảm bảo nguồn chi trong hoạt động của các ĐVSNCL.

- Quản trị nội bộ ĐVSNCL yếu kém dẫn đến hoạt động kém hiệu quả, thiếu tính cạnh tranh với doanh nghiệp/pháp nhân ngoài nhà nước.

Như vậy, cơ bản chưa có sự chuyển đổi mang tính bản lề về mô hình quản trị các ĐVSNCL. Quá trình sắp xếp, tổ chức lại tập trung giải quyết vấn đề số lượng mà chưa chú trọng đến đổi mới mô hình quản trị. Quản trị ĐVSNCL vẫn cơ bản thực hiện theo cơ chế quản lý nhà nước - tổ chức bộ máy, nhân sự và hoạt động trên cơ sở kế hoạch nhà nước giao, nhưng phải tự đảm bảo được nhu cầu tài chính - hoạt động mang tính kinh doanh lợi nhuận. Do đó, nảy sinh tranh luận gay gắt về tính chất của ĐVSNCL - là cơ quan nhà nước hay doanh nghiệp nhà nước.

<sup>74</sup> Kết luận số 62-KL/TW ngày 2-10-2023 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

<sup>75</sup> Kết luận số 62-KL/TW ngày 2-10-2023 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

Lý thuyết “quản trị nhà nước tốt”, với 8 giá trị cốt lõi:

1. *Sự tham gia, nghĩa là huy động sự tham gia của các chủ thể trong xã hội vào hoạt động quản lý nhà nước.*
2. *Nhà nước pháp quyền, nghĩa là nhà nước tạo ra khuôn khổ, hành lang pháp lý công bằng và tạo cơ chế để các chủ thể trong xã hội tuân thủ khuôn khổ pháp luật.*
3. *Minh bạch, thiết chế nhà nước phải đảm bảo hoạt động tuân thủ pháp luật và thông tin minh bạch đến xã hội.*
4. *Đáp ứng, các thiết chế nhà nước phục vụ kịp thời nhu cầu của công dân, xã hội.*
5. *Hướng tới sự đồng thuận, đạt được sự đồng thuận thông qua việc điều hòa lợi ích của công dân, tổ chức và nhà nước.*
6. *Công bằng và thu hút, phục vụ công bằng mọi đối tượng.*
7. *Hiệu lực và hiệu quả, kết quả đạt được đáp ứng nhu cầu của xã hội trên cơ sở sử dụng hợp lý, tiết kiệm các nguồn lực.*
8. *Trách nhiệm giải trình, trách nhiệm của bộ máy nhà nước, những cá nhân nắm giữ và thực hiện quyền lực công thể hiện ở: trách nhiệm của cấp dưới đối với cấp trên (trách nhiệm nội bộ) và trách nhiệm của bộ máy công quyền đối với xã hội (trách nhiệm ra bên ngoài).*

Vận dụng lý thuyết “quản trị nhà nước tốt” vào đổi mới toàn diện, đồng bộ hệ thống sự nghiệp công lập, cho phép đề xuất các giải pháp:

**Một là**, thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách tạo điều kiện thúc đẩy xã hội hóa trong việc cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công, đảm bảo bình đẳng giữa ĐVSNCL và ngoài công lập; trong đó, có chính sách khuyến khích ưu đãi hơn nữa về đất đai, thuế, phí, tín dụng... để tạo điều kiện hỗ trợ các đơn vị ngoài công lập, nhà đầu tư trong việc đầu tư, nâng cao chất lượng dịch vụ.

**Hai là**, quản lý nhà nước các ĐVSNCL phải dựa trên cơ sở pháp luật, đồng nghĩa cần thiết bổ sung, hoàn thiện khung pháp lý, pháp luật đầy đủ, đồng bộ và phù hợp thực tiễn hoạt động của ĐVSNCL.

**Ba là**, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, hoàn thiện quy hoạch mạng lưới hệ thống ĐVSNCL và ngoài công lập gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, phù hợp với nhu cầu của công dân và xã hội. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường tính tự chủ của ĐVSNCL trên cả 3 lĩnh vực: tổ chức bộ máy, nhân - tài chính và hoạt động.

**Bốn là**, đẩy mạnh cơ chế nhà nước đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công trên cơ sở định giá kinh tế thị trường nhằm đảm bảo tính cạnh tranh công bằng giữa ĐVSNCL và các tổ chức ngoài công lập; mở rộng tính tự chủ, khả năng tìm kiếm lợi nhuận của các ĐVSNCL.

*Năm là*, rà soát, đánh giá và tiếp tục hoàn thiện cơ chế cho phép cổ phần hóa đối với ĐVSNCL có đủ điều kiện, gắn với giải quyết tốt các vấn đề xã hội; Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút đầu tư từ các chủ thể ngoài công lập vào các lĩnh vực công, từ đó thúc đẩy khả năng tự đổi mới, nâng cao năng lực, sức cạnh tranh của các ĐVSNCL.

### **Kết luận**

Qua gần 30 năm đổi mới mô hình quản trị, chất lượng và hiệu quả hoạt động của các ĐVSNCL đã có bước phát triển mạnh mẽ và dần đi đến hoàn thiện. Quá trình phát triển các ĐVSNCL trải qua nhiều giai đoạn khác nhau, với sự phát triển đi lên của nhận thức, tư duy về đổi mới quản trị nhà nước. Hiện nay, mô hình và hoạt động của các ĐVSNCL vẫn tồn tại nhiều hạn chế, trong đó nổi cộm là những yếu kém trong quản trị - chưa định hình rõ nét mô hình quản trị hiệu quả ĐVSNCL. Việc vận dụng lý thuyết “quản trị nhà nước tốt” góp phần nâng cao hiệu quả ĐVSNCL, đạt đến mục tiêu là đơn vị đáp ứng các nhu cầu xã hội cơ bản, thiết yếu của công dân, xã hội, góp phần phát triển bền vững dưới sự quản lý, chịu trách nhiệm của Nhà nước.

## **14. Sở Nội vụ tỉnh Bình Thuận**

**Tham luận “Việc thực hiện Nghị định số 29/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước; đánh giá tác động và những kiến nghị, đề xuất”**

Ngày 06/3/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 29/2024/NĐ-CP quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước. Nghị định số 29/2024/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 01/5/2024. Sở Nội vụ Bình Thuận báo cáo tham luận việc thực hiện Nghị định số 29/2024/NĐ-CP, đánh giá những mặt được, hạn chế trong quá trình triển khai và một số kiến nghị, đề xuất, cụ thể như sau:

### **1. Về công tác triển khai các quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý tại Nghị định số 29/2024/NĐ-CP của Chính phủ**

Để triển khai Nghị định số 29/2024/NĐ-CP, Sở Nội vụ Bình Thuận đã tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đúng quy định tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý theo Nghị định số 29/2024/NĐ-CP áp dụng cho công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính và viên chức quản lý trong ĐVSNCL. Đồng thời, UBND tỉnh chỉ đạo rà soát các trường hợp đang giữ chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý chưa đáp ứng tiêu chuẩn về lý luận chính trị, tiêu chuẩn về quản lý nhà nước, khả năng đăng ký nhu cầu và phối hợp Sở Nội vụ cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng để hoàn thiện theo quy định. Ví dụ như tiêu chuẩn về trình độ quản lý nhà nước đối với chức danh Giám đốc sở và tương đương được quy định là chuyên viên cao cấp (tại khoản 3 Điều 6).

Hiện nay, Sở Nội vụ đang phối hợp các sở, ngành rà soát các tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý tại Nghị định số 29/2024/NĐ-CP để đề xuất UBND tỉnh xem xét quy định tiêu chuẩn cao hơn phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và quy định của đảng.

Ngoài ra, đối với các ngành, lĩnh vực có tính chất đặc thù như y tế, giáo dục và đào tạo, tài nguyên và môi trường, nông nghiệp và phát triển nông thôn, UBND tỉnh giao các cơ quan trên phối hợp Sở Nội vụ đề xuất, tham mưu xây dựng quy định tiêu chuẩn chức danh viên chức quản lý của riêng từng ngành để việc thực hiện đảm bảo phù hợp với tính chất đặc thù của các ngành, sát thực tiễn hơn. Các sở, ngành khác nếu xét thấy cần thiết ban hành quy định riêng cho phù hợp đặc thù, tính chất nghề nghiệp của viên chức quản lý thì báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét.

### **2. Về đánh giá thuận lợi, khó khăn, vướng mắc**

Về thuận lợi, Nghị định số 29/2024/NĐ-CP ban hành tạo cơ sở pháp lý đầy đủ để địa phương triển khai thực hiện quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý. Các nội dung tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý tại Nghị định số 29/2024/NĐ-CP quy định cụ thể, rõ ràng cho từng chức danh lãnh đạo,

quản lý, giúp địa phương có thể triển khai và áp dụng ngay trong công tác bổ nhiệm. Ngoài ra, Nghị định số 29/2024/NĐ-CP không quy định cứng nhắc tiêu chuẩn mà cho phép các địa phương có thể quy định tiêu chuẩn cao hơn phù hợp với đặc thù ngành, lĩnh vực và tình hình thực tế.

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, quá trình triển khai Nghị định số 29/2024/NĐ-CP tại địa phương cũng một số khó khăn, vướng mắc như sau:

**Một là**, về tính đồng bộ, thống nhất với quy định của Đảng: Chức danh Phó Giám đốc sở và tương đương hiện nay ở địa phương thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp quản lý và quyết định. Theo đó, tiêu chuẩn chức danh Phó Giám đốc sở và tương đương thực hiện theo quy định tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý ban hành. Theo Quy định số 1025-QĐ/TU ngày 15/02/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Thuận thì trình độ lý luận chính trị đối với chức danh Phó Giám đốc sở và tương đương là cao cấp lý luận chính trị hoặc cử nhân chính trị trong khi Nghị định số 29/2024/NĐ-CP chỉ quy định trình độ trung cấp lý luận chính trị đối với chức danh này (điểm b khoản 2 Điều 6). Tuy nhiên, qua thực tiễn thực hiện quy định tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý trước đây thì cán bộ giữ chức vụ Phó Giám đốc sở và tương đương quy định trình độ lý luận chính trị cao cấp hoặc cử nhân là phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

**Hai là**, về quy định thời gian giữ chức vụ cấp dưới, thời gian công tác liên tục trong ngành, lĩnh vực: Tại điểm c khoản 2 Điều 26, điểm c khoản 2 Điều 27, điểm b khoản 2 Điều 31 Nghị định số 29/2024/NĐ-CP quy định tiêu chuẩn về thời gian công tác liên tục trong ngành, lĩnh vực đối với trường hợp nhân sự dự kiến bổ nhiệm không giữ chức vụ. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Quy định số 80-QĐ/TW ngày 18/8/2022 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử thì tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử chức vụ cao hơn là phải có thời gian giữ chức vụ đang đảm nhiệm hoặc chức vụ tương đương ít nhất là 02 năm. Đồng thời, việc yêu cầu cán bộ phải có kinh nghiệm lãnh đạo, quản lý, kinh qua chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp dưới nhất là đối với chức vụ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (như Phó Giám đốc sở và tương đương) là cần thiết và phù hợp. Do đó, cần xem xét, đánh giá kỹ việc quy định các trường hợp không giữ chức vụ nhưng có thời gian nhất định công tác liên tục trong ngành làm tiêu chuẩn để xem xét bổ nhiệm.

**Ba là**, về tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích, kết quả và sản phẩm cụ thể phù hợp với tiêu chuẩn chức vụ, chức danh dự kiến bổ nhiệm: Tại điểm b khoản 2 Điều 33 Nghị định số 29/2024/NĐ-CP có giao UBND cấp tỉnh quy định hoặc phân cấp quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích, kết quả và sản phẩm cụ thể phù hợp với tiêu chuẩn chức vụ, chức danh dự kiến bổ nhiệm trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, bảo đảm đủ cơ sở lựa chọn đúng người có năng lực để bổ nhiệm. Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện quy định trên tại địa phương có khó khăn nhất định. Theo đó, việc quy định cụ thể thành tích, kết quả và

sản phẩm để làm cơ sở thực hiện công tác bổ nhiệm cần có khung tiêu chí, tiêu chuẩn chung để các bộ, ngành, địa phương xây dựng và thực hiện, tránh việc có sự chênh lệch quá nhiều về tiêu chuẩn, điều kiện thành tích, kết quả, sản phẩm giữa các bộ, ngành và địa phương.

### **3. Kiến nghị, đề xuất**

Trên cơ sở những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 29/2024/NĐ-CP, Sở Nội vụ xin kiến nghị Bộ Nội vụ quan tâm, hướng dẫn một số nội dung sau:

**Thứ nhất**, kính đề nghị Bộ Nội vụ xem xét, rà soát nội dung quy định thời gian công tác liên tục trong ngành, lĩnh vực đối với trường hợp không giữ chức vụ để đảm bảo thực hiện quy định tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý phù hợp với quy định của Đảng và tình hình thực tế.

**Thứ hai**, tại khoản 5 Điều 34 Nghị định số 29/2024/NĐ-CP có quy định cấp có thẩm quyền bổ nhiệm quyết định tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích, kết quả và sản phẩm cụ thể phù hợp để thực hiện việc bổ nhiệm trong thời gian chưa có văn bản hướng dẫn nội dung quy định, tuy nhiên, để các bộ, ngành, địa phương có cơ sở thực hiện đúng quy định, kính đề nghị Bộ Nội vụ sớm có văn bản hướng dẫn thực hiện nội dung trên./.

## 15. Sở Nội vụ TP. Cần Thơ

### **Tham luận “Cơ cấu lại công chức, viên chức theo vị trí việc làm và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức”**

Cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức (CCVC) theo vị trí việc làm là một trong những nhiệm vụ trọng tâm mà các bộ, cơ quan, địa phương cần tập trung thực hiện trong năm 2024, là một trong những giải pháp để nâng cao chất lượng đội ngũ CCVC. Theo đó, để thực hiện hiệu quả việc cơ cấu lại đội ngũ CCVC theo vị trí việc làm và nâng cao chất lượng đội ngũ CCVC, Sở Nội vụ thành phố Cần Thơ đã tham mưu và triển khai thực hiện đồng bộ, kịp thời các nhiệm vụ, giải pháp và đạt được kết quả cụ thể như sau:

### **I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN**

#### **1. Tham mưu và triển khai đạt hiệu quả công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và lộ trình tinh giản biên chế**

- Công tác sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy được triển khai, thực hiện kịp thời, theo đúng chủ trương, quy định. Theo đó, thành phố đã thực hiện tổ chức lại tổ chức thuộc 17 cơ quan hành chính<sup>76</sup> cấp thành phố (giảm 43 tổ chức thuộc cơ quan hành chính và 46 phòng thuộc Chi cục và tương đương); đối với cơ quan chuyên môn cấp huyện sắp xếp giảm 09 cơ quan<sup>77</sup>; đã sắp xếp, giải thể giảm 109 đơn vị sự nghiệp công lập, đạt tỷ lệ 17,6%.

- Công tác tinh giản biên chế giai đoạn 2022-2026 đảm bảo theo lộ trình được quy định, kết quả thực hiện tính đến năm 2024: đã thực hiện giảm 19 biên chế công chức, tương ứng tỷ lệ giảm 1,02% so với biên chế giao năm 2021 (đạt 20,43% kế hoạch tinh giản biên chế của giai đoạn 2022 - 2026); giảm 1.694 số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước, tương ứng tỷ lệ giảm là 8,17% (đạt 81,7% kế hoạch tinh giản biên chế của giai đoạn 2022 - 2026).

#### **2. Hoàn thành theo đúng quy định phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; bố trí người làm việc theo vị trí việc làm đã được phê duyệt**

Xác định việc xây dựng và phê duyệt vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, ĐVSNCL là nội dung rất quan trọng và cần phải tập trung thực hiện hoàn thành trước ngày 31/3/2024, nhằm để bố trí lại ĐVSNCL theo VTVL, cơ cấu lại đội ngũ và thực hiện tinh giản biên chế đáp ứng theo yêu cầu nhiệm vụ và nâng cao chất lượng đội ngũ CCVC; cơ cấu ngạch là tiêu chuẩn chức danh công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý CCVC và cũng là một trong những căn cứ để đổi mới công tác đánh giá, xếp loại CCVC của thành phố; trên cơ sở hướng dẫn của Bộ quản lý

<sup>76</sup> Trong đó: 14 cơ quan hành chính thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và 03 chi cục trực thuộc cơ quan hành chính.

<sup>77</sup> Giải thể 09 Phòng Y tế cấp huyện, chuyển chức năng tham mưu quản lý nước về y tế về Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện.

ngành, lĩnh vực về vị trí việc làm và văn bản hướng dẫn của Bộ Nội vụ, Sở Nội vụ đã kịp thời và khẩn trương hướng dẫn<sup>78</sup> cơ quan, đơn vị và địa phương triển khai thực hiện; đồng thời, phối hợp với Trung tâm Đào tạo - Nghiên cứu khoa học tổ chức và quản lý thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam tổ chức lớp tập huấn “*Vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan hành chính, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp*”<sup>79</sup> và tổ chức hướng dẫn trực tiếp để hỗ trợ, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của cơ quan, đơn vị trong thực hiện cũng như kịp thời báo cáo, xin ý kiến cấp có thẩm quyền những nội dung còn vướng mắc để đảm bảo kịp tiến độ phê duyệt VTVL trên toàn thành phố.

Mặc dù quá trình triển khai thực hiện còn những khó khăn, vướng mắc, tuy nhiên với quyết tâm cao và sự nỗ lực phải hoàn thành trước ngày 31/3/2024 theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trần Lưu Quang, thành phố đã hoàn thành theo đúng tiến độ phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức cho 139<sup>80</sup> cơ quan, tổ chức hành chính và 523 đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện phê duyệt vị trí việc làm.

Sau khi hoàn thành việc phê duyệt vị trí việc làm, Sở Nội vụ tiếp tục tham mưu UBND thành phố chỉ đạo Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và địa phương<sup>81</sup> tập trung thực hiện rà soát thực trạng tổ chức bộ máy, biên chế, số lượng người làm việc hiện có để thực hiện việc sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (CBCCV) theo VTVL đã được phê duyệt; qua đó thực hiện nghiêm túc công tác nhận xét, đánh giá CBCCV, kiên quyết tinh giản biên chế đối với những CBCCV không hoàn thành nhiệm vụ, không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, không đạt tiêu chuẩn quy định, những người dôi dư do sắp xếp lại tổ chức.

### **3. Đổi mới công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng**

Thời gian qua, thành phố đã triển khai thực hiện việc tuyển dụng CCVC theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với yêu cầu VTVL. Trong đó, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyển dụng (tổ chức thi trắc nghiệm trên máy tính), cắt giảm yêu cầu về chứng chỉ tin học, ngoại ngữ; trường hợp VTVL yêu cầu bắt buộc phải có trình độ tin học hoặc ngoại ngữ thì tổ chức thi (nhưng không phải nộp chứng chỉ); đây cũng là sự đổi mới đáng kể công tác tuyển dụng và mang lại những kết quả tích cực.

Bên cạnh việc đổi mới công tác tuyển dụng, để tạo bước chuyển biến trong việc huy động có hiệu quả nguồn nhân lực cho những ngành, lĩnh vực đặc thù, phù

<sup>78</sup> Hướng dẫn số 310/HD-SNV ngày 09 tháng 02 năm 2023, Công văn số 2587/SNV-TCBC ngày 29 tháng 8 năm 2023, Công văn số 3505/SNV-TCBC ngày 13 tháng 11 năm 2023; Công văn số 4064/SNV-TCBC ngày 29 tháng 12 năm 2023 và Công văn số 82/SNV-TCBC ngày 10 tháng 01 năm 2024.

<sup>79</sup> Đối tượng tham dự: lãnh đạo và công chức, viên chức phụ trách xây dựng, hướng dẫn, thẩm định vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Văn phòng, Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Tổ chức hành chính tại các sở, ban ngành, đơn vị sự nghiệp; Phòng Nội vụ quận, huyện.

<sup>80</sup> trong đó: 19 cơ quan chuyên môn cấp thành phố; 04 cơ quan, tổ chức khác; 13 chi cục và trung ương và 103 cơ quan chuyên môn cấp huyện.

<sup>81</sup> Công văn 1867/UBND-NC ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc khẩn trương hoàn thiện các nội dung có liên quan đến vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức.

hợp sự phát triển của thành phố, góp phần tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao để tham mưu, tư vấn cho lãnh đạo thành phố giải quyết tốt các vấn đề thực tiễn của thành phố, Sở Nội vụ đã tham mưu UBND thành phố ban hành Kế hoạch<sup>82</sup> triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Ngoài ra, để khuyến khích CBCCVC học tập nâng cao trình độ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại chỗ, UBND thành phố ban hành Quyết định<sup>83</sup> về chế độ khuyến khích CBCCVC học tập nâng cao trình độ chuyên môn sau đại học<sup>84</sup>. Kết quả, bình quân mỗi năm có trên 9.000 lượt CBCCVC được cử tham gia học tập, qua đó góp phần nâng cao năng lực trong thực thi công vụ của đội ngũ CBCCVC.

#### **4. Nâng cao chất lượng trong công tác đánh giá CCVC hàng năm, thực hiện đúng quy định pháp luật, sát hợp với tình hình thực tế, phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác lãnh đạo, quản lý, góp phần tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong thực thi công vụ, nhiệm vụ**

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP và Nghị định số 48/2023/NĐ-CP, Sở Nội vụ đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Chủ tịch UBND thành phố ban hành Chỉ thị số 07/CT-UBND<sup>85</sup>; hàng năm có các văn bản hướng dẫn đánh giá, xếp loại chất lượng CBCCVC theo quy định<sup>86</sup>, đồng thời đã tham mưu UBND thành phố ban hành Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 26/6/2024 ban hành quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng CBCCVC; theo đó, lấy kết quả, hiệu quả, chất lượng, tiến độ thực hiện nhiệm vụ của mỗi CBCCVC hàng tháng, hoặc quý làm cơ sở việc đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm theo quy định (căn cứ Quy chế do UBND thành phố ban hành, từng cơ quan, đơn vị, ban hành Quy chế đánh giá CBCCVC thuộc phạm vi quản lý phù hợp với đặc điểm tình hình thực tiễn quản lý).

#### **5. Tiếp tục tăng cường kỷ luật kỷ cương hành chính và kỷ luật công vụ**

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/6/2016 và Công điện số 968/CD-TTg ngày 16/10/2023, đề đề cao trách nhiệm người đứng đầu cũng như cá nhân của công chức cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong thực thi nhiệm vụ, Sở Nội vụ đã tham mưu Chủ tịch UBND thành phố

<sup>82</sup> Kế hoạch số 192/KH-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2023.

<sup>83</sup> Kế hoạch số 12/2023/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2023.

<sup>84</sup>Theo đó, CBCCVC học tập nâng cao trình độ: (1) Được ưu tiên xem xét, giới thiệu để quy hoạch vào các chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý các cấp; ưu tiên xem xét trong việc cử tham gia dự thi, xét nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định hiện hành; (2) Được ưu tiên xem xét nâng bậc lương trước thời hạn theo tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với CBCCVC và người lao động; (3) Được biểu dương, khen thưởng về kết quả xuất sắc trong đào tạo theo Luật thi đua, khen thưởng và các văn bản quy định pháp luật hiện hành về thi đua, khen thưởng; (4) Đồng thời căn cứ yêu cầu thực tế và khả năng nguồn tài chính của mình, khuyến khích cơ quan, đơn vị tùy vào năng lực, mức chi tiêu nội bộ mà các cơ quan, đơn vị xem xét, quy định mức chi hỗ trợ cho CBCCVC học tập nâng cao trình độ chuyên môn phù hợp và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị.

<sup>85</sup> Ngày 17 tháng 4 năm 2023 về việc tăng cường vai trò, trách nhiệm đối với công tác đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.

<sup>86</sup>Theo đó, tổng số CBCCVC được đánh giá, xếp loại năm 2023 là 24.892 trường hợp, cụ thể: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 12.892 trường hợp (51,79%), Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 11.601 trường hợp (46,61%), Hoàn thành nhiệm vụ: 325 trường hợp (1,31%), Không hoàn thành nhiệm vụ: 74 trường hợp (0,3%).

ban hành văn bản<sup>87</sup> tiếp tục chấn chỉnh, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp và văn bản<sup>88</sup> triển khai ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND thành phố. Đồng thời, thực hiện rà soát việc có hay không tình trạng “*cán bộ, công chức năng lực yếu, không dám làm, né tránh, đùn đẩy, làm việc cầm chừng, sợ trách nhiệm, để trì trệ và không đáp ứng yêu cầu công việc được giao*” tại các cơ quan, đơn vị đề trên cơ sở này, các cơ quan, đơn vị xây dựng Kế hoạch phân công, điều chuyển, bố trí phù hợp hoặc kiểm điểm, xử lý trách nhiệm trong trường hợp để xảy ra chậm trễ, gây hậu quả....

## II. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

Bên cạnh kết quả đạt được nêu trên thì việc cơ cấu lại CCVC theo VTVL và nâng cao chất lượng đội ngũ CCVC đã phát sinh khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, cụ thể:

1. Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ theo VTVL có phạm vi rộng, là công việc rất khó, đòi hỏi tính khoa học và chuyên môn cao nhưng lại là yêu cầu rất cấp bách. Mặc dù các bộ, ngành đã ban hành Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm, tuy nhiên vẫn chưa đầy đủ và hoàn thiện (một số Bộ, ngành chưa ban hành hướng dẫn danh mục VTVL lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, lĩnh vực<sup>89</sup>; hướng dẫn bản mô tả công việc chưa đầy đủ nội dung và bảo đảm theo tiêu chí của ngạch công chức tương ứng<sup>90</sup>; hướng dẫn danh mục vị trí chưa bao quát, đầy đủ và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị<sup>91</sup>; việc xác định trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngành đào tạo tại các VTVL do các Bộ chuyên ngành ban hành còn mang tính chung, chưa bám sát quy định về danh mục ngành nghề đào tạo của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tại Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT), mà đây đều là những nội dung quan trọng để tạo cơ sở cho địa phương khắc phục những vướng mắc, khó khăn khi triển khai cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ theo VTVL.

2. Việc xác định VTVL chưa gắn liền với việc xác định số lượng người làm việc phù hợp theo yêu cầu VTVL, do thực hiện lộ trình tinh giản biên chế như hiện nay sẽ có khó khăn trong việc đảm bảo biên chế theo VTVL. Thêm vào đó là khó khăn trong việc thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với một số VTVL quy định khung năng lực cụ thể.

3. Việc xác định danh mục VTVL và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; đồng thời, phải xác định số lượng biên chế tại

<sup>87</sup> Công văn số 4363/UBND-NC ngày 27 tháng 10 năm 2023.

<sup>88</sup> Công văn số 3348/SNV-CCVC ngày 31 tháng 10 năm 2023 về thực hiện Công văn số 4363/UBND-NC ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố để triển khai đến các cơ quan, đơn vị thực hiện

<sup>89</sup> Giáo dục nghề nghiệp; kế hoạch đầu tư.

<sup>90</sup> Lĩnh vực: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giao thông vận tải; Thông tin và Truyền thông; sự nghiệp giáo dục và y tế.

<sup>91</sup> Cụ thể: Ban Quản lý khu chế xuất và công nghiệp thiếu vị trí việc làm về quản lý môi trường, về quản lý lao động trong khu kinh tế, khu công nghiệp,...; các đơn vị sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án, phát triển quỹ đất cấp tỉnh, cấp huyện thiếu vị trí việc làm về thực hiện nhiệm vụ giải phóng mặt bằng, phát triển quỹ đất; các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thiếu vị trí việc làm rất quan trọng để thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin và chuyển đổi số ...); đối với lĩnh vực sự nghiệp y tế công lập, nhiều danh mục vị trí việc làm chưa được xác định tại Thông tư số 03/2023/TT-BYT như: Vị trí Quản lý chất lượng bệnh viện, Quản lý môi trường; tiếp đón, hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ bệnh nhân khám chữa, bệnh; các vị trí việc làm thực hiện chức năng, nhiệm vụ kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, an toàn thực phẩm, truyền thông giáo dục sức khỏe ... (thuộc lĩnh vực dự phòng của Trung tâm Y tế cấp huyện)...

từng VTVL. Tuy nhiên, hiện nay chưa có hướng dẫn về định mức biên chế đối với cơ quan, tổ chức hành chính và chưa hướng dẫn đầy đủ về định mức số lượng người làm việc<sup>92</sup> đối với đơn vị sự nghiệp công lập<sup>93</sup>. Bên cạnh đó, trong giai đoạn từ năm 2015-2021 đã cắt giảm 10% biên chế công chức, giai đoạn từ năm 2022-2026 tiếp tục yêu cầu giảm thêm 05% biên chế công chức, dẫn đến việc xác định VTVL gắn với xác định biên chế càng khó khăn, còn nhiều bất cập, chưa đảm bảo tính khoa học và đồng bộ.

### **III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

#### **1. Đối với Ban Tổ chức Trung ương**

Đề nghị sớm hướng dẫn nội dung VTVL và Bản mô tả công việc của các VTVL lãnh đạo, quản lý theo quy định của Bộ Chính trị về khung tiêu chuẩn, chức danh; hướng dẫn thẩm quyền phê duyệt các VTVL chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý hoặc hướng dẫn quy trình để địa phương thực hiện.

#### **2. Đối với Bộ Nội vụ**

- Tham mưu Chính phủ trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hướng dẫn về Danh mục VTVL lãnh đạo Đoàn đại biểu Quốc hội cấp tỉnh; lãnh đạo Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân và lãnh đạo các Ban thuộc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; Bản mô tả công việc theo VTVL và thẩm quyền phê duyệt để địa phương có cơ sở triển khai thực hiện;

- Phối hợp với các Bộ, ngành tiếp tục hoàn thiện các nội dung có liên quan về VTVL, cụ thể:

+ Ban hành đầy đủ danh mục VTVL, bản mô tả VTVL, thông tin về mã VTVL trong bản mô tả;

+ Hướng dẫn cụ thể xác định định mức biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính và số người làm việc trong ĐVSNCN thuộc ngành lĩnh vực, quản lý để các địa phương có cơ sở phê duyệt VTVL một cách khoa học gắn với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao và giao biên chế hàng năm.

- Tiếp tục tham mưu Ban cán sự đảng Chính phủ, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét chuyển đổi biên chế sự nghiệp thực hiện chức năng quản lý nhà nước tại các Trạm thuộc Chi cục trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cảng vụ đường thủy nội địa trực thuộc Sở Giao thông vận tải sang biên chế công chức (bằng hình thức hoán đổi, theo đó việc chuyển đổi không làm tăng biên chế), để việc xác định VTVL gắn với việc xác định biên chế phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao./.

<sup>92</sup> Hiện tại có 03 lĩnh vực ban hành Thông tư hướng dẫn về định mức số lượng người làm việc, cụ thể: y tế (Thông tư số 03/2023/TT-BYT ngày 17 tháng 2 năm 2023 của Bộ Y tế hướng dẫn vị trí việc làm, định mức số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp y tế công lập); Giáo dục và đào tạo (Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập; Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập) và định mức biên chế tại cơ sở cai nghiện theo Thông tư số 29/2022/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

<sup>93</sup> Trong đó có 2 nhóm: hưởng lương từ nguồn thu và hưởng lương từ nguồn ngân sách.

## 16. Sở Nội vụ TP. Hồ Chí Minh

### Tham luận “Kinh nghiệm trong việc thu hút nguồn nhân lực có chất lượng của địa phương”

Tạo bước chuyển mạnh về phát triển nguồn nhân lực, trọng tâm là giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là 01 trong 03 đột phá chiến lược đã được đề ra trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Với vai trò là đô thị đặc biệt, trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, giáo dục và khoa học công nghệ, đầu mối giao lưu và hội nhập quốc tế, tại Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định mục tiêu “*Đến năm 2030: Thành phố Hồ Chí Minh trở thành thành phố văn minh, hiện đại, nghĩa tình, năng động sáng tạo, có nguồn nhân lực chất lượng cao*”. Xuất phát từ vai trò và vị thế trên, Thành phố Hồ Chí Minh luôn là một trong những địa phương đi đầu trong việc mạnh dạn đề xuất và thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách đột phá, sáng tạo.

Trong thời gian qua, Đảng bộ và chính quyền Thành phố đã chủ trương xây dựng nhiều cơ chế, chính sách thu hút nhân tài vào làm việc trong khu vực công, nhất là trong bối cảnh toàn cầu hóa và Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang phát triển với tốc độ nhanh, có nhiều ảnh hưởng đến các quốc gia, khu vực trên thế giới. Trong khuôn khổ thời gian cho phép, bài tham luận xin trình bày tóm tắt một số kết quả và kinh nghiệm trong việc xây dựng, thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực có chất lượng của Thành phố Hồ Chí Minh.

#### 1. Kết quả thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực có chất lượng của Thành phố

##### a) Công tác nghiên cứu, xây dựng chính sách

Xây dựng và phát triển các lĩnh vực trọng điểm, công nghệ cao đòi hỏi phải có cơ chế đặc thù phù hợp để đảm bảo nguồn nhân lực Thành phố có chất lượng cao, toàn diện. Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017 được Quốc hội ban hành đã mang lại cho Thành phố những cơ hội tốt để tạo điều kiện, nguồn lực cho Thành phố đào tạo đội ngũ CBCCVN xuất sắc; cũng như thu hút được nhiều chuyên gia, nhân tài phục vụ cho Thành phố.

Triển khai Nghị quyết số 54/2017/QH14, Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành các Nghị quyết<sup>94</sup> về mức thu nhập chuyên gia, nhà khoa học đối với lĩnh vực Thành phố Hồ Chí Minh có nhu cầu thu hút và Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành các Quy định<sup>95</sup> về chính sách thu hút và phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đối với lĩnh vực Thành phố Hồ Chí Minh có nhu cầu. Đồng thời, để có cơ

<sup>94</sup> Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2018 về mức thu nhập chuyên gia, nhà khoa học đối với lĩnh vực Thành phố Hồ Chí Minh có nhu cầu thu hút giai đoạn 2018 – 2022; Nghị quyết số 20/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố đã ban hành về mức thu nhập chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt đối với lĩnh vực Thành phố có nhu cầu thu hút giai đoạn 2018 - 2022 (thay thế Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND).

<sup>95</sup> Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2018 ban hành Quy định về chính sách thu hút và phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đối với lĩnh vực Thành phố Hồ Chí Minh có nhu cầu trong giai đoạn 2018 – 2022; Quyết định số 17/2019/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2019 quy định về chính sách thu hút và phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt đối với lĩnh vực Thành phố Hồ Chí Minh có nhu cầu trong giai đoạn 2019 - 2022 (thay thế Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND)

sở triển khai thực hiện quy trình thu hút đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả, UBND Thành phố đã thành lập các hội đồng thu hút, tuyển chọn chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt.

Ngày 24/6/2023, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 98/2023/QH15 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14). Trên cơ sở Nghị quyết mới của Quốc hội, UBND Thành phố tiếp tục xây dựng và trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về mức thu nhập chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt đối với lĩnh vực Thành phố Hồ Chí Minh có nhu cầu thu hút (thay thế Nghị quyết số 20/2018/NQ-HĐND) và Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình, mức thu nhập và các chính sách đãi ngộ để tuyển dụng CCVC từ nguồn sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, người có trình độ cao vào làm việc trong các cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống chính trị Thành phố.

Về chính sách thu hút chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt mới của Thành phố; cá nhân được ký hợp đồng theo nhiệm vụ, công trình cụ thể và hưởng trợ cấp ban đầu tối đa lên đến 100.000.000 đồng. Chuyên gia, nhà khoa học có lương hằng tháng theo Bảng lương chuyên gia từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng; đồng thời, khi hoàn thành nhiệm vụ được giao (có công trình, sản phẩm khoa học hoặc thành tích đặc biệt) thì được hưởng mức thù lao khuyến khích nghiên cứu với tỉ lệ 5% giá trị/kinh phí ngân sách chi cho công trình, sản phẩm khoa học (người có tài năng đặc biệt được thưởng theo công trạng, thành tích với mức tối đa 1.000.000.000 đồng/người). Ngoài ra, trong trường hợp cần thiết, chuyên gia, nhà khoa học còn được hưởng chính sách hỗ trợ tối đa 7.000.000 đồng/tháng về nhà ở và các chính sách ưu đãi khác.

Đối với chính sách tuyển dụng CCVC chức từ nguồn sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, người có trình độ cao; ngoài mức lương và phụ cấp được hưởng theo quy định, Thành phố hỗ trợ thêm thu nhập theo trình độ (từ 02 đến 04 lần mức lương tối thiểu vùng/tháng) và theo sản phẩm đầu ra với mức khuyến khích, phát huy năng lực cho cá nhân thực hiện bằng 1% (cho nhóm thực hiện bằng 5%) tổng kinh phí ngân sách Thành phố chi trả cho công trình đã được phê duyệt; trường hợp đang gặp khó khăn về nhà ở thì được xem xét, hỗ trợ tối đa 50% kinh phí thuê nhà ở (số tiền hỗ trợ không vượt quá 7.000.000 đồng/tháng) và tạo điều kiện mua nhà ở xã hội theo quy định. Chính sách này có nội dung hoàn toàn mới, được áp dụng lần đầu tiên tại Thành phố theo cơ chế đặc thù, phạm vi không chỉ giới hạn ở đối tượng tuyển mới và còn dành cho cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc nhằm tạo động lực, giữ chân nhân tài, khắc phục tình trạng “chảy máu chất xám”.

Việc xây dựng những chính sách thu hút nêu trên đã tạo động lực mới trong quá trình phát triển của Thành phố trong bối cảnh hội nhập sâu rộng, toàn cầu hóa, góp phần đưa Thành phố thành nơi thu hút, hội tụ nhân tài, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của Thành phố Hồ Chí Minh.

## b) Kết quả thực hiện

Trong giai đoạn 2019 - 2023, Sở Nội vụ đã tham mưu Chủ tịch UBND Thành phố ban hành các Kế hoạch thu hút chuyên gia, nhà khoa học vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị. Thông báo thu hút được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng và tiến hành nhận hồ sơ ứng tuyển, Hội đồng khoa học tư vấn thực hiện chính sách thu hút chuyên gia, nhà khoa học và tài năng đặc biệt đã tổ chức cuộc họp thẩm định hồ sơ đăng ký ứng tuyển để lựa chọn chuyên gia, nhà khoa học phù hợp. Đến nay, Thành phố Hồ Chí Minh đã phê duyệt kết quả thu hút 10 chuyên gia, nhà khoa học (trong đó đã ký hợp đồng với 08/10 trường hợp) vào làm việc tại Ban Quản lý Khu Công nghệ cao (04 người) và Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao (04 người), các cơ quan, đơn vị đã phân công nhiệm vụ đối với từng trường hợp; đồng thời giao các đơn vị trực thuộc phối hợp tốt, tạo điều kiện, môi trường làm việc thuận lợi cho chuyên gia làm việc, cống hiến.

Trong năm 2023, UBND Thành phố tổ chức tuyển dụng sinh viên xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ, kết quả đã tuyển được 03 viên chức vào làm việc tại Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong, Trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa và Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Thành phố.

Hiện nay, Sở Nội vụ đã tham mưu UBND Thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND và Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố; đồng thời đang triển khai đến các cơ quan, đơn vị đăng ký nhu cầu thu hút chuyên gia, nhà khoa học; đăng ký danh sách cán bộ, công chức, viên chức đủ điều kiện đưa vào diện áp dụng chính sách của Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐ; đăng ký nhu cầu tuyển dụng theo Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 và Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ. Sau khi tổng hợp, Sở Nội vụ sẽ tham mưu UBND Thành phố thực hiện các bước tiếp theo để thu hút nguồn nhân lực có chất lượng.

## **2. Kinh nghiệm thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực có chất lượng của Thành phố**

Qua 05 năm triển khai thực hiện các chính sách thu hút nguồn nhân lực có chất lượng, Thành phố Hồ Chí Minh rút ra một số kinh nghiệm sau đây:

**Một là**, để xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh là nơi hội tụ tinh hoa, trí tuệ và phát huy nhân tài của đất nước cũng như khu vực, nhất thiết phải có chính sách đồng bộ và đột phá hơn nữa về phát huy yếu tố con người. Trong điều kiện nền kinh tế tri thức và ảnh hưởng sâu rộng của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, việc xây dựng chính sách thu hút và đãi ngộ đội ngũ trí thức, chuyên gia khoa học và công nghệ là giải pháp “đòn bẩy” để Thành phố đủ sức huy động mạnh mẽ các nguồn lực đầu tư phát triển, thực hiện thắng lợi các mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao tầm vóc và vị thế trong thời gian tới.

**Hai là**, tiếp tục đề ra các giải pháp nâng cao chất lượng soạn thảo, ban hành

văn bản quy phạm pháp luật. Chủ động rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do Trung ương và Thành phố ban hành, nhằm thực hiện hay đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung những quy định không còn phù hợp, nhất là các quy định pháp luật liên quan đến việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng và phát huy vai trò của đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt, sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, người có trình độ cao trong thời đại mới.

**Ba là,** mạnh dạn, quyết liệt sửa đổi căn bản, đột phá các quy định về thu nhập, chế độ đãi ngộ nhân tài, các chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt một cách hợp lý, tương xứng; quy định cụ thể, rõ ràng chính sách tạo động lực làm việc, các chế độ phúc lợi, ưu đãi đối với chức danh lãnh đạo trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập, phù hợp với trình độ, năng lực, yêu cầu công việc.

**Bốn là,** vận dụng tối đa các cơ chế, chính sách đặc thù mà Quốc hội đã giao thẩm quyền cho Thành phố trong lĩnh vực thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, khẩn trương tham mưu thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân và Quyết định của Ủy ban nhân dân đã ban hành; phát huy tối đa các kênh thông tin và truyền thông để tuyên truyền, phổ biến chính sách đến người dân trong nước, kiều bào ta ở nước ngoài; xây dựng nguồn từ lực lượng sinh viên ngay khi còn tham gia học tập để phấn đấu đáp ứng được các tiêu chí thu hút, tuyển dụng theo quy định.

**Năm là,** quy trình thu hút, tuyển chọn nguồn nhân lực chất lượng cao phải được xây dựng khoa học, chặt chẽ, đảm bảo quyền lợi cho cả hai bên, không chỉ chú trọng thu hút những đối tượng mới mà còn trân trọng, ghi nhận, tôn vinh và phát huy lực lượng sẵn có, tạo động lực làm việc, giữ chân cán bộ, công chức, viên chức có tâm, có tầm, có nhiều đóng góp to lớn cho sự nghiệp phát triển Thành phố tục làm việc và cống hiến.

**Sáu là,** đội ngũ chuyên gia được tuyển chọn phải đủ khả năng đảm nhiệm việc nghiên cứu, thiết kế, sáng tạo về khoa học và công nghệ; thực hiện, phát triển các chương trình, kế hoạch đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; tham gia nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo; bồi dưỡng, huấn luyện nâng cao năng lực tổ chức; tham mưu, lãnh đạo, chỉ đạo điều hành phát triển kinh tế - xã hội... Đồng thời, sau khi tổ chức tuyển chọn, sàng lọc, Thành phố cần phải có chính sách sử dụng hợp lý, tạo không gian kết nối và môi trường chuyên nghiệp để phát huy hiệu quả nguồn chất xám đã thu hút.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XI xác định phương hướng phát triển của Thành phố là tiếp tục giữ vững vai trò đầu tàu kinh tế của cả nước, đi đầu trong thực hiện mô hình tăng trưởng mới, trong việc tận dụng các cơ hội của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, phát triển mạnh kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn; khơi dậy khát vọng và sức sáng tạo của Nhân dân, phát huy tối đa nhân tố con người. Để góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu trên, Thành phố cần tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi về mặt cơ chế, chính sách, nhất là cơ chế về thu hút nguồn nhân lực có chất lượng để xây dựng Thành phố phát triển xứng tầm khu vực./.

## **17. Sở Nội vụ tỉnh Đắk Nông**

**Tham luận “Việc tuyển dụng công chức, viên chức của địa phương; những vấn đề kiến nghị, đề xuất cải cách”**

### **I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

Đắk Nông là tỉnh miền núi, biên giới; được tái lập từ năm 2004, nằm ở cửa ngõ phía Nam của Tây Nguyên, có 141 km đường biên giới tiếp giáp với tỉnh Mondulkiri, có 02 cửa khẩu là Bu Prăng và Đắk Peur kết nối với Vương quốc Campuchia. Vị trí địa lý như trên tạo điều kiện cho Đắk Nông mở rộng giao lưu với các tỉnh trong khu vực Tây nguyên, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, Duyên hải miền Trung và nước bạn Campuchia; là nguồn động lực để Đắk Nông thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, trong tương lai phấn đấu trở thành tỉnh có tiềm năng phát triển kinh tế năng động của khu vực Tây Nguyên, đây cũng là địa bàn quan trọng và chiến lược, không chỉ có ý nghĩa về mặt kinh tế, xã hội mà còn có ý nghĩa về mặt an ninh, quốc phòng đối với đất nước. Tỉnh Đắk Nông hiện nay có 08 ĐVHC (07 huyện và 01 thành phố); 71 ĐVHC cấp xã; 713 thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố. Tổng diện tích tự nhiên là 650.927 ha. Dân số của tỉnh là hơn 675.000 người. Tỉnh có 40 dân tộc cùng sinh sống; trong đó, đồng bào dân tộc thiểu số có 47.678 hộ với 221.098 người, chiếm tỷ lệ 31,97%; có 03 dân tộc thiểu số tại chỗ (M’Nông, Mạ, và Ê Đê) với 15.848 hộ, 71.754 người, chiếm 10,38% so với dân số toàn tỉnh và 32,45% so với tổng số dân tộc thiểu số. Tổng số biên chế được giao của tỉnh Đắk Nông hiện nay là 16.538 biên chế, trong đó công chức là: 1.898; viên chức là: 12.946; cán bộ, công chức cấp xã là 1.694.

### **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

#### **1. Công tác chỉ đạo, điều hành**

Hệ thống văn bản pháp lý của Nhà nước về tuyển dụng ngày càng được ban hành đồng bộ, đầy đủ. Theo đó, hiện nay, việc tuyển dụng công chức, viên chức được thực hiện căn cứ theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 và Luật Viên chức năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), Nghị định số 140/2017/NĐ-CP, Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Đặc biệt năm 2023, Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã. Gần đây, Chính phủ ban hành Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 của Chính phủ quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức và Thông tư số 06/2020/TT-BNV của Bộ Nội vụ về Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức. Tại địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 04/7/2017, quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Đắk Nông (hiện nay, được thay thế bởi Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Đắk Nông).

Nhằm đảm bảo chất lượng trong tuyển dụng công chức, Sở Nội vụ tỉnh Đắk Nông đã phối hợp với Trường Chính trị tỉnh, các Sở có liên quan cử cán bộ phối hợp, đặc biệt là Viện tổ chức Khoa học Nhà nước, Bộ Nội vụ trong công tác tuyển dụng công chức, Viện tổ chức Khoa học Nhà nước, Bộ Nội vụ hỗ trợ tỉnh Đắk Nông công tác thi tuyển công chức (vòng 01 và vòng 02), cụ thể: chủ trì xây dựng ngân hàng câu hỏi, cử cán bộ tham gia, phối hợp với tỉnh thực hiện tổ chức thi.

## **2. Kết quả đạt được**

Việc tuyển dụng công chức, viên chức luôn được tỉnh Đắk Nông thực hiện nghiêm túc, bám sát các quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, các Nghị định của Chính phủ, Thông tư của Bộ Nội vụ. Việc tuyển dụng công chức, viên chức đạt được kết quả nhất định, tính trong 03 năm gần nhất (2021 - 2023) tỉnh Đắk Nông tuyển dụng được 1.030 công chức, viên chức cụ thể: Năm 2021: Tuyển dụng: 69 công chức cấp huyện, tỉnh; 27 công chức cấp xã; 193 viên chức; Tiếp nhận vào làm công chức: 25 trường hợp; Năm 2022: Tuyển dụng 65 công chức cấp xã; 265 viên chức; Tiếp nhận vào làm viên chức: 14 trường hợp; Năm 2023: Tuyển dụng: 37 công chức cấp huyện, tỉnh; 57 công chức cấp xã; 197 viên chức; Tiếp nhận vào làm công chức: 29 trường hợp; Tiếp nhận vào làm viên chức: 52 trường hợp. Việc tổ chức tuyển dụng công chức bằng hình thức trắc nghiệm tại vòng 01 được thực hiện trên máy vi tính (có kết quả ngay sau khi kết thúc phần thi), đây chính là một giải pháp để đảm bảo sự công bằng, minh bạch trong thi tuyển công chức, cũng như tiết kiệm thời gian, nhân lực và kinh phí để tổ chức thi và hạn chế những tiêu cực có thể xảy ra trong kỳ thi. Đặc biệt là có sự hỗ trợ của Viện Khoa học tổ chức nhà nước, Bộ Nội vụ. công tác tuyển dụng công chức tỉnh Đắk Nông đạt kết quả cao cả về số lượng và chất lượng. Việc tuyển dụng công chức, viên chức được thực hiện theo quy định của pháp luật, tạo sự công khai, minh bạch, công bằng, góp phần lựa chọn đội ngũ công chức có đủ năng lực, phẩm chất, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trong bộ máy hành chính. Kịp thời bổ sung nguồn nhân lực cho các cơ quan, đơn vị khi có cán bộ, công chức nghỉ hưu, tinh giản biên chế, chuyển công tác khác và chuyển công tác ra ngoài tỉnh.

## **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Thuận lợi**

Tỉnh Đắk Nông được tái lập từ năm 2004, nhu cầu về nguồn nhân lực trẻ, chất lượng cao là nhu cầu cấp thiết để hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy, đáp ứng theo vị trí việc làm tại các cơ quan, đơn vị. Do đó, công tác tuyển dụng luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo thường xuyên của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông nên trong những năm qua đội ngũ công chức, viên chức đã có bước phát triển cả về số lượng và chất lượng. Đặc biệt, để tạo điều kiện, quan tâm bố trí đối với cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số, trong quá trình xây dựng kế hoạch tuyển dụng Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông đã chỉ đạo thực hiện chính sách ưu tiên đối với người dân tộc thiểu số (xây dựng kế hoạch, trong đó dành một số chỉ tiêu tuyển dụng riêng cho người dân tộc thiểu số và chỉ thi cạnh tranh giữa người dân tộc thiểu số với nhau). Việc tuyển dụng công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, bảo đảm tính công

bằng, công khai, minh bạch, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến công tác tuyển dụng công chức, viên chức trong thời gian qua.

## 2. Một số hạn chế

**Thứ nhất**, việc tuyển dụng công chức, viên chức được thực hiện gắn với nhu cầu về vị trí việc làm, tuy nhiên, đến nay việc xây dựng hoàn chỉnh vị trí việc làm các cơ quan, đơn vị còn nhiều vướng mắc, nhất là vị trí việc làm tại các đơn vị sự nghiệp, dẫn đến khó khăn trong việc xác định số lượng người làm việc tại một vị trí việc làm.

**Thứ hai**, về hình thức tuyển dụng công chức theo quy định hiện nay chủ yếu thực hiện bằng hình thức thi tuyển, trong đó chú trọng kiến thức lý thuyết mà chưa thực sự đánh giá được kỹ năng “mềm” của người dự tuyển. Quá trình thực hiện nhiệm vụ đòi hỏi ở công chức, viên chức sự thuần thục giữa kiến thức với kỹ năng giao tiếp, ứng xử, kỹ năng thuyết phục, sự linh hoạt trong giải quyết tình huống... Do đó, nếu chỉ duy trì hình thức tuyển dụng như hiện nay sẽ thiếu đi các kênh cần thiết để đánh giá toàn diện công chức, viên chức.

**Thứ ba**, tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh có tăng lên. Tuy nhiên, chưa đạt tỷ lệ theo quy định so với tổng số cán bộ, công chức, viên chức trên toàn tỉnh. Do việc tuyển dụng vẫn dựa trên kết quả thi tuyển hoặc xét tuyển theo hình thức cạnh tranh, nên tỷ lệ người dân tộc thiểu số trúng tuyển còn thấp, đặc biệt là người dân tộc thiểu số tại chỗ, nên khó có thể cạnh tranh vào các vị trí khi các cơ quan, đơn vị có nhu cầu tuyển dụng. Mặt khác, có một số vị trí việc làm trong các cơ quan, đơn vị mặc dù đã ưu tiên dành riêng để tuyển dụng người dân tộc thiểu số nhưng không có thí sinh đăng ký, do đó, không tuyển dụng được.

**Thứ tư**, đối với tuyển dụng công chức, viên chức bằng chính sách thu hút sinh viên xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ được quy định tại Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 5/12/2017 của Chính phủ gặp nhiều khó khăn, do các tiêu chuẩn, điều kiện đặt ra tại Nghị định số 140/2017/NĐ-CP của Chính phủ như: người tốt nghiệp đại học ngoài kết quả học tập đạt xuất sắc phải có kết quả rèn luyện đạt xuất sắc; hoặc ngoài tốt nghiệp đại học loại xuất sắc, sinh viên đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi tỉnh, quốc gia hoặc các cuộc thi ở bậc đại học. Với các đối tượng nêu trên, hiện nay tỉnh Đắk Nông rất khó thu hút để tuyển dụng.

**Thứ năm**, công chức cấp xã hiện nay thường xuyên có sự biến động (Do được bầu làm cán bộ, chuyển thành công chức cấp huyện, thôi việc, nghỉ việc, nghỉ hưu ...), mỗi vị trí có từ 01 đến 03 người. Do đó, trường hợp khuyết công chức sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc thực hiện nhiệm vụ, thủ tục hành chính của chính quyền với người dân, yêu cầu phải sớm tuyển dụng để đáp ứng đủ số lượng công chức theo quy định. Tuy nhiên, nếu việc tuyển dụng công chức cấp xã - Tuyển dụng vòng 1 theo quy định tại Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 của Chính phủ quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức (do Bộ Nội vụ là cơ quan có thẩm quyền kiểm định chất lượng đầu vào) thì có thể thời gian triển khai thực hiện quy trình tuyển dụng mất nhiều thời gian, không thể nhanh chóng đáp ứng ngay nhu cầu tuyển dụng công chức cấp xã.

## **IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

### **1. Đối với Quốc hội**

Giao cấp có thẩm quyền nghiên cứu, tham mưu sửa đổi, bổ sung Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức, trong đó bổ sung nội dung tiếp nhận vào làm công chức, viên chức đối với một số vị trí việc làm dành cho người dân tộc thiểu số, sinh viên người dân tộc thiểu số tốt nghiệp đại học khá, giỏi, tốt nghiệp sau đại học các chuyên ngành y tế, giáo dục và một số ngành trọng điểm phục vụ cho phát triển kinh tế, xã hội của địa phương hoặc phân cấp cho địa phương xem xét quyết định.

### **2. Đề xuất với Chính phủ**

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 138/2020/NĐ-CP để đồng bộ với Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 của Chính phủ quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức; cho phép UBND cấp huyện thực hiện tuyển dụng vòng 1 và vòng 2 đối với công chức cấp xã như Nghị định số 34/2019/NĐ-CP trước đây (Vì bản thân tại khoản 1, Điều 1 Nghị định số 06/2023/NĐ-CP có quy định: Nghị định này quy định về nguyên tắc, điều kiện, thẩm quyền, nội dung, hình thức và việc thực hiện kiểm định chất lượng đầu vào đối với người tham gia tuyển dụng vào làm công chức trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan nhà nước ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện - Không có cấp xã) hoặc Bộ Nội vụ ủy quyền cho UBND cấp tỉnh chủ động thực hiện tuyển dụng vòng 1 đối với công chức cấp xã.

- Sửa đổi Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 5-12-2017 của Chính phủ theo hướng giảm bớt các điều kiện gắn với nhóm đối tượng là sinh viên tốt nghiệp đại học loại xuất sắc. Đồng thời, tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách đãi ngộ tương xứng và tạo được môi trường làm việc thích hợp để nguồn nhân lực này phát huy thế mạnh của mình.

### **3. Đối với Bộ Nội vụ**

- Sớm triển khai việc kiểm định chất lượng đầu vào theo Nghị định số 06/2023/NĐ-CP để địa phương chủ động trong việc tuyển dụng.

- Phối hợp với Bộ Tài chính xem xét, sớm ban hành quy định về định mức chi trong công tác tuyển dụng công chức, viên chức.

- Hướng dẫn rõ quy trình, trình tự, thủ tục và các bước tiến hành tiếp nhận vào làm công chức, viên chức và công chức cấp xã.

### **4. Đối với các Bộ chuyên ngành**

- Tiếp tục rà soát, xác định vị trí việc làm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị. Trên cơ sở đó, xác định các chuyên ngành của các vị trí việc làm, tỉ lệ cơ cấu ngạch, chức danh nghề nghiệp để làm cơ sở cho việc tuyển dụng công chức, viên chức.

- Sớm có hướng dẫn quy trình, trình tự, thủ tục và các bước tiến hành, cách chấm điểm hồ sơ trong công tác xét thăng hạng viên chức chuyên ngành./.

## 18. Sở Nội vụ tỉnh Bến Tre

### **Tham luận “Việc tuyển dụng công chức, viên chức của địa phương; những vấn đề kiến nghị, đề xuất cải cách”**

Tuyển dụng CCVC có ý nghĩa rất lớn đối với chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước và cũng có rất nhiều vấn đề đáng quan tâm trong quá trình tổ chức thực hiện. Qua thực tế tổ chức tuyển dụng cho thấy: Chất lượng công tác tuyển dụng công chức, viên chức bị chi phối bởi nhiều yếu tố như thu nhập, môi trường làm việc, vị trí việc làm; sự phát triển kinh tế - xã hội của địa bàn tuyển dụng; quy định của nhà nước về tuyển dụng,... Tùy theo đặc điểm tình hình của từng địa phương mà kết quả tuyển dụng công chức, viên chức có khác nhau. Đối với các thành phố lớn, ưu thế trong tuyển dụng sẽ cao hơn các tỉnh/thành có mức độ phát triển chưa cao, nhất là thu hút được nhiều thí sinh có trình độ, năng lực tốt tham gia dự tuyển, sẽ có nhiều sự chọn lựa, tăng tính cạnh tranh cho mỗi vị trí tuyển dụng. Đối với Bến Tre và các tỉnh ở khu vực Tây Nam Bộ, công tác tuyển dụng công chức, viên chức ngày càng khó khăn hơn và đôi lúc chưa đạt được kết quả như mong muốn, chưa tuyển dụng đủ số lượng theo yêu cầu, cũng như chất lượng nhân sự đầu vào đôi lúc chưa đạt như kỳ vọng.

Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, công tác tuyển dụng công chức của tỉnh Bến Tre từ cấp tỉnh, huyện đến cấp xã được thực hiện thông qua hình thức thi tuyển cạnh tranh và tiếp nhận công chức không qua thi. Việc tuyển dụng công chức cấp tỉnh, cấp huyện do Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh thực hiện và chủ yếu thực hiện thông qua hình thức thi tuyển cạnh tranh. Hội đồng tuyển dụng công chức do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập. Quy trình công tác tuyển dụng được thực hiện nghiêm túc theo Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển CCVC, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Theo các quy định này, khi có nhu cầu về nhân sự, tỉnh chủ động xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức và tiến hành các bước để tổ chức kỳ thi tuyển công chức. Các kỳ thi đều được Hội đồng tuyển dụng công chức thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 06/2020/TT-BNV. Đặc biệt, tỉnh Bến Tre xác định và đặt trọng tâm vào công tác ra đề thi, bởi vì đề thi quyết định rất lớn đến việc đánh giá, kiểm tra kiến thức, năng lực ban đầu của thí sinh để tuyển dụng vào làm việc trong bộ máy nhà nước. Do đó, tỉnh Bến Tre chú trọng công tác biên soạn đề thi theo định hướng xác định cấu trúc đề thi theo cơ cấu 6-4 (60% nội dung câu hỏi sẽ tập trung vào kiểm tra kiến thức về lý luận, chuyên môn; 40% còn lại tập trung vào đánh giá khả năng tư duy, xử lý tình huống), nhằm góp phần đảm bảo thí sinh trúng tuyển có am hiểu chuyên môn, có lý luận tốt và cũng có khả năng tư duy, xử lý tình

huống thực tế để thực hiện nhiệm vụ được thuận lợi, hiệu quả.

Bên cạnh đó, khâu bảo mật trong quá trình làm đề và coi thi rất được chú trọng. Đề thi trắc nghiệm được biên soạn ngắn gọn, rõ ràng, đánh giá được kiến thức, khả năng suy luận, nhưng không đánh đố thí sinh. Vòng 1 của kỳ thi được thực hiện bằng hình thức thi trắc nghiệm trên phần mềm máy tính, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí. Ở Vòng 2, hình thức thi viết, đề đóng nhưng có phần yêu cầu vận dụng, liên hệ thực tiễn hoặc xử lý tình huống, đòi hỏi các thí sinh phải chuẩn bị thật kỹ, nắm vững lý thuyết kết hợp kỹ năng viết, phân tích, tổng hợp về nội dung vấn đề đặt ra trong hoạt động quản lý nhà nước, đề từ đó nghiên cứu liên hệ, vận dụng vào thực tiễn. Bộ phận làm đề thi được cách ly tuyệt đối trong thời gian làm đề cho đến hết ngày thi, có lực lượng công an trực tiếp theo dõi. Nội dung câu hỏi, hướng dẫn chấm thi, đáp án chấm thi sau khi soạn thảo được Trưởng ban đề thi tổ chức phản biện và điều chỉnh. Việc phản biện câu hỏi, hướng dẫn chấm thi, đáp án chấm thi do các thành viên khác của Ban đề thi thực hiện. Sau khi đã tổ chức phản biện, Trưởng ban đề thi tổ chức rút ngẫu nhiên các câu hỏi để ghép thành các đề thi tự luận khác nhau (kèm theo hướng dẫn chấm thi, đáp án chấm thi tương ứng), bảo đảm có 03 đề thi khác nhau, sau đó Trưởng ban đề thi ký nháy vào từng phiên bản đề thi, niêm phong và báo cáo Chủ tịch Hội đồng xem xét, quyết định phê duyệt đề thi chính thức và đề thi dự phòng.

Để đảm bảo công tác coi thi chuyên nghiệp, nhân sự của ngành giáo dục được trung dụng thực hiện công tác coi thi, rọc phách, ghép phách. Toàn bộ quá trình tuyển dụng được tổ chức rất nghiêm túc, luôn có sự tham gia của Ban Giám sát và lực lượng công an ở từng khâu thực hiện, vừa đảm bảo an toàn bảo mật và cũng đảm bảo tính khách quan, minh bạch, công bằng của các kỳ thi tuyển công chức. Nhìn chung, qua các kỳ thi, các bộ phận giúp việc của Hội đồng thi tuyển công chức và các thí sinh đã tuân thủ rất tốt nội quy, quy chế của kỳ thi, rất ít thí sinh vi phạm. Với hình thức thi tuyển cạnh tranh, lãnh đạo UBND tỉnh và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng công chức mong muốn chọn được người có năng lực chuyên môn giỏi và có kỹ năng theo yêu cầu vị trí cần tuyển dụng từ nguồn nhân lực xã hội. Với tính chất cạnh tranh, chỉ những thí sinh có tâm huyết, chăm chỉ học tập, nghiên cứu, có kỹ năng đọc và có tư duy phân tích, tổng hợp tốt mới có cơ hội trúng tuyển. Đối với hình thức tiếp nhận vào làm công chức không qua thi tuyển (theo Điều 18 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP) được áp dụng đối với các trường hợp viên chức hoặc cán bộ, công chức cấp xã được cơ quan đồng ý tiếp nhận về làm công chức, thỏa mãn các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định và có kết quả đạt trong kỳ phỏng vấn, sát hạch. Thành phần Hội đồng sát hạch có lãnh đạo UBND tỉnh là Chủ tịch Hội đồng, Giám đốc Sở Nội vụ là Phó Chủ tịch Hội đồng và các thành viên là lãnh đạo các cơ quan tiếp nhận công chức, lãnh đạo phòng chuyên môn của Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ. Các công việc liên quan đến việc ra đề được thực hiện bảo mật theo quy định. Hình thức tuyển dụng này chủ yếu áp dụng cho những vị trí cần người có kinh nghiệm công tác, đáp ứng ngay yêu cầu công việc. Công tác tuyển dụng viên chức được căn cứ Điều 7 Nghị định số

115/2020/NĐ-CP, Nghị định số 85/2023/NĐ-CP của Chính phủ. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên, thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện việc tuyển dụng viên chức; đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, thì cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện việc tuyển dụng viên chức hoặc phân cấp cho người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện. Theo Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND tỉnh quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức và viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Bến Tre, thì các sở, ban, ngành tỉnh có quyền hạn phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức; công nhận kết quả tuyển dụng viên chức đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh có thẩm quyền ban hành kế hoạch tuyển dụng viên chức và tổ chức thực hiện tuyển dụng viên chức theo đúng quy định; ban hành Quyết định công nhận kết quả tuyển dụng viên chức. Các kỳ xét tuyển đều được Hội đồng tuyển dụng viên chức thực hiện đúng thẩm quyền và đảm bảo trình tự, thủ tục. Quy trình thực hiện xét tuyển viên chức được thực hiện theo 02 vòng, Vòng 1 kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự vòng 2. Vòng 2 thực hiện bằng hình thức vấn đáp, riêng viên chức ngành giáo dục có thêm phần thi thực hành giảng dạy.

Nhìn chung, công tác tuyển dụng CCVC tại tỉnh Bến Tre trong thời gian qua được thực hiện khách quan, công khai, minh bạch, đúng thực chất, không xảy ra tình trạng tiêu cực cũng như khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển dụng CCVC. Những công chức qua thi tuyển đều phát huy tốt năng lực, sở trường, được cơ quan sử dụng đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian công tác. Trong thời gian thực hiện chế độ tập sự, cơ quan, đơn vị sử dụng CCVC cử CCVC chức tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng để hoàn chỉnh tiêu chuẩn, điều kiện ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp trước khi bổ nhiệm. Sau khi hoàn tất thời gian tập sự, các CCVC được nhận xét, đánh giá và bổ nhiệm ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức. Các cơ quan, đơn vị, đã có sự chủ động trong việc tổ chức tuyển dụng CCVC, theo thẩm quyền nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng nhân lực trong bộ máy hành chính. Các quy trình về tuyển dụng CCVC được tuân thủ chặt chẽ. Trong bối cảnh tình hình giãn biên chế, người ít việc nhiều, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị rất quan tâm, đề cao chất lượng tuyển dụng và luôn đặt ra yêu cầu tuyển người làm được việc để không là gánh nặng, cản trở sự phát triển của tổ chức. Bên cạnh những yếu tố thuận lợi, thì việc tuyển dụng CCVC ở địa phương còn đang gặp một số khó khăn. Trong những năm gần đây, chỉ tiêu tuyển dụng công chức và số lượng thí sinh của mỗi kỳ thi tuyển công chức tại tỉnh Bến Tre đã giảm rất nhiều. Nếu kỳ thi tuyển công chức năm 2014, tỉnh Bến Tre có 107 vị trí tuyển dụng, với tổng số 1.069 thí sinh dự thi (khỏi các cơ quan nhà nước) thì kỳ thi

tuyển công chức năm 2020, có 37 vị trí tuyển dụng với tổng số 185 thí sinh dự thi, có 02 vị trí không có thí sinh nộp hồ sơ và 07 vị trí không có thí sinh trúng tuyển. Kỳ thi tuyển công chức năm 2022, có 48 vị trí tuyển dụng với tổng số 216 thí sinh dự thi, có 08 vị trí không có thí sinh nộp hồ sơ và 16 vị trí không có thí sinh trúng tuyển. Tỷ lệ cạnh tranh của các vị trí tuyển dụng cũng giảm rõ rệt. Kỳ thi tuyển công chức năm 2014 tỷ lệ cạnh tranh cao nhất là 1/70, kỳ thi tuyển công chức năm 2022 tỷ lệ cạnh tranh cao nhất là 1/15. Mặc dù, Sở Nội vụ đã thông báo nhiều lần trên website, báo, đài,... nhưng số lượng thí sinh đăng ký tham gia dự thi vẫn ở mức thấp. Đa số các thí sinh tìm cơ hội việc làm qua kỳ thi tuyển công chức có trình độ chuyên môn ở các ngành xã hội, rất ít hoặc không có thí sinh có chuyên môn ở các ngành kỹ thuật như: đê điều, thủy lợi, nông nghiệp, kiến trúc,... Vì vậy, sau kỳ thi tuyển, một số cơ quan vẫn chưa tìm được người vào làm việc. Sức ép do khối lượng công việc nhiều, thiếu nhân sự, không sử dụng hết biên chế được giao luôn là áp lực đối với các cơ quan này. Thực trạng trên cho thấy sức thu hút của việc làm trong bộ máy hành chính nhà nước đối với nguồn nhân lực xã hội đã giảm sút khá nhiều. Nguyên nhân có thể là do nguồn nhân lực đã có sự quan tâm, tìm hiểu thông tin về “nghề công chức” nhiều hơn. Họ có sự cân nhắc để lựa chọn nghề nghiệp có thu nhập đủ trang trải và ổn định cuộc sống, ít trách nhiệm pháp lý, không quá bó buộc trong các khuôn khổ, nguyên tắc. Do đó, phần lớn những người có truyền thống gia đình đang công tác trong bộ máy nhà nước, rất tâm huyết cống hiến và những cá nhân thật sự có khát vọng, hoài bão phục vụ sự phát triển chung mới đăng ký tham gia dự tuyển vào làm việc trong cơ quan hành chính nhà nước. Một bộ phận không nhỏ những nhân sự trẻ, giỏi chuyên môn lựa chọn làm việc ở khu vực tư.

Việc tuyển dụng viên chức ngành y tế, giáo dục của tỉnh cũng khó khăn, do thiếu hụt nhân lực, không tuyển dụng đủ nhu cầu trong thời gian dài. Nguyên nhân là do có sự chênh lệch thu nhập giữa cơ sở y tế công lập và ngoài công lập. Tổng thu nhập hàng tháng gồm tiền lương và phụ cấp mà đơn vị công lập chi trả quá thấp so với mức lương mà các cơ sở y tế ngoài công lập chi trả, trong khi áp lực, khối lượng công việc là như nhau. Sự nghiệp giáo dục cũng có sự chênh lệch lớn về chế độ đãi ngộ, môi trường làm việc giữa cơ sở giáo dục công lập và tư thục. Những viên chức trẻ có hệ số lương thấp thì tiền lương không đủ để trang trải cuộc sống. Môi trường thực hành chuyên môn tại tỉnh còn nhiều khó khăn nên những sinh viên ra trường ưu tiên chọn làm việc ở các thành phố lớn,... Mặt khác, quy trình tổ chức thi tuyển công chức hiện nay phải qua nhiều bước thực hiện, mất khá nhiều thời gian, trung bình khoảng 6 tháng nên không đáp ứng kịp thời nhu cầu nhân sự cho các cơ quan, đơn vị. Chi phí tổ chức kỳ thi tuyển công chức khá nhiều, nên tỉnh không thể tổ chức thi tuyển dụng thường xuyên mà tổ chức theo đợt, khi có nhiều cơ quan đăng ký nhu cầu. Thực tế cho thấy, mỗi lần tham mưu tổ chức một kỳ thi tuyển công chức, cơ quan trực tiếp tham mưu là Sở Nội vụ nói riêng và Hội đồng thi tuyển công chức nói chung đã phải dành nhiều thời gian, công sức, thực hiện chu đáo, tỉ mỉ đến từng khâu nhỏ nhất. Tuy nhiên, với số lượng công chức tuyển dụng được ngày càng ít như hiện nay, thì vấn đề đặt ra là tính hiệu quả của các kỳ

thi tuyển công chức và giải pháp nào để có thể bổ sung nhân lực có chất lượng nhưng không quá tốn kém về công sức và kinh phí là vấn đề cần được quan tâm. Bên cạnh đó, việc không tuyển dụng được người làm việc dẫn đến tình trạng các cơ quan có xu hướng chuyển sang phương án đề nghị tiếp nhận viên chức hoặc cán bộ, công chức cấp xã về làm công chức cũng là một trong những nội dung cần được nghiên cứu, đánh giá sâu và toàn diện về hiệu quả của phương án này.

Đầu năm 2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức. Các tỉnh rất hy vọng đây sẽ là giải pháp để có sự đổi mới, tháo gỡ những vướng mắc hiện tại. Tuy nhiên, để triển khai thực hiện nghị định này, Bộ Nội vụ đang tiếp tục giải quyết, tháo gỡ vướng mắc để quá trình thực hiện được thông suốt. Trong thời gian này, Sở Nội vụ tỉnh Bến Tre kiến nghị một số giải pháp, cũng như đề xuất một số nội dung cải cách thể chế về tuyển dụng công chức, viên chức, góp phần tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc hiện nay ở địa phương, cụ thể như sau:

- Để đảm bảo tính chuyên nghiệp trong việc ra đề thi, đề xuất Bộ Nội vụ giao cho các cơ sở đào tạo nghiên cứu, xây dựng ngân hàng đề thi trắc nghiệm dành cho các kỳ thi tuyển công chức, viên chức, trình thông qua Hội đồng thẩm định của Bộ Nội vụ và ban hành công khai trên website để tạo điều kiện cho các thí sinh biết, học tập, ôn luyện; đồng thời, định kỳ rà soát, cập nhật, lược bỏ và bổ sung số lượng câu hỏi trong ngân hàng cho phù hợp quy định pháp luật tại thời điểm tương ứng để các địa phương cũng được phép chọn lựa các câu hỏi từ ngân hàng đề này để sử dụng;

- Nghiên cứu, sửa đổi Thông tư số 06/2020/TT-BNV đối với các nội dung:

- + Cụ thể quy trình tổ chức kỳ thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức thành các bước thực hiện, các loại biên bản, hồ sơ cần có của từng bước để thống nhất thực hiện, hạn chế sai sót và thuận lợi trong quá trình thanh tra, kiểm tra, kiểm soát công tác tổ chức kỳ thi;

- + Xem xét, đơn giản hóa quy trình, thủ tục tuyển dụng công chức, viên chức để giảm chi phí về thời gian, kinh phí, nâng cao tính hiệu quả của công tác tuyển dụng.

- Khi đã có quy trình các bước tổ chức kỳ thi tuyển, xét tuyển viên chức, cụ thể, thì tăng cường phân cấp cho các đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức thực hiện để giảm áp lực công việc cho cơ quan chủ quản.

- Quan tâm xem xét, nghiên cứu, sửa đổi Nghị định số 138/2020/NĐ-CP đối với các nội dung:

- + Ở Vòng 2 của kỳ thi tuyển công chức, Hội đồng tuyển dụng được lựa chọn thêm hình thức thi trắc nghiệm kết hợp phỏng vấn và trắc nghiệm (trên máy tính) nhằm rút ngắn thời gian tổ chức kỳ thi mà vẫn đánh giá được tương đối toàn diện thí sinh.

- + Trường hợp ngay sau kỳ tuyển dụng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày phê duyệt kế hoạch của kỳ tuyển dụng, mà phát sinh nhu cầu tuyển dụng mới đối với vị trí việc làm có yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện như vị trí việc làm mà người

dự tuyển đã đăng ký, thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng quyết định phê duyệt chỉ tiêu phát sinh; đăng tải công khai vị trí việc làm và chỉ tiêu phát sinh mới; thông báo tới người dự tuyển có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề so với kết quả ở chỉ tiêu cuối cùng đã được tuyển dụng để hoàn thiện hồ sơ và ra quyết định tuyển dụng theo quy định;

+ Quy định cụ thể quy trình thực hiện sát hạch, tiếp nhận công chức không qua thi tuyển và các hồ sơ cần có trong quy trình để thống nhất thực hiện.

Để thực hiện thành công mục tiêu cải cách chế độ công vụ, công chức, đòi hỏi các cơ quan nhà nước phải có đội ngũ công chức vừa có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, vừa có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm được bố trí. Trong đó, công tác tuyển dụng công chức là khâu quan trọng đầu tiên và có ý nghĩa quyết định đến chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vị. Tổ chức tuyển dụng tốt sẽ lựa chọn được những cá nhân ưu tú vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị. Hy vọng rằng với sự quan tâm, lắng nghe ý kiến của các địa phương, Bộ Nội vụ sẽ có các giải pháp hiệu quả trong ban hành thể chế tuyển dụng CCVC trong thời gian tới./.

## 19. Sở Nội vụ tỉnh Hậu Giang

### Tham luận “Phát huy giá trị cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức”

Chương trình Chuyển đổi số quốc gia, trong đó xác định rõ 3 trụ cột: **“Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số”**. Nhằm đẩy nhanh tiến độ triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số quốc gia, thực hiện có hiệu quả Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trong bối cảnh Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 với quá trình số hóa toàn cầu khẳng định dữ liệu số ngày càng quan trọng hơn. Nhận thức được tầm quan trọng của dữ liệu số là nguồn tài nguyên quan trọng, quý giá nhất và không giới hạn đối với bất kỳ quốc gia nào trong thời đại số hóa toàn cầu hiện nay. Trong đó, CSDLQG về CBCCVC là nhân tố quyết định trong công cuộc xây dựng dữ liệu số Quốc gia thành công. Chính phủ đã kịp thời ban hành Quyết định số 942/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển chính phủ điện tử hướng tới chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 893/QĐ-TTg của Chính phủ về việc phê duyệt Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước, góp phần nâng cao nhận thức của người dân toàn xã hội về vai trò, ý nghĩa và lợi ích của chuyển đổi số.

Trong đó, xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm là *việc xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDLQG) về cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) trong cơ quan nhà nước phải phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước*. Việc xây dựng, quản lý, cập nhật dữ liệu thường xuyên, tổ chức khai thác, sử dụng và lưu trữ CSDLQG về CBCCVC đồng bộ, thống nhất trên phạm vi toàn quốc đảm bảo “Đúng - Đủ - Sạch - Sống”, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý CBCCVC trong các cơ quan nhà nước theo hướng hiện đại. Chính vì vậy, được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; sự phối hợp, triển khai quyết liệt của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, đến nay Sở Nội vụ đã xây dựng hoàn thành CSDL về CBCCVC của Tỉnh. Nhận thấy rõ tầm quan trọng, lợi ích của việc sử dụng CSDLQG về CBCCVC trong công tác quản lý nhà nước tại tỉnh Hậu Giang nói riêng và cả hệ thống chính trị nói chung. Đồng thời, thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 02-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hậu Giang về xây dựng Chính quyền điện tử và chuyển đổi số tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, Sở Nội vụ đã tham chiếu CSDLQG về CBCCVC để tham mưu thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

(1) CSDLQG về CBCCVC là nguồn thông tin dữ liệu chính xác, kịp thời để Sở Nội vụ tham mưu Lãnh đạo Tỉnh ủy, UBND tỉnh kịp thời ra các quyết định, nâng cao tính công khai minh bạch trong việc quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm, xét thi đua khen thưởng. Kết quả điều động, bổ nhiệm 11 trường hợp là lãnh đạo.

(2) Giúp quản lý, theo dõi, giám sát đội ngũ CBCCVC của toàn tỉnh, kịp thời xây dựng đề án vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh góp phần xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả và hiện đại. Kết quả: Tỉnh đã hoàn thành việc xây dựng và phê duyệt Đề án VTVL trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trước ngày 31/3/2024, với kết quả cụ thể như sau:

*Tổng số vị trí việc làm trong toàn tỉnh đã phê duyệt là 10.601 vị trí (1.948 vị trí trong cơ quan, tổ chức hành chính; 8.517 vị trí trong các đơn vị sự nghiệp công lập; 136 vị trí CBCC cấp xã). Trong đó:*

- + Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 1.189 vị trí.
- + Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành: 3.783 vị trí.
- + Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 4.317 vị trí.
- + Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 1.176 vị trí.
- + Vị trí việc làm cán bộ, công chức cấp xã: 136 vị trí.

Kết quả thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập. Kết quả thực hiện sắp xếp, giảm 02 phòng chuyên môn, 05 Chi cục; 01 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở; giảm 04 cấp Trưởng phòng, 05 cấp Phó trưởng phòng.

(3) CSDLQG về CBCCVC là cơ sở giúp Sở Nội vụ tham mưu Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh xây dựng các chính sách thu hút nguồn nhân lực trẻ, chất lượng cao; kịp thời hỗ trợ việc hoạch định, triển khai các chính sách về CBCCVC như: chế độ đãi ngộ khuyến khích đối với CBCCVC có trình độ đào tạo sau đại học, nâng cao tỷ lệ CBCCVC đăng ký đào tạo sau đại học, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu theo tình hình mới. Kết quả 6 tháng đầu năm, đã giải quyết chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học đối với cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh: 10 trường hợp thạc sĩ.

(4) Kịp thời hỗ trợ, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh để nâng cao hiệu quả việc Quản lý sử dụng nguồn nhân lực trong khu vực công như:

- Việc bố trí, sử dụng CCVC trong thời gian qua về cơ bản đảm bảo đúng ngành nghề được đào tạo; phát huy được sở trường của CCVC. Hàng năm, các cơ quan, đơn vị đều có kế hoạch rà soát, bố trí CCVC, đảm bảo cơ cấu, phù hợp với yêu cầu về năng lực của từng VTVL, cơ bản thực hiện tốt luân chuyển, điều động CCVC theo quy định; Kết quả thực hiện luân chuyển, điều động CCVC 6 tháng đầu năm 106 trường hợp.

- Việc điều động, luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý đã bước đầu khắc phục được tình trạng cục bộ, khép kín, tăng cường, bổ sung nhiều CCVC trẻ, được đào tạo cơ bản, ngang tầm nhiệm vụ. Kết quả: điều động, luân chuyển lãnh đạo 08 trường hợp.

Đặc biệt, đảm bảo kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu về CBCCVC với cơ sở dữ liệu quốc gia ở các lĩnh vực khác, là một trong những cấu phần quan trọng trong

tiến trình xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử/Chính quyền điện tử; thực hiện minh bạch hóa công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức, góp phần xây dựng một nền hành chính phục vụ, hiện đại, chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả hướng tới xây dựng nền kinh tế số, xã hội số, công dân số.

Qua gần 2 năm thực hiện, được sự quan tâm, chỉ đạo của Bộ Nội vụ, sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Hậu Giang cùng sự phối hợp nhịp nhàng của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, Sở Nội vụ đã tham mưu, triển khai thực hiện tính đến thời điểm hiện tại đã thực hiện tốt việc cập nhật, rà soát, bổ sung và làm sạch CSDLQG về CBCCVC của tỉnh, đạt tỷ lệ trên 92% hồ sơ đảm bảo theo quy định. Trong đó, đã cập nhật, kết nối, tích hợp, đồng bộ, chia sẻ dữ liệu **18.459** hồ sơ về Kho CSDLQG về CBCCVC do Bộ Nội vụ quản lý (cụ thể gồm **17.914** hồ sơ ở trạng thái đang làm việc; **545** hồ sơ ở trạng thái nghỉ việc, nghỉ hưu, chuyên công tác ngoài tỉnh,...); Phối hợp với Công ty viễn thông Hậu Giang triển khai sử dụng thí điểm Phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hậu Giang.

Bên cạnh những kết quả đạt được, thì vẫn còn hạn chế, bất cập trong Việc cập nhật, rà soát, bổ sung và làm sạch CSDLQG về CBCCVC như: chưa đạt tỷ lệ 100% theo quy định của Bộ Nội vụ tại Thông tư số 06/2023/TT-BNV ngày 04/5/2023. Lý do: Thủ trưởng một số cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh chưa quyết liệt, chỉ đạo phối hợp với Sở Nội vụ trong việc cập nhật dữ liệu và duyệt dữ liệu lên phần mềm; Một số CBCCVC được phân công phụ trách thực hiện quản trị còn thiếu quan tâm, kiểm tra, đôn đốc, báo cáo cho Thủ trưởng tình hình nhập liệu của CBCCVC và người lao động thuộc và trực thuộc đơn vị quản lý; Đa số Nhân viên Hợp đồng lao động hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ phần lớn có trình độ văn hóa 12/12 trở xuống nên không thể nhập tối thiểu 1 bản ghi quá trình đào tạo chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 356/QĐ-BNV ngày 17/5/2023.

Để tiếp tục **“Phát huy giá trị cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức”**, đồng thời, nâng cao nhận thức của người dân, về vai trò, ý nghĩa và lợi ích của **cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức**. Sở Nội vụ tỉnh Hậu Giang đề xuất, kiến nghị với Bộ Nội vụ một số giải pháp nhằm phát huy giá trị CSDLQG về CBCVC như sau:

(1) Tiếp tục chỉ đạo, hỗ trợ địa phương rà soát, bổ sung làm sạch CSDLQG về CBCCVC đảm bảo **“Đúng - Đủ - Sạch - Sống”** theo quy định, nhằm đảm bảo thống nhất, đồng bộ về số lượng và chất lượng thông tin dữ liệu CBCCVC giữa CSDL về CBCCVC của bộ, ngành, địa phương với Kho CSDLQG về CBCCVC, giúp phản ánh đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin của từng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, kể từ khi được tuyển dụng, ký hợp đồng lao động cho đến khi không còn làm việc tại các cơ quan nhà nước; đồng thời đảm bảo sự thống nhất trong chỉ đạo, điều hành; tập trung tối đa nguồn lực, rút ngắn thời gian trong việc thu thập, chỉnh sửa, cập nhật thông tin cán bộ, công chức, viên chức, người lao

động trong các cơ quan nhà nước.

(2) Tăng cường tích hợp, khai thác CSDLQG về CBCCVC, thống kê trích xuất dữ liệu theo các Mẫu báo cáo thống kê (Số lượng cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên; Số lượng cán bộ, công chức cấp xã; Thu nhập bình quân một cán bộ, công chức, viên chức khối địa phương; Số lượng viên chức (Lĩnh vực y tế); Số lượng cán bộ được đánh giá, xếp loại chất lượng; Số lượng cán bộ bị kỷ luật;...) theo Thông tư số 02/2023/TT-BNV ngày 23/3/2023. Góp phần giảm tải thời gian tổng hợp, xử lý các mẫu biểu báo cáo cho địa phương. Trong khi, hàng năm địa phương báo cáo chỉ dựa trên ứng dụng excel xử lý dữ liệu thô xuất từ phần mềm Quản lý hồ sơ CBCCVC và tổng hợp thủ công một số mảng dữ liệu do các đơn vị cung cấp do không thể theo dõi trên hệ thống báo cáo. Điều đó gây ảnh hưởng đến tốc độ cũng như độ chính xác của Báo cáo địa phương.

(3) Tiếp tục hỗ trợ đào tạo nâng cao năng lực, quản lý, khai thác và chia sẻ CSDLQG về CBCCVC trong cơ quan nhà nước cho các địa phương. Đặc biệt, là CBCCVC đầu mối chịu trách nhiệm cập nhật, tích hợp, quản lý, khai thác, chia sẻ và đồng bộ CSDL về CBCCVC của tỉnh với Kho CSDLQG về CBCCVC.

(4) Có định hướng, tiếp tục phối hợp Tập đoàn VNPT hỗ trợ “Phần mềm Quản lý CBCCVC” cho các tỉnh/thành phố đến khi Tỉnh ủy, UBND tỉnh cho chủ trương đầu tư hoặc thuê dịch vụ công nghệ thông tin nói trên./.

## 20. Sở Nội vụ tỉnh Tây Ninh

### Tham luận “Phát huy giá trị cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức”

Thực hiện Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 25/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC trong các cơ quan nhà nước; trong đó, việc xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC là một trong những cấu phần quan trọng trong tiến trình xây dựng Chính phủ điện tử, hướng tới nền kinh tế số, xã hội số; cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ về đội ngũ CBCCVC trên cả nước, phục vụ công tác quản lý biên chế và công tác quản lý, sử dụng CBCCVC; thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là bước đi cụ thể, hiện thực hóa các nhiệm vụ được giao theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số Quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Tại Tây Ninh, từ tháng 12/2021, “Phần mềm quản lý cán bộ công chức tỉnh Tây Ninh” do VNPT Tây Ninh cung cấp với phiên bản 2.0 được đưa vào sử dụng là cơ sở và thuận lợi trong thực hiện Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 25/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC trong các cơ quan nhà nước và các văn bản chỉ đạo của Bộ Nội vụ.

Tuy nhiên, đến ngày đến ngày 21/02/2023 mặc dù đã nhập được 19.625 hồ sơ nhưng do Phần mềm quản lý CBCCVC của tỉnh Tây Ninh với phiên bản 2.0 chỉ đáp ứng được 55 trường thông tin so với 109 trường thông tin theo yêu cầu của Bộ Nội vụ. Dữ liệu nhập lên phần mềm hiện chưa bảo đảm “*Đúng, đủ, sạch, sống*”.

Thực hiện Văn bản số 639/BNV-VP ngày 21/02/2023 của Bộ Nội vụ về triển khai Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 25/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC trong các cơ quan nhà nước, để kịp thời đồng bộ cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh với cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC; Sở Nội vụ tỉnh Tây Ninh đã có báo cáo và tham mưu UBND tỉnh văn bản đề nghị các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh tổ chức nhập liệu CBCCVC lên phần mềm CBCCVC của tỉnh, đồng thời tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 759/KH-UBND ngày 20/3/2023 về việc phát động phong trào thi đua “30 ngày nhập dữ liệu lên phần mềm quản lý, cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh”. Với phương châm “Đúng - Đủ - Sạch - Sống” và tinh thần chuyển đổi số thực chất, CBCCVC phải chịu trách nhiệm với dữ liệu mình nhập, lãnh đạo cấp dưới phải chịu trách nhiệm với lãnh đạo cấp trên về dữ liệu thông tin cấp dưới mình quản lý, lãnh đạo các Sở, ban, ngành, các huyện, thị xã, thành phố phải chịu trách nhiệm với lãnh đạo UBND tỉnh đối với dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức do đơn vị, cấp mình quản lý. Sở Nội vụ Tây Ninh phối hợp với VNPT Tây Ninh, Sở Thông tin và Truyền thông thành lập tổ triển khai, hướng dẫn trực tuyến và trực tiếp tại các sở, ban, ngành và các huyện, thị xã, thành phố. CBCCVC của các sở, ban, ngành và các huyện, thị xã, thành phố được cấp tài khoản cá nhân để đăng

nhập và nhập liệu trực tiếp trên phần mềm. Công tác kiểm tra dữ liệu thông tin đầu vào của các sở, ban, ngành cấp tỉnh được giao về Sở Nội vụ và Phòng Nội vụ các huyện, thị xã, thành phố đối với dữ liệu thông tin của CBCCVC cấp huyện. Trong công tác quản lý, khai thác và sử dụng phần mềm, Sở Nội vụ Tây Ninh đã tham mưu UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý, khai thác và sử dụng phần mềm bảo đảm việc khai thác, sử dụng và quản lý có hiệu quả, thực chất, phục vụ nhu cầu sử dụng của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Với quyết tâm cao trong tổ chức thực hiện, Sở Nội vụ đã phối hợp triển khai nhập liệu hồ sơ đến 09 huyện, thị xã, thành phố và 27 sở, ban, ngành của tỉnh, đồng bộ 100% hồ sơ. Trong vòng 30 ngày, toàn bộ dữ liệu CBCCVC của tỉnh được nhập liệu lên phần mềm quản lý CBCCVC của tỉnh, bảo đảm đáp ứng 109 trường dữ liệu thông tin với tiêu chí “Đúng - Đủ - Sạch - Sống” của giai đoạn đầu, đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC đáp ứng yêu cầu đặt ra, việc quản lý, tra cứu, trích xuất thông tin CBCCVC được dễ dàng.

Hiện nay, hệ thống phần mềm quản lý CBCCVC của tỉnh được cập nhật và bổ sung thêm một số tính năng như: cập nhật biểu mẫu báo cáo, chỉnh sửa, thêm mới, thôi việc trong hồ sơ; bổ sung tính năng đào tạo, thống kê báo cáo theo sơ đồ,... định kỳ trong 05 ngày cuối của hàng tháng, Sở Nội vụ thực hiện ký số phê duyệt dữ liệu để đồng bộ lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC và thực hiện rà soát để đảm bảo dữ liệu luôn “Đúng - Đủ - Sạch - Sống”. Ngoài ra, dữ liệu CBCCVC của tỉnh được tích hợp lên hệ thống Trung tâm điều hành thông minh (IOC) của tỉnh phục vụ cho nhu cầu quản lý, khai thác dữ liệu CBCCVC của tỉnh; liên kết với Công an tỉnh trong việc truy xuất các trường hợp CBCCVC vi phạm trong lĩnh vực giao thông. Khối Đảng, đoàn thể đang triển khai nhập liệu CBCCVC lên phần mềm CBCCVC của tỉnh, dự kiến hoàn thành trong Quý III/ 2024 và đồng bộ tích hợp lên hệ thống Trung tâm điều hành thông minh (IOC) của tỉnh.

Việc đưa vào vận hành, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC làm thay đổi nhận thức và cung cấp tiện ích lớn đối với mỗi CBCCVC, tạo một sổ tay điện tử thông tin cá nhân có thể dễ dàng truy cập bất cứ lúc nào chỉ bằng với thiết bị thông minh như: điện thoại, máy tính bảng...; tích hợp nhiều thông tin về cá nhân để tra cứu, trích xuất, lưu trữ như: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, quá trình tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, lương, phụ cấp, khen thưởng, lý lịch... Ngoài việc tích hợp dữ liệu thông tin cá nhân, cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức giúp cơ quan, tổ chức, người quản lý các cấp về CBCCVC thống kê, báo cáo, phục vụ công tác nghiên cứu, tham mưu hoạch định chính sách đối với đội ngũ CBCCVC, giúp tiết kiệm chi phí... minh bạch hóa công tác quản lý CBCCVC. Cùng với đó, việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cổng dịch vụ công, Cơ sở dữ liệu quốc gia khác và Cơ sở dữ liệu CBCCVC của các bộ, ngành, địa phương giúp tổng hợp, phân tích dữ liệu, dự báo hỗ trợ trong việc ban hành chính sách về công tác cán bộ, nguồn nhân lực.

Bên cạnh giá trị của cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC hỗ trợ, phục vụ cho

các cấp, các ngành, tổ chức, cá nhân thì vẫn còn một số khó khăn, hạn chế như: Việc bảo mật an toàn hệ thống thông tin phần mềm và dữ liệu thông tin cá nhân mặc dù đã có quy định về quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu, tuy nhiên việc người dùng khai thác không đúng quy định và sử dụng các thiết bị thông minh không đảm bảo các điều kiện an toàn để truy cập vào hệ thống sẽ dễ bị đánh cắp thông tin cá nhân. Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC được triển khai trong thời gian ngắn nên việc vận hành, khai thác đôi khi vẫn bị lỗi, kết nối chưa được đồng bộ, kết nối dữ liệu liên thông còn ít. Một bộ phận CBCCVC sử dụng, khai thác, cập nhật, bổ sung thông tin chưa được như mong đợi.

Để cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC được khai thác và phát huy tính hiệu quả, phát huy được giá trị, Sở Nội vụ Tây Ninh đề xuất một số nhiệm vụ, giải pháp như sau:

**Một là**, tăng cường trách nhiệm và phát huy vai trò của người đứng đầu trong công tác tuyên truyền, tổ chức triển khai thực hiện việc quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC. Kinh nghiệm triển khai của Tây Ninh chỉ ra rằng nơi nào có lãnh đạo quan tâm, chỉ đạo sâu sát thì việc thực hiện được diễn ra đồng bộ, nghiêm túc, thực chất và có hiệu quả.

**Hai là**, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC việc sử dụng phần mềm, công nghệ thông tin trong quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC; nhất là đội ngũ làm công tác liên quan đến tổ chức, quản lý về CBCCVC để đáp ứng yêu cầu của việc và việc duy trì dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống”

**Ba là**, ban hành quy định về việc quản lý, khai thác, sử dụng phần mềm và sử dụng cơ sở dữ liệu CBCCVC riêng phù hợp, trong đó có phân cấp và phân công nhiệm vụ, trách nhiệm giữa tổ chức và cá nhân trong để bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin trong quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu.

Đề xuất Bộ Nội vụ tiếp tục cập nhật, bổ sung, nâng cấp hệ thống phần mềm và cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC do Bộ Nội vụ quản lý; hoàn thiện việc kết nối liên thông với Cơ sở dữ liệu các ngành khác (Bảo hiểm xã hội, Công an, Lao động, Thương binh và Xã hội,...) để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước, thực hiện thủ tục hành chính, thực hiện chính sách an sinh xã hội, trật tự an ninh, an toàn xã hội.

Việc triển khai thành công và phát huy giá trị của cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC là chìa khóa để thực hiện tốt công tác xây dựng thể chế, chính sách và quản lý biên chế, quản lý, sử dụng CBCCVC. Đây cũng là một trong những tiến trình đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, góp phần quan trọng trong tiến trình xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số hướng tới nền kinh tế số, xã hội số và đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế và khu vực./.

## 21. Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ninh

### Tham luận “Bài học kinh nghiệm và các giải pháp nâng cao hiệu quả cải cách hành chính gắn với thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương”

Tỉnh Quảng Ninh bước vào triển khai nhiệm vụ năm 2024 - năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra tại Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2021-2025) trong bối cảnh có nhiều thuận lợi, tiếp nối thành quả giữ vững đà tăng trưởng 9 năm liên tiếp tăng trưởng trên 10% (2015-2023); đồng thời đối diện với nhiều khó khăn, thách thức; vừa tiếp tục tập trung giải quyết những vấn đề phức tạp mới phát sinh, vừa phải xử lý, khắc phục các yếu kém, tồn đọng, khuyết điểm được chỉ ra qua hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát; đội ngũ cán bộ chủ chốt của tỉnh có nhiều biến động...

Trong bối cảnh đó, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ- cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh Quảng Ninh đã chủ trì, phối với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu cho Tỉnh và tổ chức triển khai toàn diện, hiệu quả trong công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh<sup>96</sup>. Kết quả xếp hạng các chỉ số về cải cách hành chính năm 2023 đã được Bộ Nội vụ, Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ ghi nhận và đánh giá cao.

Với những kết quả đạt được trong thực hiện cải cách hành chính đã góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trong đó có thể thấy: (1) Kinh tế tỉnh liên tục tăng trưởng cao và ổn định, giữ vững tốc độ tăng trưởng GRDP trên 2 con số trong 9 năm liên tiếp (2015-2023); (2) Quy mô nền kinh tế tăng nhanh, năm 2023 đạt gần 315.839 tỷ đồng; thu hút FDI thế hệ mới đạt 3,1 tỷ USD, đứng thứ 3 cả nước, tạo đột phá và cao nhất từ trước tới nay; (3) Công tác an sinh xã hội được tỉnh quan tâm, hết năm 2022, tỉnh Quảng Ninh đã đồng thời hoàn thành Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và hoàn thành trước 3 năm Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; (4) Tỉnh không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn

<sup>96</sup>Cụ thể là: (1) Chủ động xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính, Kế hoạch tuyên truyền CCHC, Kế hoạch phát động phong trào thi đua “Cải cách hành chính” trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2024...<sup>96</sup>; (2) Tham mưu tổ chức Hội nghị sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 09/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, sơ kết 02 năm Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; (3) Tham mưu Tổng kết 10 năm thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh và Trung tâm hành chính công cấp huyện; (4) Tổ chức Hội nghị phân tích, đánh giá chuyên sâu các Chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PCI, PGI tỉnh Quảng Ninh năm 2023; (5) Hoàn thành đánh giá mức độ chuyển đổi số tỉnh Quảng Ninh năm 2023 (DTI 2023) và ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ thúc đẩy Đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh, trong đó xác định rõ các nhóm nhiệm vụ, giải pháp và thời gian hoàn thành 11 tiện ích thúc đẩy Đề án 06; (6) Tổ chức Hội nghị sơ kết 01 năm thực hiện việc tháo gỡ các “điểm nghẽn” trong triển khai Đề án 06; (7) Xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh năm 2024, trong đó trọng tâm là thực hiện chuyển đổi số về: Y tế, giáo dục và đào tạo, du lịch, an sinh xã hội, cán bộ công chức, hải quan; chuẩn bị tốt các điều kiện để tổ chức Diễn đàn chuyển đổi số năm 2024 với chủ đề “Tạo đột phá trong chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh”; (8) Phê duyệt Đề án Phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo và phát triển sản phẩm chủ lực, xây dựng thương hiệu của tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

2022-2025; Tỉnh đã chỉ đạo xây dựng và triển khai chuẩn nghèo mới của tỉnh gấp 1,4 lần so với Trung ương về tiêu chí thu nhập. (5) Đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện; mở rộng cơ hội tiếp cận dịch vụ y tế, thông tin - truyền thông chất lượng cao và bảo đảm chất lượng chăm sóc sức khỏe của nhân dân. (6) GRDP bình quân đầu người năm 2023 đạt 9.500 USD, gấp 2,23 lần so với bình quân chung cả nước. Niềm tin của người dân, nhà đầu tư và doanh nghiệp, định vị ngày càng rõ nét thương hiệu, hình ảnh tỉnh Quảng Ninh, một “điểm đến đầu tư an toàn, thuận lợi, minh bạch, hấp dẫn và thành công”, nơi có “*Thiên nhiên tươi đẹp - Văn hóa đặc sắc - Xã hội văn minh - Hành chính minh bạch - Kinh tế phát triển - Nhân dân hạnh phúc*”.

Các nội dung cụ thể trong cải cách hành chính được các cấp, các ngành, từ tỉnh đến cơ sở quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện hiệu quả: (1) Tỉnh đã ban hành nhiều Nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật trong đó có nhiều nội dung liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, tháo gỡ khó khăn cho người dân, doanh nghiệp nhằm phục hồi, phát triển kinh tế xã hội; (2) Đổi mới tư duy phát triển, mạnh dạn thí điểm áp dụng thành công nhiều mô hình quản trị mới như phương châm “5 thật”, “6 dám”<sup>97</sup>, mọi việc phải có sự chuẩn bị từ xa, từ sớm, từ cơ sở; nội lực là căn bản, ngoại lực là quan trọng, kết hợp chặt chẽ nội lực với ngoại lực tạo ra nguồn lực tổng hợp tối ưu “*Lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư*”; (3) Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương luôn sát sao chỉ đạo tích cực, triển khai hiệu quả việc giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp nhất là giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến, trong đó tập trung vào việc cắt giảm, đơn giản hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính, tăng cường phân cấp, ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành.

Năm 2023-2024 tỉnh Quảng Ninh triển khai nhiều giải pháp nhằm tập trung xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: (1) Quan tâm ban hành chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trong đó dành ít nhất 50% chỉ tiêu tuyển dụng mới để tuyển dụng nguồn nhân lực chất lượng cao (Tỉnh đã tổ chức thành công kỳ tuyển dụng công chức năm 2023 bảo đảm hiệu quả, đúng quy định, qua đó đã tuyển dụng được 03 trường hợp thuộc diện sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ theo Nghị định số 140/2027/NĐ-CP, 08 trường hợp thuộc diện nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh; Tỉnh tiếp tục xây dựng Kế hoạch tuyển dụng công chức năm 2024 với 73 chỉ tiêu, trong đó có 04 chỉ tiêu theo Nghị định số 140/2027/NĐ-CP, 33 chỉ tiêu nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh; bên cạnh đó đã thực hiện hiệu quả chính sách tỉnh giãn biên chế đối với 31 cán bộ, công chức, viên chức); (2) Triển khai xây dựng Phương án tổng thể và Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2023-2025; (3) Thực hiện hiệu quả chuyển đổi số của tỉnh và của ngành Nội vụ, thường xuyên rà soát, bổ sung, cập nhật cơ sở dữ liệu về CBCCVC tỉnh Quảng Ninh bảo đảm đồng bộ, kết

<sup>97</sup>“05 thật”: Nghĩ thật, nói thật, làm thật, hiệu quả thật, nhân dân được thụ hưởng thành quả thật; “06 dám”: Dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách.

nối với cơ sở dữ liệu quốc gia do Bộ Nội vụ quản lý; (4) Đẩy mạnh giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử: (i1) Tỷ lệ xử lý hồ sơ công việc toàn trình cả 3 cấp trong toàn tỉnh đạt trên 91%; (i2) Trên 74% hồ sơ giải quyết TTHC được số hóa theo quy trình 05 bước, số hóa từ khâu tiếp nhận đến khâu trả kết quả cho người dân, doanh nghiệp; (i3) Tỉnh đã hoàn thiện việc kết nối Hệ thống giải quyết TTHC của tỉnh với CSDL quốc gia về dân cư, bảo đảm khai thác được 20/20 trường thông tin do Bộ Công an cung cấp để hỗ trợ người dân trong giải quyết TTHC, hỗ trợ cán bộ trong việc không sử dụng sổ hộ khẩu giấy...; (5) Đặc biệt trong năm 2024, Tỉnh giao Sở Nội vụ, Thanh tra tỉnh thực hiện thanh tra, kiểm tra trách nhiệm trong thực thi công vụ, nhiệm vụ đối với các Sở, ngành, địa phương, trong đó tập trung làm rõ tiến độ, kết quả triển khai nhiệm vụ được giao; Làm rõ trách nhiệm của các tập thể, cá nhân liên quan và đề xuất hình thức xử lý cụ thể trong việc đùn đẩy, né tránh, không triển khai hoặc chậm triển khai thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo chỉ đạo Tỉnh nhất là trong lĩnh vực đầu tư (các dự án trọng điểm của tỉnh).

Với sự quyết tâm, nỗ lực, đoàn kết, chung sức, đồng lòng của các cấp, các ngành, Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2024 của Tỉnh tiếp tục đạt được kết quả quan trọng, nổi bật: (1) Kinh tế tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) ước 6 tháng đầu năm 2024 tăng 9,02%<sup>98</sup>; (2) Tổng thu NSNN 6 tháng ước đạt **30.774** tỷ đồng, bằng 58% dự toán Trung ương giao, bằng 55% dự toán Tỉnh giao; (3) Thu hút FDI 6 tháng đầu năm 2024 của tỉnh Quảng Ninh cho thấy sự bứt phá mạnh mẽ, với tổng vốn thu hút đạt trên 1,5 tỷ USD, đứng thứ hai cả nước - Kỳ vọng năm 2024 sẽ là năm “bội thu” vốn FDI của tỉnh Quảng Ninh, hoàn thành và vượt mục tiêu Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 27/11/2023 của BCH Đảng bộ tỉnh đề ra thu hút 3 tỷ USD vốn FDI.

Kết quả trên là minh chứng sống động trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành triển khai tổ chức thực hiện sáng tạo các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng, Nghị quyết Đại hội XV, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và các Chương trình, Kế hoạch của UBND tỉnh, của các sở ngành, địa phương trong toàn tỉnh, bằng tư duy đổi mới, thống nhất cao về tư tưởng, nhận thức và hành động với ý chí quyết tâm cao, nỗ lực lớn. Đây cũng là kết quả của quá trình kiên trì, nỗ lực không mệt mỏi, liên tục bền bỉ, có kế thừa, đổi mới và phát triển trong việc dày công chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Quảng Ninh với quan điểm **“Không có áp lực không có kim cương”**, *đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của Tỉnh đã quen làm việc trong môi trường chịu nhiều áp lực, quyết liệt trong hành động, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, vì sự phát triển của Tỉnh.*

Với phương châm, lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm của sự phục vụ, sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo hiệu quả công việc của cấp ủy, chính quyền các cấp; hành trình cải cách hành chính với quyết tâm xây dựng

<sup>98</sup> Theo Văn bản số 1003/TCTK-TKQG ngày 29/5/2024 của Tổng cục Thống kê.

chính quyền địa phương liêm chính, kiến tạo, hoạt động hiệu lực, hiệu quả với nền quản trị hiện đại, tự chủ, năng động; tập trung cải cách nền hành chính quản lý - quản trị - kiến tạo phát triển, hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, năng động, công khai, minh bạch; nâng cao chất lượng thực thi chính sách, pháp luật; gắn chặt với xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, luôn đề cao và thực hành **văn hoá phục vụ** người dân và doanh nghiệp trở thành lẽ tự nhiên, là bản phận, trách nhiệm, **được** dẫn dắt, định hướng, định hình và lan tỏa bởi sự nêu gương, làm gương của người đứng đầu qua hành động thực tế. Tỉnh Quảng Ninh, đã xác định không ngừng nâng cao chất lượng CCHC - Là một trong 3 khâu đột phá chiến lược đã được Tỉnh thực hiện trong suốt thời gian qua.

Để đạt được thành quả đó, trong quá trình triển khai thực hiện cải cách hành chính, Tỉnh luôn quan tâm sát sao, chỉ đạo thực hiện toàn diện các nội dung tỉnh Quảng Ninh xin chia sẻ một số kinh nghiệm và giải pháp để thực hiện hiệu quả công tác cải cách hành chính gắn với thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội tại địa phương trong thời gian qua:

**Thứ nhất**, phải đặc biệt quan tâm công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm tính thống nhất, thông suốt, với quyết tâm cao; Chỉ đạo triển khai phải bao quát, toàn diện, tổng thể, liên thông song phải xác định các vấn đề trọng tâm, trọng điểm để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, đầu tư nguồn lực, giải quyết dứt điểm, có hiệu quả; phát hiện kịp thời những yếu kém, hạn chế, khó khăn, vướng mắc để kịp thời tháo gỡ, khắc phục: *Với quan điểm không tự chủ quan, tự thỏa mãn với kết quả đã đạt được, mà luôn nhận diện kịp thời những mâu thuẫn trong thực tiễn quản lý, khó khăn, thách thức của người dân và doanh nghiệp để tìm cách tháo gỡ, giải quyết theo phương châm “cái gì không đo lường được thì không quản trị được”, “cái gì không đo lường được thì không thay đổi được”* để tiếp tục quyết liệt triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, cắt giảm, đơn giản hóa các quy định thủ tục hành chính...

**Thứ hai**, phải bám sát các chỉ đạo mới, tranh thủ tối đa sự ủng hộ, giúp đỡ của Trung ương, kiên trì đổi mới phương thức lãnh đạo trong quản lý, điều hành, đặc biệt là người đứng đầu các cơ quan luôn nâng cao ý thức, tư duy, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo và dám đương đầu với khó khăn thử thách bảo đảm hài hòa lợi ích của nhà nước, doanh nghiệp nhà đầu tư và người dân.

**Thứ ba**, kiên trì xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín phục vụ nhân dân và sự phát triển của địa phương, của tỉnh gắn với tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Trong đó phải luôn đổi mới, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp, bố trí, sử dụng cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp, cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ khoa học trình độ cao, cán bộ có trình độ công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị, địa phương để làm chủ các ứng dụng mới. Thực hiện tốt công tác quy hoạch cán

bộ, luân chuyển cán bộ - Đây là nguồn để chuẩn bị nhân sự cho đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2025-2030.

**Thứ tư**, tập trung thanh tra, kiểm tra công vụ, trách nhiệm người đứng đầu, trách nhiệm cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ, nhiệm vụ, nhằm khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy công việc; sợ sai, sợ trách nhiệm, không dám tham mưu, đề xuất xử lý công việc, không quyết định xử lý các công việc thuộc thẩm quyền dẫn đến quá trình xử lý công việc bị kéo dài, gây lãng phí thời gian, nguồn lực, cơ hội phát triển, làm giảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, gây cản trở công tác chỉ đạo, điều hành, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

Mặt khác, người đứng đầu các cấp chính quyền phải tăng cường giáo dục kỷ luật, chấp hành kỷ luật, dùng kỷ luật nghiêm minh và giám sát nghiêm khắc để cán bộ, đảng viên biết giữ gìn, nhớ điều cấm, giữ giới hạn, quen làm việc và sinh sống trong môi trường bị giám sát, bị ràng buộc để làm đúng hơn, làm nhanh hơn, làm tốt hơn, tận tâm, tận lực phục vụ vì sự phát triển chung, trong mọi hoàn cảnh, phải thật sự chí công vô tư; xây dựng và nhân lên hình ảnh, tác phong, cốt cách của cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, kỷ cương, tận tâm, mẫu mực, năng động, sáng tạo.

Để tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa công tác cải cách hành chính, các cơ quan, đơn vị, địa phương trong toàn hệ thống chính trị, chính quyền các cấp tỉnh Quảng Ninh luôn cam kết nỗ lực phấn đấu hơn nữa để thực hiện thành công mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nghị quyết Đảng bộ các cấp, với phương châm thực chất, không hình thức, lấy sản phẩm, hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả, hiệu lực điều hành của các cơ quan làm thước đo để người dân được hưởng thành quả của sự phát triển kinh tế - xã hội./.

## 22. Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên

### **Tham luận “Bài học kinh nghiệm và giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính hướng tới nâng cao sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tại địa phương”**

Trong nhiều năm qua, công tác CCHC của tỉnh Thái Nguyên luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, cùng sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và đã đạt được những kết quả hết sức quan trọng, được Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương đánh giá cao thông qua kết quả các Chỉ số về CCHC năm 2023 như: Chỉ số CCHC (Par index) tỉnh Thái Nguyên năm 2023 xếp thứ 6/63 tỉnh, thành phố; Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2023 đạt 90,29%, xếp thứ 02/63 tỉnh, thành phố (đây là năm thứ hai liên tiếp tỉnh Thái Nguyên đạt được kết quả này và hoàn thành mục tiêu của Chương trình CCHC của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 đề ra); Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) thuộc Nhóm cao nhất của cả nước (đạt **45,78/80** điểm).

Cải cách hành chính, được Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020-2025 xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, là động lực huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phục vụ tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội. Qua quá trình triển khai CCHC, tỉnh Thái Nguyên rút ra một số bài học kinh nghiệm trong thực tiễn triển khai cải cách hành chính và nâng cao mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ hành chính, đó là:

**Thứ nhất**, CCHC cần sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị; sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của cấp ủy các cấp; sự quyết liệt của chính quyền các cấp, đặc biệt là người đứng đầu, cùng sự đồng thuận sự ủng hộ của người dân, cộng đồng doanh nghiệp trong tỉnh.

**Thứ hai**, xác định CCHC là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, là động lực gắn với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; Xây dựng chương trình, kế hoạch CCHC và giao rõ nhiệm vụ, rõ thời gian, tiến độ hoàn thành, rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp; đồng thời thường xuyên rà soát, đôn đốc, kiểm tra tiến độ thực hiện nhiệm vụ được giao và có giải pháp khắc phục hạn chế, nhiệm vụ chậm tiến độ.

**Thứ ba**, có sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan thường trực CCHC của tỉnh và các cơ quan được giao nhiệm vụ CCHC trong triển khai chương trình, kế hoạch CCHC của tỉnh. Sở Nội vụ là cơ quan chủ trì, bám sát sự chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương, tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả công tác CCHC trên cơ sở thực tiễn của địa phương; trong đó xác định xây dựng chính quyền chuyên nghiệp hiện đại, chuyên nghiệp, hướng tới nền hành chính phục vụ là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu.

**Thứ tư**, chính quyền các cấp luôn lắng nghe, gần gũi, đồng hành, chia sẻ cùng người dân, cộng đồng doanh nghiệp để kịp thời tiếp thu, giải quyết những kiến nghị, khó khăn, vướng mắc của người dân, doanh nghiệp. Đặc biệt chú trọng công tác tiếp công dân và giải quyết đơn thư (Tại Thái Nguyên đồng chí Bí thư

Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện nghiêm Lịch tiếp công dân, qua đó giải quyết được rất nhiều đơn, thư, vụ việc tồn đọng từ nhiều năm và được Nhân dân đánh giá rất cao).

**Thứ năm**, xác định kỷ luật, kỷ cương hành chính là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng để xây dựng nền công vụ phục vụ. Tỉnh Thái Nguyên tổ chức đào tạo, bồi dưỡng các kỹ năng mềm cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; rà soát, hoàn thiện các văn bản về chế độ công vụ phù hợp thực tiễn của tỉnh. Tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ, nhất là kiểm tra đột xuất việc thi hành công vụ, giải quyết hồ sơ, công việc phục vụ người dân, doanh nghiệp (Trong 6 tháng đầu năm 2024, Đoàn kiểm tra của tỉnh, của các đơn vị, địa phương đã tổ chức kiểm tra công vụ 169 cuộc, 43 cuộc thanh tra công vụ, qua đó, phát hiện và yêu cầu xử lý, tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý dứt điểm nhiều hành vi vi phạm trong quá trình thực thi công vụ, hướng dẫn giải quyết dứt điểm nhiều vụ việc tồn đọng lâu năm và được Thanh tra Bộ Nội vụ đánh giá cao trong cuộc thanh tra năm 2024 tại tỉnh Thái Nguyên).

**Thứ sáu**, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và nâng cao chất lượng giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; công khai minh bạch mọi hoạt động công vụ. Tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp có yêu cầu giải quyết TTHC.

**Thứ bảy**, xác định chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số là một trong những ưu tiên hàng đầu đưa tỉnh Thái Nguyên trở thành trung tâm chuyển đổi số, trung tâm kinh tế công nghiệp hiện đại của khu vực Trung du, miền núi phía Bắc và vùng Thủ đô Hà Nội. Với mục tiêu và phương châm lấy người dân làm trung tâm phục vụ, lấy sự hài lòng của người dân là thước đo đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Trong thời gian tới, Sở Nội vụ tiếp tục tham mưu cho UBND tỉnh các giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm để triển khai thực hiện cải cách hành chính và nâng cao mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ hành chính, như:

(1) Triển khai đồng bộ Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 của Chính phủ; Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công tỉnh Thái Nguyên đến năm 2025; Chương trình CCHC nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025; Chương trình nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch CCHC tỉnh Thái Nguyên năm 2024, tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền CCHC với nhiều hình thức thiết thực, hiệu quả.

(2) Hằng năm, tổ chức triển khai thực hiện đánh giá, xác định Chỉ số CCHC đối với 100% sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố; tổ chức đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh - đây là kênh hết sức quan trọng cung cấp thông tin, những nguyện vọng, mong muốn, phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức một cách kịp thời, chính xác để UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo, điều hành

triển khai công tác CCHC, điều hành thực thi chính sách pháp luật trên địa bàn tỉnh.

(3) Đề duy trì, cải thiện và nâng cao Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ và Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh; ngay sau khi Bộ Nội vụ công bố kết quả các Chỉ số, UBND tỉnh giao Sở Nội vụ phối hợp với các sở, ngành liên quan phân tích, đánh giá kết quả các Chỉ số nêu trên, xác định rõ những mặt đạt được, những mặt yếu kém, hạn chế, nêu ra giải pháp điều chỉnh, khắc phục theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao, đồng thời ban hành các Kế hoạch triển khai thực hiện (trong năm 2024, Sở Nội vụ đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2024-2026)<sup>99</sup>

(4) Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh, Lãnh đạo UBND tỉnh, người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp tổ chức Hội nghị đối thoại trực tiếp với người dân, doanh nghiệp; qua đó kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, những kiến nghị đề xuất và giải quyết theo quy định. UBND tỉnh chỉ đạo rà soát những vướng mắc, bất cập của hệ thống chính sách, văn bản pháp luật, vướng mắc của người dân, doanh nghiệp và giải quyết dứt điểm, kịp thời nhiều đơn thư của công dân. Chỉ đạo Sở Nội vụ, UBND các huyện, thành phố tổ chức tuyên truyền sâu rộng Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, các chủ trương chính sách của Đảng, nhà nước, TTHC... đến người dân tại các xóm/tổ dân phố trên địa bàn tỉnh; đồng thời có nhiều giải pháp nâng cao chất lượng chất lượng cung ứng dịch vụ y tế, giáo dục công lập, đường giao thông, điện, nước sinh hoạt, đảm bảo an ninh, trật tự. Thực hiện công khai minh bạch đầy đủ, kịp thời hoạt động công vụ, đặc biệt là công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, bảng giá đất, phương án thu hồi đất; việc huy động và sử dụng các khoản đóng góp của người dân..., qua đó góp phần nâng cao mức độ hài lòng của người dân trên địa bàn tỉnh.

(5) Các đơn vị, địa phương tăng cường mở rộng các kênh thông tin tuyên truyền để người dân dễ dàng nắm bắt, góp ý, phản ánh đối với các chủ trương chính sách và chính quyền phản hồi, giải trình việc thực hiện chủ trương chính sách đang được triển khai. Cùng với việc sử dụng các phương tiện thông tin truyền thống như báo, đài phát thanh - truyền hình, các trang thông tin điện tử, hệ thống loa truyền thanh,... các cơ quan, đơn vị còn triển khai cung cấp thông tin đầy đủ, ngắn gọn, dễ hiểu, dễ thấy qua kênh số của tỉnh (C-Thainguyen, Thainguyen-ID).

(6) Rà soát TTHC nội bộ đề trình cấp có thẩm quyền công bố, công khai và cập nhật kịp thời theo quy định; thường xuyên rà soát, kiến nghị cấp có thẩm quyền cắt giảm, đơn giản hóa TTHC; tiếp tục đẩy mạnh số hóa kết quả giải quyết TTHC tại 3 cấp chính quyền. Đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến, tăng cường phân cấp, uỷ quyền trong giải quyết TTHC, giải quyết TTHC phi địa giới nhằm tạo thuận lợi, giảm thời gian và các chi phí khác cho người dân, doanh nghiệp; thực

<sup>99</sup>Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 24/5/2024 đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2024 - 2026.

hiện nghiêm yết, công khai kịp thời, đầy đủ TTHC theo quy định. Thực hiện nghiêm việc tiếp nhận và giải quyết TTHC, trả kết quả đúng hẹn; thực hiện xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả khi có hồ sơ trả chậm; không để người dân phải đi lại nhiều lần, nộp thêm thành phần hồ sơ, chi các khoản ngoài quy định.

(7) Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đạo đức, văn hóa công vụ; kỹ năng giao tiếp ứng xử; kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ; kỹ năng khai thác thông tin công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh cho đội ngũ cán công, công chức, nhất là cán bộ, công chức trực tiếp tiếp nhận và giải quyết TTHC.

(8) Tiếp tục tăng cường kiểm tra công vụ, kịp thời chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, đẩy mạnh thực hiện kiểm tra đột xuất việc thực thi công vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương, tập trung vào kiểm tra việc “tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, công việc phục vụ người dân, doanh nghiệp”; đồng thời đề xuất xử lý nghiêm những cán bộ, công chức, viên chức có biểu hiện né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm, không dám làm; giải quyết công việc chậm, muộn, yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp thành phần hồ sơ trái quy định, tiêu cực, gây phiền hà, nhũng nhẽo. Triển khai thực hiện Đề án Văn hoá công vụ tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2024-2025, tiếp tục chỉ đạo các đơn vị, địa phương tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhẽo, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm trong xử lý công việc của các cơ quan, đơn vị.

(9) Triển khai thực hiện tốt mô hình “Chính quyền thân thiện, Nhân dân phát huy quyền làm chủ” góp phần quan trọng trong việc duy trì, cải thiện và nâng cao Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ, Chỉ số CCHC, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh và Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Thái Nguyên.

Với sự chỉ đạo quyết liệt của cấp uỷ, chính quyền các cấp tỉnh Thái Nguyên trong công tác CCHC, tôi tin tưởng rằng công tác CCHC và nâng cao mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của tỉnh Thái Nguyên sẽ tiếp tục được cải thiện và là tiền đề để Thái Nguyên xây dựng một nền công vụ phục vụ, lấy người dân làm trung tâm phục vụ, lấy sự hài lòng là thước đo đánh giá chất lượng, hiệu quả phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước./.

### **23. Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk**

#### **Tham luận “Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ, những kết quả, tồn tại, hạn chế và giải pháp trong thời gian tới”**

Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu thật sự có đức, có tài, có uy tín trong thời gian qua đã được đảng và nhà nước đặc biệt quan tâm; đã ban hành nhiều nghị quyết, quy định, hướng dẫn thể hiện các chủ trương, quan điểm về công tác cán bộ, trong đó có quy định cụ thể về phẩm chất, đạo đức, điều kiện, tiêu chuẩn của cán bộ, công chức, viên chức. Đặc biệt là quan điểm về xây dựng đội ngũ cán bộ được nêu tại Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban chấp hành Trung ương, đó là:

(1) Cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng; công tác cán bộ là khâu "then chốt" của công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, là công việc hệ trọng của Đảng, phải được tiến hành thường xuyên, thận trọng, khoa học, chặt chẽ và hiệu quả. Đầu tư xây dựng đội ngũ cán bộ là đầu tư cho phát triển lâu dài, bền vững.

(2) Thực hiện nghiêm, nhất quán nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo trực tiếp, toàn diện công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị. Chuẩn hóa, siết chặt kỷ luật, kỷ cương đi đôi với xây dựng thể chế, tạo môi trường, điều kiện để thúc đẩy đổi mới, phát huy sáng tạo và bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung. Phân công, phân cấp gắn với giao quyền, ràng buộc trách nhiệm, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và xử lý nghiêm minh sai phạm.

Nhằm tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đạo đức công vụ và đạo đức nghề nghiệp trong thực thi công vụ; từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân và sự phát triển của tỉnh. Trong những năm gần đây, UBND tỉnh Đắk Lắk đã ban hành nhiều văn bản về siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao đạo đức công vụ trong cán bộ, công chức, viên chức, như: (1) Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND ngày 11/7/2016 quy định việc sử dụng hiệu quả thời gian làm việc đối với cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị; (2) Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 12/4/2017 về việc nâng cao kỷ luật, kỷ cương, đạo đức công vụ và đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức; (3) Chỉ thị số 14/CT-UBND ngày 28/4/2023 ngày 28/4/2023 về chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm trong xử lý công việc của các cơ quan, đơn vị, địa phương; (4) Công văn số 9302/UBND-TH ngày 25/10/2023 về tiếp tục chấn chỉnh, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp; (5) Công văn số 9515/UBND-TH ngày 31/10/2023 về chấn chỉnh, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra giám sát hoạt động công vụ và các văn bản hướng dẫn, triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong tỉnh. Đặc biệt, trong năm 2023 đã phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng

chuyên đề "*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về xây dựng đội ngũ cán bộ tỉnh Đắk Lắk thật sự tiên phong gương mẫu, có đạo đức cách mạng trong sáng, bản lĩnh chính trị vững vàng, đủ năng lực, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay*".

Đi đôi với việc ban hành các văn bản nhằm chỉ đạo, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao đạo đức công vụ trong cán bộ, công chức, viên chức, công tác tổ chức tuyên truyền, quán triệt trong toàn thể cán bộ, công chức, viên chức về các quy định của Đảng, quy định của Luật cán bộ, công chức, Luật Viên chức, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh được triển khai thường xuyên bằng nhiều hình thức thích hợp; chỉ đạo chấn chỉnh đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện nghiêm túc; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định, quy chế làm việc và kỷ cương, kỷ luật hành chính được thực hiện thường xuyên, nhất là tổ chức thực hiện đầy đủ quy định của Luật Cán bộ công chức về thanh tra công vụ; kiểm tra thường xuyên và đột xuất công tác cải cách hành chính, các bộ phận thường xuyên tiếp xúc với tổ chức, nhân dân .... đặc biệt là năm 2023 đã tổ chức thành công *Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh Đắk Lắk với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong toàn tỉnh, thông qua hội nghị này Lãnh đạo tỉnh đã chuyển tải đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về sự quan tâm và động viên về tinh thần, thái độ làm việc của cán bộ, công chức, viên chức.*

Đến nay, việc chấp hành các quy định về kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ và hoạt động nghề nghiệp bước đầu đã có nhiều chuyển biến tích cực, tinh thần, thái độ và chất lượng phục vụ nhân dân của cán bộ, công chức, viên chức được nâng lên; tính tiên phong gương mẫu của cán bộ lãnh đạo các cấp, nhất là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Từ đó, đã góp phần ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ tỉnh Đắk Lắk tiên phong gương mẫu, có đạo đức cách mạng trong sáng, bản lĩnh chính trị vững vàng, đủ năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay.

Bên cạnh những kết quả tích cực đã đạt được, trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị, địa phương vẫn còn những hạn chế, đó là: (1) Năng lực yếu, chất lượng công tác tham mưu chưa đạt yêu cầu đề ra, có tình trạng không dám làm, né tránh, đùn đẩy, làm việc cầm chừng, sợ trách nhiệm, đê tri trệ; một số cán bộ, công chức, viên chức chưa đề cao trách nhiệm, chưa công tâm, khách quan trong hoạt động công vụ và hoạt động nghề nghiệp; (2) ý thức kỷ luật lao động chưa cao, chưa chấp hành tốt quy định về văn hóa công sở, quy định về nếp sống văn minh; vi phạm quy định về việc sử dụng thời gian làm việc đối với cán bộ, công chức, viên chức; đạo đức công vụ chưa tốt; giao tiếp, ứng xử thiếu chuẩn mực; (3) một số cán bộ, công chức, viên chức lợi dụng việc thực thi nhiệm vụ, vị trí công tác để tư lợi, sách nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp, vi phạm các quy định của Đảng và pháp luật Nhà nước; (4) Công tác kiểm tra, đôn đốc của các cơ quan, đơn vị, địa phương về việc

chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ và hoạt động nghề nghiệp chưa được quan tâm đúng mức, việc phát hiện vi phạm, xác định trách nhiệm và xử lý chưa kịp thời, chưa nghiêm. Những tồn tại, hạn chế nêu trên đã làm ảnh hưởng đến kỷ luật, kỷ cương, hiệu quả công việc, ảnh hưởng đến tác phong và uy tín của cán bộ, công chức, viên chức.

Những hạn chế nêu trên, xuất phát từ các nguyên nhân, sau đây:

(1) Sự quan tâm thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về nghĩa vụ, đạo đức công vụ, văn hóa công vụ, tinh thần trách nhiệm và quy định về kỷ luật, kỷ cương của một số cơ quan, đơn vị chưa thường xuyên, quyết liệt. Trách nhiệm quản lý của lãnh đạo các cấp, nhất là người đứng đầu đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền chưa kịp thời, chậm phát hiện cá nhân vi phạm, có nơi vẫn còn buông lỏng để cán bộ, công chức, viên chức vi phạm trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

(2) Việc xử lý cán bộ, công chức, viên chức vi phạm trong quá trình thực thi nhiệm vụ chưa nghiêm, không có tính răn đe. Khi phát hiện thì xử lý xuê xoa, chung chung, rút kinh nghiệm, dẫn đến một số cán bộ, công chức, viên chức "nhờn", chấp hành không nghiêm túc.

(3) Ý thức trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương và năng lực của một số cán bộ, công chức, viên chức còn hạn chế, thiếu tu dưỡng, rèn luyện, suy thoái, coi thường kỷ cương kỷ luật và có một trường hợp vi phạm pháp luật trong thực thi công vụ

(4) Quy định pháp luật chưa đồng bộ, nội quy, quy chế cơ quan, đơn vị chưa đầy đủ, có nơi vẫn còn lỏng lẻo, để cán bộ, công chức, viên chức lợi dụng kẽ hở để vi phạm. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động công vụ, hoạt động nhiệm vụ chưa được thường xuyên, liên tục, chậm phát hiện và xử lý kịp thời.

Trong thời gian tới, để tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ của trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ, Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk tiếp tục đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp sau:

**(1) Đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương**

- Tiếp tục quán triệt, tổ chức thực hiện các quy định của Trung ương, các quy định pháp luật cán bộ, công chức, viên chức và các các chỉ thị, quy định của tỉnh về kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ gắn với thực hiện thực hiện nghiêm túc Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25-10-2021, của Ban Chấp hành Trung ương, “Về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa””; Tổ chức quán triệt sâu rộng và thực hiện có hiệu quả các quy định của Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29/9/2023 của Chính phủ quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; xây dựng môi trường thuận lợi để cán bộ, công chức, viên chức yên tâm trong thực hiện trách nhiệm công vụ, góp phần nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và

xử lý công việc. Đây được xác định là khâu mấu chốt để thực hiện việc nêu cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, chống chủ nghĩa cá nhân, nói đi đôi với làm, khắc phục tình trạng suy thoái về đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức hiện nay.

- Coi trọng xây dựng quy chế làm việc, xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm của từng cá nhân, tổ chức; đồng thời, tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mỗi cá nhân, tổ chức. Một mặt, để nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi cán bộ, công chức, viên chức, yêu cầu đặt ra trước hết là phải xác định rõ trách nhiệm, nhiệm vụ của mỗi người, mỗi tổ chức thì tổ chức, đơn vị đó mới hoạt động có hiệu quả. Mặt khác, để động viên, khuyến khích tinh thần trách nhiệm và hạn chế thói lười biếng, vô trách nhiệm, ỷ lại, tư lợi cá nhân của cán bộ, công chức, viên chức, cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, đảng viên. Đồng thời, phát hiện và xử lý kịp thời những cá nhân vi phạm, thoái hóa, biến chất về đạo đức, lối sống

- Tiếp tục thực hiện tốt Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW “về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhằm giáo dục đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nêu cao tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, kỷ cương và đạo đức trong thực thi nhiệm vụ, chấn chỉnh phong cách làm việc; nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật, của tỉnh.

- Xác định rõ trách nhiệm và đề cao vai trò của người đứng đầu trong việc thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ tại cơ quan, đơn vị. Thực hiện tốt Quy định số 101-QĐ/TW ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức; nâng cao hiệu quả các hoạt động nhằm ngăn chặn, phòng, chống đẩy lùi các biểu hiện tiêu cực trong mỗi cơ quan, đơn vị. Rà soát và ban hành đầy đủ các quy chế làm việc, quy chế giao tiếp, ứng xử trong cơ quan, đơn vị. Thực hiện tốt công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động nhằm đảm bảo thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương, đạo đức công vụ trong cơ quan, đơn vị.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị khi giao nhiệm vụ cho cấp dưới, công chức, viên chức thực thi nhiệm vụ phải có quy định cụ thể người chủ trì thực hiện, thời gian hoàn thành, tránh tình trạng thiếu trách nhiệm, né tránh, đùn đẩy dẫn đến không hoàn thành nhiệm vụ.

- Tăng cường công tác kiểm tra hoạt động công vụ, nhất là kiểm tra đột xuất; phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị thanh tra, kiểm tra nội bộ để kịp thời biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân làm tốt, xử lý nghiêm những tập thể, cá nhân làm chưa tốt. Kịp thời rà soát, thay thế hoặc điều chuyển sang công việc khác đối với cán bộ, công chức năng lực yếu, không dám

làm, né tránh, đùn đẩy, làm việc cầm chừng, sợ trách nhiệm, để trì trệ và không đáp ứng yêu cầu công việc được giao. Trường hợp đùn đẩy, né tránh, thiếu trách nhiệm để xảy ra chậm trễ hoặc không quyết định những vấn đề, công việc thuộc thẩm quyền gây hậu quả thì phải kiểm điểm, xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan theo đúng quy định của Đảng và Nhà nước. Khen thưởng kịp thời đối với tổ chức, cá nhân phát hiện, cung cấp thông tin về sai phạm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương, đạo đức công vụ và hoạt động nghề nghiệp.

## **(2) Đối với cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ**

- Phải thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao trên cơ sở công việc cụ thể được phân công, trách nhiệm thực hiện, hiệu quả công việc và quy trình trong giải quyết công việc; luôn phát huy tính tích cực, chủ động, đổi mới, sáng tạo, linh hoạt, nhuần nhuyễn trong công việc, có quan điểm, chính kiến rõ đối với những nội dung mới, nội dung khó; thực hiện tốt Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương. Ngoài ra, đối với người đứng đầu cần phải gương mẫu đi đầu trong thực thi nhiệm vụ công tác, có đạo đức trong sáng, lối sống lành mạnh, giao tiếp, ứng xử hài hòa, mẫu mực trong cơ quan, đơn vị, khi phân công nhiệm vụ rõ ràng và thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện của cán bộ, công chức, viên chức.

- Phải tuân thủ trật tự, thứ bậc hành chính và đúng thẩm quyền; thực hiện đúng, đủ chức trách và nhiệm vụ được giao, không để quá hạn, bỏ sót nhiệm vụ được phân công; không đùn đẩy, né tránh trách nhiệm. Nghiêm cấm việc lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn để những nhu cầu, gây phiền hà, trục lợi khi xử lý, giải quyết công việc liên quan đến người dân, tổ chức và doanh nghiệp.

- Căn cứ vào vị trí việc làm và nhiệm vụ được phân công, từng cán bộ, công chức, viên chức phải xây dựng kế hoạch công tác cụ thể cho tháng, quý, năm báo cáo Thủ trưởng đơn vị để quản lý, theo dõi, chỉ đạo, giám sát.

- Thực hiện nghiêm Quy định số 55-QĐ/TW ngày 19/12/2016 của Bộ Chính trị về một số việc cần làm ngay để tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên; Quy định số 101-QĐ/TW ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương và Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW “về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhằm giáo dục đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nêu cao tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, kỷ cương và đạo đức trong thực thi nhiệm vụ, chân chính phong cách làm việc; nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật, của tỉnh.

- Khi phát hiện cán bộ, công chức, viên chức và người lao động vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương phải có biện pháp xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật./.

## **24. Sở Nội vụ tỉnh Bình Phước**

### **Tham luận “Kết quả thực hiện Luật Thanh niên - Công tác chỉ đạo, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật đối với thanh niên”**

#### **1. Việc triển khai thực hiện Luật Thanh niên năm 2020 (gọi tắt là Luật Thanh niên)**

Xác định công tác phổ biến, tuyên truyền Luật Thanh niên là nhiệm vụ thực hiện thường xuyên, lâu dài, đi vào chiều sâu, có trọng tâm, trọng điểm. Ngay sau khi Luật Thanh niên năm 2020 được ban hành, tỉnh Bình Phước đã triển khai nhiều biện pháp nổi bật, trong đó, Sở Nội vụ đã tham mưu UBND tỉnh cụ thể hóa Luật Thanh niên tại Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 19/3/2021 và Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 05/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh và trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 về phát triển thanh niên tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021 - 2030. Đồng thời, để các đối tượng thanh niên được tiếp cận đồng bộ Luật Thanh niên và các văn bản triển khai thi hành Luật trong thời điểm ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 thì công tác phổ biến, tuyên truyền được Sở Nội vụ tham mưu từ hình thức trực tiếp chuyển sang hình thức xây dựng đề cương tuyên truyền và in ấn, cấp phát tài liệu trong 02 đợt với số lượng 1.530 cuốn. Bên cạnh đó, các cơ quan thông tin, truyền thông của tỉnh đã phối hợp với Tỉnh đoàn lựa chọn hình thức phù hợp để tuyên truyền phổ biến, quán triệt cho các Đoàn viên thanh niên và các tổ chức thanh niên trên 04 loại hình báo chí và hạ tầng số của Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước. Tỉnh Đoàn đăng 800 tin, bài trên các trang tin điện tử, trang mạng xã hội của Tỉnh đoàn và chỉ đạo các cơ sở Đoàn treo hơn 400 pano tuyên truyền về pháp luật tại các khu đông dân cư, cơ quan, đơn vị. Qua đó, đã tuyên truyền đến 148.749 đoàn viên, thanh niên trên địa bàn tỉnh; trong đó thanh niên trong khối lực lượng vũ trang, thanh niên công chức, viên, thanh niên là học sinh, sinh viên là 70.281 người; thanh niên nông thôn được tuyên truyền hơn 78.468 thanh niên. Ngoài ra, Sở Nội vụ phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh tổ chức Cuộc thi trực tuyến tìm hiểu về Luật Thanh niên và cải cách hành chính từ ngày 27/11/2023 đến ngày 16/12/2023, thu hút được 11.734 lượt thí sinh tham gia với cơ cấu 22 giải thưởng.

#### **2. Về công tác chỉ đạo, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật đối với thanh niên**

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh về công tác quản lý nhà nước về thanh niên và triển khai Luật Thanh niên, các cơ quan, đơn vị và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã ban hành kế hoạch thực hiện Luật Thanh niên, thực hiện Chương trình phát triển thanh niên của tỉnh theo ngành, lĩnh vực quản lý theo giai đoạn và thực hiện hằng năm, trong đó, chú trọng và đề cao công tác phối hợp giữa chính quyền các cấp với Đoàn thanh niên trong việc triển khai thực hiện lồng ghép các chính sách về thanh niên, cụ thể:

- **Công tác đối thoại với thanh niên**, UBND tỉnh đã ban hành văn bản triển khai Nghị định số 13/2021/NĐ-CP ngày 01/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ, trên

cơ sở đó, Sở Nội vụ phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu tổ chức chương trình đối thoại hàng năm theo từng chủ đề: Năm 2022, tọa đàm và tuyên dương thanh niên tiêu biểu có thành tích xuất sắc trong thực hiện phong trào thi đua “Tôi yêu Tổ quốc tôi” trên địa bàn tỉnh, Năm 2023, với chủ đề “Thanh niên tỉnh Bình Phước với chuyên đổi số, phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà” và Năm 2024 với chủ đề “Thanh niên Bình Phước chung tay xây dựng, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa, con người Bình Phước, đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện, bền vững”.

- **Chính sách về học tập, nghiên cứu khoa học**, tỉnh Bình Phước đã ban hành nhiều văn bản, Đề án làm nền tảng phát triển nguồn nhân lực trên nhiều lĩnh vực, đó là quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nguồn nhân lực trẻ chất lượng cao trên địa bàn tỉnh trong từng giai đoạn cụ thể, nhất là Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 quy định nội dung mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày 18/9/2023 Đề án thu hút nguồn nhân lực trẻ, chất lượng cao của tỉnh Bình Phước giai đoạn 2023 - 2030.

- **Chính sách về lao động, việc làm**, UBND tỉnh đã ban hành 12 văn bản triển khai thực hiện nhiệm vụ của ngành Lao động về việc làm, đào tạo nghề, hỗ trợ vay vốn giải quyết việc làm liên quan đến thanh niên; trong đó, tập trung đẩy mạnh công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm; đào tạo nghề theo yêu cầu tuyển dụng; đào tạo nghề theo đơn đặt hàng của các doanh nghiệp. Việc nâng cao chất lượng lao động trẻ, giải quyết việc làm, tăng thu nhập và cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho thanh niên được Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện thông qua các chương trình như: dạy nghề, tư vấn nghề nghiệp, giới thiệu và giải quyết việc làm; thanh niên thuộc hộ nghèo được hỗ trợ vay vốn từ Ngân hàng chính sách để kinh doanh, sản xuất, từ đó góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đối tượng thanh niên, cụ thể đã giải quyết việc làm cho 158.774 người, trong đó thanh niên 103.389 người, chiếm 70% lao động được giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho 62.767 người lao động, trong đó 25.504 thanh niên (tính trong niên độ báo cáo từ năm 2021 đến tháng 05/2024).

- **Chính sách về khởi nghiệp**, UBND tỉnh đã thành lập Quỹ khởi nghiệp tỉnh Bình Phước theo Quyết định số 149/QĐ-UBND ngày 17/01/2018 với phương châm đồng hành cùng thanh niên khởi nghiệp sáng tạo, tính từ năm 2021 đến năm 2023, đã có 17 phương án của thanh niên được vay với số tiền 4,32 tỷ đồng. Ngoài ra, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương phối hợp với tổ chức Đoàn Thanh niên cùng cấp tổ chức các hoạt động về khởi nghiệp, ý tưởng khởi nghiệp, chương trình tham quan, học tập kinh nghiệm mô hình phát triển kinh tế từ nguồn vốn 120 kênh Trung ương Đoàn là 780 triệu đồng; nguồn vốn để cho vay sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội là 637.528 triệu đồng và Quỹ hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp huyện, thị xã, thành phố là 581 triệu đồng.

- **Chính sách về bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ** và nâng cao sức khoẻ, thực hiện các nhiệm vụ về Đề án Tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011-2030 (gọi tắt là Đề án 641), UBND tỉnh đã kiện toàn Ban Chỉ đạo và ban hành Kế hoạch số 265/KH-UBND ngày 17/8/2023 triển khai Đề án Tổng thể phát triển thể lực tầm vóc người Việt Nam giai đoạn II (2023 - 2030) trên địa bàn tỉnh.

- **Chính sách về văn hoá, thể dục, thể thao**, Đề án “Phát triển hoạt động văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao cho thanh niên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” được UBND tỉnh ban hành và giao ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch triển khai với đa dạng hóa các loại hình hoạt động văn hóa nghệ thuật phục vụ Nhân dân; trong đó, thanh niên được quan tâm, chú trọng, nhằm bảo vệ và phát huy những giá trị văn hóa chuẩn mực đạo đức truyền thống của dân tộc, hướng thanh niên đến các hoạt động vui chơi, giải trí lành mạnh, tránh xa các tệ nạn xã hội và những hành vi vi phạm pháp luật; nâng tỷ lệ thanh niên ở nông thôn, thành thị, khu công nghiệp, miền núi, vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn được tham gia các hoạt động văn hóa nghệ thuật, sinh hoạt cộng đồng ở nơi học tập, làm việc và cư trú, gắn các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “phong trào xây dựng nông thôn mới”; Cuộc vận động “Người Bình Phước nói lời hay làm việc tốt”.

- **Chính sách về bảo vệ Tổ quốc**, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đã phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành 147 văn bản về công tác Quân sự Quốc phòng địa phương, dân quân tự vệ, Giáo dục Quốc phòng và An ninh, làm cơ sở cho Ban Chỉ huy Quân sự các huyện, thị xã, thành phố tham mưu cho Hội đồng Nghĩa vụ quân sự cùng cấp thực hiện đúng Luật Nghĩa vụ quân sự, bảo đảm công khai, minh bạch tạo được sự đồng thuận, nhất trí trong Nhân dân.

- **Chính sách đối với thanh niên xung phong**, bên cạnh thực hiện chế độ đối với thanh niên xung phong hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định số 112/2017/NĐ-CP ngày 06/10/2017 quy định về chế độ, chính sách đối với Thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965-1975, UBND tỉnh đã ban hành văn bản số 1321/UBND-NC về việc triển khai, thực hiện Nghị định số 17/2021/NĐ-CP ngày 09/3/2021 của Chính phủ về chính sách đối với thanh niên xung phong, thanh niên tình nguyện; trong đó đã đề ra nhiệm vụ cụ thể, phân công, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và địa phương tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của tỉnh và các địa phương, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- **Chính sách đối với thanh niên là người dân tộc thiểu số**, UBND tỉnh đã chỉ đạo, triển khai các hoạt động liên quan đào tạo nghề, hỗ trợ giải quyết việc làm cho người lao động dân tộc thiểu số thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia dân tộc thiểu số và Miền núi như: Tăng cường triển khai thực hiện các phiên giao dịch việc làm và hỗ trợ tư vấn việc làm thành công cho người dân tộc thiểu số, người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; Tổ chức cho 437 HSSV đang học tại Trường cao đẳng Bình

Phước, trường Cao đẳng Công nghiệp cao su, Trung tâm GDNN-GDTX tham quan, hướng nghiệp thực tế tại các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh; tuyên truyền dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi góp phần tuyển sinh đào tạo tạo nghề cho 3.224 người dân tộc thiểu số.

### **3. Đánh giá và giải pháp thực hiện Luật Thanh niên**

#### **a) Về ưu điểm**

Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã chủ động triển khai đồng bộ và phối hợp với các tổ chức, đoàn thể tạo điều kiện thuận lợi trong việc huy động các nguồn lực của xã hội tích cực công tác chăm lo, đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ, góp phần triển khai thi hành Luật Thanh niên phù hợp tình hình, điều kiện cơ quan, đơn vị, địa phương và cụ thể hóa thành Chương trình, Kế hoạch phát triển thanh niên của tỉnh. Đời sống vật chất, tinh thần, sức khỏe của thanh niên tốt hơn, tinh thần tình nguyện xung kích, ý thức trách nhiệm cộng đồng của thanh niên được nâng cao, có bản lĩnh chính trị vững vàng, năng động, biết vươn lên làm giàu, làm chủ tiến bộ khoa học - kỹ thuật, có đóng góp quan trọng trong các lĩnh vực đời sống xã hội, tích cực tham gia vào các hoạt động thiện nguyện, phong trào đoàn, hội, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, ổn định quốc phòng - an ninh tại địa phương.

#### **b) Về hạn chế**

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể đối với thực hiện chính sách cho thanh niên một số thời điểm chưa sâu sát; việc quán triệt thực hiện Luật Thanh niên, các chủ trương liên quan của Đảng và các văn bản pháp luật của Nhà nước về công tác thanh niên chưa thật sự thường xuyên sâu rộng, hiệu quả đối với địa phương có thanh niên là đồng bào dân tộc thiểu số và số thanh niên yếu thế dễ tổn thương. Trình độ và nhận thức của một bộ phận thanh niên còn có những hạn chế nhất định, nhiều thanh niên còn chưa biết về quyền lợi, nghĩa vụ của mình được quy định trong Luật Thanh niên.

Để góp phần nâng cao hiệu quả trong thực hiện Luật Thanh niên- Công tác chỉ đạo, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật đối với thanh niên trong thời gian tới, tỉnh Bình Phước đề xuất một số giải pháp trọng điểm như:

(1) Đôn đốc, phối hợp các cấp, các ngành, địa phương tiếp tục triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển thanh niên theo Nghị quyết, Chương trình và Kế hoạch của tỉnh; các đề án, dự án phát triển thanh niên do Bộ, ngành Trung ương ban hành.

(2) Phát huy vai trò nòng cốt của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp trong việc tuyên truyền, phổ biến, thực hiện Luật Thanh niên và các văn bản triển khai thi hành Luật.

(3) Tiếp tục rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về chính sách liên quan đến thanh niên, nhất là những văn bản quy định về lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, giải quyết việc làm, chăm sóc sức khỏe, kỹ năng thực hành xã hội.

(4) Quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho thanh niên tham gia phát triển kinh tế - xã hội vùng khó khăn; thanh niên thực hiện các đề án, Dự án để khởi nghiệp, lập nghiệp; thanh niên xung phong, thanh niên tình nguyện, thanh niên dân tộc thiểu số, thanh niên yếu thế dễ tổn thương gắn mục tiêu phát triển thanh niên. Chủ động cung cấp thông tin, trang bị kiến thức, phương pháp, kỹ năng để thanh niên tự phòng ngừa, tự sàng lọc, tự đấu tranh với các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch và tham gia bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ an ninh tư tưởng, an ninh văn hóa trên không gian mạng.

(5) Phối hợp tham mưu đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số cho thanh niên, thực hiện công tác phối hợp giữa các ngành các, cấp, các cơ quan đơn vị đối với công tác quản lý nhà nước về thanh niên./.

## 25. Sở Nội vụ tỉnh Hà Tĩnh

### Tham luận “Công tác quản lý nhà nước về hội, quỹ tại tỉnh Hà Tĩnh và một số khuyến nghị trong phạm vi tỉnh”

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh có 57 tổ chức hội hoạt động trong phạm vi tỉnh (trong đó có 14 hội do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ); 196 tổ chức hội hoạt động trong phạm vi huyện (trong đó có 87 tổ chức hội có tính chất đặc thù) và 1.300 tổ chức hội hoạt động trong phạm vi xã (không có hội đặc thù cấp xã); có 31 tổ chức quỹ xã hội, quỹ từ thiện; trong đó, có 05 tổ chức quỹ xã hội, quỹ từ thiện hoạt động trong phạm vi tỉnh; có 14 tổ chức quỹ xã hội, quỹ từ thiện hoạt động trong phạm vi huyện; 12 quỹ xã hội, quỹ từ thiện hoạt động trong phạm vi xã.

Trong thời gian qua, các tổ chức hội đều hoạt động theo Điều lệ hội, thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, trong đó chú trọng công tác chăm lo, giúp đỡ, bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của hội viên. Trong quá trình hoạt động, các hội đã từng bước đổi mới nội dung, phương thức nhằm thu hút thêm hội viên tham gia các hoạt động, tập trung các nội dung chính như: phổ biến, tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thúc đẩy ứng dụng các kiến thức, thành tựu khoa học, kỹ thuật; các hoạt động nhân đạo, xã hội, từ thiện... Một số hội đã chủ động và tham gia tư vấn, phản biện các đề án, chính sách liên quan đến hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa, khoa học, thể dục, thể thao như Liên hiệp các hội khoa học - kỹ thuật, Hội Luật gia, Hội Khuyến học, Hội liên hiệp văn học, nghệ thuật, Hội Người cao tuổi,... Bên cạnh đó, các hoạt động từ thiện và nhân đạo như tham gia cứu trợ xã hội, chữa bệnh miễn phí cho người nghèo, dạy nghề cho người nghèo, người bất hạnh, giải quyết việc làm cho người tàn tật được các hội thường xuyên tổ chức, tiêu biểu, như: Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi, Hội Chữ thập đỏ, Hội Người mù, Hội Người cao tuổi, Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin, Hội Đông y, Hội Cựu Thanh niên xung phong,... Một số tổ chức hội có hệ thống từ cấp tỉnh đến cấp xã hoạt động có hiệu quả như: Hội Khuyến học, Hội Người cao tuổi, Hội Chữ thập đỏ,...

Các tổ chức quỹ xã hội, quỹ từ thiện trên địa bàn tỉnh đã hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tích cực vận động quyên góp, tiếp nhận nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước hoặc bằng các hình thức khác theo đúng mục đích của quỹ và quy định của pháp luật, nổi bật như: tài trợ cho các chương trình thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; kịp thời ứng cứu, tài trợ, viện trợ khi có thiên tai, lũ lụt, cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn tỉnh; tặng nhà tình nghĩa cho các gia đình đặc biệt khó khăn, các gia đình có công với cách mạng; trao học bổng cho học sinh, sinh viên (có hoàn cảnh khó khăn) đạt thành tích xuất sắc trong học tập; quyên góp ủng hộ trẻ em vùng sâu, vùng xa, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, hỗ trợ phẫu thuật tim,... Trong năm 2023, tổng số tiền chi các hoạt động của các quỹ là hơn 37 tỷ đồng. Hà Tĩnh là vùng đất giàu truyền thống hiếu học, các quỹ khuyến học, khuyến tài đã có nhiều hoạt động tài trợ, hỗ trợ ý nghĩa và kịp thời để hỗ trợ các học sinh có hoàn

cảnh khó khăn có thành tích học tập xuất sắc, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đậu các trường đại học với số điểm cao. Hiện nay ở Hà Tĩnh có 03 Quỹ xã hội cấp tỉnh hoạt động hiệu quả như: Quỹ Khuyến học Đất Hồng Lam, Quỹ Khuyến học, khuyến tài Nguyễn Du, Quỹ Khuyến học Phạm Dương. Việc xây dựng các Quỹ Khuyến học ở các địa phương cũng được chú trọng và có nhiều kết quả tốt, trong đó nổi bật là Quỹ Khuyến học, khuyến tài Phan Đình Phùng, Quỹ Khuyến học Thành Sen, Quỹ Khuyến học, khuyến tài Hồng Lĩnh,... Năm 2023, các quỹ khuyến học, khuyến tài đã chi tài trợ học bổng cho 184 sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập với mức hỗ trợ 20 triệu đồng/cháu/năm (số tiền khoảng 3 tỷ đồng), trao thưởng cho 750 học sinh, sinh viên có thành tích xuất sắc trong học tập số tiền hơn 10 tỷ đồng. Những hoạt động hiệu quả, thiết thực nói trên đã góp phần giúp đỡ nhiều đối tượng trong xã hội, giải quyết việc làm, góp phần phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của tỉnh.

Thời gian qua, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành nhiều văn bản tăng cường công tác quản lý nhà nước về tổ chức hội, quỹ trên địa bàn tỉnh, phân công trách nhiệm của các sở, ban, ngành cấp tỉnh trong công tác quản lý nhà nước về hội, quỹ và chỉ đạo các sở liên quan ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện; chỉ đạo các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện tăng cường quản lý, đôn đốc, theo dõi và hướng dẫn các hội, quỹ thực hiện đúng điều lệ, tôn chỉ, mục đích, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; quan tâm hỗ trợ các hoạt động của hội, quỹ. Nhìn chung, các tổ chức hội, quỹ trên địa bàn tỉnh thành lập mới đều xuất phát từ nhu cầu chính đáng của hội viên và quần chúng nhân dân; quy trình thành lập được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và được xét duyệt thận trọng; hoạt động chính của các hội, quỹ mới không trùng lặp về tên gọi và lĩnh vực hoạt động chính với hội đã được thành lập hợp pháp trước đó trên cùng địa bàn toàn tỉnh. Sở Nội vụ theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền đã phối hợp với các sở, ngành quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của hội để hướng dẫn, chỉ đạo về công tác đại hội nhiệm kỳ đảm bảo các quy định hiện hành. Hàng năm, Sở Nội vụ thành lập các Đoàn kiểm tra việc chấp hành pháp luật và điều lệ của hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện trên địa bàn tỉnh. Sau kiểm tra, Sở Nội vụ đã kịp thời tham mưu UBND tỉnh các văn bản chỉ đạo công tác quản lý nhà nước đối với hội, quỹ trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo quy định. UBND tỉnh đã tổ chức các lớp tập huấn, mời giảng viên là Lãnh đạo Vụ Tổ chức phi chính phủ, Bộ Nội vụ trực tiếp trao đổi các nội dung về tổ chức, hoạt động của hội, quỹ; giải đáp các vướng mắc, khó khăn của các tổ chức hội, quỹ trong quá trình thực hiện tại địa phương.

Chủ tịch UBND tỉnh đã ủy quyền cho Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã thực hiện các quy định về tổ chức và hoạt động của hội, quỹ tại Quyết định số 55/2021/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 31/12/2021 về việc ban hành Quy định quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và người quản lý doanh nghiệp Nhà nước, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn Nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức hội, quỹ ở địa phương, đồng thời yêu cầu UBND cấp huyện chịu trách nhiệm về các nội dung được ủy quyền trong công

tác quản lý hội, quỹ tại địa phương, trường hợp có nội dung phức tạp, vượt thẩm quyền thì báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định. Công tác quản lý nhà nước về hội, quỹ ở địa phương đảm bảo theo quy định, không xảy ra tình trạng khiếu nại, tố cáo, mất an ninh, trật tự trên địa bàn.

Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức, hoạt động, một số tổ chức hội, quỹ vẫn còn những tồn tại, hạn chế như sau:

Một số hội hoạt động còn hình thức, chưa thực sự chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên; chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định như: chưa thường xuyên báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền; quy trình, thời gian báo cáo công tác chuẩn bị đại hội nhiệm kỳ; hồ sơ tổ chức đại hội chưa đầy đủ; tổ chức đại hội nhiệm kỳ chậm; nội dung, phương thức hoạt động chậm đổi mới, chưa có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương như: Hội Đồng nghiệp quỹ tín dụng nhân dân tỉnh, Hội Khoa học kỹ thuật nông nghiệp, Hội Karate Hà Tĩnh,...

Một số hội chưa thực hiện đảm bảo quy trình theo Thông tư số 01/2011/TT-BTC ngày 06/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc đề xuất hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước đối với các nhiệm vụ do Đảng, nhà nước giao. Tính tự chủ, tự quản, tự đảm bảo kinh phí hoạt động của một số hội còn hạn chế. Một số tổ chức quỹ xã hội, quỹ từ thiện chưa thực hiện nghiêm túc công tác báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động với cơ quan có thẩm quyền.

Một số hội có nội dung hoạt động gần giống nhau, quá trình hoạt động một số nội dung bị trùng lặp, chồng chéo, kém hiệu quả, nhất là trong việc huy động sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân gây phiền hà cho tổ chức, cá nhân tài trợ; mặt khác, còn xảy ra tình trạng nhiều hội cùng hỗ trợ cho một đối tượng, nhưng lại có những đối tượng bị bỏ sót.

Tại Hà Tĩnh hiện nay, Quỹ hỗ trợ phát triển phụ nữ được thành lập theo quy định về quỹ xã hội, nhưng trong quá trình hoạt động, việc thực hiện quy định về thành lập các chương trình tài chính vi mô theo Quyết định số 20/2017/QĐ-TTg ngày 12/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ khiến Quỹ ngày càng chú trọng vào việc phát triển Chương trình tài chính vi mô mà giảm hiệu quả các hoạt động gắn với tôn chỉ, mục đích của quỹ xã hội quy định tại Điều lệ Quỹ.

Thời gian qua, UBND tỉnh và UBND cấp huyện đã giải thể một số tổ chức hội hoạt động không hiệu quả, vi phạm quy định pháp luật về tổ chức, hoạt động hội (riêng trong năm 2023, đã thực hiện việc giải thể đối với 05 hội trên địa bàn toàn tỉnh). Tuy nhiên, quy định về xử lý vi phạm đối với hội vẫn còn chưa cụ thể, còn thiếu các chế tài xử lý khi các hội vi phạm pháp luật và điều lệ trong quá trình hoạt động; chưa có quy định đình chỉ hoạt động của hội khi hội có mâu thuẫn nội bộ và vi phạm pháp luật gây khó khăn trong quá trình quản lý tại địa phương.

Trong thời gian tới, để khắc phục những hạn chế trên nhằm đưa hội, quỹ hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ, Sở Nội vụ tỉnh Hà Tĩnh đề xuất một số giải pháp như sau:

**Một là**, tăng cường hơn nữa vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, sự phối hợp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội đối với hội, quỹ. Coi trọng công tác tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác hội, quỹ và thường xuyên quán triệt, kiểm tra, giám sát việc thực hiện, đồng thời tiến hành sơ kết, tổng kết để đánh giá, rút kinh nghiệm, phát huy những kết quả đạt được, tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác hội, quỹ.

**Hai là**, tiếp tục tập trung chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước về hội, quỹ; tiến hành rà soát, đánh giá công tác quản lý nhà nước đối với tổ chức hội, quỹ thuộc phạm vi quản lý, từ đó có những biện pháp cụ thể để hướng dẫn và nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức hội, quỹ; xem xét tạo điều kiện để hội tham gia các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội thuộc lĩnh vực hoạt động của hội theo quy định.

**Ba là**, tăng cường quản lý nhà nước, giám sát về tài chính hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện theo đúng quy định của pháp luật nhằm ngăn chặn các hoạt động rửa tiền, trốn thuế, ngăn chặn sự lợi dụng, can thiệp, chi phối của các thế lực thù địch, khủng bố. Việc tiếp nhận viện trợ nước ngoài theo đúng quy định của pháp luật; phòng ngừa, ngăn chặn việc lợi dụng tài trợ để tác động, nhằm mục đích xâm hại an ninh quốc gia, trật tự an toàn của xã hội.

**Bốn là**, thường xuyên kiểm tra việc chấp hành pháp luật của các tổ chức hội, quỹ; đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động của hội và quỹ xã hội, quỹ từ thiện; xử lý vi phạm và đề xuất, kiến nghị giải thể đối với hội, thu hồi giấy phép hoạt động đối với quỹ; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo đúng quy định.

Sở Nội vụ tỉnh Hà Tĩnh xin có một số kiến nghị như sau:

- Đề nghị Bộ Nội vụ tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sớm ban hành, hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến tổ chức và hoạt động hội, quỹ như: sửa đổi, bổ sung Nghị định số 45/2010/NĐ-CP về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 93/2019/NĐ-CP về tổ chức, hoạt động và quản lý quỹ xã hội, quỹ từ thiện; Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg ngày 01/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định hội có tính chất đặc thù. Trong đó, đề nghị nghiên cứu quy định chặt chẽ các điều kiện thành lập hội, có cơ chế ràng buộc việc thành lập hội, tránh tình trạng “trăm hoa đua nở” như hiện nay, thành lập hội rồi không hoạt động hoặc hoạt động không có hiệu quả; xem xét cải cách thủ tục hành chính về hội, quỹ nhằm tạo điều kiện cho hội, quỹ hoạt động; hướng dẫn việc quản lý, sử dụng tài sản, tài chính, chế độ kế toán đối với hội, quỹ,...

- Đề nghị Bộ Nội vụ phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể cách thức thực hiện việc khoán kinh phí đối với các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ; chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội phù hợp với thực tiễn hiện nay,...

- Đề nghị Bộ Nội vụ hướng dẫn chế tài xử lý khi các hội vi phạm pháp luật và điều lệ trong quá trình hoạt động.

## 26. Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên

**Tham luận “Hiệu quả từ việc đẩy mạnh các phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ chính trị gắn với các ngày lễ lớn và các sự kiện lịch sử quan trọng của đất nước và của địa phương”**

Điện Biên là một tỉnh biên giới miền núi thuộc vùng Tây Bắc của Tổ quốc, là tỉnh có vị trí chiến lược rất quan trọng cả về kinh tế, chính trị, quốc phòng, an ninh. Tỉnh có diện tích tự nhiên 9.541,25 km<sup>2</sup>, là tỉnh duy nhất trong cả nước có chung đường biên giới với 02 quốc gia Lào và Trung Quốc dài hơn 455 km và là tỉnh duy nhất trong 7 tỉnh miền núi biên giới phía Bắc có cảng hàng không với tần suất bay bình quân 02 chuyến/ngày (Điện Biên Phủ đi Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và ngược lại). Tỉnh có 10 ĐVHC cấp huyện với 129 xã, phường, thị trấn (trong số đó có 29 xã biên giới); dân số hơn 64 vạn người, gồm 19 dân tộc cùng sinh sống. Là địa danh nổi tiếng với Chiến thắng Điện Biên Phủ “*Lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu*”.

Trong những năm qua, để đạt được những thành tựu về phát triển kinh tế, đảm bảo tốt công tác an sinh xã hội, giữ vững trật tự an toàn xã hội và chủ quyền biên giới Quốc gia đối với một tỉnh miền núi, biên giới còn nhiều khó khăn thách thức như tỉnh Điện Biên, bên cạnh việc xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, việc đổi mới trong lãnh đạo chỉ đạo, điều hành quyết liệt, linh hoạt với những giải pháp thiết thực, hiệu quả của cấp uỷ đảng, chính quyền nhằm khai thác tiềm năng lợi thế, phát huy nội lực vươn lên luôn được đặt lên hàng đầu. Quyết tâm thực hiện lời dạy của Bác “*Càng khó khăn thì càng phải thi đua*” và thấm nhuần lời dạy của Người “*Thi đua - khen thưởng là động lực phát triển và là biện pháp quan trọng để xây dựng con người mới*”. Do đó công tác thi đua, khen thưởng luôn được tỉnh hết sức quan tâm, chú trọng, coi thi đua, khen thưởng là một trong những giải pháp hữu hiệu, là động lực thúc đẩy mọi cá nhân, tập thể phải luôn phấn đấu với quyết tâm cao nhất để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Xác định năm 2024 là năm bứt phá có ý nghĩa đặc biệt quan trọng tạo đà cho thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm (giai đoạn 2021-2025), là năm diễn ra nhiều hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn, sự kiện quan trọng trong đó có kỷ niệm 70 năm chiến thắng Điện Biên Phủ (7/5/1954-7/5/2024), 80 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam... Để huy động sự vào cuộc, chung sức đồng lòng của cả hệ thống chính trị, các cấp ngành, các thành phần kinh tế và Nhân dân các dân tộc trên địa bàn tỉnh nỗ lực thi đua phấn đấu thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh gắn với kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ. Tỉnh đã tập trung tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức phát động và đẩy mạnh thực hiện các phong trào thi đua trọng tâm của Thủ tướng Chính phủ, phong trào thi đua thường xuyên của tỉnh, đồng thời phát động Phong trào thi đua đặc biệt lập thành tích chào mừng kỷ niệm **70 năm** chiến thắng Điện Biên Phủ (7/5/1954-7/5/2024),

**115 năm** thành lập tỉnh (28/6/1909-28/6/2024), **75 năm** thành lập Đảng bộ tỉnh Điện Biên (10/10/1949- 10/10/2024)” với chủ đề “*Tự lực, tự cường, dân chủ, kỷ cương, đoàn kết, sáng tạo, thi đua xây dựng tỉnh Điện Biên phát triển nhanh và bền vững*”, trong đó trong đó xác định trọng tâm của Phong trào thi đua đặc biệt đó là: Thi đua phấn đấu hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; thi đua phát triển kết cấu hạ tầng; thi đua sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư; thi đua đẩy mạnh cải cách hành chính; thi đua đẩy mạnh phát triển lĩnh vực xã hội và thi đua giữ vững quốc phòng an ninh và đối ngoại. Qua triển khai thực hiện đã được các cơ quan, đơn vị, địa phương tích cực hưởng ứng cụ thể bằng các chương trình, kế hoạch gắn sát với nhiệm vụ được giao của ngành, địa phương và được triển khai rộng khắp trên các mặt, các lĩnh vực của đời sống xã hội đã tạo được sự đồng thuận hưởng ứng nhiệt tình của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân trên địa bàn tỉnh cùng tham gia tạo khí thế thi đua sôi nổi, cao điểm thực hiện từ 7/5/2023 đến 7/5/2024 cùng ra sức thi đua phấn đấu hoàn thành và đạt kết quả cao nhất, cụ thể với những nhiệm vụ:

Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh đã lãnh đạo chỉ đạo sát sao từng khâu, từng việc trong các hoạt động, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đảm bảo hoàn thành và vượt mục tiêu kế hoạch đề ra. Công tác chỉ đạo, định hướng và thực hiện công tác tuyên truyền được thực hiện tốt, đã tích cực phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí Trung ương và địa phương tuyên truyền về các hoạt động và sự kiện diễn ra trên địa bàn tỉnh; ban hành sách, ấn phẩm, tem; tổ chức triển lãm về tầm vóc Chiến thắng Điện Biên phủ, về lịch sử hình thành vùng đất, con người Điện Biên; huy động nguồn lực xã hội lắp đặt các màn hình LED cỡ lớn; tổ chức cầu truyền hình trực tiếp, Chương trình ca nhạc đặc biệt; đăng tải tin bài, phóng sự, ký sự..., qua đó truyền tải được thông tin rộng rãi tới nhân dân trong nước và bạn bè Quốc tế.

Phối hợp tổ chức thành công các sự kiện: Lễ hội Hoa Anh Đào, Năm Du lịch quốc gia Điện Biên và Lễ hội Hoa Ban 2024, Hội thảo cấp Quốc gia, hoạt động tri ân; Cuộc vận động hỗ trợ xây dựng Nhà Đại đoàn kết cho hộ nghèo; tổ chức các giải Chạy, đua xe đạp, các cuộc thi vẽ, tuần lễ phim, tuần văn hoá du lịch, hội diễn, hội thi, hội chợ. Đặc biệt Lễ diễu binh, diễu hành với sự tham gia một lực lượng lớn cả về con người và phương tiện đã nhận được sự hỗ trợ, giúp đỡ, động viên khích lệ tinh thần của đông đảo nhân dân và chính quyền địa phương với những tình cảm nồng hậu...

Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật đồng bộ, từng bước hiện đại; đẩy nhanh tiến độ đảm bảo chất lượng các công trình, dự án trọng điểm tạo động lực cho tăng trưởng, phát triển kinh tế, xã hội và du lịch của tỉnh. Tiêu biểu các Dự án: Nâng cấp cảng hàng không Điện Biên, Nhà khách tỉnh, sửa chữa, nâng cấp Trường học, Sân vận động, cải tạo các điểm di tích và các dự án chỉnh trang đô thị phục vụ kỷ niệm Chiến thắng Điện Biên Phủ...

Từ việc đẩy mạnh tổ chức thực hiện các phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ chính trị gắn với với các ngày lễ lớn và các sự kiện lịch sử quan trọng của đất nước và của tỉnh đã tác động tích cực và mang đến hiệu quả rõ nét nổi bật trong 6 tháng đầu năm 2024 của tỉnh Điện Biên như sau:

(1) Tốc độ tăng trưởng GRDP trong 6 tháng đầu năm 2024 tiếp tục duy trì ở mức tăng khá cao so với các tỉnh trong khu vực và cả nước; xếp thứ nhất trong 08 tỉnh khu vực Tây Bắc mở rộng, xếp thứ 3/14 tỉnh vùng trung du và miền núi phía Bắc, xếp thứ 10/63 tỉnh thành.

(2) Các ngành sản xuất khu vực nông nghiệp, công nghiệp - xây dựng phát triển tương đối ổn định; thực hiện tốt công tác chăm sóc, bảo vệ và phát triển rừng; các loại dịch bệnh trên đàn gia súc được phát hiện và xử lý kịp thời.

(3) Lượng khách du lịch đến Điện Biên tăng gấp 2,18 lần so với cùng kỳ năm 2023; tổng doanh thu từ hoạt động du lịch tăng 2,25 lần so với cùng kỳ năm trước, vượt 12,5% so với kế hoạch năm; Hoạt động vận tải hành khách tăng cao so với cùng kỳ năm 2023 (tăng 63,64%); Nguồn cung và giá cả thị trường tương đối ổn định, không có biến động lớn, mặt hàng phong phú, đa dạng đáp ứng nhu cầu cho người tiêu dùng. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ trên thị trường (giá hiện hành) ước đạt 15.788,94 tỷ đồng, tăng khá cao (tăng 24,22% so với cùng kỳ năm trước).

(4) Công tác cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút đầu tư đạt được kết quả tích cực, tổng vốn đầu tư đăng ký thực hiện của các nhà đầu tư tăng 59,72% so với cùng kỳ năm trước. Xếp hạng chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2023 của tỉnh tăng 31 bậc so với năm 2022, xếp thứ 31 trong bảng xếp hạng toàn quốc; Đối với Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) năm 2023, Điện Biên xếp thứ 20/63 tỉnh thành, tăng 2 bậc so với năm trước, là thứ hạng cao nhất của tỉnh từ trước tới nay. Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh PAPI: năm 2023 xếp thứ 39/61 tỉnh, thành phố (tăng 25 bậc so với năm 2022).

(5) Thực hiện tốt công tác phòng, chống và kiểm soát dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn, trong 06 tháng đầu năm không có ca, vụ ngộ độc thực phẩm nào xảy ra; chất lượng khám, chữa bệnh ở các tuyến được nâng lên; các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội, các hoạt động thăm hỏi, chăm lo đời sống nhân dân, hoạt động tri ân các chiến sĩ, thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến và các lực lượng tham gia chiến dịch tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ và các gia đình liệt sĩ được tăng cường, thực hiện hiệu quả. Toàn bộ 5.000 căn nhà Đại đoàn kết đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước Tết nguyên đán Giáp Thìn với sự vào cuộc và quyết tâm chính trị rất cao.

(6) Lễ kỷ niệm, diễu binh, diễu hành và các sự kiện, hoạt động trong khuôn khổ Năm du lịch Quốc gia - Điện Biên 2024 và Lễ kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ được tổ chức trọng thể, chu đáo, an toàn, đạt hiệu quả cao và nhận được sự quan tâm, tham dự của các đại biểu, khách quý cùng đông đảo nhân dân, du khách trong và ngoài nước, đọng lại nhiều dư âm tốt đẹp trong dư luận xã hội. Công tác lập quy hoạch

bảo quản, tu bổ và phát huy giá trị di tích được tích cực triển khai thực hiện. Di sản văn hoá của các dân tộc tiếp tục được bảo tồn, phát huy giá trị.

(7) Lĩnh vực phát thanh truyền hình, thông tin và truyền thông được tập trung chỉ đạo, có đổi mới về nội dung và cách thức tuyên truyền, do vậy đạt được nhiều kết quả tích cực, trọng tâm là công tác tuyên truyền Kỷ niệm 70 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, quảng bá, giới thiệu về Năm du lịch Quốc gia Điện Biên 2024.

(8) Quốc phòng được giữ vững ổn định; tình hình an ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được đảm bảo, công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế tiếp tục được duy trì, phát huy và mở rộng. Để kịp thời ghi nhận các gương điển hình tiên tiến tiêu biểu trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, cũng như tích cực hưởng ứng phong trào thi đua thực nhiệm vụ chính trị và tham gia các hoạt động kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ đã có hàng nghìn tập thể cá nhân tiêu biểu được các cấp của tỉnh biểu dương, khen thưởng. Tỉnh đã lựa chọn đề xuất Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen cho 02 tập thể, 02 cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ.

Qua thực tiễn triển khai trên địa bàn tỉnh Điện Biên trong thời gian vừa qua rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

**Thứ nhất**, Làm tốt công tác tuyên truyền phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng trong đó chú trọng tuyên truyền tư tưởng Thi đua ái quốc của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 074/2014 của Bộ Chính trị về “Tiếp tục đổi mới công tác Thi đua, khen thưởng” tạo sự chuyển biến rõ nét trong nhận thức của người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền cơ quan, đơn vị, địa phương cũng như mỗi cán bộ, đảng viên về vai trò tác dụng của công tác thi đua, khen thưởng là động lực thúc đẩy để mọi cá nhân, tập thể nỗ lực phấn đấu, khắc phục khó khăn quyết tâm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao và trở thành hạt nhân tiêu biểu trong tuyên truyền, phổ biến cũng như tổ chức thực hiện. Kịp thời cụ thể hoá bằng Nghị quyết, Chỉ thị, Chương trình, kế hoạch, Quy định của các cấp uỷ, chính quyền cho phù hợp với điều kiện thực tiễn làm cơ sở tổ chức thực hiện đồng bộ thống nhất từ tỉnh đến cơ sở.

**Thứ hai**, Nắm bắt kịp thời xu hướng phát triển các định mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội và các sự kiện chính trị trọng đại của Đất nước, của tỉnh đề chủ động đẩy mạnh việc phát động và tổ chức thực hiện các phong trào thi đua yêu nước thường xuyên, chuyên đề của Thủ Tướng Chính phủ, Bộ, ngành, Đoàn thể Trung ương và tỉnh một cách sâu rộng và toàn diện. Mỗi phong trào thi đua phải có trọng tâm, trọng điểm, có chủ đề, mục tiêu, đối tượng thi đua rõ ràng với cách làm không ngừng đổi mới về hình thức, cách thức phát động và có nội dung thiết thực, trọng tâm hướng về cơ sở gắn với thực hiện Chỉ thị số 05 của Bộ chính trị về “Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức phong cách Hồ Chí Minh” để thông qua phong trào thi đua phát huy được sự sáng tạo, tinh thần tự lực, tự cường, tinh thần đoàn kết, huy động được sự tích cực hưởng ứng, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân cùng quan tâm và tham gia thực hiện.

**Thứ ba,** Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp ủy đảng, chính quyền với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong công tác tuyên truyền vận động đoàn viên, hội viên thực hiện tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và trong tổ chức triển khai thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, phát hiện, nhân rộng gương điển hình tiên tiến cũng như phản biện xã hội đối với phong trào thi đua, công tác khen thưởng; phát huy cao nhất vai trò thi đua, khen thưởng thực sự là biện pháp để tổ chức, vận động, tập hợp quần chúng. Chỉ đạo các cơ quan thông tin, truyền thông có cách làm đổi mới sáng tạo trong công tác tuyên truyền, phát hiện và nhân rộng điển hình tiên tiến, phổ biến mô hình hay, cách làm sáng tạo hiệu quả, gương người tốt việc tốt, các nhân tố mới tiêu biểu xuất sắc tạo sức lan toả lớn trong các phong trào thi đua để phong trào thi đua ngày càng phát triển rộng khắp, thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

**Thứ tư,** Công tác khen thưởng phải được chú trọng và đổi mới trong từng khâu, từ bình xét lựa chọn, đề xuất, tôn vinh khen thưởng kịp thời gắn với từng phong trào thi đua và trách nhiệm người đứng đầu trong việc đôn đốc, tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả phong trào thi đua; quan tâm chú trọng khen thưởng cho công nhân, nông dân, người lao động trực tiếp, vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, người dân tộc thiểu số. Trong đó đổi mới từ tổ chức và hoạt động của cụm khối thi đua; công tác kiểm tra, giám sát; nâng cao chất lượng hoạt động Hội đồng TĐKT và đội ngũ cán bộ làm công tác TĐKT các cấp; tăng cường đẩy mạnh công tác CCHC, ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng.

**Thứ năm,** Bên cạnh sự nỗ lực của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc tỉnh Điện Biên, tỉnh Điện Biên nhận được sự quan tâm đặc biệt trong lãnh đạo, chỉ đạo và sự hỗ trợ, giúp đỡ to lớn của Đảng, Nhà nước các Bộ, ngành Trung ương và địa phương trong cả nước cùng hướng về, nhất là Lễ kỷ niệm 70 năm chiến thắng Điện Biên phủ sự kiện cấp Quốc gia với những việc làm thiết thực trong tổ chức các hoạt động kỷ niệm và các hoạt động ý nghĩa khác đã tạo động lực và nguồn khích lệ động viên tinh thần to lớn cho Nhân dân các dân tộc của tỉnh tiếp tục hăng hái thi đua trong công tác, học tập, lao động, sản xuất./.

## **27. Sở Nội vụ tỉnh Hoà Bình**

### **Tham luận “Nâng cao hiệu quả công tác thi đua khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hoà Bình”**

Trong thời gian qua, Bộ Nội vụ đã rất tâm huyết và tích cực tham mưu cho Ban Chấp hành Trung ương, Quốc hội và Chính phủ nhiều giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của ngành; đặc biệt là việc kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy, ĐVHC cấp huyện, cấp xã; đổi mới công tác quản lý biên chế, cán bộ, công chức, viên chức; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, phòng chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện chế độ chính sách để nâng cao thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cả nước.

Đối với lĩnh vực thi đua, khen thưởng, Bộ Nội vụ đã kịp thời tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 15/6/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và ban hành Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24/02/2024 của Bộ Nội vụ Quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ. Các địa phương rất phấn khởi và tâm huyết với Luật thi đua, khen thưởng năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành, bởi trong đó có rất nhiều điểm mới, quy định rất cụ thể, chi tiết, nhằm nâng cao hiệu quả việc tổ chức các phong trào thi đua, hướng công tác khen thưởng đến cơ sở, thành tích đến đâu khen thưởng đến đó, khắc phục được những hạn chế, bất cập trong công tác thi đua, khen thưởng trước đây.

Đối với tỉnh Hoà Bình, trong thời gian qua, công tác thi đua, khen thưởng được Tỉnh uỷ, UBND tỉnh và các cấp, các ngành hết sức quan tâm. Về công tác thể chế, sau khi Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 và các văn bản hướng dẫn có hiệu lực thi hành, Sở Nội vụ tỉnh Hoà Bình đã kịp thời tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Quy định Thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh để quy định chi tiết những nội dung mà Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 phân cấp cho UBND cấp tỉnh; đồng thời ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động cụm, khối thi đua trên địa bàn tỉnh. Về công tác thi đua, bên cạnh việc kịp thời tổ chức triển khai các phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ phát động, tỉnh Hoà Bình cũng đã phát động nhiều phong trào thi đua chuyên đề, đặc thù, gắn với các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, có tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đặc biệt là gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; gắn với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Điển hình như: Phong trào “Đẩy mạnh sản xuất và xuất khẩu nông sản chủ lực của tỉnh Hoà Bình” giai đoạn 2024 - 2030; phong trào “bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc Mường và nền Văn hóa Hoà Bình”, giai đoạn 2024 - 2030; phong trào “Đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng phục vụ triển khai các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh” giai đoạn 2024 -2030.

Triển khai phong trào thi đua “Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ,

hiện đại; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí”, sau khi Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt, hiện nay tỉnh Hoà Bình đang trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch để triển khai Quy hoạch tỉnh; đã có nhiều công trình giao thông trọng điểm, kết nối hệ thống giao thông trong tỉnh và khu vực đã được khởi công, nhằm tạo điều kiện khai thác tiềm năng, thế mạnh về phát triển dịch vụ, du lịch, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tỉnh cũng đã đẩy mạnh công tác thu hút đầu tư, nhất là các dự án đầu tư về du lịch, vì đây là một trong những tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp để tập trung xây dựng nông thôn mới song song với phát triển đô thị văn minh; đổi mới sản xuất, chế biến các sản phẩm nông nghiệp, tập trung vào các sản phẩm nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ mang lại giá trị cao để xuất khẩu sang các nước có thị trường khó tính. Tích cực vận động, ủng hộ quỹ vì người nghèo và đẩy mạnh thực hiện các chính sách giảm nghèo, hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, bảo trợ xã hội và an sinh xã hội, nhằm giảm tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh. Đặc biệt, hưởng ứng phong trào thi đua “Xóa nhà tạm, nhà dột nát”, tỉnh Hoà Bình đã xây dựng, ban hành Kế hoạch, phân đấu đến hết năm 2025 sẽ xoá toàn bộ nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh.

Các phong trào thi đua trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền cũng được Tỉnh uỷ, UBND tỉnh chỉ đạo hết sức quyết liệt. Đặc biệt, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã ban hành Quy định và phân công các đồng chí Lãnh đạo các Sở, Ban, ngành tỉnh theo dõi 151 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh; triển khai Đề án và tổ chức tuyển chọn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo quản lý cho 106 cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số để tạo nguồn cán bộ cho những năm tiếp theo. Về tổ chức bộ máy, trong sáu tháng đầu năm 2024, tỉnh Hoà Bình đã Quyết định tổ chức lại 02 đơn vị sự nghiệp thuộc Sở GD&ĐT (Trung tâm GDTX và Trung tâm hướng nghiệp) và 02 đơn vị sự nghiệp thuộc huyện (Trung tâm PT quỹ đất và Ban QL dự án đầu tư xây dựng Lạc Sơn), giảm 02 đơn vị sự nghiệp. Giải thể Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Hoà Bình, chuyển về Bệnh viện Đa khoa tỉnh. Quyết định phê duyệt vị trí việc làm đối với 30 cơ quan, tổ chức hành chính và 626 đơn vị sự nghiệp công lập kịp thời trong quý I/2024 (đạt 100% và đúng tiến độ). Hướng dẫn các huyện, thành phố xây dựng và phê duyệt vị trí việc làm đối với cán bộ, công chức cấp xã. Tỉnh giảm 205 biên chế (công chức 29 biên chế, viên chức 173 biên chế, cấp xã 03 biên chế) so với chỉ tiêu biên chế giao năm 2023. Triển Kế hoạch xây dựng Quy hoạch tổng thể ĐVHC các cấp giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn 2045. Theo đó, đến năm 2030, tỉnh Hoà Bình không có ĐVHC cấp huyện, cấp xã phải thực hiện sắp xếp (do đã sắp xếp giảm 01 ĐVHC cấp huyện và 59 ĐVHC cấp xã từ giai đoạn trước).

Về công tác khen thưởng, tỉnh Hoà Bình rất quan tâm đến việc khen thưởng cho những người lao động trực tiếp, nhất là nông dân, công nhân. Theo Đề án “Tuyên truyền gương điển hình tiên tiến giai đoạn 2022-2025” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1526/QĐ-TTg ngày 09/12/2022. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 ban hành Quy

định điển hình tiên tiến tỉnh Hoà Bình; trong đó quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự xét, công nhận điển hình tiên tiến cấp cơ sở, điển hình tiên tiến cấp tỉnh. Đây là một quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc phát hiện, bồi dưỡng, giới thiệu, công nhận điển hình tiên tiến để tuyên truyền nhân rộng; đồng thời cũng là một trong những giải pháp quan trọng để tăng tỷ lệ khen thưởng những người lao động trực tiếp. Sau khi triển khai Quyết định số 796/QĐ-UBND, từ năm 2023 đến nay, Chủ tịch UBND tỉnh đã Quyết định công nhận 82 tập thể, cá nhân là điển hình tiên tiến cấp tỉnh trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; được các cấp, các ngành và người dân, doanh nghiệp đồng tình ủng hộ.

Qua triển khai thực hiện các nhiệm vụ về công tác thi đua, khen thưởng, Sở Nội vụ Hoà Bình rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

**Thứ nhất**, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Thi đua là phải toàn dân, toàn diện”. Chính vì vậy, khi phát động các phong trào thi đua phải xác định được mục đích, chủ đề, đối tượng, chỉ tiêu thi đua; nội dung thi đua cần rộng khắp trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhưng mỗi lĩnh vực phải có trọng tâm, trọng điểm, gắn với các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

**Thứ hai**, triển khai các phong trào thi đua phải đoàn kết, chung sức, đồng lòng, “Tiền hô hậu ủng”, “Nhất hô bá ứng”, “Trên dưới đồng lòng”, “Đọc ngang thông suốt” như lời đồng chí Nguyễn Phú Trọng Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã từng nhấn mạnh, để “Người người thi đua, ngành ngành thi đua, ngày ngày thi đua”; có như vậy mới phát huy được sức mạnh của tập thể, của dân tộc, làm cho các phong trào thi đua đạt được hiệu quả cao nhất, tất cả vì mục tiêu xây dựng quê hương đất nước giàu mạnh. Phải thấm nhuần lời dạy của Bác: “Thi đua chứ không phải ganh đua”; phải xác định mục đích của thi đua là làm tiền đề, làm động cho sự phát triển; phát động phong trào thi đua là để cùng nhau làm cho tốt hơn, làm cho nhiều hơn, làm cho nhanh hơn, để phát triển hơn, chứ không phải phát động phong trào thi đua để chờ được khen thưởng;

**Thứ ba**, phải nâng cao chất lượng công tác khen thưởng theo nguyên tắc “thành tích đến đâu khen đến đó”. Trong đó cần lưu ý, các tập thể, cá nhân được biểu dương, khen thưởng phải thực sự tiêu biểu xuất sắc; chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ, công nhân, nông dân, người lao động trực tiếp; công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý,... Trong cùng một tập thể, nếu ai là người năng động, sáng tạo, tham mưu được nhiều nhiệm vụ đạt hiệu quả, ai là người làm được nhiều sản phẩm có chất lượng, có đóng góp, cống hiến cho ngành, lĩnh vực thì phải khen thưởng người đó. Coi trọng việc phát hiện, bồi dưỡng, tuyên truyền và nhân rộng điển hình tiên tiến, gương người tốt - việc tốt, để truyền cảm hứng tích cực, nhân rộng, lan tỏa ra xã hội những tấm gương tiêu biểu, xuất sắc, những hành động tốt đẹp, cách làm hay, sáng tạo, có ý nghĩa cho cộng đồng, cho xã hội./.

## **28. Sở Nội vụ tỉnh Hà Giang**

### **Tham luận “Xây dựng Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Hà Giang là yêu cầu cấp bách hiện nay”**

Lưu trữ lịch sử được tổ chức để thực hiện việc thu nộp, bảo vệ và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ có giá trị bảo quản vĩnh viễn hình thành trong hoạt động của các cơ quan thuộc nguồn nộp lưu. Nhận thức được tầm quan trọng của Lưu trữ lịch sử tỉnh, trong những năm qua, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Hà Giang rất quan tâm đến hoạt động của Lưu trữ lịch sử tỉnh cụ thể là:

- Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, Chính phủ về tinh giản bộ máy và biên chế nên trong thời gian qua, nhiều cơ quan, tổ chức ở Hà Giang phải sáp nhập, cắt giảm biên chế nhưng tổ chức của Lưu trữ lịch sử tỉnh được duy trì ổn định và bổ sung biên chế để đáp ứng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ;

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành các văn bản để chỉ đạo thực hiện việc nộp lưu tài liệu về Lưu trữ lịch sử tỉnh như: Chỉ thị số 07-CT/TU ngày 06/4/2016 của Ban Thường vụ tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác lưu trữ; Chỉ thị số 1904/CT-UBND ngày 27/10/2022 của UBND tỉnh về tăng cường lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ cơ quan, Lưu trữ lịch sử; các Công văn đôn đốc, nhắc nhở thực hiện nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh hằng năm...

- Dù điều kiện về trụ sở, cơ sở vật chất của tỉnh rất khó khăn nhưng UBND tỉnh Hà Giang đã bố trí một khu nhà riêng biệt làm trụ sở kết hợp kho bảo quản tài liệu cho Lưu trữ lịch sử tỉnh.

Nhờ có sự quan tâm chỉ đạo sâu sắc của Tỉnh ủy, UBND tỉnh như vậy, cùng với sự cố gắng, nỗ lực phấn đấu của các công chức, viên chức Lưu trữ lịch sử tỉnh nên hoạt động của Lưu trữ lịch sử tỉnh Hà Giang đã thu được nhiều kết quả và có nhiều tiến bộ, cụ thể là:

- Đã thu nộp được 653 mét giá tài liệu từ các nguồn nộp lưu;
- Tài liệu tại Lưu trữ lịch sử tỉnh được bảo vệ an toàn và phục vụ tốt mọi nhu cầu khai thác, sử dụng chính đáng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh để nghiên cứu, giải quyết công việc; để nghiên cứu khoa học; nghiên cứu lịch sử...

Mặc dù vậy, với tinh thần thẳng thắn, chúng tôi thấy rằng hoạt động của Lưu trữ lịch sử tỉnh Hà Giang vẫn còn nhiều hạn chế, đó là:

- Số lượng các cơ quan nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh còn ít (mới chỉ có 55 trong tổng số 349 cơ quan thuộc nguồn nộp lưu thực hiện giao nộp tài liệu);

- Dù tài liệu tại Lưu trữ lịch sử tỉnh được bảo quản an toàn nhưng nhiều tài liệu đã có hiện tượng bị xuống cấp bởi các lý do khách quan, ngoài ý muốn của con người như: bị a xít hóa, bị nhiễm khuẩn, nhiễm nấm mốc;

- Chưa tổ chức được các hoạt động trưng bày, triển lãm tài liệu để chủ động đưa được nhiều tài liệu ra khai thác, sử dụng.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những hạn chế nêu trên nhưng chúng tôi cho rằng, nguyên nhân cơ bản nhất là do Hà Giang chưa có kho lưu trữ chuyên dụng. Mặc dù đã được UBND tỉnh quan tâm, bố trí trụ sở làm việc riêng nhưng kho để bảo quản tài liệu của Lưu trữ lịch sử tỉnh Hà Giang hiện nay vẫn là kho tạm, rất hạn chế về diện tích, chỉ vỏn vẹn có 240 m<sup>2</sup> và thiếu nhiều phương tiện thiết yếu để bảo quản an toàn tài liệu. Với diện tích và trang thiết bị như vậy nên hiện nay, Lưu trữ lịch sử tỉnh Hà Giang không có đủ diện tích để thu nộp tài liệu từ các nguồn nộp lưu; không có các khu vực để xử lý nghiệp vụ chuyên sâu như: khử trùng, khử axit, khử nấm mốc cho tài liệu và không có không gian để tổ chức trưng bày, triển lãm tài liệu nhằm đưa được nhiều tài liệu ra phục vụ công chúng.

Hiện nay, ở Hà Giang còn 294 cơ quan chưa nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh nhưng theo quy định của Luật Lưu trữ năm 2024 đã được Quốc hội thông qua ngày 21/6/2024 thì trong thời gian tới, Lưu trữ lịch sử Hà Giang có thêm 193 HĐND và 193 UBND cấp xã phải nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh. Với số lượng lớn các cơ quan thuộc nguồn nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh như vậy, căn cứ vào số liệu báo cáo thống kê tình hình tài liệu lưu trữ của các cơ quan những năm gần đây, chúng tôi ước tính còn khoảng 7.000 mét giá tài liệu được hình thành từ năm 1975 đến năm 2020 ở các cơ quan từ cấp tỉnh đến cấp xã thuộc diện nộp vào Lưu trữ lịch sử tỉnh Hà Giang nhưng vẫn chưa được giao nộp. Phần lớn các cơ quan thuộc nguồn nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh Hà Giang, nhất là các cơ quan ở cấp huyện, cấp xã vô cùng khó khăn về cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc tại trụ sở nói chung, khó khăn về các điều kiện bảo quản an toàn tài liệu lưu trữ nói riêng và không có người làm lưu trữ chuyên trách. Hơn nữa, địa hình tự nhiên của Hà Giang phức tạp, khí hậu ở Hà Giang khắc nghiệt nên luôn tiềm ẩn nguy cơ tài liệu lưu trữ ở các cơ quan bị hư hại, thậm chí bị hủy hoại. Chắc các đồng chí cũng đều biết từ đầu tháng 6/2024 đến nay, trên địa bàn tỉnh Hà Giang xảy ra nhiều đợt mưa lớn làm sạt lở gây thiệt hại về tài sản một số công trình là trụ sở cơ quan cấp huyện, cấp xã, trong đó có thiệt hại về tài liệu lưu trữ.

Trong khi đó, Hà Giang là tỉnh biên giới, có 274 km đường biên giới với Trung Quốc, 7 huyện, 33 xã và 1 thị trấn biên giới, có vị trí trọng yếu về quốc phòng, an ninh nên tài liệu lưu trữ hình thành trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh Hà Giang không chỉ có giá trị về kinh tế, văn hóa, khoa học, lịch sử mà còn có ý nghĩa vô cùng quan trọng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vì thế, có thể nói, 7.000 mét giá tài liệu đáng lẽ phải được thu nộp về Lưu trữ tỉnh nhưng hiện nay vẫn phân tán ở các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu là tài sản vô giá không chỉ của riêng tỉnh Hà Giang mà của cả đất nước. Nhưng thật đáng tiếc, những tài sản vô giá ấy vẫn hàng ngày, hàng giờ có nguy cơ bị hư hại, thậm chí bị hủy hoại do chưa được thu nộp về Lưu trữ lịch sử tỉnh để bảo quản an toàn. Không những vậy, việc không thu nộp tài liệu về Lưu trữ lịch sử để quản lý tập trung còn gây trở ngại rất lớn đối với việc xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ của tỉnh Hà Giang nói riêng cũng như xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ quốc gia nói chung.

Từ những trình bày ở trên cho thấy việc xây dựng kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Hà Giang là rất cần thiết xuất phát từ yêu cầu thực tiễn khách quan. Công trình kho lưu trữ chuyên dụng là điều kiện tiên quyết để triển khai thực hiện mọi nhiệm vụ của Lưu trữ lịch sử tỉnh Hà Giang. Do đó, các cơ quan có thẩm quyền của tỉnh Hà Giang rất quan tâm, chú trọng việc đầu tư xây dựng kho lưu trữ chuyên dụng. Minh chứng cho điều đó là ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ ban Quyết định số 1784/QĐ-TTg ngày 24/9/2010 phê duyệt Đề án “Hỗ trợ xây dựng kho lưu trữ chuyên dụng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”, UBND tỉnh Hà Giang đã chỉ đạo các cơ quan chức năng tham mưu xây dựng dự án xây dựng công trình kho lưu trữ chuyên dụng của tỉnh và đến ngày 13/6/2011, UBND tỉnh Hà Giang đã ban hành Quyết định số 1164/QĐ-UBND phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình kho lưu trữ chuyên dụng của tỉnh Hà Giang. Tuy nhiên, kể từ khi UBND tỉnh Hà Giang ban hành quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng kho lưu trữ chuyên dụng đến nay, các cơ quan chức năng ở Hà Giang đã nhiều lần đề nghị các cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương bố trí vốn để hỗ trợ xây kho lưu trữ chuyên dụng cho tỉnh Hà Giang theo Quyết định 1784/QĐ-TTg của Thủ tướng nhưng chưa được bố trí. Trong khi đó, Hà Giang là tỉnh miền núi nghèo, nhiều dân tộc thiểu số; thu ngân sách rất hạn chế, chi ngân sách chủ yếu từ nguồn của Trung ương cấp, có nhiều chính sách xã hội cấp thiết phải giải quyết để bảo đảm an sinh xã hội nên không thể bố trí kinh phí xây dựng kho lưu trữ chuyên dụng. Vì vậy, đến nay công trình kho lưu trữ chuyên dụng của tỉnh Hà Giang vẫn chưa được khởi công xây dựng.

Luật Lưu trữ năm 2024 được Quốc hội thông qua ngày 21/6/2024 đã quy định rất rõ về yêu cầu xây dựng kho lưu trữ chuyên dụng của Lưu trữ lịch sử, đó là: *“Tài liệu lưu trữ tại lưu trữ lịch sử phải được bảo quản tại kho lưu trữ chuyên dụng. Kho lưu trữ chuyên dụng được xây dựng đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa, có công nghệ tiên tiến, trang bị đủ phương tiện, thiết bị kỹ thuật cần thiết để thực hiện hoạt động nghiệp vụ lưu trữ và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ”*. Do vậy, có thể khẳng định rằng việc ***xây dựng kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Hà Giang là yêu cầu cấp bách hiện nay*** để Lưu trữ lịch sử tỉnh có đủ diện tích và các điều kiện đáp ứng việc tiếp nhận tài liệu từ các nguồn nộp lưu; có không gian để tổ chức phát huy giá trị tài liệu và đồng thời có đủ các phương tiện, kỹ thuật hiện đại để quản lý cơ sở dữ liệu lưu trữ số, qua đó góp phần thực hiện thành công chương trình chuyển đổi số quốc gia và Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số.

Với những nội dung trình bày trên đây, tại hội nghị này, chúng tôi trân trọng đề nghị Bộ Nội vụ có ý kiến với các cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương sớm xem xét và bố trí vốn hỗ trợ tỉnh Hà Giang xây dựng kho lưu trữ chuyên dụng để Lưu trữ lịch sử tỉnh Hà Giang có điều kiện thu nộp, bảo quản và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ hình thành trong quá trình hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu một cách tốt nhất, góp phần phục vụ cho công cuộc xây dựng, phát triển tỉnh Hà Giang nói riêng và bảo vệ, xây dựng Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa nói chung./.

## 29. Sở Nội vụ tỉnh Lạng Sơn

### **Tham luận “Một số vướng mắc, khó khăn trong việc triển khai thực hiện hệ thống pháp luật về văn thư, lưu trữ”**

Trong những năm gần đây, UBND tỉnh Lạng Sơn dành nhiều sự quan tâm đến công tác văn thư, lưu trữ (VTLT), đặc biệt đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác VTLT tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh và đã đạt một số kết quả nổi bật: - Tỉnh Lạng Sơn đã triển khai phần mềm quản lý văn bản và điều hành VNPT-iOffice trên phạm vi toàn tỉnh từ năm 2019; đồng thời tổ chức tập huấn, triển khai đến các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu nghiêm túc thực hiện việc lập hồ sơ, quản lý văn bản và nộp lưu hồ sơ điện tử vào lưu trữ cơ quan trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành VNPT-iOffice từ năm 2022, tạo thuận lợi trong quá trình giải quyết công việc, bảo đảm kịp thời công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh đến tất cả các cơ quan, đơn vị. Kết quả đến nay 36 cơ quan (sở, ngành cấp tỉnh) và 11/11 huyện, thành phố đã lập Danh mục hồ sơ, cập nhật hồ sơ công việc điện tử trên hệ thống VNPT-iOffice.

- Song song với việc hiện đại hóa công tác VTLT điện tử, năm 2021, Sở Nội vụ đã tham mưu UBND tỉnh phê duyệt Đề án “Chỉnh lý tài liệu lưu trữ tồn đọng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2025”, nhằm thực hiện chỉnh lý dứt điểm tài liệu giấy hình thành từ năm 2020 trở về trước. Kết quả đến thời điểm hiện tại, đã chỉnh lý được 5.015/8.165 mét tài liệu, với tổng kinh phí thực hiện là 28.032.000.000 tỷ đồng, đạt 61,4% theo lộ trình Đề án; cơ bản đã giải quyết được tình trạng tài liệu lưu trữ giấy tích đống, tồn đọng tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Công tác thu thập tài liệu vào Lưu trữ lịch sử được quan tâm thực hiện. Cho đến nay, tỉnh Lạng Sơn đã thu thập được 36 phong tài liệu từ các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu, tổng số hồ sơ, tài liệu thu thập được trên 900 mét giá tài liệu.

- Suu tầm tài liệu tài liệu: Từ năm 2021 đến nay, tỉnh Lạng Sơn đã sưu tầm được 40 phiên bản tài liệu Châu bản Triều Nguyễn; 14 bản sao mộc bản Triều Nguyễn, 343 văn bản hành chính; 05 trang tài liệu của dòng họ và một số tư liệu ảnh. Ngoài ra, tỉnh cũng đã quan tâm việc tu bổ bồi nền tài liệu lưu trữ, với được trên 49.000 tờ tài liệu thuộc Phong UBND tỉnh đã được bồi nền.

- Số hóa tài liệu lưu trữ lịch sử: UBND tỉnh đã phê duyệt Đề án “Tạo lập cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ điện tử và thu thập hồ sơ, tài liệu điện tử vào Lưu trữ lịch sử tỉnh Lạng Sơn” giai đoạn 2018-2025”. Kết quả, tính đến nay, Số lượng cơ sở dữ liệu đã được cập nhật trên phần mềm, cụ thể: 1.150.510/1.014.821 văn bản (đạt 113,37%); 3.151.015/4.500.000 trang tài liệu A4 (đạt 70,02%) và 22.327/7.500 trang tài liệu A3 (đạt 297,69%). Tổng kinh phí đã thực hiện: 5.384.023.000/6.403.210.000đ (đạt 84,08%).

- Phát huy giá trị tài liệu lưu trữ: Đã triển khai thực hiện Quyết định số 2194/QĐ-TTg ngày 24/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình “Công bố tài liệu lưu trữ quốc gia phục vụ xây dựng, phát triển kinh

tế - xã hội, bảo vệ chủ quyền đất nước”, kết quả: đã tổ chức thành công 02 chương trình công bố tài liệu trên không gian mạng: (1) Chương trình công bố tài liệu với chủ đề “Lạng Sơn 75 năm thi đua yêu nước”, được tổ chức nhân dịp kỷ niệm 75 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi thi đua ái quốc (11/6/1948 - 11/6/2023), tính đến nay đã có trên 165.000 lượt độc giả tham quan triển lãm; (2) Chương trình công bố tài liệu với chủ đề “Phong trào thi đua yêu nước Cụm 7 tỉnh Miền núi Biên giới phía Bắc”, được tổ chức nhân dịp tổng kết công tác thi đua, khen thưởng năm 2023 Cụm 7 tỉnh Miền núi Biên giới phía Bắc tổ chức tại tỉnh Lạng Sơn (3/2024), là tỉnh đầu tiên trong Cụm và Cụm 7 tỉnh Miền núi Biên giới phía Bắc cũng là Cụm thi đua đầu tiên trên cả nước tổ chức triển lãm tài liệu lưu trữ, với trên 300 tài liệu, tư liệu, hình ảnh, câu trích đưa ra triển lãm trên Trang Thông tin điện tử Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh Lạng Sơn, Sở Nội vụ tỉnh Lạng Sơn, đến nay có trên có 25.000 lượt độc giả tham quan triển lãm.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc triển khai thực hiện hệ thống pháp luật về văn thư, lưu trữ trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn còn gặp những khó khăn, cụ thể như sau:

- Đối với triển khai thực hiện về VTLT điện tử: Việc triển khai hướng dẫn thu thập và nộp lưu hồ sơ, tài liệu lưu trữ điện tử vào Lưu trữ cơ quan, Lưu trữ lịch sử liên quan đến văn bản điện tử còn gặp nhiều bất cập như: Chưa thể đáp ứng về cơ sở hạ tầng; việc nhận diện, xác định tài liệu điện tử nào có giá trị pháp lý, thời hạn bảo quản bao lâu là hết sức khó khăn, việc đặt tên tài liệu điện tử, việc lập hồ sơ điện tử, truy cập khai thác khi đưa tài liệu điện tử vào kho lưu trữ; việc vận hành, bảo quản, phục vụ khai thác, sử dụng đối với loại hình tài liệu điện tử chưa có hướng dẫn; thiết bị lưu trữ tài liệu còn chưa thống nhất, chưa đảm bảo an toàn.

- Một số văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về lưu trữ điện tử (như Công văn số 903/VTLTNN-QLII ngày 21/8/2023 của Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước) khi áp dụng vào các địa phương đều gặp khó khăn vì các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật, nguồn nhân lực chưa đáp ứng, bên cạnh đó mỗi tỉnh lựa chọn 1 phần mềm quản lý văn bản khác nhau nên chưa được đồng bộ trong thực hiện. Chưa có hướng dẫn cụ thể về kho lưu trữ số. - Đối với việc áp dụng thời hạn bảo quản trong chỉnh lý tài liệu. Việc triển khai Thông tư số 10/2022/TT-BNV ngày 19/12/2022 của Bộ Nội vụ về quy định thời hạn bảo quản tài liệu, gặp phải những vướng mắc bất cập như: Việc giảm thời hạn bảo quản xuống quá thấp đối với những loại hình tài liệu quan trọng là chưa phù hợp<sup>100</sup>; Thông tư 10/2022/TT-BNV không có điều khoản chuyển tiếp, rất khó khăn trong việc xác định thời hạn bảo quản khi chỉnh lý tài liệu<sup>101</sup>.

<sup>100</sup> Ví dụ: Nhóm hồ sơ có thời hạn bảo quản vĩnh viễn giảm xuống 20 năm như: Quân sự, quốc phòng; Hồ sơ về việc thực hiện các chế độ đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng và chính sách hậu phương, quân đội; Hồ sơ về việc tổ chức diễn tập phòng thủ; nhóm hồ sơ có thời hạn bảo quản vĩnh viễn giảm xuống 10 năm như: Hồ sơ về việc tham gia các hoạt động của hiệp hội, tổ chức quốc tế.

<sup>101</sup> Tại văn bản số 344/VTLTNN-VP ngày 17/4/2023 của Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước về việc trả lời ý kiến, phản ánh của người dân, doanh nghiệp trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ, Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước có hướng dẫn Đối với hồ sơ tài liệu được các cơ quan, đơn vị tổ chức chỉnh lý trước thời điểm Thông tư 10/2022/TT-BNV có hiệu lực thì việc xác định thời hạn bảo quản thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2011/TT-BNV và Thông tư 13/2011/TT-BNV. Tuy nhiên, thực tiễn việc chỉnh lý tài liệu tại các địa phương

- Luật lưu trữ và các văn bản QPPL dưới luật vẫn chưa đề cập đến chế tài xử lý vi phạm đối với công tác VTLT nên trong quá trình thanh tra, kiểm tra khó khăn trong việc xử lý vi phạm. - Việc thực hiện chương trình công bố, giới thiệu, trưng bày, triển lãm tài liệu lưu trữ chưa có quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật, do đó việc tham mưu thực hiện còn gặp khó khăn trong việc xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm, chủ yếu theo báo giá của thị trường; chưa có các văn bản hướng dẫn cụ thể việc xây dựng Chương trình công bố tài liệu lưu trữ, quy trình cụ thể các bước cần thực hiện trong việc công bố tài liệu lưu trữ, gây khó khăn trong việc triển khai, thực hiện.

- Việc thực hiện dịch vụ lưu trữ: Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh có chức năng nhiệm vụ thực hiện các hoạt động dịch vụ lưu trữ theo quy định của pháp luật, trong đó có dịch vụ chỉnh lý tài liệu lưu trữ ... Tuy nhiên, đối với Trung tâm Lưu trữ lịch sử thực hiện dịch vụ chỉnh lý tài liệu bên cạnh những thuận lợi như đội ngũ viên chức có chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm trong chỉnh lý tài liệu thì còn gặp khó khăn, vướng mắc như trong việc chào hàng cạnh tranh trong đấu thầu với các doanh nghiệp, không có chức năng cung cấp vật tư văn phòng do đó không xuất được hóa đơn.

Từ những khó khăn, vướng mắc nêu trên, để triển khai thực hiện có hiệu quả công tác VTLT. Sở Nội vụ tỉnh Lạng Sơn đề xuất, kiến nghị với Bộ Nội vụ, Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước như sau:

(1) Hiện nay Quốc hội đã thông qua Luật Lưu trữ sửa đổi. Đề nghị Bộ Nội vụ, Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước sớm nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung một số văn bản hướng dẫn về tiêu chuẩn kho Lưu trữ số, hướng dẫn việc quản lý, bảo quản, phục vụ khai thác đối với tài liệu điện tử phù hợp với tình hình thực tiễn.

(2) Ban hành các quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các hình thức công bố, giới thiệu, trưng bày, triển lãm tài liệu lưu trữ; Quy định cụ thể việc mang tài liệu lưu trữ ra khỏi Lưu trữ lịch sử để sử dụng trong nước; tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho các địa phương thực hiện các hình thức công bố, giới thiệu, trưng bày, triển lãm tài liệu lưu trữ./.

---

không thể diễn ra dứt điểm mà thường phải bổ sung, mặc dù cùng một khối tài liệu có năm hình thành giống nhau nhưng lại chỉnh lý ở thời điểm khác nhau, dẫn đến không đồng nhất thời hạn bảo quản trong cùng một khối tài liệu, thậm chí trong cùng một hồ sơ vì trong quá trình chỉnh lý có cả việc bổ sung hồ sơ.

### **30. Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, Bộ Nội vụ**

**Tham luận về “Kết quả bước đầu thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng và những vấn đề cơ bản trong việc gắn thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng với các phong trào thi đua, công tác khen thưởng trong 6 tháng cuối năm 2024”**

Thực hiện chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Nội vụ quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng; 6 tháng đầu năm 2024, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương đã tập trung hoàn thiện xây dựng thể chế về thi đua, khen thưởng và triển khai thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng, đạt một số kết quả cụ thể:

*Thứ nhất*, như các đồng chí đã biết, Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 có phạm vi đối tượng tác động rất rộng, tới toàn bộ hệ thống chính trị và tập thể, cá nhân ở trong và ngoài nước. Quá trình sửa đổi bổ sung Luật đã thể chế đầy đủ các chủ trương của Đảng; kế thừa những ưu điểm của luật hiện hành, đã đổi mới cơ bản và toàn diện để bảo đảm bao quát hết các lĩnh vực, đối tượng ở cả khu vực công và khu vực tư; đồng thời thực hiện phân cấp mạnh về thẩm quyền khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng cho các bộ, ngành, địa phương và cấp cơ sở. Đồng thời, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác thi đua, khen thưởng.

Để cụ thể hoá Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương đã tập trung tham mưu đề Bộ trưởng Bộ Nội vụ trình Chính phủ ban hành 02 Nghị định; phối hợp với Bộ, ngành trình Chính phủ ban hành 08 Nghị định; trình Bộ trưởng ban hành 02 Thông tư hướng dẫn biện pháp thi hành và 01 Quyết định công bố thủ tục hành chính, đảm bảo hoàn thành toàn bộ các văn bản qui phạm theo tiến độ qui định, tạo cơ sở pháp lý quan trọng và tạo sự thống nhất trong triển khai thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022;

*Thứ hai*, xác định công tác tổ chức thực hiện chỉ tốt khi công tác triển khai tốt, ngay sau khi Luật Thi đua, khen thưởng có hiệu lực, thực hiện chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương đã tổ chức Hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến toàn quốc quán triệt, triển khai Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành tại thành phố Hà Nội và kết nối tới 63 điểm cầu với sự tham gia của gần 1000 đại biểu là đại diện Lãnh đạo Sở Nội vụ, Lãnh đạo và công chức Ban (Phòng) Thi đua - Khen thưởng các bộ, ngành, địa phương, trong đó nhiều địa phương đã chủ động thực hiện kết nối đường truyền trực tuyến tới các đơn vị cấp huyện để tuyên truyền rộng rãi hơn tới đội ngũ làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp.

Tiếp đó, được sự cho phép của Bộ trưởng, tháng 5 năm 2024, Ban tiếp tục tổ chức Hội nghị toàn quốc tập huấn nghiệp vụ công tác thi đua, khen thưởng tại thành phố Đà Nẵng cho gần 300 đại biểu thuộc 140 đầu mối thi đua, khen thưởng

thuộc các bộ, ngành, địa phương đề trao đổi, làm rõ các vấn đề liên quan và tạo sự thống nhất trong triển khai thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng.

*Thứ ba*, với tinh thần trách nhiệm và cầu thị, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương đã tiếp nhận, nghiên cứu kỹ lưỡng các ý kiến do các bộ, ngành, địa phương gửi đến để hỏi, trao đổi về Luật, Nghị định, Thông tư; đặt ra các tình huống trong quá trình tiếp nhận, thẩm định, trình khen thưởng và tổng hợp thành bộ câu hỏi/trả lời (dạng cảm nang) để hỗ trợ đội ngũ làm công tác thi đua, khen thưởng có tài liệu tham khảo, đối chiếu. Cùng với đó, Ban cũng đã đăng tải rộng rãi các câu hỏi/đáp và các tình huống vướng mắc trên Công Thông tin điện tử và Đặc san Thi đua, khen thưởng của Ban. Ban cũng đã chuẩn bị đội ngũ báo cáo viên có kinh nghiệm và trình độ, sẵn sàng phối hợp, giúp đỡ các đơn vị có nhu cầu tập huấn, tuyên truyền Luật Thi đua, khen thưởng trong cả nước.

*Thứ tư*, trong tham mưu tổ chức các phong trào thi đua, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương đã nghiên cứu, tham mưu Bộ trưởng Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ phát động phong trào thi đua "Cả nước chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát trong năm 2025" tại tỉnh Hòa Bình và ban hành Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 19/6/2024 để triển khai phong trào. Như vậy đến nay đã có 6 phong trào thi đua trọng tâm do Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Trung ương phát động trong cả nước.

Có thể khẳng định, qua 6 tháng triển khai, thực hiện, đến nay Luật Thi đua, khen thưởng 2022 bước đầu đã tạo sự chuyển biến trong tổ chức thực hiện phong trào thi đua yêu nước và công tác khen thưởng trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chủ động hội nhập quốc tế; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng, đảm bảo thi đua, khen thưởng đi vào thực chất, là động lực phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của từng bộ, ban ngành, địa phương.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 còn có một số tồn tại, bất cập như sau:

Đối với khu vực địa phương, công tác xây dựng thể chế về thi đua, khen thưởng khá chậm, qua theo dõi đến nay còn 29 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chưa ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng, dẫn đến căn cứ và cơ sở pháp lý để triển khai thực hiện công tác thi đua, khen thưởng chưa có sự đồng bộ, thống nhất.

Công tác phát hiện, bồi dưỡng, nhân rộng điển hình tiên tiến ở nhiều nơi chưa được quan tâm đúng mức, nên khi có yêu cầu giới thiệu điển hình trên các lĩnh vực thường rất chậm và chưa đảm bảo yếu tố điển hình.

Một số quy định trong Luật thi đua, khen thưởng và văn bản hướng dẫn chưa rõ ràng, cụ thể, dẫn đến còn có cách hiểu khác nhau, nên cũng ảnh hưởng đến trong quá trình thực hiện.

Để công tác thi đua, khen thưởng được triển khai thực hiện hiệu quả, thống nhất, đặc biệt để Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 thực sự đi vào cuộc sống, trân trọng đề nghị các đồng chí quan tâm thực hiện tốt một số nội dung sau đây:

**Thứ nhất**, đề nghị Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khẩn trương tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn, tạo cơ sở pháp lý trong triển khai thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

**Thứ hai**, tiếp tục quan tâm đẩy mạnh việc tuyên truyền các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng; tăng cường tập huấn cho đội ngũ làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp để kịp thời nắm bắt và nắm thật chắc các qui định mới, góp phần nâng cao chất lượng trong tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả Luật thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

**Thứ ba**, kịp thời nghiên cứu, tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ban hành kế hoạch tổ chức các phong trào thi đua nhằm cụ thể hóa các phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ phát động.

**Thứ tư**, trân trọng đề nghị các địa phương là đơn vị cụm trưởng các cụm thi đua do Hội đồng TĐKT Trung ương tổ chức khẩn trương triển khai các nội dung tổ chức Hội nghị sơ kết cụm thi đua 6 tháng đầu năm, hoàn thành trong tháng 7/2024. Đồng thời nghiên cứu tham mưu xây dựng Kế hoạch Đại hội Thi đua yêu nước đảm bảo mục đích, yêu cầu, nội dung chương trình, thời gian tổ chức theo Kế hoạch số 01/KH-HĐTĐKT ngày 20/5/2024 của Hội đồng TĐKT Trung ương về tổ chức Đại hội Thi đua yêu nước các cấp, các ngành tiến tới Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ XI năm 2025.

**Thứ năm**, rất mong các đồng chí chia sẻ về việc thực hiện qui định pháp luật về thi đua, khen thưởng hiện nay. Với yêu cầu đảm bảo “đúng, đủ” đối với cơ quan thẩm định “hồ sơ phải đảm bảo đúng qui định và đủ thủ tục, điều kiện, tiêu chuẩn”, việc vận dụng hay linh hoạt trong công tác khen thưởng sẽ không còn. Vì vậy, ngay từ quá trình tiếp nhận hồ sơ ở các tỉnh, thành phố cũng cần rất lưu ý về thủ tục, thành phần hồ sơ của cấp dưới trình lên và cũng chỉ tiếp nhận khi đảm bảo đầy đủ thủ tục, hồ sơ theo quy định. Khi trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh, chỉ trình những trường hợp đủ tiêu chuẩn, điều kiện và phải có tổ chức họp Hội đồng, lấy phiếu đối với những trường hợp theo qui định. Xin phép nêu vấn đề này bởi qui định mới trong thẩm định, trình khen thưởng rất chặt chẽ.

Trân trọng cảm ơn, kính chúc sức khỏe Bộ trưởng và các đồng chí!

### **31. Vụ Chính quyền địa phương, Bộ Nội vụ**

**Tham luận về “Triển khai thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025”**

#### **I. TÌNH HÌNH VÀ TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

**1. Về xây dựng, ban hành hệ thống thể chế, chính sách, pháp luật của các cơ quan trung ương**

a) Để thực hiện chủ trương của Đảng về tiếp tục sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã được đề ra tại Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 Hội nghị Trung ương 6 khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, ngay sau khi Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 48-KL/TW về tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030, các cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương đã ban hành sớm, đồng bộ hệ thống thể chế, chính sách, pháp luật để triển khai thực hiện, cụ thể: Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2030. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết về Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025; các Bộ, cơ quan ngang Bộ theo phạm vi, thẩm quyền đã ban hành 30 văn bản hướng dẫn thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 -2025, bảo đảm đồng bộ, thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

b) Nhằm khắc phục kịp thời các vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện công tác sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019 - 2021<sup>102</sup>, Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của UBTVQH về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 đã quy định như sau:

- Quy định cụ thể các ĐVHC cấp huyện, cấp xã thuộc diện sắp xếp, bảo đảm mục tiêu đến năm 2030, hoàn thành sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã còn lại có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 100% quy định, không có ĐVHC có một trong hai tiêu chuẩn dưới 70% (trừ trường hợp đặc thù);

- ĐVHC đô thị hình thành sau sắp xếp phải đáp ứng các tiêu chuẩn về chất lượng đô thị (về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội, loại đô thị, trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị);

- Trong quá trình xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC thì UBND cấp tỉnh và các Bộ, cơ quan trung ương có đơn vị trực thuộc trên địa bàn đồng thời lập danh sách và dự kiến phương án sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công thuộc phạm vi

<sup>102</sup> (1) Số lượng ĐVHC chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định vẫn còn nhiều; (2) Việc sắp xếp và giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức dôi dư còn chưa kịp thời; (3) Chất lượng đô thị ở một số ĐVHC hình thành sau sắp xếp chưa được bảo đảm theo quy định; (4) Việc bố trí, sắp xếp các trụ sở cơ quan, đơn vị dôi dư và tài sản công tại một số địa phương thực hiện sắp xếp còn vướng mắc; (5) Việc thực hiện các chính sách đặc thù đối với các ĐVHC cấp huyện, cấp xã hình thành sau sắp xếp chưa được hướng dẫn cụ thể.

quản lý; trong thời hạn 03 năm kể từ ngày nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng ĐVHC có hiệu lực thi hành phải hoàn thành việc sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, đơn vị tại ĐVHC thực hiện sắp xếp;

- Quy định cụ thể về việc áp dụng chế độ, chính sách đặc thù đối với ĐVHC cấp huyện, cấp xã sau sắp xếp.

c) Để giải quyết tốt hơn số lượng cán bộ, công chức, viên chức dôi dư do sắp xếp ĐVHC, ngày 03/6/2023 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 29/2023/NĐ-CP quy định về tinh giản biên chế, trong đó có quy định cụ thể một số chính sách “vượt trội” áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã tại các ĐVHC thực hiện sắp xếp nhằm khuyến khích đối tượng này thực hiện tinh giản biên chế, giải quyết dôi dư do sắp xếp ĐVHC và Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 Quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, trong đó đã quy định tăng số lượng công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đối với các ĐVHC cấp xã có tiêu chuẩn diện tích tự nhiên và quy mô dân số cao hơn tiêu chuẩn quy định. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Công điện số 771/QĐ-TTg ngày 29/8/2023, trong đó giao Bộ Tài chính nghiên cứu, trình Chính phủ Nghị định thay thế 02 Nghị định (Nghị định số 167/2017/NĐ-CP và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP) và các văn bản pháp luật có liên quan để tạo thuận lợi cho việc xử lý tài sản, trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức ở các ĐVHC thực hiện sắp xếp.

## 2. Về tình hình, tiến độ triển khai thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025

### a) Tình hình và tiến độ thực hiện

Tổng hợp báo cáo từ các địa phương, có **53/63** tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025<sup>103</sup>, theo đó:

- **Cấp huyện:** Tổng số ĐVHC cấp huyện thực hiện sắp xếp là **49** đơn vị (bao gồm: **09** đơn vị thuộc diện phải sắp xếp, **18** đơn vị khuyến khích và **22** đơn vị liền kề), **sau sắp xếp dự kiến giảm 13 đơn vị**; số đơn vị thuộc diện phải sắp xếp nhưng địa phương đề nghị không thực hiện sắp xếp do có yếu tố đặc thù là **21** đơn vị; trong đó thực hiện sắp xếp **40** đơn vị cấp huyện (12 thành phố, 03 quận, 04 thị xã, 21 huyện) để hình thành **19** ĐVHC đô thị cấp huyện (12 thành phố, 03 quận, 04 thị xã).

- **Cấp xã:** Tổng số ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp là **1.247** đơn vị (bao gồm: **745** đơn vị thuộc diện phải sắp xếp, **111** đơn vị khuyến khích và **391** đơn vị liền kề), **sau sắp xếp dự kiến giảm 624 đơn vị**; số đơn vị thuộc diện phải sắp xếp

<sup>103</sup> Số liệu tiếp tục được cập nhật theo báo cáo của các địa phương.

nhưng địa phương đề nghị không thực hiện sắp xếp do có yếu tố đặc thù là **508** đơn vị; trong đó thực hiện sắp xếp **297** phường và **67** thị trấn để hình thành **261** ĐVHC đô thị cấp xã (198 phường và 63 thị trấn).

Đến đầu tháng 7/2024, đã có **28** tỉnh, thành phố gửi hồ sơ Đề án đến Bộ Nội vụ<sup>104</sup>. Trên cơ sở đó, Bộ Nội vụ đã tổ chức thẩm định **14** hồ sơ Đề án<sup>105</sup>, trình Chính phủ 05 hồ sơ Đề án (Nam Định, Sóc Trăng, Tuyên Quang, Cần Thơ, Ninh Thuận).

## II. ĐÁNH GIÁ CHUNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN

### 1. Ưu điểm, thuận lợi

a) Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan trung ương đã chủ động và kịp thời ban hành sớm các văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện. Theo đó, ngay sau khi Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 được ban hành ngày 12/7/2023, Chính phủ đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện (Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023); Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 04 công điện và các Bộ, cơ quan trung ương đã ban hành 14 văn bản hướng dẫn, bảo đảm đồng bộ, cụ thể, chi tiết, tạo thuận lợi cho việc triển khai thực hiện (trong đó có nội dung hướng dẫn đề khắc phục những vướng mắc, bất cập của việc thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019 - 2021, như: việc sắp xếp và giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức dôi dư; xử lý trụ sở dôi dư; về bảo đảm phù hợp, thống nhất với các quy hoạch; về chất lượng của ĐVHC đô thị sau sắp xếp; về chế độ, chính sách đặc thù đối với ĐVHC sau sắp xếp).

b) Các địa phương đã chủ động, tích cực quán triệt và triển khai nhiệm vụ sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn; đã xây dựng Kế hoạch, ban hành Chỉ thị của Tỉnh/Thành ủy, UBND tỉnh/thành phố về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của địa phương; thành lập Ban Chỉ đạo về sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã do đồng chí Bí thư tỉnh/thành ủy hoặc Chủ tịch UBND tỉnh/thành phố làm Trưởng ban. Nhiều địa phương như Nam Định, Hải Phòng, Nghệ An, Hưng Yên, Hải Dương,... đã thực hiện tốt, nghiêm túc, quyết liệt công tác sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn theo quy định của Đảng và pháp luật, phù hợp với thực tiễn ở địa phương. Bộ Nội vụ đã phối hợp với các cơ quan trung ương góp ý cụ thể Phương án tổng thể của từng địa phương, làm cơ sở để các địa phương xây dựng Đề án trình Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

c) Số lượng ĐVHC thực hiện sắp xếp trên tổng số ĐVHC thuộc diện sắp xếp đạt tỷ lệ **163,33%** đối với cấp huyện (**49/30**) và **99,52%** đối với cấp xã (**1.247/1.253**). Trong đó, một số địa phương ngoài việc sắp xếp các ĐVHC thuộc diện sắp xếp còn đề xuất sắp xếp số lượng lớn các ĐVHC thuộc diện khuyến khích, liền kề.

<sup>104</sup> Nam Định, Tuyên Quang, Sóc Trăng, Cần Thơ, Ninh Thuận, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Phú Yên, Hải Dương, Quảng Trị, Cà Mau, Yên Bái, Bình Định, Tiền Giang, Lào Cai, Thừa Thiên Huế, Quảng Ninh, Thái Bình, Hà Nội, Điện Biên, Bắc Giang, Nghệ An, Quảng Bình, Hưng Yên, Bến Tre, Quảng Ngãi, Đồng Nai, Khánh Hòa.

<sup>105</sup> Nam Định, Tuyên Quang, Sóc Trăng, Cần Thơ, Ninh Thuận, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Phú Yên, Hải Dương, Quảng Trị, Cà Mau, Yên Bái, Bình Định, Tiền Giang.

## **2. Khó khăn, vướng mắc**

a) Việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2023 - 2025 phải hoàn thành trước tháng 10/2024 để các địa phương kịp chuẩn bị tổ chức Đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV, trong đó cấp cơ sở thực hiện trong quý I/2025. Như vậy, thời gian thực tế để tiến hành toàn bộ các quy trình sắp xếp ĐVHC chỉ còn khoảng 03 tháng. Trong khi đó, do việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã là nội dung quan trọng, phức tạp, mức độ tác động, ảnh hưởng lớn, quy trình thực hiện được tiến hành chặt chẽ, qua nhiều giai đoạn nên các địa phương gặp nhiều khó khăn trong việc bảo đảm tiến độ thời gian theo yêu cầu.

b) Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 quy định ĐVHC đô thị dự kiến hình thành sau sắp xếp phải đáp ứng tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội, loại đô thị đối với thành phố, thị xã, thị trấn hoặc trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị đối với quận, phường, đồng thời phạm vi phân loại đô thị và phạm vi đánh giá trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị căn cứ vào một trong các quy hoạch là quy hoạch tỉnh, quy hoạch nông thôn, quy hoạch đô thị hoặc các quy hoạch khác có liên quan. Tuy nhiên, theo quy định của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 25/5/2016 về phân loại đô thị (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15) thì việc phân loại đô thị được thực hiện trên cơ sở quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và chương trình phát triển đô thị các cấp (khoản 2 Điều 2). Do vậy, khi tiến hành sắp xếp ĐVHC nông thôn vào đô thị, để được phân loại đô thị thì các địa phương phải tiến hành lập mới hoặc điều chỉnh tất cả các quy hoạch có liên quan (dù Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 chỉ yêu cầu phù hợp với một trong số các quy hoạch). Quy trình xây dựng, phê duyệt quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chi tiết, quy hoạch phân khu,... và thực hiện phân loại đô thị đối với các ĐVHC đô thị dự kiến hình thành sau sắp xếp thường kéo dài, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã có liên quan.

c) Do số lượng ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp nhiều và diễn ra đồng thời với việc thực hiện chỉ đạo của Đảng và quy định của pháp luật về tinh giản biên chế tạo ra áp lực lớn cho việc sắp xếp tổ chức bộ máy, giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức dôi dư, xử lý trụ sở, tài sản công dôi dư do sắp xếp.

## **III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

### **1. Các nhiệm vụ trọng tâm**

a) Vụ Chính quyền địa phương phải phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với đơn vị chuyên môn của Bộ Xây dựng và các cơ quan liên quan sớm hoàn thiện, trình Chính phủ để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, ban hành Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn một số nội dung về quy hoạch đô thị, đánh giá phân loại đô thị để phối hợp với Sở Nội vụ các tỉnh,

thành phố tham mưu giải quyết kịp thời các vướng mắc, khó khăn liên quan đến quy hoạch và phân loại đô thị, bảo đảm tiến độ thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn này hoàn thành trong tháng 9/2024.

b) Vụ Chính quyền địa phương kịp thời tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ và đề xuất phương án giải quyết các vấn đề vướng mắc, khó khăn phát sinh do sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của các địa phương; phối hợp chặt chẽ với các Bộ, cơ quan trung ương liên quan và các địa phương tổ chức thẩm định các hồ sơ Đề án, xây dựng hồ sơ Đề án trình Chính phủ thông qua và trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định bảo đảm tiến độ theo yêu cầu đề ra.

3. Đề nghị Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cần chú trọng làm tốt công tác tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền địa phương trong việc chỉ đạo hoàn thiện hồ sơ Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn sớm gửi Bộ Nội vụ để tổ chức thẩm định trình Chính phủ và Ủy ban Thường vụ Quốc hội; kịp thời phối hợp với các Sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã trong việc tham mưu, đề xuất giải quyết các vướng mắc, khó khăn trong quá trình xây dựng, hoàn thiện hồ sơ Đề án tại địa phương; xây dựng Kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của địa phương sau khi Nghị quyết được ban hành (tại Kế hoạch cần xác định rõ nội dung công việc, lộ trình cụ thể để tổ chức thực hiện).

4. Về xây dựng chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư của các cơ quan, tổ chức, đơn vị do sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025: Đề nghị Sở Nội vụ báo cáo UBND cấp tỉnh để trình HĐND cùng cấp ban hành văn bản quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư của các cơ quan, tổ chức, đơn vị do sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

5. Đề nghị các địa phương chủ động có kế hoạch cân đối, chuẩn bị ngân sách, nguồn lực từ sớm, huy động các nguồn lực xã hội để hỗ trợ, tạo điều kiện cho các ĐVHC thực hiện sắp xếp trên địa bàn sớm ổn định về tổ chức và hoạt động, đầu tư phát triển kinh tế, tạo lập môi trường và điều kiện sống tốt hơn cho Nhân dân. Trong quá trình thực hiện sắp xếp ĐVHC, cần tập trung làm tốt công tác vận động, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân ở địa phương.

## **2. Kiến nghị, đề xuất**

Vụ Chính quyền địa phương đề xuất báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về 02 nội dung trong dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn một số nội dung về quy hoạch đô thị, đánh giá phân loại đô thị để thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã (Bộ Xây dựng chủ trì), cụ thể là:

a) Trường hợp sắp xếp ĐVHC cấp xã để hình thành thị trấn là đô thị loại V

Đề nghị quy định theo hướng trường hợp sắp xếp ĐVHC cấp xã để hình thành thị trấn là đô thị loại V thì UBND cấp tỉnh chịu trách nhiệm đánh giá việc

đạt tiêu chuẩn phân loại đô thị tại Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của tỉnh và cho phép địa phương hoàn thành tiêu chuẩn về loại đô thị chậm nhất ngày 31/12/2025 mà không yêu cầu các địa phương phải phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị đối với thị trấn trước thời điểm sắp xếp.

b) Trường hợp sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã làm mở rộng địa giới đơn vị hành chính thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (thị xã, thành phố) hoặc làm mở rộng khu vực nội thị, nội thành của thị xã, thành phố, đề nghị quy định theo hướng UBND cấp tỉnh có Báo cáo sơ bộ đánh giá các tiêu chí phân loại đô thị đối với thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương dự kiến hình thành sau sắp xếp (không yêu cầu phải có đầy đủ nội dung như Đề án phân loại đô thị theo quy định của Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15) và Báo cáo sơ bộ đánh giá trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị đối với khu vực dự kiến thành lập phường sau sắp xếp (không yêu cầu phải có đầy đủ nội dung như Báo cáo đánh giá trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định của Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15) kèm theo Đề án sắp xếp; Bộ Xây dựng có ý kiến đối với các Báo cáo nêu trên trong quá trình thẩm định hồ sơ Đề án sắp xếp ĐVHC của địa phương; đồng thời cho phép địa phương hoàn thành việc phân loại đô thị đối với thị xã, thành phố và đánh giá tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị đối với phường chậm nhất ngày 31/12/2025./.

### **31. Vụ Tiền lương, Bộ Nội vụ**

**Tham luận về “Triển khai Nghị quyết số 27-NQ/TW về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang từ ngày 01/7/2024”**

Thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp; Kết luận số 64-KL/TW của Hội nghị Trung ương 8 khóa XIII về kinh tế - xã hội năm 2023-2024 và Nghị quyết số 104/2023/QH15 của Quốc hội khóa XV của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng Báo cáo của Chính phủ trình Bộ Chính trị và Báo cáo Quốc hội về thực hiện 06 nội dung cải cách tiền lương từ ngày 01/7/2024. Trong quá trình triển khai, xây dựng 06 nội dung cụ thể về cải cách tiền lương khu vực công theo đúng Nghị quyết số 27-NQ/TW, nhất là việc xây dựng các bảng lương mới (*Bảng lương chức vụ; Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức và 03 bảng lương đối với lực lượng vũ trang*), cùng các chế độ phụ cấp có phát sinh nhiều vấn đề vướng mắc, bất cập. Theo đó, Bộ Chính trị đã có Kết luận số 83-KL/TW ngày 21/6/2024 và Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 (Nghị quyết Kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XV), như sau:

#### **I. CÁC NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 27-NQ/TW**

**1. Thực hiện 4/6 nội dung cải cách tiền lương khu vực công của Nghị quyết số 27-NQ/TW đã rõ, đủ điều kiện thực hiện, gồm:**

- Thứ nhất, hoàn thiện chế độ nâng lương.
- Thứ hai, bổ sung chế độ tiền thưởng từ ngày 01/7/2024 bằng 10% quỹ lương cơ bản gắn với đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành công việc, tạo được động lực làm việc, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác.
- Thứ ba, quy định và hướng dẫn rõ 5 nguồn kinh phí thực hiện chế độ tiền lương, gồm: (1) Từ nguồn tăng thu và nguồn dư của địa phương đã bố trí cho cải cách tiền lương các năm trước chuyển sang; (2) Từ nguồn ngân sách Trung ương; (3) Từ một phần nguồn thu sự nghiệp; (4) Từ 10% tiết kiệm tăng thêm chi thường xuyên; (5) Từ nguồn do thực hiện tinh giản biên chế.
- Thứ tư, hoàn thiện cơ chế quản lý tiền lương và thu nhập: Quy định và hướng dẫn rõ 04 nội dung, gồm: (1) Thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức để trả lương, thưởng theo kết quả thực thi nhiệm vụ; (2) Thẩm quyền của người đứng đầu được sử dụng quỹ tiền lương và kinh phí chi thường xuyên để thuê chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và được

quyết định mức chi trả thu nhập gắn với nhiệm vụ được giao; (3) Mở rộng thí điểm tiền lương tăng thêm đối với một số địa phương đã tự cân đối được ngân sách; (4) Cơ chế quản lý tiền lương và thu nhập phù hợp với nguồn kinh phí NSNN cấp và nguồn thu của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Đối với 2/6 nội dung cải cách tiền lương khu vực công, gồm: (1) Các bảng lương mới (*bỏ mức lương cơ sở và hệ số lương*); (2) Cơ cấu lại và sắp xếp thành 09 chế độ phụ cấp mới: Do phát sinh nhiều bất cập, cần phải tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện từng bước, thận trọng; đồng thời phải xem xét sửa đổi hoặc bãi bỏ việc quy định hiện hành liên quan đến mức lương cơ sở. Theo đó, Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ đề xuất trong thời gian *chưa đủ điều kiện bãi bỏ mức lương cơ sở và hệ số lương* cho thực hiện giải pháp tăng lương khu vực công từ ngày 01/7/2024 với 03 nội dung sau:

- Thứ nhất, thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở từ ngày 01/7/2024 (*chưa bãi bỏ mức lương cơ sở và hệ số lương hiện nay*): Từ **1,8** triệu đồng hiện nay lên **2,34** triệu đồng/tháng (*tăng 30%*); đồng thời, các đối tượng hưởng chính sách, chế độ gắn với mức lương cơ sở cũng được tăng tương ứng mức 30%.

- Thứ hai, trong thời gian chưa đủ điều kiện thực hiện 09 loại phụ cấp mới, tiếp tục thực hiện các loại phụ cấp hiện hưởng; đồng thời nghiên cứu sửa đổi, bổ sung chế độ phụ cấp và một số chế độ đặc thù của lực lượng vũ trang và của cán bộ, công chức, viên chức một số chuyên ngành (*đặc biệt là phụ cấp theo nghề*) mà trong quá trình thực hiện phát sinh bất hợp lý.

- Thứ ba, thực hiện bảo lưu tiền lương và thu nhập đối với các cơ quan, đơn vị hiện đang được áp dụng cơ chế tài chính và thu nhập đặc thù

## **II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM ĐỂ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 83-KL/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 142/2024/QH15 CỦA QUỐC HỘI KHÓA XV**

### **1. Bộ Nội vụ**

a) Trình Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái về việc ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phân công nhiệm vụ triển khai thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị và Nghị quyết của Quốc hội về cải cách tiền lương; điều chỉnh lương hưu, trợ cấp BHXH, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội để các Bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện.

b) Trình Chính phủ ban hành Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, gồm các nội dung sau:

*Một là*, điều chỉnh mức lương cơ sở từ 1.800.000 đồng/tháng lên 2.340.000 đồng/tháng từ ngày 01/7/2024 (*tăng thêm 30%*);

*Hai là, thực hiện tiền lương và thu nhập đối với các cơ quan, đơn vị đang được áp dụng các cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù ở Trung ương;*

*Ba là, thực hiện chế độ tiền thưởng trên cơ sở thành tích công tác đột xuất và kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của các đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước; giao trách nhiệm cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị xây dựng Quy chế cụ thể để thực hiện chế độ tiền thưởng áp dụng đối với các đối tượng trong danh sách trả lương của cơ quan, đơn vị (trong Nghị định có quy định các nội dung cơ bản của chế độ tiền thưởng của các cơ quan, đơn vị). Quỹ tiền thưởng hằng năm quy định tại Nghị định này là theo quy định tại Nghị quyết số 27-NQ/TW, nằm ngoài quỹ khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, được xác định bằng 10% tổng quỹ tiền lương (không bao gồm phụ cấp) theo chức vụ, chức danh, ngạch, bậc và cấp bậc quân hàm của các đối tượng thuộc danh sách trả lương của cơ quan, đơn vị. Đến hết ngày 31 tháng 01 của năm sau liền kề, nếu cơ quan, đơn vị không sử dụng hết quỹ tiền thưởng của năm thì không được chuyển nguồn vào quỹ tiền thưởng của năm sau.*

(3) Bộ trưởng Bộ Nội vụ cũng đã khẩn trương ban hành 02 Thông tư, gồm: (1) Thông tư hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội và (2) Thông tư hướng dẫn thực hiện điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã, phường, thị trấn già yếu đã nghỉ việc. Đồng thời, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan có liên quan để trình Chính phủ ban hành các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội.

(4) Tiếp tục hoàn thiện chế độ nâng bậc lương và thẩm quyền trách nhiệm của người đứng đầu trong việc đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang để trả lương, thưởng theo kết quả thực thi nhiệm vụ.

(5) Phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương sơ kết việc thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, nghiên cứu đánh giá sự phù hợp, tính khả thi và đề xuất việc thực hiện 05 bảng lương và 09 chế độ phụ cấp mới của khu vực công cho phù hợp để trình Trung ương xem xét sau năm 2026 theo yêu cầu tại Kết luận số 83-KL/TW.

## **2. Các Bộ, ngành Trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

(1) Thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách tiền lương theo Kết luận số 83-KL/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 (Nghị quyết Kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XV).

(2) Triển khai các chủ trương của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật về cải cách tiền lương đảm bảo theo đúng quy định của Chính phủ.

(3) Tiếp tục thực hiện việc sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII/.

## GIẢI ĐÁP CÁC KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG

### I. LĨNH VỰC TỔ CHỨC - BIÊN CHẾ

**1.1.** Đề nghị nghiên cứu cơ chế đối với các địa phương tự chủ cân đối ngân sách được chủ động quyết định biên chế trong các cơ quan hành chính nhà nước và số lượng người làm việc tại các ĐVSNCL của địa phương (*Hải Dương*).

#### ***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Theo Điều 2 Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị thì Bộ Chính trị lãnh đạo, chỉ đạo quản lý biên chế trong hệ thống chính trị; tổng biên chế của hệ thống chính trị được quyết định theo nhiệm kỳ 5 năm và khi cần thiết. Theo đó, Bộ Chính trị đã ban hành Quyết định số 72-QĐ/TW phê duyệt biên chế giai đoạn 2022-2026 của từng địa phương và giao Ban Tổ chức Trung ương quyết định giao biên chế hằng năm cho từng địa phương trên cơ sở số biên chế Bộ Chính trị đã phê duyệt. Do đó, đề nghị các địa phương thực hiện quản lý, sử dụng đúng số biên chế đã được Bộ Chính trị phê duyệt và Ban Tổ chức Trung ương giao nêu trên.

**1.2.** Đề nghị sớm ban hành đầy đủ danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP; hướng dẫn về cơ chế hoạt động, tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể của người đứng đầu các chức danh nhất thể hóa (*Quảng Ngãi, Lạng Sơn, Đắk Nông, Lai Châu*).

#### ***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Thực hiện Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể ĐVSNCL, thời gian qua, các bộ quản lý ngành, lĩnh vực đã triển khai xây dựng danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu, danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Tính đến ngày 30/4/2024, đã có 05 bộ trình Thủ tướng ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu theo ngành, lĩnh vực (*bao gồm: Bộ Tư pháp, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nội vụ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*). Trong thời gian tới, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục đôn đốc các bộ, ngành hoàn thiện danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu sử dụng ngân sách nhà nước làm cơ sở để các địa phương triển khai thực hiện.

**1.3.** Đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, thống nhất chuyển số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước thành biên chế công chức tại một số tổ chức hành chính (như Chi cục Kiểm lâm, Trạm kiểm dịch động vật thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), xem xét, bổ sung biên chế công chức thực hiện nhiệm vụ thú y hoặc cho phép việc chuyển biên chế từ biên chế viên chức được giao giai đoạn 2022-2026 thành biên chế công chức thực hiện nhiệm vụ thú y; bổ sung biên chế công chức cho 03 tổ chức hành chính (Thanh tra Giao thông vận tải; 02 tổ chức trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là Chi cục Chăn nuôi và Thú y và Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) (*Quảng Ngãi, Hà Tĩnh, Lạng Sơn*).

### ***Ý kiến Bộ Nội vụ:***

Để việc quản lý biên chế giai đoạn 2022-2026 thực hiện đúng quy định của pháp luật, Ban Cán sự đảng Chính phủ tiếp tục đề xuất việc điều chuyển biên chế viên chức làm việc tại các tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước thành biên chế công chức của bộ, ngành, địa phương tại Tờ trình số 2439-TTr/BCSĐCP ngày 17/11/2023 về việc điều chuyển, giao, bổ sung biên chế công chức ở một số cơ quan, tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước của bộ, ngành, địa phương; Công văn số 625-CV/BCSĐCP ngày 21/02/2022 về việc báo cáo số liệu biên chế giai đoạn 2016-2021, đề xuất biên chế giai đoạn 2022-2026; đồng thời, Bộ Nội vụ đã báo cáo tại Báo cáo số 04/BC-BNV ngày 02/01/2022 về kết quả thực hiện quản lý biên chế giai đoạn 2016-2021 và đề xuất biên chế giai đoạn 2022-2026 của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc khối Chính phủ quản lý.

Ngày 24/4/2024, Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế đã họp thống nhất việc điều chuyển biên chế theo hướng giao Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, các bộ, ngành, địa phương rà soát số biên chế viên chức được giao đảm nhiệm vị trí việc làm công chức tại thời điểm 31/5/2024 trong các cơ quan, tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước để đề xuất điều chuyển thành biên chế công chức; báo cáo Bộ Chính trị xem xét, quyết định. Sau khi Bộ Chính trị cho ý kiến sẽ làm cơ sở để các cơ quan triển khai thực hiện.

**1.4.** Đề nghị Bộ Nội vụ phối hợp Ban Tổ chức Trung ương tham mưu Bộ Chính trị, Chính phủ sửa đổi các văn bản có liên quan về quản lý biên chế, xây dựng vị trí việc làm, bảo đảm đồng bộ, thống nhất (*Quảng Bình, Hà Nam, Lào Cai, Lạng Sơn, Hà Tĩnh, Bạc Liêu*).

### ***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Triển khai nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1046/QĐ-TTg, thời điểm đầu năm 2023, Bộ Nội vụ đã xây dựng và trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 về VTVL và biên chế công chức, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 về VTVL và số người làm việc trong ĐVSNCL. Tuy nhiên, tại Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 10/7/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW<sup>106</sup>, Chính phủ đã chỉ đạo việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP theo lộ trình sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Chính phủ; Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức.

Hiện nay, Bộ Nội vụ đang chủ trì, phối hợp với bộ, ngành, địa phương đánh giá, tổng kết để đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Chính phủ; Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức, đồng thời làm

<sup>106</sup> Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

cơ sở để sửa đổi, bổ sung Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP theo quy định.

**1.5.** Đề nghị nghiên cứu, sửa đổi nội dung quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và điểm a khoản 2 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP để bảo đảm sự thống nhất, tránh chồng chéo về thẩm quyền quy định cơ cấu tổ chức của ĐVSNCL thuộc sở, ban, ngành.

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 24 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể ĐVSNCL, việc quy định Chủ tịch UBND cấp tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ĐVSNCL thuộc sở theo quy định của pháp luật nhằm bảo đảm thống nhất với quy định của luật chuyên ngành. Trường hợp luật chuyên ngành không quy định thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh thì đề nghị thực hiện theo quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP<sup>107</sup> (UBND cấp tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ĐVSNCL thuộc sở).

**1.6.** Đề nghị Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các bộ quản lý ngành quan tâm, hướng dẫn về VTVL, đặc biệt là VTVL tại các cơ quan, đơn vị hiện chưa có hướng dẫn cụ thể của các bộ quản lý ngành; hướng dẫn định mức biên chế công chức đối với lĩnh vực công nghệ thông tin, chuyển đổi số làm cơ sở để địa phương bố trí công chức thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu. Rà soát, xây dựng lại định mức người làm việc đối với một số ngành nghề như giáo dục và đào tạo, kiểm lâm, lĩnh vực giao thông,... cho phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay (*Thái Nguyên, Lào Cai, Lâm Đồng, Cần Thơ*)

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Tiếp thu ý kiến của địa phương, Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục phối hợp với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực rà soát các Thông tư hướng dẫn về VTVL, trong trường hợp cần thiết sẽ sửa đổi, bổ sung cho phù hợp để làm cơ sở cho các bộ, ngành, địa phương thực hiện.

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP và các Nghị quyết của Chính phủ, các bộ quản lý ngành, lĩnh vực đang hoàn thiện và ban hành thông tư hướng dẫn về định mức biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; định mức số lượng người làm việc trong các ĐVSNCL thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý. Sau khi các thông tư được ban hành sẽ làm cơ sở để các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện.

---

<sup>107</sup> Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**1.7.** Đề nghị Bộ Nội vụ báo cáo Thủ tướng Chính phủ tổng kết mô hình và có chỉ đạo việc thí điểm Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị tại thành phố Hà Nội để địa phương có căn cứ thành lập (*Vĩnh Phúc*)

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Thực hiện Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 26/2018/QĐ-TTg ngày 22/6/2018 thí điểm Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị trực thuộc UBND quận, huyện, thị xã tại thành phố Hà Nội. Mô hình tổ chức thí điểm nêu trên đã được thành phố Hà Nội đánh giá, tổng kết và đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép kéo dài thời gian thí điểm tại Quyết định số 35/2020/QĐ-TTg ngày 09/12/2020 và Quyết định số 21/2023/QĐ-TTg ngày 10/8/2023. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, hiện nay, Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về trật tự xây dựng nên việc đề xuất kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước đối với lĩnh vực này sẽ do Bộ Xây dựng chủ trì thực hiện gắn với việc tổng kết, đánh giá và đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật có liên quan.

**1.8.** Đề nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành các Nghị định để thực hiện phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước theo Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (*Hà Nam*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2019 đã quy định: “Việc phân quyền cho các cấp chính quyền địa phương phải được quy định trong luật” (khoản 1 Điều 12) và “việc phân cấp phải được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước phân cấp” (khoản 2 Điều 13); Nghị quyết số 04/NQ-CP của Chính phủ đã quy định rõ quan điểm, mục tiêu và nhiệm vụ giải pháp chủ yếu nhằm đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước, trong đó Chính phủ đã giao các bộ, cơ quan ngang bộ đến năm 2026 phải xây dựng, trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành mới hoặc ban hành theo thẩm quyền 30 luật; một số nghị quyết của Quốc hội, UBTWQH; 23 nghị định; một số quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 09 thông tư. Theo đó, từ khi ban hành Nghị quyết số 04/NQ-CP đến nay, các bộ, cơ quan ngang bộ đã trình Quốc hội sửa đổi 15 luật; 09 nghị quyết của Quốc hội; đã trình Chính phủ sửa đổi 27 nghị định; đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành 19 Quyết định và đã sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới 10 thông tư để thực hiện phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước.

**1.9.** Đề nghị có hướng dẫn về Danh mục VTVL, Bản mô tả công việc và Khung năng lực từng VTVL đối với lãnh đạo UBND, HĐND và lãnh đạo các ban thuộc HĐND cấp tỉnh, cấp huyện; sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các Thông tư hướng dẫn về VTVL cho phù hợp, khả thi để làm cơ sở cho các địa phương triển khai thực hiện (*Hà Nam, Lạng Sơn, Đồng Tháp, Hà Nội*).

### ***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Các VTVL lãnh đạo, quản lý ở địa phương<sup>108</sup> đã được xác định rõ theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Theo đó, khi xây dựng VTVL, đề nghị địa phương tổng hợp các vị trí này vào trong Đề án VTVL của Văn phòng UBND cấp tỉnh (đối với các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp tỉnh); Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND cấp tỉnh (đối với các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND cấp tỉnh, Trưởng ban, Phó Trưởng ban thuộc HĐND cấp tỉnh); Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện (đối với các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND cấp huyện; Trưởng ban, Phó Trưởng ban thuộc HĐND cấp huyện). Nội dung Bản mô tả công việc của các VTVL lãnh đạo, quản lý nêu trên, đề nghị thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị về khung tiêu chuẩn, chức danh<sup>109</sup>. Về thẩm quyền phê duyệt VTVL trong các cơ quan, tổ chức hành chính, ĐVSNCCL và Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND cấp tỉnh do UBND tỉnh phê duyệt (nội dung này đã được hướng dẫn tại Văn bản số 7583/BNV-TCBC ngày 23/12/2023 của Bộ Nội vụ).

Về sửa đổi, bổ sung Thông tư hướng dẫn về VTVL của các bộ, ngành: Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang tại Văn bản số 465/VPCP-TCCV ngày 19/01/2024 về áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với các Thông tư hướng dẫn về VTVL, các bộ, cơ quan ngang bộ đang rà soát các Thông tư hướng dẫn về VTVL, trong trường hợp có vướng mắc, khó khăn cần sửa đổi, bổ sung các Thông tư thì sẽ xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn<sup>110</sup>. Đồng thời, Bộ Nội vụ đang sửa đổi, bổ sung Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về VTVL công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong ĐVSNCCL, trong đó sửa đổi, bổ sung bản mô tả công việc và khung năng lực của một số VTVL, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn của địa phương.

**1.10.** Đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, tạo điều kiện bổ sung biên chế công chức, người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước cho tỉnh Hà Nam để đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương (tỉnh Hà Nam là tỉnh được giao biên chế công chức thấp nhất cả nước, số lượng người làm việc được giao thấp chưa thể đáp ứng được nhu cầu, định mức quy định, trong khi tỉnh vẫn phải thực hiện lộ trình tinh giản giai đoạn 2022-2026 theo quy định) (*Hà Nam*).

<sup>108</sup> Gồm: (1) Chủ tịch UBND cấp tỉnh, (2) Phó Chủ tịch UBND cấp tỉnh, (3) Chủ tịch UBND cấp huyện, (4) Phó Chủ tịch UBND cấp huyện, (5) Chủ tịch HĐND cấp tỉnh, (6) Phó Chủ tịch HĐND cấp tỉnh, (7) Trưởng ban thuộc HĐND cấp tỉnh, (8) Phó Trưởng ban thuộc HĐND cấp tỉnh, (9) Chủ tịch HĐND cấp huyện, (10) Phó Chủ tịch HĐND cấp huyện, (11) Trưởng ban thuộc HĐND cấp huyện, (12) Phó Trưởng ban thuộc HĐND cấp huyện.

<sup>109</sup> Quy định số 214-QĐ/TW ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị về khung tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; Quy định số 89-QĐ/TW ngày 04/8/2017 của Bộ Chính trị về khung tiêu chuẩn chức danh, định hướng khung tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

<sup>110</sup> Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư hướng dẫn về VTVL.

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Tinh giản biên chế gắn với sắp xếp lại tổ chức bộ máy, cơ cấu lại và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, yêu cầu tất cả các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị phải thực hiện, bảo đảm giai đoạn 2022-2026 giảm ít nhất 5% biên chế công chức và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021 (không bao gồm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp) theo Kết luận số 28-KL/TW và Kết luận số 40-KL/TW của Bộ Chính trị.

Tại Quy định số 70-QĐ/TW và Quyết định số 72-QĐ/TW, Bộ Chính trị đã giao Ban Tổ chức Trung ương trực tiếp quản lý biên chế các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương (bao gồm cả biên chế của chính quyền địa phương); Ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy, đảng đoàn, ban cán sự đảng trực thuộc Trung ương trực tiếp quản lý biên chế được giao, lãnh đạo, chỉ đạo triển khai giao biên chế cho các cơ quan, địa phương, đơn vị bảo đảm chặt chẽ, hiệu quả, đúng quy định. Do đó, trường hợp cần thiết bổ sung biên chế do thành lập tổ chức mới, được cơ quan có thẩm quyền giao thêm nhiệm vụ mới, đề nghị UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy để có ý kiến đối với Ban Tổ chức Trung ương về việc bổ sung biên chế công chức theo quy định.

Ngoài ra, để thực hiện được mục tiêu tinh giản biên chế của Đảng nêu trên, đồng thời bảo đảm đủ số lượng người làm việc đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ, địa phương cần đẩy mạnh tự chủ ĐVSNCL, theo đó giảm số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước, tăng số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp để cân đối biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước cho các ĐVSNCL do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, bảo đảm đáp ứng yêu cầu công việc và không vượt quá tổng số biên chế được giao. Đối với các ĐVSNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, trường hợp số biên chế được giao (bao gồm số hưởng lương từ ngân sách nhà nước và hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp) chưa đủ theo định mức quy định thì căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và ĐVSNCL, UBND cấp tỉnh xác định số biên chế còn thiếu so với định mức quy định, trình HĐND cùng cấp quyết định số lượng người ký kết hợp đồng lao động không quá 70% số biên chế còn thiếu nêu trên.

**1.11.** Đề nghị sửa đổi, bổ sung Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 về tinh giản biên chế, trong đó bổ sung đối tượng hưởng chính sách tinh giản biên chế đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố dôi dư do sắp xếp thôn, tổ dân phố hằng năm (không chỉ đối tượng dôi dư do sắp xếp thôn, tổ dân phố khi thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã (*Lạng Sơn*)).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Theo quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố thì người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân

phổ được hưởng phụ cấp hằng tháng và ngân sách trung ương khoán quỹ phụ cấp để chi trả hằng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố (không bao gồm hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế). Theo đó, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố không thuộc đối tượng tinh giản biên chế theo quy định của Nghị định về tinh giản biên chế. Tuy nhiên, trên cơ sở cân đối ngân sách của địa phương, UBND tỉnh có thể trình HĐND cùng cấp ban hành chính sách hỗ trợ đối với nhóm đối tượng này để khuyến khích lao động dôi dư nghỉ việc ngay, mục tiêu đẩy mạnh thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC theo quy định của Đảng và Nhà nước.

Để triển khai có hiệu quả việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2022-2030, Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 ngày 12/9/2022 của UBTVQH về tiếp tục thực hiện chủ trương, sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã đã chỉ đạo: Nghiên cứu, ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật khác có liên quan đến việc sắp xếp ĐVHC để tạo thuận lợi cho các địa phương kiện toàn tổ chức bộ máy, sắp xếp, bố trí công tác cán bộ; *có chính sách ưu đãi, khuyến khích phù hợp theo hướng khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức dôi dư nghỉ việc ngay*. Do đó, Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 quy định về tinh giản biên chế đã bổ sung đối tượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp ĐVHC cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố dôi dư do sắp xếp thôn, tổ dân phố khi sắp xếp ĐVHC cấp xã nghỉ trong thời gian 12 tháng kể từ khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền để khuyến khích việc thực hiện tinh giản biên chế tại các địa phương khi sắp xếp ĐVHC theo quy định.

**1.12.** Trình Chính phủ điều chỉnh Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP theo hướng giao UBND tỉnh quyết định số lượng biên chế khối chính quyền địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện) theo số lượng biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao, không phải trình HĐND tỉnh quyết định hoặc phê duyệt. Giao UBND cấp tỉnh quyết định số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với các ĐVSNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên mà không cần phải xin ý kiến Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Nội vụ (*Đồng Tháp*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2019) thì HĐND cấp tỉnh có thẩm quyền quyết định biên chế công chức trong cơ quan của HĐND, UBND, ĐVSNCL của UBND các cấp trên địa bàn tỉnh theo chỉ tiêu biên chế được Chính phủ giao; phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong ĐVSNCL thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định của Chính phủ. Mặt khác, theo quy định tại Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) thì HĐND cấp tỉnh có thẩm quyền quyết định dự toán thu, chi ngân sách địa phương (trong đó có chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên của từng cấp), quyết định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho từng cấp ngân sách ở địa phương... Do đó, việc HĐND cấp tỉnh

quyết định hoặc phê duyệt tổng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính, số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các ĐVSNCL của địa phương là cần thiết.

Theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 9; khoản 6 Điều 14 và khoản 2 Điều 19 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP thì UBND cấp tỉnh quyết định giao số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với ĐVSNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý; trong thời gian các bộ quản lý ngành, lĩnh vực chưa ban hành văn bản hướng dẫn về định mức số lượng người làm việc đối với ĐVSNCL thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý thì bộ, ngành, địa phương gửi Bộ Nội vụ thẩm định số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với các ĐVSNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc ngành, lĩnh vực nêu trên. Tính đến thời điểm 31/5/2024, Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành thông tư hướng dẫn xác định số lượng người làm việc trong các cơ sở y tế, cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập; các bộ quản lý ngành khác đang tiếp tục hoàn thiện và ban hành Thông tư hướng dẫn về định mức số lượng người làm việc đối với ĐVSNCL thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý theo thời gian được giao tại Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 02/4/2024 của Chính phủ<sup>111</sup> làm cơ sở để các địa phương (trong đó có tỉnh Đồng Tháp) triển khai thực hiện.

**1.13.** Sớm ban hành các chính sách đẩy mạnh việc tự chủ và xã hội hóa đối với các ĐVSNCL, thay vì phải thực hiện giảm 10% số lượng ĐVSNCL, đặc biệt đối với các ĐVSNCL trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo (*Lâm Đồng*).

#### ***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Đổi mới căn bản, toàn diện và đồng bộ hệ thống các ĐVSNCL, bảo đảm tinh gọn, giảm mạnh đầu mối, khắc phục tình trạng manh mún, dàn trải và trùng lặp, có cơ cấu hợp lý, có năng lực tự chủ, quản trị tiên tiến, hoạt động hiệu lực, hiệu quả là chủ trương lớn của Đảng, Quốc hội và Chính phủ, yêu cầu tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị phải thực hiện. Thực hiện chủ trương nêu trên, bên cạnh mục tiêu giảm số lượng các ĐVSNCL của từng giai đoạn theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW, Chính phủ đã ban hành các quy định về tự chủ của ĐVSNCL và các chính sách xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công<sup>112</sup>.

Để tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách về đẩy mạnh tự chủ tài chính và xã hội hóa, khuyến khích đầu tư của xã hội tham gia thành lập các cơ sở cung

<sup>111</sup> Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 02/4/2024 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các ĐVSNCL.

<sup>112</sup> Nghị định số 60/2021/NĐ-CP (quy định tự chủ về tài chính), Nghị định số 120/2020/NĐ-CP (quy định tự chủ về tổ chức bộ máy) và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP (quy định tự chủ về VTVL, số lượng người làm việc); Nghị định số 69/2008/NĐ-CP quy định về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và Nghị định số 59/2014/NĐCP (sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP) quy định các chính sách ưu đãi về giao đất, cho thuê đất, về chính sách thuế, về tín dụng đối với các cơ sở XHH và điều kiện được hưởng các chính sách khuyến khích xã hội hóa.

cấp các dịch vụ sự nghiệp công, tại Nghị quyết số 38/NQ-CP<sup>113</sup>, Chính phủ đã giao nhiệm vụ cho các bộ: (1) Bộ Tài chính xây dựng, trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 60/2021/NĐ-CP làm cơ sở để các ĐVSNCL xây dựng Đề án tự chủ, báo cáo bộ, ngành, địa phương phê duyệt; xây dựng Nghị quyết của Chính phủ về đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công; (2) Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo hướng phù hợp với đặc thù của hoạt động khoa học và công nghệ.

**1.14.** Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo sớm có văn bản hướng dẫn việc quy định số lượng cấp Phó trong cơ sở giáo dục phổ thông công lập để địa phương triển khai thực hiện (*Đắk Nông*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Hiện nay, Bộ Nội vụ đang trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung quy định về số lượng cấp phó trong cơ quan, tổ chức hành chính, ĐVSNCL tại một số Nghị định; trong đó, số lượng cấp phó trong ĐVSNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và ĐVSNCL do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên của địa phương được sửa đổi, bổ sung theo hướng: Đơn vị quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1, khoản 3, điểm b, c, d khoản 4 và khoản 5 Điều 2 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP được bố trí không quá 02 cấp phó. Đối với bệnh viện hạng I trở lên; đơn vị sự nghiệp y tế làm nhiệm vụ kiểm soát và phòng chống bệnh tật tuyến tỉnh hạng I trở lên; trường phổ thông có nhiều cấp học có quy mô từ 40 lớp trở lên thì được bố trí không quá 03 cấp phó. Sau khi Nghị định trên được ban hành sẽ làm cơ sở để các địa phương triển khai thực hiện việc bố trí số lượng cấp phó trong cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

**1.15.** Kiến nghị Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 120/2020/NĐ-CP theo hướng phân quyền cho UBND cấp tỉnh quyết định việc thành lập, giải thể, tổ chức lại, đổi tên các ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh (*Đồng Tháp*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 24 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể ĐVSNCL, việc quy định Chủ tịch UBND cấp tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ĐVSNCL thuộc sở theo quy định của pháp luật nhằm bảo đảm thống nhất với quy định của luật chuyên ngành. Trường hợp luật chuyên ngành không quy định thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh thì đề nghị thực hiện theo quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP<sup>114</sup> (UBND cấp tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ĐVSNCL thuộc sở).

<sup>113</sup> Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 02/4/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị về việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các ĐVSNCL.

<sup>114</sup> Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Đối với kiến nghị đẩy mạnh phân cấp cho UBND cấp tỉnh quyết định thành lập, tổ chức lại ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh: Bộ Nội vụ xin ghi nhận ý kiến để nghiên cứu trong quá trình rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến tổ chức và hoạt động của các ĐVSNCL, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

**1.16.** Kiến nghị Chính phủ: Trình cấp có thẩm quyền quy định rõ biên chế đối với chức danh Phó Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách tỉnh, thành phố thuộc biên chế của UBND cho tương đồng về thẩm quyền cơ quan quản lý và thực hiện chính sách (*Đồng Tháp*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Theo quy định tại Điều 43 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) thì Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội do Đoàn đại biểu Quốc hội bầu trong số các đại biểu Quốc hội của Đoàn và được UBND phê chuẩn; cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo phân cấp chịu trách nhiệm quản lý công tác cán bộ đối với đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại địa phương mình theo quy định của UBND. Tại Điều 3 Nghị quyết số 1004/2020/UBND ngày 18/9/2020 của UBND về việc thành lập và quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND cấp tỉnh quy định biên chế đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Đoàn đại biểu Quốc hội thuộc biên chế khối lãnh đạo các cơ quan dân cử ở địa phương trong tổng số lượng biên chế cán bộ, công chức của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đó.

Ngoài ra, tại Văn bản số 611/BCTĐB-CTĐB ngày 30/7/2019 về việc biên chế và thực hiện chế độ, chính sách đối với đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách, Ban Công tác đại biểu thuộc UBND đã có ý kiến: Trước mỗi kỳ bầu cử, căn cứ cơ cấu, số lượng đại biểu Quốc hội được phân bổ ở mỗi địa phương, nhân sự điều động sang làm đại biểu Quốc hội chuyên trách đều là nguồn cán bộ ở địa phương; do đó, số lượng biên chế đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách ở địa phương được tính trong tổng số lượng biên chế cán bộ, công chức của địa phương; đầu nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIV, mỗi địa phương được bố trí 01 đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách, riêng 4 tỉnh, thành phố (Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Thanh Hóa và Nghệ An) được bố trí 02 đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách. Do đó, đề nghị tỉnh Đồng Tháp thực hiện việc quản lý biên chế đối với chức danh Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách cấp tỉnh theo các quy định nêu trên.

**1.17.** Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 2335/VPCP-TCCV ngày 08/8/2017 của Văn phòng Chính phủ, đề nghị Trung ương xem xét chuyển đổi số biên chế sự nghiệp tại các chi cục (Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Chi cục Thủy sản) sang biên chế công chức để đảm bảo thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và thuận lợi cho việc kiện toàn, sắp xếp lại tổ chức bộ máy cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp có liên quan (*Quảng Trị*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Để việc quản lý biên chế giai đoạn 2022-2026 thực hiện đúng quy định của pháp luật, Ban cán sự đảng Chính phủ đã báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế và Bộ Chính trị đề xuất việc điều chuyển biên chế viên chức làm việc tại các tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước thành biên chế công chức của bộ, ngành, địa phương tại Tờ trình số 2439-TTr/BCSĐCP ngày 17/11/2023 về việc điều chuyển, giao, bổ sung biên chế công chức ở một số cơ quan, tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước của bộ, ngành, địa phương; Công văn số 625-CV/BCSĐCP ngày 21/02/2022 về việc báo cáo số liệu biên chế giai đoạn 2016-2021, đề xuất biên chế giai đoạn 2022-2026; và Bộ Nội vụ đã báo cáo tại Báo cáo số 04/BC-BNV ngày 02/01/2022 về kết quả thực hiện quản lý biên chế giai đoạn 2016-2021 và đề xuất biên chế giai đoạn 2022-2026 của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc khối Chính phủ quản lý.

Ngày 24/4/2024, Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế đã họp thống nhất về việc điều chuyển biên chế theo hướng giao Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, các bộ, ngành, địa phương rà soát số biên chế viên chức được giao đảm nhiệm VTVL công chức tại thời điểm 31/5/2024 trong các cơ quan, tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước và số người làm việc tại VTVL công chức trong các tổ chức thực hiện chức năng nhà nước đặc thù, có nguồn thu, có mặt tại thời điểm 31/5/2024 để đề xuất giao, điều chuyển thành biên chế công chức; báo cáo Bộ Chính trị xem xét, quyết định. Sau khi Bộ Chính trị cho ý kiến sẽ làm cơ sở để các cơ quan triển khai thực hiện.

**1.18.** Đề nghị nghiên cứu, xem xét báo cáo Chính phủ phân cấp để các địa phương chủ động quyết định danh mục VTVL. Do mỗi địa phương cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ các phòng ban có tính chất, mức độ phức tạp khác nhau. Việc quy định chung danh mục cho 63 tỉnh thành, dẫn đến nhiều vị trí chưa phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, cách thức điều hành, quản lý tại các đơn vị trực thuộc (*Hà Nội*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Để việc xây dựng hệ thống VTVL gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và cải cách chính sách tiền lương, tiến tới trả lương theo VTVL theo yêu cầu của Nghị quyết số 27-NQ/TW thì việc xây dựng VTVL cần triển khai đồng bộ, thống nhất, bảo đảm tính liên thông giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong cả hệ thống chính trị và phải đáp ứng một số yêu cầu như: (1) Xây dựng danh mục VTVL, bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL cần đặt dưới sự chỉ đạo thống nhất của Thường trực Ban Bí thư và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành; (2) Các VTVL cần được xây dựng với mức độ khái quát cao theo chức năng, nhiệm vụ của từng ngành, lĩnh vực từ Trung ương đến địa phương, có tính đến mức độ phức tạp, tính chất, đặc điểm, quy mô hoạt động, phạm vi đối tượng phục vụ, quy trình quản lý chuyên môn, nghiệp vụ của công việc theo chức năng, nhiệm vụ tương ứng với từng ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức.

Trên cơ sở hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương và các yêu cầu về xây dựng VTVL nêu trên, thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP, các bộ quản lý ngành lĩnh vực đã xây dựng, lấy ý kiến các địa phương và ban hành thông tư hướng dẫn về VTVL công chức, viên chức thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý, làm cơ sở cho các bộ, ngành, địa phương phê duyệt VTVL của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm tính thống nhất, liên thông giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong cả hệ thống chính trị.

## II. LĨNH VỰC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

**2.1.** Đề nghị hướng dẫn hoặc xem xét, trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung điều kiện, tiêu chuẩn tiếp nhận vào làm công chức cấp xã theo điểm c khoản 1 Điều 14 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP để địa phương có cơ sở thực hiện (*Quảng Ngãi*).

### *Ý kiến của Bộ Nội vụ:*

Bộ Nội vụ ghi nhận kiến nghị nêu trên để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Trong thời gian chưa sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hành của pháp luật, đề nghị địa phương thực hiện chế độ, chính sách về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và các Văn bản pháp luật liên quan.

**2.2.** Đề nghị Bộ Nội vụ chủ trì trình cấp có thẩm quyền xác định đường địa giới hành chính giữa xã Canh Hòa, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định và xã Xuân Lãn, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên theo phương án Bộ Nội vụ đã đề xuất tại Công văn số 1505/BNV-CQĐP ngày 17/4/2022. Trong thời gian chờ Trung ương xác định đường địa giới hành chính, đề nghị Bộ Nội vụ xem xét khoanh vùng khu vực chồng lấn địa giới hành chính nêu trên để tiếp tục giải quyết sau và cho phép tỉnh Bình Định giao nộp sản phẩm hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp của tỉnh đã được hoàn thiện theo quy định tại Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ (*Bình Định*).

### *Ý kiến của Bộ Nội vụ:*

Ngày 28/5/2024, Bộ Nội vụ đã có Văn bản số 2994/BNV-CQĐP trả lời kiến nghị nêu trên của UBND tỉnh Bình Định, cụ thể là:

Để bảo đảm tiến độ thực hiện Bộ hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp tỉnh Bình Định theo Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ, đề nghị UBND tỉnh Bình Định sớm hoàn thiện Bộ hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp tỉnh Bình Định và có văn bản gửi Bộ Nội vụ để xem xét, tổ chức thẩm định theo quy định.

Đối với địa giới ĐVHC còn vướng mắc giữa tỉnh Bình Định và tỉnh Phú Yên, đề nghị UBND tỉnh Bình Định và UBND tỉnh Phú Yên báo cáo rõ những khó khăn, vướng mắc gửi về Bộ Nội vụ. Sau khi nhận được báo cáo của UBND 02 tỉnh,

Bộ Nội vụ sẽ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan trung ương liên quan tổ chức làm việc với 02 tỉnh đề nghiên cứu, đề xuất phương án giải quyết trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

**2.3.** Đề nghị Bộ Nội vụ sớm ban hành Thông tư hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố theo quy định hiện hành (*Quảng Bình*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Hiện nay, tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, Nghị định số 59/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố (sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 và Thông tư số 05/2022/TT-BNV ngày 23/5/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV).

Bộ Nội vụ ghi nhận kiến nghị nêu trên để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Trong thời gian chưa sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hành của pháp luật, đề nghị thực hiện hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố theo các văn bản pháp luật liên quan.

**2.4.** Đề nghị cấp có thẩm quyền rà soát sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể: (1) Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16/01/2004 của Bộ Nội vụ về việc ban hành quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; (2) Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; (3) Thông tư số 04/2022/TT-BNV ngày 23/5/2022 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cho xã, ở thôn, tổ dân phố, (4) Thông tư số 09/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố, để phù hợp với Nghị định số 33/2023/NĐ-CP quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (*Thái Nguyên, Cà Mau*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Đối với Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16/01/2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và Thông tư số 04/2022/TT-BNV ngày 23/5/2022 sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Hiện nay, Bộ Nội vụ đang thực hiện quy trình để ban hành Thông tư quy định bãi

bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành, trong đó có Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV và các Thông tư nêu trên.

Đối với Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 và Thông tư số 05/2022/TT-BNV ngày 23/5/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV. Theo đó, ngoài các nội dung đã được sửa đổi, bổ sung tại 02 Thông tư nêu trên thì nội dung còn lại của Thông tư số 04/2012/TT-BNV vẫn còn hiệu lực thi hành và phù hợp với Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

**2.5.** Kiến nghị liên quan đến công tác cán bộ nhiệm kỳ Đại hội Đảng, tại điểm b, mục 1.2, Hướng dẫn 26-HD/BTCTW ngày 30/11/2023 của Ban Tổ chức Trung ương; về bố trí người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư do sắp xếp ĐVHC (*Hung Yên*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Ngày 30/11/2023, Ban Tổ chức Trung ương đã ban hành Hướng dẫn số 26-HD/BTCTW việc thực hiện sắp xếp tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở những địa phương thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030. Trong đó, có quy định việc sắp xếp số lượng cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ, phó bí thư cấp ủy; số lượng ủy viên, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy mới thành lập. Vì vậy, đề nghị UBND tỉnh Hưng Yên có văn bản xin ý kiến của Ban Tổ chức Trung ương về nội dung này.

Tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của UBTVQH về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 đã quy định: “Chậm nhất là 05 năm kể từ ngày nghị quyết của UBTVQH về việc sắp xếp đối với từng ĐVHC có hiệu lực thi hành, số lượng lãnh đạo, quản lý và số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ở các cơ quan, tổ chức ở ĐVHC sau sắp xếp phải bảo đảm đúng theo quy định. Trường hợp đặc biệt báo cáo Bộ Nội vụ để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định”. Theo đó, việc sắp xếp người dôi dư theo quy định này gồm cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã với lộ trình chậm nhất là 05 năm kể từ ngày nghị quyết của UBTVQH về việc sắp xếp đối với từng ĐVHC có hiệu lực thi hành. Vì vậy, đề nghị UBND tỉnh Hưng Yên khi xây dựng Đề án sắp xếp các ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh cần rà soát, dự kiến phương án bố trí, phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã phù hợp với vị trí việc làm theo ĐVHC cấp xã mới, đồng thời xác định rõ số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư, phương án, lộ trình gắn với việc thực hiện tinh giản biên chế của Chính phủ.

**2.6.** Bộ Nội vụ sớm có văn bản hướng dẫn việc triển khai thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ theo văn bản số 1173/UBND-THKSTTHC ngày 31/01/2024 của UBND tỉnh Long An để địa

phương triển khai thực hiện; ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (*Long An, Khánh Hòa*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

a) Trên cơ sở ý kiến của các địa phương (trong đó có ý kiến của tỉnh Long An tại Văn bản số 1173/UBND-THKSTTHC) về vướng mắc, khó khăn trong việc triển khai thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP, trong đó có một số nội dung liên quan đến cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, cụ thể: Về hình thức ban hành văn bản quy định nhiệm vụ cụ thể của từng chức vụ, chức danh cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã:

Trả lời Sở Nội vụ tỉnh Long An về nội dung nêu trên tại Văn bản số 3550/SNV-XDCQCTTN ngày 25/10/2023, Bộ Nội vụ đã có Văn bản số 6581/BNV-CQĐP ngày 11/11/2023 gửi Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh Long An có văn bản gửi lấy ý kiến của 02 đơn vị, cơ quan chuyên môn là Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát thủ tục hành chính) và Bộ Tư pháp để có hướng dẫn cụ thể. Đến nay, Cục Kiểm soát thủ tục hành chính, Văn phòng Chính phủ và Bộ Tư pháp đã có văn bản gửi tỉnh Long An, đề nghị Sở Nội vụ nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh thực hiện việc ban hành văn bản theo quy định của pháp luật.

b) Về ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; việc tiếp nhận từ viên chức sang công chức cấp xã; thành lập Hội đồng kiểm tra sát hạch khi tiếp nhận vào làm công chức cấp xã.

Thông qua công tác nắm bắt bước đầu tình hình thực hiện ở các địa phương thì một số nội dung quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP cần được nghiên cứu, hướng dẫn cụ thể hơn. Theo đó, Bộ Nội vụ đã có Văn bản số 4368/BNV-CQĐP ngày 09/8/2023 gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Văn bản số 5935/BNV-CQĐP ngày 31/8/2023 gửi Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị kịp thời phản ánh các vướng mắc, khó khăn. Hiện nay, Bộ Nội vụ đang tổng hợp những ý kiến, kiến nghị của các địa phương (trong đó có ý kiến của tỉnh Khánh Hòa, Long An) để trình Lãnh đạo Bộ xem xét, ban hành Thông tư hướng dẫn.

**2.7. Đề nghị xem xét bố trí biên chế công chức chuyên trách làm công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo tại cấp xã nơi có đông tín đồ tôn giáo (*Yên Bái*).**

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Về việc bố trí chức danh công chức cấp xã làm công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, tại điểm a khoản 6 Điều 11 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố đã quy định rõ nhiệm vụ của chức danh công chức Văn hoá - Xã hội cấp xã, trong đó có thực hiện nhiệm vụ về

công tác tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc.

Mặt khác, tại khoản 5 Điều 7 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP đã phân cấp cho UBND cấp huyện quyết định số lượng cụ thể cán bộ, công chức ở từng ĐVHC cấp xã và bố trí số lượng công chức của từng chức danh công chức cấp xã thuộc phạm vi quản lý cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ.

**2.8.** Cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách của các xã, phường trong diện sắp xếp ĐVHC giai đoạn 2023-2025 đang thắc mắc về việc lựa chọn, bố trí công tác sau sắp xếp ĐVHC sẽ thực hiện như thế nào? Việc giải quyết chế độ, chính sách, hỗ trợ cho cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã bị dôi dư ngoài quy định của Trung ương, tỉnh có hỗ trợ chính sách thêm hay không?

Nhân dân tại các xã, phường sắp xếp không còn tên gọi cũ cũng đang thắc mắc việc các giấy tờ cá nhân có tên địa chỉ đang thường trú bị thay đổi tên gọi sau sắp xếp ĐVHC có ảnh hưởng đến việc giao dịch kinh doanh, làm việc với các cơ quan chức năng khi có yêu cầu trình xuất các giấy tờ cá nhân. Các cơ quan chức năng có hỗ trợ kịp thời đổi lại các giấy tờ cá nhân hay không (như Căn cước, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy đăng ký kinh doanh...), có phải trả phí để làm lại các loại giấy tờ này hay không? (*Bình Định*)

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

a) Việc lựa chọn, bố trí công tác của cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã sau khi sắp xếp ĐVHC cấp xã

Việc lựa chọn, bố trí công tác của cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thực hiện theo quy định tại Chương V Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), Điều 11 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của UBTVQH-về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030, Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

b) Chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp ĐVHC cấp xã

Tại khoản 3 Điều 12 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 đã quy định: “Ngoài các chế độ, chính sách quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, trên cơ sở cân đối ngân sách địa phương, UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp ban hành chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư của cơ quan, tổ chức do sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn.

c) Việc chuyển đổi các loại giấy tờ do sắp xếp ĐVHC

Tại Điều 21 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 đã quy định: (1) Các loại giấy tờ đã được cơ quan có thẩm quyền cấp cho cá nhân, công dân, tổ chức trước khi thực hiện sắp xếp theo ĐVHC cũ nếu chưa hết thời hạn theo quy định vẫn được

tiếp tục sử dụng: (2) UBND cấp tỉnh chỉ đạo UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp ĐVHC chủ động xây dựng Kế hoạch tuyên truyền và triển khai việc chuyển đổi các loại giấy tờ cho cá nhân, tổ chức, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện các thủ tục chuyển đổi các loại giấy tờ và không thu các loại phí, lệ phí khi thực hiện việc chuyển đổi do thay đổi địa giới ĐVHC.

**2.9.** Đề nghị Bộ Nội vụ có văn bản hướng dẫn quy trình xét tuyển đối với Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã, quy trình tuyển chọn Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã để các địa phương có cơ sở triển khai thực hiện (*Lai Châu*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Về quy trình xét tuyển đối với Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã: Tại khoản 7 Điều 13 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố đã quy định “Riêng chức danh công chức Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã thực hiện việc xét tuyển đối với người có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 7 và Khoản 1 Điều 10 Nghị định này và thực hiện việc bổ nhiệm chức danh theo quy định của pháp luật về dân quân tự vệ”.

Đối với chức danh Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã: Tại điểm b khoản 3 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP đã quy định: Riêng đối với chức danh giúp việc cho Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã thì việc tuyển chọn thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành về quân sự.

### **III. LĨNH VỰC CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**

**3.1.** Đề nghị Trung ương sớm ban hành văn bản quy định về chế độ tiền lương mới áp dụng chung cho cả hệ thống chính trị; ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật để quy định thang, bảng lương và các chế độ phụ cấp đối với viên chức và người lao động của Trung tâm Phối hợp tìm kiếm, cứu nạn hàng hải Việt Nam; hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chủ tiền lương của các quỹ tài chính nhà nước ngoài Ngân sách Nhà nước như quy định tại gạch đầu dòng thứ 4 điểm d mục 3.1 khoản 3 Phần II, Nghị quyết số 27-NQ/TW (*Bắc Giang, Lào Cai*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Căn cứ Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị Trung ương 7 Khóa XII; Kết luận số 64-KL/TW ngày 18/10/2023 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XIII về kinh tế - xã hội năm 2023-2024 và Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc hội khóa XV về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024. Theo Kết luận tại cuộc họp của Bộ Chính trị ngày 19/6/2024, Báo cáo số 329/BC-CP ngày 21/6/2024 của Chính phủ trình Quốc hội, Bộ Nội vụ đã tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 Quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, theo đó từ ngày 01/7/2024, mức lương cơ sở khu vực công điều

chính từ 1,8 triệu đồng lên 2,34 triệu đồng/tháng (tăng 30%).

**3.2.** Đề nghị Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan tham mưu ban hành các quy định về chính sách hỗ trợ cho nhân lực công nghệ thông tin, chuyển đổi số (*Cần Thơ*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Triển khai Nghị quyết số 50/NQ-CP<sup>115</sup>, trong đó có nhiệm vụ cụ thể là “Xây dựng và hoàn thiện khung khổ pháp lý nói chung và thử nghiệm cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, cạnh tranh nói riêng để thúc đẩy quá trình phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ...”; Đề án 06 và ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính<sup>116</sup>, Bộ Nội vụ đã báo cáo cấp có thẩm quyền về việc xây dựng Nghị định về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức làm về chuyển đổi số và thực hiện công tác quản trị hệ thống, đảm bảo an ninh, an toàn thông tin.

Tại Công văn số 8476/VPCP-KTTH ngày 06/9/2018 của Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến chỉ đạo về việc triển khai Nghị quyết số 27-NQ/TW, theo đó: "Từ nay đến khi ban hành các văn bản quy định chế độ tiền lương mới để thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, không xem xét ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung các chế độ, chính sách tiền lương hiện hành".

Do đó, tại Công văn số 9804/VPCP-TCCV ngày 15/12/2023 của Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý với đề nghị của Bộ Nội vụ<sup>117</sup> về việc chưa xem xét trình dự thảo Nghị định nêu trên vào thời điểm này. Chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn, an ninh mạng đang được hưởng chế độ chính sách đối với công chức, viên chức nói chung sẽ được xem xét trong tổng thể sau thời điểm 01/7/2024 theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

**3.3.** Đề nghị Bộ Nội vụ có ý kiến đề các bộ, ngành Trung ương ban hành Quy chế thực hiện thống nhất, hướng dẫn cụ thể việc xét thăng hạng viên chức đối với các chức danh nghề nghiệp không xếp hạng; các Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành sớm ban hành quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng II và hạng I thuộc ngành, lĩnh vực quản lý (*Bình Định, Lạng Sơn*).

<sup>115</sup> Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

<sup>116</sup> Ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Hội nghị sơ kết 6 tháng triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (tại Công văn số 276/TB-VPCP ngày 05/9/2022 của Văn phòng Chính phủ).

<sup>117</sup> Tờ trình số 7063/TTr-BNV ngày 01/12/2023 trình Thủ tướng Chính phủ về việc xem xét, chưa ban hành Nghị định quy định về chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn, an ninh mạng (sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Công an và Bộ Thông tin và Truyền thông).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Nội vụ đã tham mưu, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 85/2023/NĐ-CP<sup>118</sup> ngày 07/12/2023. Tiếp đó, Bộ Nội vụ đã có Công văn số 7415/BNV-CCVC ngày 15/12/2023 đôn đốc các Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khẩn trương xây dựng, hoàn thiện quy định về tiêu chuẩn, điều kiện chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành để có cơ sở thực hiện việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; đồng thời, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 05/2024/TT-BNV ngày 27/6/2024 quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng lên hạng I đối với viên chức hành chính, viên chức văn thư, viên chức lưu trữ; xếp lương đối với người được tuyển dụng, tiếp nhận vào viên chức.

Trong thời gian tới, Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục phối hợp với các bộ trong quá trình ban hành các thông tư quy định tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành, đồng thời theo dõi, tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

**3.4.** Đề nghị Chính phủ sớm ban hành Nghị định về thu hút, trọng dụng nhân tài và chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, công chức, viên chức có tài năng; sớm trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung các quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý CCVC (liên quan đến tiêu chí đánh giá, công nhận, thu hút, trọng dụng và quản lý nhân tài) (*Bình Định, Sơn La, Hà Giang, Lai Châu*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

a) Thực hiện nhiệm vụ được giao về việc xây dựng Nghị định về chính sách thu hút và trọng dụng người có tài năng vào cơ quan hành chính nhà nước và ĐVSNCL, Bộ Nội vụ đã có Công văn số 6066/BNV-CCVC ngày 17/10/2023 gửi hồ sơ dự thảo đề nghị các bộ, ban, ngành, địa phương tham gia ý kiến và đăng tải dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của Bộ Nội vụ lấy ý kiến Nhân dân theo quy định. Trong quá trình tổng hợp, tiếp thu các ý kiến tham gia, Bộ Nội vụ đã bổ sung nội dung về thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ vào dự thảo Nghị định (như vậy, ngoài việc bãi bỏ Điều 69, Điều 70 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP<sup>119</sup> thì Nghị định này sẽ thay thế Nghị định số 140/2017/NĐ-CP<sup>120</sup>).

Hiện nay, theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Nội vụ đang tổng hợp, tiếp thu các ý kiến bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của các chính sách pháp luật liên quan về người có tài năng; đồng thời, tham vấn ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học; nghiên cứu, tổng hợp kinh nghiệm quốc tế về

<sup>118</sup> Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

<sup>119</sup> Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

<sup>120</sup> Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ quy định về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ.

chính sách thu hút và trọng dụng người có tài năng. Sau khi tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của các bộ, ban, ngành, địa phương và tổ chức, cá nhân, Bộ Nội vụ sẽ hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị định gửi Bộ Tư pháp thẩm định trước khi trình Chính phủ, dự kiến ban hành trong Quý IV năm 2024.

b) Điểm b khoản 12 Mục III Điều 1 Quyết định số 899/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ đã giao các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ Chiến lược để “nghiên cứu, ban hành quy định cụ thể hóa khái niệm nhân tài và tiêu chí xác định nhân tài theo ngành, lĩnh vực; chương trình đào tạo, bồi dưỡng nhân tài thuộc ngành, lĩnh vực; các chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài theo ngành, lĩnh vực hoặc theo địa phương”. Tuy nhiên, đến nay chưa có nhiều đơn vị hoàn thành nhiệm vụ nêu trên. Do đó, trong thời gian tới, Bộ Nội vụ tiếp tục theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc triển khai thực hiện Chiến lược này ở các bộ, ngành, địa phương. Đồng thời Bộ Nội vụ cũng sẽ sớm hoàn thiện các quy định liên quan để trình cấp có thẩm quyền ban hành, làm cơ sở cho các bộ, ngành, địa phương thực hiện.

**3.5.** Đề nghị sửa đổi, bổ sung Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và ĐVSN công lập, theo đó quy định theo hướng ngân sách Trung ương cấp bù cho các tỉnh khó khăn có nguồn thu chưa đảm bảo chi (*Quảng Bình*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Bộ Nội vụ ghi nhận kiến nghị của tỉnh Quảng Bình để tổng hợp tình hình thực hiện Nghị định số 111/2022/NĐ-CP, đồng thời phối hợp với Bộ Tài chính đề xuất, hướng dẫn các nội dung liên quan đến tài chính, ngân sách bảo đảm phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước và các quy định liên quan.

**3.6.** Đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, sửa đổi quy định: (1) việc xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy định của pháp luật về dân số; (2) thống nhất thời gian đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân ở các trường học, cơ sở giáo dục, để đảm bảo thống nhất với quy định của Đảng (*Lạng Sơn*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

a) Việc xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy định của pháp luật về dân số đã được quy định tại Nghị định số 112/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung Nghị định số 71/2023/NĐ-CP) như sau: “Điều 8. *Áp dụng hình thức kỷ luật khiển trách đối với cán bộ, công chức... 9. Vi phạm quy định của pháp luật về: phòng, chống bạo lực gia đình; dân số, hôn nhân và gia đình; bình đẳng giới; an sinh xã hội; quy định khác của Đảng và của pháp luật liên quan đến cán bộ, công chức.*”; “Điều 16. *Áp dụng hình thức kỷ luật khiển trách đối với viên chức...9. Vi phạm quy định của pháp luật về: phòng, chống bạo lực gia đình; dân số, hôn nhân và gia đình; bình đẳng giới; an sinh xã hội; quy định khác của Đảng và của pháp luật liên quan đến viên chức*”.

Các trường hợp sinh con không bị coi là vi phạm chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình đã được quy định tại Điều 2 Nghị định số 20/2010/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Nghị định số 18/2011/NĐ-CP) và Điều 2 Quy định số 50-QĐ/TW của Ban Bí thư.

b) Về việc quy định thống nhất thời gian đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với tập thể, cá nhân ở các trường học, cơ sở giáo dục: Theo khoản 2 Điều 20 Nghị định số 90/2020/NĐ-CP thời điểm đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức được tiến hành trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, trước khi thực hiện việc đánh giá, xếp loại chất lượng đảng viên và tổng kết công tác bình xét thi đua, khen thưởng hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Để bảo đảm phù hợp với hoạt động nghề nghiệp, Nghị định quy định: Đối với ĐVSNCL hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và một số lĩnh vực khác có thời điểm kết thúc năm công tác trước tháng 12 hàng năm thì người đứng đầu ĐVSNCL quyết định thời điểm đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức.

**3.7.** Đề nghị có văn bản hướng dẫn thực hiện xét nâng ngạch công chức (Nghị định số 138/2020/NĐ-CP chỉ quy định về đối tượng, trường hợp, tiêu chuẩn, điều kiện được xét nâng ngạch công chức mà chưa có quy định hoặc hướng dẫn về trình tự, thủ tục xét nâng ngạch và chưa có Quy chế, Nội quy xét nâng ngạch công chức) (*Hà Giang*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Nội vụ đã trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, trong đó có nội dung quy định về việc hướng dẫn thực hiện xét nâng ngạch đối với công chức.

Hiện nay, Bộ Nội vụ đang tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định theo ý kiến Thành viên Chính phủ để sớm trình Chính phủ ban hành, trong đó có nội dung xét nâng ngạch theo đề nghị nêu trên.

**3.8.** Đề nghị sớm hoàn thiện việc sửa đổi, bổ sung Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức đảm bảo đồng bộ và thống nhất với quy định của Đảng về công tác cán bộ (*Đông Tháp, Hưng Yên*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Triển khai thực hiện Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ và ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang, Bộ Nội vụ được Chính phủ giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi). Hiện nay Bộ Nội vụ đang tiến hành tổng kết, đánh giá việc thi hành Luật Cán bộ, công chức. Bộ Nội vụ ghi nhận các ý kiến nêu trên để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trong quá trình nghiên cứu, xây dựng dự thảo Luật.

**3.9.** Đề xuất Chính phủ kịp thời ban hành các Nghị định điều chỉnh nội dung về công tác cán bộ và quản lý công chức, viên chức khi Bộ Chính trị đã ban hành Quy định số 80-QĐ/TW ngày 18/8/2022 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán

bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; cần có sự liên thông, thống nhất về quy trình, trình tự, trách nhiệm và thẩm quyền trong các công tác bổ nhiệm cán bộ giữa hệ thống các văn bản (đảng và chính quyền).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Nội vụ đã tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định số 85/2023/NĐ-CP, Nghị định số 69/2023/NĐ-CP<sup>121</sup>. Theo đó, các nội dung về tiêu chuẩn, điều kiện, trình tự, thủ tục bổ nhiệm lãnh đạo, quản lý tại các Nghị định đã được sửa đổi, bổ sung bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Quy định số 80-QĐ/TW.

Hiện nay, Bộ Nội vụ đã xây dựng, trình Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP<sup>122</sup>, trong đó, nội dung về tiêu chuẩn, điều kiện, trình tự, thủ tục bổ nhiệm công chức lãnh đạo, quản lý được sửa đổi, bổ sung bảo đảm phù hợp với Quy định số 80-QĐ/TW và các văn bản khác của Đảng có nội dung liên quan đến công tác cán bộ. Bộ Nội vụ đang tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định theo ý kiến Thành viên Chính phủ để sớm trình Chính phủ ban hành.

**3.10.** Rà soát, bổ sung, sửa đổi Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, cụ thể về tuổi đào tạo sau đại học cho phù hợp tuổi lao động mới và quy định việc sử dụng chứng chỉ bồi dưỡng liên thông giữa các chương trình mang tính chất tương đồng (*Đồng Tháp*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

a) Về sửa đổi, bổ sung quy định tuổi đào tạo sau đại học cho phù hợp tuổi lao động mới: Ngày 19/12/2023, Bộ Nội vụ đã trình Chính phủ Báo cáo số 7476/BC-BNV về kết quả nghiên cứu, rà soát Luật Cán bộ, công chức năm 2008, Luật Viên chức năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), theo đó, Báo cáo đã đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp. Trước mắt, Bộ Nội vụ sẽ tổng hợp, nghiên cứu ý kiến của các bộ, ngành, địa phương về lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (trong đó có ý kiến của tỉnh Đồng Tháp về sửa đổi quy định tuổi đào tạo sau đại học) để đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung sau khi Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung mới.

b) Về sửa đổi, bổ sung quy định việc sử dụng chứng chỉ bồi dưỡng liên thông giữa các chương trình mang tính chất tương đồng: Nghị định số

<sup>121</sup> Nghị định số 69/2023/NĐ-CP ngày 14/9/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

<sup>122</sup> Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

89/2021/NĐ-CP đã bổ sung quy định “Viên chức có chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật được sử dụng thay thế chứng chỉ chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành tương ứng” nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho viên chức trong việc hoàn thành điều kiện, tiêu chuẩn về trình độ quản lý nhà nước. Đối với việc liên thông các chương trình bồi dưỡng khác của công chức, viên chức, Bộ Nội vụ sẽ tổng hợp, nghiên cứu ý kiến của tỉnh Đồng Tháp báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét để sửa đổi, bổ sung (nếu có).

**3.11.** Các bộ, ngành Trung ương xây dựng các Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức chuyên ngành để hỗ trợ cho địa phương trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp cho viên chức. Các bộ, ban, ngành được giao xây dựng chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức, theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành, theo yêu cầu VTVL lãnh đạo, quản lý cần thường xuyên cập nhật để nội dung chương trình phù hợp với các quy định mới ban hành và tăng cường nội dung liên quan đến kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng thực hành ở từng VTVL (*Thừa Thiên Huế*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

a) Ngày 18/10/2021 Bộ Nội vụ đã tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định số 89/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; theo đó Bộ Nội vụ đã triển khai các nhiệm vụ được Chính phủ giao, cụ thể: Rà soát, cập nhật, biên soạn lại hệ thống chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức (chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp); chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu VTVL lãnh đạo, quản lý (cấp phòng, cấp huyện, cấp sở, cấp vụ), theo đó thiết kế các nội dung bồi dưỡng phù hợp với các quy định mới; các chương trình đã cập nhật những kiến thức, kỹ năng quản lý công mới, phương thức lãnh đạo mới, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và hội nhập quốc tế.

Đôn đốc các bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khẩn trương xây dựng và ban hành chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành; chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo VTVL chuyên môn, nghiệp vụ bảo đảm không trùng lặp, tiết kiệm, hiệu quả.

b) Đối với việc phát triển nguồn nhân lực ngành Nội vụ: Ngày 01/12/2017 Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quyết định số 2823/QĐ-BNV phê duyệt chiến lược phát triển ngành Nội vụ đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035, trong đó có đề ra các giải pháp để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của ngành Nội vụ. Theo đó Bộ Nội vụ đã ban hành các chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành lưu trữ, Chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo yêu cầu VTVL (Chương trình, tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư; Chương trình, tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ lưu trữ) để nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ chuyên ngành cho đội ngũ viên chức hiện đang công tác trong ngành, lĩnh vực Nội vụ.

**3.12.** Hướng dẫn cách thực hiện “sát hạch” trong xét tuyển viên chức đối với trường hợp không có văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ phù hợp theo quy định tại khoản 6 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 11 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ; Cung cấp ngân hàng câu hỏi và phần mềm thi tuyển vòng 1 viên chức giúp các đơn vị thuận lợi tổ chức thi tuyển, đặc biệt đối với các đơn vị sự nghiệp tự chủ có số lượng tuyển dụng ít, năng lực tổ chức tuyển dụng còn hạn chế (*Nam Định*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

a) Theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP), việc tổ chức sát hạch để đánh giá năng lực ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét tuyển. Theo đó, đề nghị địa phương căn cứ quy định nêu trên để triển khai, thực hiện bảo đảm sự phù hợp.

b) Theo quy định tại Điều 3 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV<sup>123</sup>, việc xây dựng đề thi thuộc thẩm quyền của Ban đề thi do Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng thành lập. Do đó, đề nghị địa phương căn cứ quy định nêu trên để triển khai, thực hiện bảo đảm sự phù hợp.

**3.13.** Đề nghị ban hành quy định việc liên thông trong công tác kỷ luật đảng viên với kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức. Hiện nay, các hình thức xử lý kỷ luật chưa đồng bộ về mức kỷ luật (đối với kỷ luật đảng viên, có các mức: Khiển trách, cảnh cáo, cách chức (nếu có), khai trừ; đối với kỷ luật cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, có các mức: Khiển trách, cảnh cáo, giáng chức, cách chức, buộc thôi việc). Do đó, các địa phương gặp khó khăn trong việc xác định mức kỷ luật tương xứng giữa kỷ luật đảng và kỷ luật chính quyền (mức khai trừ có tương xứng với mức xử lý buộc thôi việc) (*Bắc Kạn*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm thì hình thức kỷ luật đảng viên cao nhất là Khai trừ ra khỏi Đảng. Theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức (sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 71/2023/NĐ-CP ngày 20/9/2023) thì hình thức kỷ luật cao nhất đối với cán bộ là Bãi nhiệm; đối với công chức, viên chức là Buộc thôi việc. Theo các quy định nêu trên, cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật đảng bằng hình thức Khai trừ ra khỏi Đảng thì hình thức kỷ luật hành chính tương xứng là bãi nhiệm (đối với cán bộ), buộc thôi việc (đối với công chức, viên chức). Tuy nhiên, để bảo đảm nguyên tắc khách quan, công bằng trong xử lý kỷ luật và hình thức kỷ luật hành chính tương xứng với kỷ luật về

<sup>123</sup> Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

đảng thì trường hợp bị xử lý kỷ luật về đảng bằng hình thức cao nhất thì việc xử lý kỷ luật hành chính bằng hình thức cao nhất được thực hiện bảo đảm nguyên tắc quy định tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 71/2023/NĐ-CP.

**3.14.** Bộ Nội vụ sớm có hướng dẫn cụ thể để địa phương triển khai thực hiện đồng bộ trong công tác bổ nhiệm lại chức vụ Kế toán trưởng và chức vụ Phụ trách Kế toán (*Đắk Nông*)

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 04/2018/TT-BNV ngày 27/3/2018 hướng dẫn về thẩm quyền, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế và phụ cấp trách nhiệm công việc của kế toán trưởng, phụ trách kế toán của các đơn vị kế toán trong lĩnh vực kế toán nhà nước. Đề nghị địa phương căn cứ vào quy định tại Thông tư nêu trên và các văn bản quy phạm có liên quan để triển khai, thực hiện.

#### **IV. LĨNH VỰC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

**4.1.** Đối với các thủ tục hành chính có quy trình giải quyết phức tạp, không thể quy định được chính xác thời gian giải quyết, đề nghị Bộ Nội vụ xem xét, không công bố thủ tục hành chính đó thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông mà thực hiện các thủ tục này theo quy trình văn bản hành chính thông thường (*Tây Ninh*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Thời gian qua, Bộ Nội vụ đã thực hiện đầy đủ việc công bố danh mục thủ tục hành chính (TTHC) *tiếp nhận và không tiếp nhận* tại Bộ phận Một cửa theo quy định tại Nghị định 61/2018/NĐ-CP<sup>124</sup> ngày 23/4/2018 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 107/2021/NĐ-CP) và các văn bản khác có liên quan. Đối với nhóm các TTHC mà địa phương đề cập không thuộc các trường hợp ***“không thực hiện tại Bộ phận Một cửa”***<sup>125</sup> nêu tại Khoản 5, Điều 14, Nghị định 61/2018/NĐ-CP và Khoản 8, Điều 1, Nghị định 107/2021/NĐ-CP. Đề nghị địa phương căn cứ vào thực tiễn triển khai, chỉ rõ những TTHC phức tạp, khó khăn trong quá trình thực hiện để Bộ Nội vụ phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan nghiên cứu, hoàn thiện các quy định TTHC theo hướng đơn giản, rõ thời gian và dễ thực hiện.

**4.2.** Bộ Nội vụ sớm sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh một số nội dung của Quy định đánh giá, xác định Chỉ số CCHC cho phù hợp với tình hình thực tế của các địa phương (*Đắk Nông*).

<sup>124</sup> Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 107/2021/NĐ-CP)

<sup>125</sup> Có 03 nhóm TTHC đặc thù không thực hiện tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa nhưng phải áp dụng quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết quy định của Chính phủ, gồm: (1) Thủ tục hành chính được tổ chức thực hiện lưu động theo quy định của pháp luật; (2) Thủ tục hành chính có quy định tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết trực tiếp ngay tại thời điểm và địa điểm kiểm tra, xem xét, đánh giá ngoài trụ sở Bộ phận Một cửa đối với đối tượng được kiểm tra, xem xét, đánh giá; (3) nhóm TTHC được phép mở rộng phạm vi tiếp nhận không phụ thuộc vào địa giới hành chính tại Bộ phận Một cửa các cấp thuộc phạm vi quản lý ở địa phương.

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Căn cứ vào thực tiễn triển khai Đề án xác định Chỉ số CCHC<sup>126</sup>, đề nghị địa phương nêu cụ thể những khó khăn, bất cập và kiến nghị điều chỉnh đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần để Bộ Nội vụ có thêm cơ sở nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp với thực tiễn.

**4.3.** Đề nghị Bộ Nội vụ phối hợp Văn phòng Chính phủ thống nhất quy định thời gian báo cáo định kỳ CCHC và kiểm soát TTHC tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổng hợp báo cáo CCHC định kỳ đảm bảo tính đồng bộ, chính xác (*Bạc Liêu*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Báo cáo cải cách hành chính định kỳ là nội dung lớn, số liệu phải tổng hợp từ nhiều ngành, lĩnh vực và là một trong những tài liệu quan trọng trình tại các Phiên họp thường kỳ của Chính phủ. Hiện nay, Bộ Nội vụ quy định thời hạn các địa phương nộp báo cáo cải cách hành chính định kỳ (chậm nhất là ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo) là phù hợp với quy định tại Nghị định 09/2019/NĐ-CP của Chính phủ và bảo đảm đủ thời gian để Bộ Nội vụ tổng hợp số liệu từ 6 lĩnh vực cải cách và xây dựng báo cáo trình Chính phủ (trước ngày 25 của tháng cuối kỳ báo cáo). Thời gian tới, Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục kiến nghị với Văn phòng Chính phủ điều chỉnh thời gian báo cáo cải cách thủ tục hành chính định kỳ để bảo đảm tính thống nhất và phù hợp với thực tiễn. Cùng với đó, Bộ Nội vụ đề nghị địa phương kiến nghị với Văn phòng Chính phủ có giải pháp điều chỉnh thời hạn báo cáo cải cách thủ tục hành chính định kỳ cho đồng bộ, thống nhất với chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ; đồng thời, nghiên cứu đổi mới phương thức làm việc, đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin để đẩy nhanh tiến độ tổng hợp số liệu, báo cáo kịp thời.

**4.4.** Kiến nghị Bộ Nội vụ quan tâm, tổ chức hội nghị, hội thảo trao đổi kinh nghiệm và sáng kiến, cách làm hay để hỗ trợ các địa phương nâng cao hiệu quả CCHC (*Tỉnh Phú Yên*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Việc tổ chức các lớp tập huấn, hội nghị, hội thảo về CCHC đang được Bộ Nội vụ triển khai hàng năm theo kế hoạch của Bộ và yêu cầu của các địa phương; qua đó, đã thảo luận, đánh giá kết quả CCHC và chia sẻ, lan tỏa những kinh nghiệm quý báu, mô hình hay, cách làm mới đến các địa phương nghiên cứu thí điểm, nhân rộng. Trong thời gian tới, Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục triển khai các hoạt động này và sẽ mời các địa phương tham gia, trong đó có tỉnh Phú Yên.

**V. LĨNH VỰC TÔN GIÁO**

**5.1.** Đề nghị tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu đối với cán bộ, công chức các cấp làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo một cách có hệ thống để nâng cao trình độ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trong tình hình mới (*Yên Bái*).

<sup>126</sup> Phê duyệt tại Quyết định 876/QĐ-BNV ngày 10/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Bộ Nội vụ (Ban Tôn giáo Chính phủ) thường xuyên mở lớp tập huấn chuyên sâu cho cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo, chia sẻ kinh nghiệm trong giải quyết các vụ việc phức tạp liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo đã được chính quyền các tỉnh giải quyết đạt kết quả tốt; tổ chức một số Hội nghị chuyên đề, trao đổi kinh nghiệm tại một số tỉnh, thành phố làm tốt công tác tôn giáo hoặc có những sáng kiến xử lý các tình huống thường hay phát sinh trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo cho cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo các cấp; tiếp tục hỗ trợ kinh phí cho công tác tuyên truyền, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo ở cơ sở.

Đề nghị tỉnh Yên Bái tiếp tục quan tâm, cử người tham dự các lớp tập huấn do Ban Tôn giáo Chính phủ tổ chức trong thời gian tới.

**5.2.** Hoàn thiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo để phù hợp với tình hình mới, đặc biệt là các quy định về đất đai, công trình tín ngưỡng, tôn giáo, sớm tham mưu ban hành nghị định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định (*Cà Mau, Khánh Hòa, Vĩnh Long*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Việc hoàn thiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo để phù hợp với tình hình mới là yêu cầu đặt ra trong công tác QLNN về tín ngưỡng, tôn giáo luôn được Bộ Nội vụ (Ban Tôn giáo Chính phủ) quan tâm triển khai thực hiện. Chính vì vậy, sau 3 năm thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật) và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Nghị định số 162/2017/NĐ-CP), Bộ Nội vụ đã rà soát, tổng hợp những bất cập, vướng mắc khi thực hiện để tiến hành Kế hoạch sơ kết 3 năm thi hành Luật và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP vào năm 2021; đã tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị định số 95/2023/NĐ-CP thay thế Nghị định số 162/2017/NĐ-CP nhằm giải quyết một số bất cập vướng mắc trong quá trình triển khai, thực hiện.

Đối với các quy định về đất đai, xây dựng công trình tín ngưỡng, tôn giáo, khi phát hiện những quy định của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo chưa đồng bộ với các Luật có liên quan (đất đai, xây dựng, y tế, giáo dục ...), Bộ Nội vụ đã giao Ban Tôn giáo Chính phủ rà soát, báo cáo; trường hợp cần thiết, sẽ tổng hợp và phối hợp với các bộ, ngành liên quan giải quyết hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với việc ban hành Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo (Nghị định xử phạt): Sau khi Luật Tín ngưỡng, tôn giáo được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 18/11/2016, Bộ Nội vụ đã tham mưu cho Chính phủ xây dựng Nghị định xử phạt và đã triển khai đầy đủ các bước xây dựng và hoàn thiện dự thảo, Bộ Tư pháp đã tiến hành thẩm định hồ sơ dự thảo. Tuy nhiên, do còn nhiều ý kiến phản hồi về tác động xã hội và hiệu quả của việc ban

hành Nghị định; đặc biệt trong trường hợp đối tượng bị xử phạt là các chức sắc, chức việc, nhà tu hành,... sẽ tạo ra dư luận không tốt trong xã hội; dễ bị các thế lực thù địch lợi dụng xuyên tạc về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; ảnh hưởng đến khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Vì vậy, Bộ Nội vụ đã báo cáo Chính phủ cho phép điều chỉnh thời gian ban hành Nghị định xử phạt sau khi tổng kết thi hành Luật (dự kiến năm 2025).

**5.3. Đề nghị thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn, thông tin tình hình, cung cấp các tài liệu liên quan về quá trình hình thành, phương thức hoạt động và những vấn đề quản lý nhà nước đối với các hiện tượng tín ngưỡng, tôn giáo mới, “đạo lạ”, “tà đạo”, hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo; tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và chia sẻ kinh nghiệm, kỹ năng công tác quản lý, xử lý tình huống tín ngưỡng, tôn giáo cho cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo các cấp (*Hung Yên*).**

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Ngày 28/11/2019, Ban Tôn giáo Chính phủ đã ban hành Văn bản số 1400/TGCP-TGK hướng dẫn công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trong thời gian qua, khi có những vấn đề phát sinh chưa có quy định rõ tại Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, Ban Tôn giáo Chính phủ đã kịp thời thông tin và hướng dẫn địa phương như: việc xây dựng cơ sở tín ngưỡng mới, về quyền sở hữu cơ sở tín ngưỡng,...

Việc xây dựng cơ sở tín ngưỡng thực hiện theo Luật Xây dựng, Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn. Theo Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, điện thờ tư gia không được công nhận là cơ sở tín ngưỡng. Hoạt động tín ngưỡng tại các điện thờ tư gia chỉ được phục vụ riêng cho gia đình. Việc quản lý xây dựng và hoạt động của các điện thờ tư gia thuộc trách nhiệm chính quyền cơ sở, cần ngăn chặn kịp thời việc xây dựng điện thờ tư gia với mục đích hoạt động như cơ sở tín ngưỡng của cộng đồng; không để các hoạt động tín ngưỡng tập trung đông người, hoạt động mê tín dị đoan, trục lợi ở điện thờ tư gia.

Về quản lý nhà nước đối với các hiện tượng tôn giáo mới, “đạo lạ”, “tà đạo”: Bộ Nội vụ đã ban hành văn bản gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về công tác QLNN đối với hoạt động của các “đạo lạ, tà đạo”. Theo đó, Bộ Nội vụ đề nghị UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đẩy mạnh công tác quản lý thông tin qua internet và xuất bản ấn phẩm liên quan đến “đạo lạ”, “tà đạo”; tuyên truyền để các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp nâng cao cảnh giác, tiếp nhận có chọn lọc các khoản viện trợ, tài trợ; vận động Nhân dân không tin theo các “tà đạo”; hướng dẫn xây dựng các quy ước, hương ước trong đó có nội dung ngăn chặn các “tà đạo”; tăng cường sự phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị để chia sẻ thông tin, chia sẻ kinh nghiệm và thống nhất phương hướng giải quyết.

Trong thời gian tới, Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục kịp thời cung cấp thông tin về những hiện tượng tín ngưỡng, “đạo lạ”, “tà đạo” phát sinh, tiếp tục đẩy mạnh hướng dẫn, đôn đốc Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ về công tác quản lý hoạt động tín ngưỡng, “đạo lạ”, “tà đạo”.

**5.4.** Kiến nghị Bộ Nội vụ phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, ngành có liên quan xem xét, tham mưu sửa đổi Quyết định số 10/2014/QĐ-TTg ngày 24/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cho tổ chức tôn giáo, chức sắc, chức việc tôn giáo hoạt động tại Việt Nam đảm bảo phù hợp với thực tiễn yêu cầu công tác về tranh thủ, vận động chức sắc tôn giáo trong tình hình mới (*Đắk Nông*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Bộ Nội vụ đã tổng kết, đánh giá sơ kết 5 năm thực hiện Quyết định số 10/2014/QĐ-TTg tại Báo cáo số 211/BC-BNV ngày 18/6/2019. Quyết định số 10/2014/QĐ-TTg đã tạo điều kiện hỗ trợ kịp thời cho các tổ chức, cá nhân tôn giáo qua đó tạo sự gần gũi, hiểu biết, gắn bó giữa tổ chức, cá nhân tôn giáo với chính quyền, cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo ở các cấp; nâng cao công tác tranh thủ tổ chức tôn giáo, chức sắc, chức việc trong công cuộc xây dựng bảo vệ tổ quốc và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện còn một số khó khăn, hạn chế: Chưa bao quát hết đối tượng thụ hưởng và phạm vi áp dụng (mảng tín ngưỡng); Mức chi thấp so với thực tế, nội dung chi còn thiếu.

Thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 10/01/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về công tác tôn giáo trong tình hình mới; thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ tại công văn số 2240/VPCP-NC ngày 06/7/2022, Bộ Nội vụ (Ban Tôn giáo Chính phủ) đã phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, ngành, địa phương có liên quan đề xuất Chính phủ ban hành Nghị định quy định hỗ trợ kinh phí từ nguồn NSNN cho tổ chức, cá nhân hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo tại Việt Nam thay thế Quyết định số 10/2014/QĐ-TT nhằm khắc phục các hạn chế đã nêu. Đến nay, việc xây dựng Nghị định đang được khẩn trương thực hiện theo đúng quy định.

**5.5.** Bộ Nội vụ quan tâm bố trí đội ngũ giảng viên có năng lực thực tiễn và kinh nghiệm công tác giúp địa phương tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo theo Quyết định số 43/QĐ-TTg ngày 11/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án “Bồi dưỡng nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo giai đoạn 2022-2026” (*Đắk Nông*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Việc tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tín ngưỡng, tôn giáo đã được Chính phủ quan tâm bằng việc ban hành Đề án số 43, trong đó tập trung bồi dưỡng, tập huấn cho các đối tượng là: Công chức làm công tác QLNN về tín ngưỡng, tôn giáo của Ban Tôn giáo Chính phủ; cơ quan chuyên môn làm nhiệm vụ QLNN về tín ngưỡng, tôn giáo thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện; Cán bộ công chức làm công

tác tín ngưỡng, tôn giáo của các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện gồm MTTQ, Hội LH Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh; Cán bộ công chức của Ban Dân vận TW, cấp tỉnh, cấp huyện; Bộ Ngoại giao, Bộ Công an; cán bộ công chức kiêm nhiệm công tác tín ngưỡng, tôn giáo ở cấp xã.

Theo đó, Bộ Nội vụ đã có chỉ đạo sát sao về vấn đề này, giao Ban Tôn giáo Chính phủ phối hợp với Học viện Hành chính Quốc gia, các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch tổ chức lớp trong đó chú trọng kỹ năng, nghiệp vụ công tác tín ngưỡng, tôn giáo cho đội ngũ cán bộ.

Về phía báo cáo viên, đã xây dựng danh sách báo cáo viên có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực thực tiễn và kinh nghiệm công tác giúp địa phương tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo. Thành phần báo cáo viên chủ đạo là cán bộ lãnh đạo các đơn vị thuộc Ban Tôn giáo Chính phủ có trình độ Thạc sĩ trở lên, có thời gian công tác và có kinh nghiệm quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo nhiều năm.

Bên cạnh đó, Ban Tôn giáo Chính phủ mời giảng viên là những người am hiểu về tín ngưỡng, tôn giáo; các nhà khoa học, quản lý nhà nước thuộc các cơ quan, đơn vị của Trung ương như: Cục An ninh nội địa (Bộ Công an); Viện Tín ngưỡng, tôn giáo (Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh); Viện Tôn giáo (Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam). Nguyên tắc mỗi đồng chí giảng viên có thể trình bày từ 1- 3 chuyên đề. Hằng năm, Ban TGCP tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu cho báo cáo viên cấp tỉnh để làm nòng cốt thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác tôn giáo tại các địa phương.

**5.6.** Kịp thời hướng dẫn những nội dung bất cập trong quá trình triển khai thực hiện Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định hướng dẫn thi hành để các địa phương triển khai thực hiện thống nhất, tránh tình trạng mỗi địa phương hiểu và vận dụng khác nhau (*Khánh Hòa*).

#### ***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Đối với việc hướng dẫn những nội dung bất cập trong quá trình triển khai thực hiện Luật tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định hướng dẫn thi hành để các địa phương triển khai thực hiện thống nhất, tránh tình trạng mỗi địa phương hiểu và vận dụng khác nhau: Sau khi Luật và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP được ban hành, Ban Tôn giáo Chính phủ luôn quan tâm nắm tình hình việc triển khai thực hiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo nhằm đảm bảo sự thống nhất trong áp dụng pháp luật. Thông qua việc trả lời kiến nghị của các bộ, ngành, địa phương, trả lời cử tri; việc thanh tra, kiểm tra, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, tập huấn, bồi dưỡng hằng năm, Ban Tôn giáo Chính phủ đã kịp thời giải đáp các vướng mắc, hướng dẫn thi hành những nội dung còn bất cập trong quá trình triển khai thực hiện.

Chính vì vậy, sau 3 năm thi hành Luật và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP, Bộ Nội vụ rà soát, tổng hợp những bất cập, vướng mắc khi thực hiện để tiến hành

Kế hoạch sơ kết 3 năm thi hành Luật và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP vào năm 2021. Trên cơ sở những thuận lợi, tích cực cũng như bất cập, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, Bộ Nội vụ đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ và phối hợp với các bộ, ngành, địa phương triển khai các bước xây dựng Nghị định số 95/2023/NĐ-CP thay thế Nghị định số 162/2017/NĐ-CP nhằm giải quyết một số bất cập vướng mắc trong quá trình triển khai, thực hiện.

**5.7. Đề nghị các Bộ Nội vụ tham mưu Chính phủ ban hành quy định về định mức, tiêu chuẩn trong việc giao đất và xây dựng cơ sở tôn giáo để các địa phương có cơ sở vận dụng trong việc giao đất hoạt động tôn giáo và cấp phép xây dựng đối với các công trình tôn giáo (Khánh Hòa).**

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Định mức, tiêu chuẩn trong việc giao đất: Căn cứ vào nhu cầu hợp pháp của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; căn cứ vào quy mô hoạt động tôn giáo và số lượng tín đồ cư trú (số lượng/mật độ tín đồ) của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; căn cứ vào quỹ đất của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được giao theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với định mức, tiêu chuẩn cấp phép xây dựng công trình tôn giáo: Phải tuân thủ theo quy định Luật tín ngưỡng, tôn giáo và Luật Đất đai đối với công trình tôn giáo, quy định đối với đất tín ngưỡng, tôn giáo. Thiết kế và diện tích xây dựng phải đáp ứng theo quy định của Luật Xây dựng và phù hợp với quy hoạch của địa phương, phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Thực hiện xây dựng công trình tôn giáo tuân thủ các quy định tại Điều 80 của Luật Xây dựng và phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp trong quá trình xây dựng có điều chỉnh thiết kế đối với các công trình tôn giáo cần báo cáo và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt bản điều chỉnh so với bản thiết kế kỹ thuật ban đầu. Đối với các công trình tôn giáo cũng phải tuân thủ các quy định về cấp phép xây dựng như các công trình khác tại Điều 89 của Luật Xây dựng (ngoại trừ các công trình tại khoản 2 Điều 89 được miễn giấy phép xây dựng). Chú ý nên quy định rõ các công trình tôn giáo ở đây và thống nhất với thuật ngữ trong Luật Tín ngưỡng, tôn giáo.

*Đối với Bộ Xây dựng:* Theo quy định tại Điều 52 Luật Xây dựng năm 2014, sửa đổi, bổ sung năm 2020 thì các công trình tôn giáo chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật, việc thẩm định thiết kế xây dựng công trình do chủ đầu tư tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, thực tế các công trình tôn giáo là nơi tập trung đông người, thậm chí rất đông người, nhiều công trình có quy mô rất lớn (chiều cao có thể lên đến 30 - 40m). So với nhiều công trình dân dụng khác (ví dụ nhà bảo vệ có chiều cao > 6m) thuộc công trình cấp III, cơ quan chuyên môn về xây dựng phải thẩm định thiết kế xây dựng) thì việc các công trình tôn giáo với quy mô lớn cần phối hợp cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo ở địa phương xây dựng thẩm định tránh tình trạng ảnh hưởng đến sự an toàn của công trình.

## VI. LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘI, QUỸ, TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ

**6.1.** Sớm tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sửa đổi các văn bản hướng dẫn quản lý nhà nước về hội cho thống nhất, phù hợp với thực tiễn như: Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg ngày 01/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định hội có tính chất đặc thù; Quyết định số 30/2011/QĐ-TTg ngày 01/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ thù lao đối với người nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các Hội (*Bộ Thông tin và Truyền thông; các tỉnh: Hải Dương, Sơn La, Thái Nguyên*).

### ***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Thể chế hóa Quyết định số 118-QĐ/TW ngày 22/8/2023 của Ban Bí thư ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương và các chủ trương của Đảng về hội quần chúng có liên quan, Bộ Nội vụ đã phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động và quản lý hội (Tờ trình số 7177/TTr-BNV ngày 06/12/2023) trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong đó đề xuất bãi bỏ Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg và quy định thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện trong giải quyết thủ tục về hội đối với hội có phạm vi hoạt động huyện, xã.

Hiện nay, Bộ Nội vụ đang nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến của Thành viên Chính phủ để hoàn thiện dự thảo Nghị định trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành.

**6.2.** Đề nghị Bộ Nội vụ tham mưu các cơ quan có thẩm quyền sớm ban hành Luật về hội và các văn bản có liên quan phù hợp với từng lĩnh vực hội hoạt động để địa phương có cơ sở thực hiện thống nhất (*Đắk Lắk*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:*** Thực hiện Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và do dự án Luật về hội có nội dung phức tạp, còn nhiều ý kiến khác nhau nên Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục nghiên cứu kỹ lưỡng, thấu đáo, thận trọng, toàn diện và báo cáo cấp có thẩm quyền cho chủ trương để triển khai xây dựng dự án Luật về hội vào thời điểm đủ cơ sở chính trị.

Về nội dung sớm ban hành các văn bản có liên quan phù hợp với từng lĩnh vực hội hoạt động: Theo khoản 2 Điều 24 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội thì hội hoạt động thuộc lĩnh vực nào phải chịu sự quản lý nhà nước của cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực đó. Theo đó, lĩnh vực hoạt động của các hội đã được quy định tại pháp luật chuyên ngành riêng. Do đó, nội dung kiến nghị này là chưa phù hợp.

Mặt khác, thể chế hóa Quyết định số 118-QĐ/TW ngày 22/8/2023 của Ban Bí thư ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương và các chủ trương của Đảng về hội quần chúng

có liên quan, Bộ Nội vụ đã phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động và quản lý hội (Tờ trình số 7177/TTr-BNV ngày 06/12/2023) trình Chính phủ nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và khắc phục một số bất cập trong tổ chức, hoạt động của các hội nhằm tạo điều kiện cho các hội phát huy vai trò tham gia phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hoạt động hiệu quả trong tình hình mới. Hiện nay, Bộ Nội vụ đang nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến của Thành viên Chính phủ để hoàn thiện dự thảo Nghị định trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành.

**6.3.** Trung ương ban hành Luật về hội và các văn bản hướng dẫn thi hành, tạo lập cơ sở pháp lý đầy đủ, cụ thể, rõ ràng trong việc thực hiện quyền thành lập, hoạt động và quản lý hội; nhất là cơ chế để bảo vệ quyền lợi của hội viên, cơ chế để hội tham gia các hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội các chính sách, chương trình, đề án, dự án, tham gia một số hoạt động quản lý nhà nước, dịch vụ công thuộc lĩnh vực hoạt động của hội (*Thừa Thiên Huế*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Thực hiện Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và do dự án Luật về hội có nội dung phức tạp, còn nhiều ý kiến khác nhau nên Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục nghiên cứu kỹ lưỡng, thấu đáo, thận trọng, toàn diện và báo cáo cấp có thẩm quyền cho chủ trương để triển khai xây dựng dự án Luật về hội vào thời điểm đủ cơ sở chính trị.

Thể chế hóa Quyết định số 118-QĐ/TW ngày 22/8/2023 của Ban Bí thư ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương và các chủ trương của Đảng về hội quần chúng có liên quan, Bộ Nội vụ đã phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động và quản lý hội (Tờ trình số 7177/TTr-BNV ngày 06/12/2023) trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và khắc phục một số bất cập trong tổ chức, hoạt động của các hội nhằm tạo điều kiện cho các hội phát huy vai trò tham gia phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hoạt động hiệu quả trong tình hình mới. Hiện nay, Bộ Nội vụ đang nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến của Thành viên Chính phủ để hoàn thiện dự thảo Nghị định trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành.

**6.4.** Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức làm công tác QLNN về hội, quỹ của địa phương; đồng thời hỗ trợ giảng viên khi địa phương tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng công tác quản lý nhà nước về hội, quỹ (*Nam Định*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Thời gian qua, Bộ Nội vụ đã phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức Hội nghị công tác quản lý nhà nước và tổ chức hoạt động của hội, quỹ; đồng thời đã phối hợp với Sở Nội vụ một số địa phương tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho công

chức làm công tác quản lý nhà nước về hội và người làm việc tại hội, quỹ ở địa phương nhằm phổ biến, quán triệt một số quy định của Đảng và pháp luật liên quan đến hội, quỹ.

Thời gian tới, trên cơ sở đề nghị của Sở Nội vụ tỉnh Nam Định (nếu có), Bộ Nội vụ sẽ phối hợp cử báo cáo viên đến báo cáo, hướng dẫn nghiệp vụ công tác quản lý nhà nước về hội, quỹ cho công chức làm công tác quản lý nhà nước về hội và người làm việc tại hội, quỹ ở tỉnh Nam Định.

**6.5.** Nghiên cứu, tham mưu cho Chính phủ sớm hoàn thiện quy định pháp luật về Hội; sớm tham mưu sửa đổi Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội theo hướng bãi bỏ quy định về hội có tính chất đặc thù, thực hiện việc khoán kinh phí cho các hội gắn với các nhiệm vụ được nhà nước giao. Phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định cho phép thành lập; chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; giải thể; đổi tên và phê duyệt điều lệ đối với hội có phạm vi hoạt động ở huyện, xã (*Lâm Đồng, Nam Định*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Thê chế hóa Quyết định số 118-QĐ/TW ngày 22/8/2023 của Ban Bí thư ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương và các chủ trương của Đảng về hội quần chúng có liên quan, Bộ Nội vụ đã phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động và quản lý hội (Tờ trình số 7177/TTr-BNV ngày 06/12/2023) trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Hiện nay, Bộ Nội vụ đang nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến của Thành viên Chính phủ để hoàn thiện dự thảo Nghị định trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành. Theo đó, dự thảo Nghị định đã đề xuất bãi bỏ hội có tính chất đặc thù (Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg); quy trình giao nhiệm vụ, hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước để hội thực hiện nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao; phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp huyện giải quyết thủ tục về hội đối với hội có phạm vi hoạt động huyện, xã.

**6.6.** Kiến nghị Bộ Nội vụ xem xét, cho chủ trương đề các cấp Hội Từ Chính trị yêu nước tổ chức đại hội nhiệm kỳ để đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ qua, quyết định phương hướng, nhiệm vụ cho nhiệm kỳ đến; tại đại hội không thực hiện bầu mới đối với các chức danh lãnh đạo hội mà chỉ kiện toàn các chức danh bị khuyết (*Phú Yên*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Căn cứ chủ trương của Đảng về hội quần chúng và pháp luật về hội<sup>127</sup>, đề nghị Sở Nội vụ tỉnh Phú Yên phối hợp với cơ quan liên quan hướng dẫn Hội Từ Chính trị yêu nước hoàn thiện hồ sơ tổ chức Đại hội nhiệm kỳ theo quy định tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và các văn bản hướng dẫn thi hành báo cáo, xin chủ trương cấp có

<sup>127</sup> Hội hoạt động ở cấp nào, đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng và quản lý của chính quyền cấp đó.

thẩm quyền theo quy định của tỉnh. Sau khi có chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Sở Nội vụ tỉnh Phú Yên tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

Hiện nay, không có Hội Tù Chính trị yêu nước phạm vi hoạt động cả nước theo Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.

**6.7.** Đề nghị hướng dẫn cụ thể địa phương về mối quan hệ giữa hội Trung ương và hội địa phương, tránh xu hướng “hành chính hóa” các hội quần chúng, tránh sự nhầm lẫn trong việc quản lý nhà nước trong hệ thống hội. Ban hành Đề án sắp xếp tổ chức các hội quần chúng để địa phương có cơ sở triển khai thực hiện. Bãi bỏ các Quyết định quy định về hội đặc thù (Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg ngày 30/2011/QĐ-TTg) đảm bảo phù hợp với các văn bản hiện hành của Đảng về quản lý hội (*Tiền Giang*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

a) Về mối quan hệ giữa hội phạm vi hoạt động toàn quốc và hội địa phương

Ban Bí thư đã có chỉ đạo “Hội hoạt động ở cấp nào, đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng và quản lý của chính quyền cấp đó” tại Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 28/8/2012 về tiếp tục đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các hội quần chúng. Theo quy định của pháp luật về hội và Điều lệ thì một số hội địa phương có cùng lĩnh vực hoạt động với hội phạm vi hoạt động toàn quốc đã tán thành điều lệ, tự nguyện tham gia là hội viên tổ chức của hội phạm vi hoạt động toàn quốc. Theo đó, hội không hoạt động theo cấp hành chính (không có hội cấp trên cấp dưới, không theo hệ thống và không có hội trong hội).

b) Về ban hành Đề án sắp xếp tổ chức các hội quần chúng

Thực hiện Thông báo Kết luận số 158-TB/TW ngày 02/01/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Kết luận số 102-KL/TW của Bộ Chính trị khóa XI về hội quần chúng trong tình hình mới và nhiệm vụ của Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Nội vụ đã phối hợp các cơ quan xây dựng Đề án “Sắp xếp hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ” (hội có tính chất đặc thù có phạm vi hoạt động cả nước) trình Ban Bí thư. Tuy nhiên, do tính chất phức tạp của Đề án, Ban Bí thư đã đồng ý tạm dừng xây dựng Đề án để chờ ban hành các quy chế, quy định về tổ chức, hoạt động của các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.

Ngày 22/8/2023, Ban Bí thư đã ban hành Quyết định số 118-QĐ/TW về Quy chế tổ chức và hoạt động của hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương, trong đó đã giao “*Ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương chỉ đạo cụ thể hóa, sắp xếp, giao nhiệm vụ cho các hội quần chúng phù hợp với điều kiện, yêu cầu nhiệm vụ của địa phương*”. Theo đó, việc sắp xếp các hội quần chúng phạm vi hoạt động tại địa phương thuộc thẩm quyền của địa phương.

c) Về bãi bỏ quy định về hội có tính chất đặc thù

Thẻ chế hóa Quyết định số 118-QĐ/TW ngày 22/8/2023 của Ban Bí thư ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương và các chủ trương của Đảng về hội quần chúng có liên quan, Bộ Nội vụ đã phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động và quản lý hội (Tờ trình số 7177/TTr-BNV ngày 06/12/2023) trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Hiện nay, Bộ Nội vụ đang nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến của Thành viên Chính phủ để hoàn thiện dự thảo Nghị định trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành.

Theo đó, dự thảo Nghị định đã đề xuất bãi bỏ hội có tính chất đặc thù (Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg).

## VII. LĨNH VỰC VĂN THƯ VÀ LƯU TRỮ

**7.1.** Bộ Nội vụ tiếp tục quan tâm ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ công tác văn thư, lưu trữ đặc biệt là văn thư, lưu trữ điện tử nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý tài liệu lưu trữ thời kỳ chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước và tình hình thực tiễn quản lý tài liệu lưu trữ điện tử tại Lưu trữ cơ quan, Lưu trữ lịch sử cấp tỉnh. Đề nghị Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước, Bộ Nội vụ mở các lớp tập huấn về nghiệp vụ công tác lưu trữ tài liệu điện tử, về Hệ thống lưu trữ tài liệu điện tử để có cơ sở thực hiện thống nhất tại các cơ quan, bộ, ngành, địa phương (*Thái Nguyên, Vĩnh Phúc*).

### ***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Luật Lưu trữ (sửa đổi) đã được thông qua tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội Khóa XV, có hiệu lực từ ngày 01/7/2025, một trong những chính sách lớn xuyên suốt của Luật là quản lý tài liệu lưu trữ điện tử và tài liệu lưu trữ số. Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về công tác văn thư, lưu trữ điện tử được quy định tại Luật Lưu trữ (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Luật. Bộ Nội vụ sẽ tổ chức tập huấn nghiệp vụ công tác lưu trữ tài liệu điện tử trong thời gian sớm nhất.

**7.2.** Đề nghị Bộ Nội vụ ban hành Thông tư hướng dẫn công tác tiêu hủy tài liệu (thay thế Văn bản 879/VTLTNN-NVĐP ngày 19/12/2006 hiện không còn phù hợp với Luật lưu trữ) (*Lào Cai*).

### ***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Nội dung quy định về hủy tài liệu lưu trữ đã được quy định trong Luật Lưu trữ (sửa đổi), trong đó có điều khoản giao Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết về trình tự, thủ tục hủy tài liệu lưu trữ.

**7.3.** Trong trường hợp UBND ủy quyền cho cơ quan chuyên môn cùng cấp, theo quy định tại Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 về công tác văn thư: “Trong trường hợp đặc biệt, người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thể ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của mình ký thừa ủy quyền một số văn bản mà mình phải ký. Việc giao ký thừa ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản, giới hạn thời gian và nội dung được ủy

quyền. Người được ký thừa ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác ký. Văn bản ký thừa ủy quyền được thực hiện theo thể thức và đóng dấu hoặc ký số của cơ quan, tổ chức ủy quyền.” Như vậy, khi thực hiện ủy quyền từ UBND cấp tỉnh về các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh thì văn bản thuộc phạm vi ủy quyền cần theo thể thức và đóng dấu của cơ quan ủy quyền là UBND cấp tỉnh. Điều này không phù hợp với thực tế vì ủy quyền là để rút ngắn quy trình, thời gian thực hiện công việc nhưng với việc Giám đốc Sở ký và phải đóng dấu của UBND cấp tỉnh thì không rút ngắn được quy trình và thời gian thực hiện. Đề nghị Bộ nghiên cứu, tham mưu Chính phủ sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư cho phù hợp với thực tế (*Hải Phòng*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư quy định về việc ký thừa ủy quyền trong văn bản hành chính tại các cơ quan, tổ chức: “người đứng đầu cơ quan, tổ chức ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của mình ký thừa ủy quyền một số văn bản mà mình phải ký”. Việc giao ký thừa ủy quyền được thực hiện “trong trường hợp đặc biệt” và “bằng văn bản, giới hạn thời gian và nội dung được ủy quyền”. Theo đó, việc quy định “văn bản ký thừa ủy quyền được thực hiện theo thể thức và đóng dấu hoặc ký số của cơ quan tổ chức ủy quyền” là phù hợp. Đối với trường hợp thực hiện phân cấp, ủy quyền giữa các cơ quan nhà nước ở địa phương, ủy quyền trong giải quyết thủ tục hành chính, cơ quan, tổ chức căn cứ quy định tại Điều 12, 14 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và các quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan đến nhiệm vụ được ủy quyền để ban hành văn bản thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền.

**7.4.** Đề nghị hướng dẫn quy chuẩn kết nối để liên thông dữ liệu giữa Lưu trữ lịch sử cấp tỉnh và Lưu trữ quốc gia; Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước triển khai phần mềm quản lý tài liệu lưu trữ quốc gia để liên thông tích hợp tài liệu lưu trữ lịch sử cấp tỉnh (*Hải Phòng*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Bộ Nội vụ sẽ phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn việc kết nối để liên thông dữ liệu tài liệu lưu trữ Phòng Lưu trữ nhà nước Việt Nam theo quy định của pháp luật.

**7.5.** Tổ chức các khóa bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ viên chức làm công tác công bố tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử các tỉnh và các đối tượng khác có liên quan; ban hành quy định định mức kinh tế kỹ thuật đối với việc công bố tài liệu lưu trữ để thuận lợi cho việc thanh quyết toán sau khi chương trình công bố kết thúc; ban hành quy định việc mang tài liệu lưu trữ ra khỏi Lưu trữ lịch sử để sử dụng trong nước để các địa phương có căn cứ triển khai thực hiện (*Lạng Sơn*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Việc tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về văn thư, lưu trữ cho đội ngũ công chức, viên chức theo VTVL thuộc thẩm quyền của cơ quan, tổ chức. Tuy nhiên nếu có nhu cầu, cơ quan, tổ chức có thể liên hệ Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước, Bộ Nội vụ tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ văn thư, lưu trữ.

Công bố, phát huy giá trị tài liệu lưu trữ là một hoạt động rất đa dạng về loại hình, cách thức và quy mô tổ chức thực hiện. Vì vậy, việc xây dựng mức kinh tế - kỹ thuật chung cho từng loại hình sẽ không phù hợp với thực tế tại từng cơ quan, đơn vị. Để thực hiện Chương trình công bố, phát huy giá trị tài liệu, địa phương căn cứ đặc điểm cụ thể về: tài liệu, cách thức, quy mô tổ chức thực hiện của từng loại hình công bố để xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật hoặc định mức chi phí phù hợp với điều kiện cụ thể tại địa phương trình cấp có thẩm quyền ban hành.

Nội dung quy định về việc mang tài liệu lưu trữ ra ngoài Lưu trữ lịch sử đã được đưa vào Luật Lưu trữ (sửa đổi) có hiệu lực vào tháng 7 năm 2025; trong đó quy định cụ thể về thẩm quyền quyết định mang tài liệu lưu trữ ra ngoài Lưu trữ lịch sử để sử dụng trong nước và nước ngoài.

**7.6.** Trình cấp có thẩm quyền đề xuất xây dựng kho lưu trữ chuyên dụng của tỉnh để đáp ứng việc lưu trữ tài liệu (*Hà Giang*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, các địa phương lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư dự án xây dựng kho lưu trữ chuyên dụng của địa phương để đáp ứng việc lưu trữ tài liệu.

**7.7.** Đề nghị Bộ Nội vụ tham mưu Chính phủ trình Quốc hội sửa đổi bổ sung Luật lưu trữ, các văn bản hướng dẫn dưới Luật (*Hà Giang*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Luật Lưu trữ (sửa đổi) đã được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 7 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2025, hiện nay Bộ Nội vụ đang triển khai xây dựng dự thảo các văn bản hướng dẫn thực hiện để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

**VIII. LĨNH VỰC THI ĐUA - KHEN THƯỞNG**

**8.1.** Đề nghị Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số nội dung quy định giữa Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định hướng dẫn thi hành một số điều của Luật còn bất cập với thực tiễn như: Quy định về chi tiền thưởng cho các đối tượng ngoài biên chế, quỹ tiền lương (tại khoản 4, Điều 11, Luật Thi đua, khen thưởng quy định: “Người ra quyết định khen thưởng có trách nhiệm chi thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng do cấp mình quản lý...”. Theo đó, tại khoản 2, Điều 51, Nghị định số 98/2023/NĐ-CP quy định: “Người ra quyết định khen thưởng theo quy định tại khoản 4, Điều 11 của Luật Thi đua, khen thưởng chịu trách nhiệm chi tiền thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc biên chế, quỹ tiền lương do cấp mình quản lý và hạch toán chi theo quy định”). Hướng dẫn cụ thể việc đánh giá xếp loại các tổ chức trong

hệ thống chính trị vì Quy định số 124-QĐ/TW ngày 4/10/2023 của Bộ Chính trị về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị chưa nêu rõ về quy trình đánh giá công tác chuyên môn... (Hà Tĩnh)

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Tại khoản 4 Điều 11 Luật Thi đua, khen thưởng quy định: “Người ra quyết định khen thưởng có trách nhiệm chi thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng do cấp mình quản lý; trường hợp Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định khen thưởng thì cơ quan đã đề nghị khen thưởng quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 83 của Luật này có trách nhiệm chi thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng do cấp mình quản lý.” Theo quy định trên thì Người ra quyết định khen thưởng có trách nhiệm chi thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng do cấp mình quản lý.

Tại khoản 2 Điều 45 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng quy định: “Việc công nhận mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với tập thể được thực hiện theo quy định của Đảng về kiểm điểm và đánh giá xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị và quy định của bộ, ban, ngành, tỉnh”. Do đó, trên cơ sở quy định của Đảng về kiểm điểm và đánh giá xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị, bộ, ban, ngành, tỉnh sẽ quy định cụ thể việc công nhận mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với tập thể thuộc phạm vi quản lý cho phù hợp.

**8.2.** Hướng dẫn thống nhất về thời gian xét và trình khen thưởng đối với tập thể, cá nhân (bao gồm cả công chức công tác tại Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo cấp huyện; người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp) thuộc ngành giáo dục và đào tạo (*Lạng Sơn*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Ngày 15/6/2022, Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 3, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2024.

Tại khoản 1, Điều 32 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 3/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng quy định: “1. Thời gian Bộ Nội vụ nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng như sau: a) Hồ sơ Bộ, ban, ngành, tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” gửi đến Bộ Nội vụ chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 của năm liền kề. b) Hồ sơ bộ, ban, ngành, tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” gửi đến Bộ Nội vụ chậm nhất vào ngày 30 tháng 6 hằng năm. Đối với hệ thống giáo dục quốc dân, hồ sơ trình chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.”

Đối với khen thưởng theo công trạng (khen thưởng xuyên) không quy định thời gian trình khen thưởng đối với tập thể, cá nhân để đảm bảo việc khen thưởng kịp thời.

**8.3.** Sớm ban hành hướng dẫn tổ chức Cụm, khối thi đua của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ; Cờ thi đua cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (*Cà Mau, Lạng Sơn, Hải Phòng*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Thực hiện khoản 2, Điều 90 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022; Điều 47 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương tại phiên họp lần thứ 7 của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương, Bộ Nội vụ đã có Tờ trình số 1397/TTr-BNV ngày 14/3/2024 trình Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế làm việc trước đây được ban hành kèm theo Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 23/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Sau khi Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương, Bộ Nội vụ sẽ ban hành Hướng dẫn tổ chức hoạt động và bình xét thi đua của các cụm khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương tổ chức và đề nghị tặng Cờ thi đua Chính phủ thay thế Hướng dẫn số 1819/HD-BTĐKT ngày 13/07/2023 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

**8.4.** Đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể: (1) Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và ĐVSNCL; (2) Thông tư số 01/2016/TT-BNV ngày 13/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và ĐVSNCL, để phù hợp với Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022, có hiệu lực từ ngày 01/7/2023 (*Cà Mau*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Về đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật tại Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và ĐVSNCL, ngày 16/3/2024 Bộ Nội vụ đã có Văn bản số 1449/BNV-PC gửi Bộ Tư pháp đề nghị bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang tổng hợp các văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có Nghị định nêu trên trình Chính phủ theo quy định.

Về Thông tư số 01/2016/TT-BNV ngày 13/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ: Sau khi có văn bản về bãi bỏ Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ, Bộ sẽ xem xét bãi bỏ Thông tư số 01/2016/TT-BNV ngày 13/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ theo quy định.

## **IX. LĨNH VỰC CÔNG TÁC THANH NIÊN, DÂN CHỦ, DÂN VẬN**

**9.1.** Kiến nghị Chính phủ, Bộ Nội vụ ban hành những chính sách ưu đãi, thiết thực để thu hút, kêu gọi các tổ chức, doanh nghiệp vào đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh để tạo ra nhiều vị trí, việc làm cho thanh niên (*Thừa Thiên Huế*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Trong những năm qua, nhằm mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm, đề ra các chủ trương, chính sách, pháp luật để phát triển doanh nghiệp; các bộ, ngành liên quan như: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính đã tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách ưu đãi để thu hút, tạo điều kiện cho các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, như: Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Việc làm và các văn bản hướng dẫn thi hành; Nghị định về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn; Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21/4/2023 của Chính phủ về một số chính sách, giải pháp trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững đến năm 2025; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, chính sách tài khóa, giãn, giảm thuế,... qua đó, tạo việc làm cho người lao động, trong đó có thanh niên.

Bộ Nội vụ với chức năng quản lý nhà nước về thanh niên luôn phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành liên quan tham mưu và triển khai các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh như: tham mưu Chính phủ ban hành Nghị quyết về Chương trình tổng thể cải cách hành chính, trong đó tập trung cải cách thể chế, thủ tục hành chính, tổ chức bộ máy nhà nước tinh gọn, hiệu quả, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thành lập, hoạt động, mở rộng sản xuất, kinh doanh, trên cơ sở đó tạo nhiều cơ hội việc làm cho thanh niên.

Trong thời gian tới, triển khai thực hiện Luật Thanh niên, Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, Bộ Nội vụ tiếp tục phối hợp với các bộ, ngành hoàn thiện chính sách, pháp luật về việc làm cho thanh niên và thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu về phát triển việc làm bền vững cho thanh niên.

**9.2.** Đề nghị tiếp tục đôn đốc các bộ, ngành Trung ương thực hiện các Đề án, dự án, chỉ tiêu, mục tiêu của Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 và tổng hợp, hướng dẫn địa phương có cơ sở thực hiện thống nhất, có hiệu quả Chương trình phát triển thanh niên từ Trung ương đến địa phương. Các bộ, ngành Trung ương có hướng dẫn thống nhất trong hệ thống ngành dọc để triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển thanh niên thuộc ngành, lĩnh vực quản lý; các chương trình, đề án, dự án do các bộ, ngành là cơ quan chủ trì tham mưu đề xuất chính phủ, làm cơ sở để địa phương triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển thanh niên (*Khánh Hòa, Long An*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021-2030<sup>128</sup> (gọi tắt là Chiến lược), Bộ Nội vụ đã ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược<sup>129</sup>, đề nghị các bộ, ngành, cơ quan trung ương triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và chương trình, đề án,

<sup>128</sup> Ban hành kèm theo Quyết định số 1331/QĐ-TTg ngày 24/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>129</sup> Ban hành kèm theo Quyết định số 1113/QĐ-BNV ngày 17/10/2021 của Bộ Nội vụ.

dự án quy định tại Chiến lược; chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ hướng dẫn các địa phương thực hiện hoặc lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu của Chiến lược trong triển khai thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo ngành, lĩnh vực trên địa bàn. Đồng thời, hằng năm Bộ Nội vụ đã ban hành các văn bản hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương triển khai những nhiệm vụ trọng tâm thực hiện quản lý nhà nước về thanh niên; tổ chức các hội nghị tập huấn triển khai, đánh giá việc thực hiện chính sách, pháp luật về thanh niên, trong đó có hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các bộ, ngành triển khai các nhiệm vụ nêu trên.

Tổng hợp kết quả triển khai thực hiện của các bộ, ngành cho thấy, đến nay mới có 14/30 bộ, ngành trung ương ban hành chương trình, kế hoạch thực hiện Chiến lược, trong đó, một số bộ đưa nhiệm vụ hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu về thanh niên thuộc ngành, lĩnh vực quản lý (Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế); có 05 bộ, ngành đã ban hành chương trình, đề án hoặc lồng ghép thực hiện chương trình, đề án của bộ, ngành mình để tổ chức thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược<sup>130</sup>.

Trong thời gian tới, Bộ Nội vụ tiếp tục hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra các bộ, ngành trong thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển thanh niên và chương trình, đề án thuộc ngành, lĩnh vực quản lý; đồng thời ban hành hướng dẫn công tác khen thưởng thành tích thực hiện Chiến lược, phục vụ nhiệm vụ sơ kết thực hiện Chiến lược vào năm 2025, trong đó đề ra các tiêu chí cụ thể đánh giá kết quả, mức độ triển khai thực hiện Chiến lược của các bộ, ngành, địa phương.

**9.3. Phối hợp Hội Cựu thanh niên xung phong Việt Nam đăng tải danh sách phiên hiệu thanh niên xung phong mới được công nhận của các địa phương để địa phương trên toàn quốc thuận tiện trong việc tra cứu, thực hiện chế độ chính sách cho thanh niên xung phong theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ (*Khánh Hòa*).**

### ***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Nhằm ghi nhận công lao đóng góp của các cựu thanh niên xung phong, Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 18/2014/TT-BNV ngày 25/11/2014 quy định việc xác nhận phiên hiệu đơn vị thanh niên xung phong đã được thành lập và hoạt động trong các thời kỳ đối với đơn vị chưa được xác định phiên hiệu. Từ những bất cập trong quá trình thực hiện, đã phối hợp với Hội Cựu thanh niên xung phong Việt Nam tổ chức đánh giá, lập hồ sơ sửa đổi, bổ sung Thông tư số 18/2014/TT-BNV và lấy ý kiến góp ý vào Dự thảo Thông tư (đã lấy ý kiến 02 lần), trong đó có tổng hợp danh mục các phiên hiệu đã được xác nhận theo quy định. Hiện nay, Bộ Nội vụ đang tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, địa phương và đánh giá tác động của các thủ tục hành chính được quy định trong dự thảo Thông tư.

Tiếp thu ý kiến của tỉnh Khánh Hòa, sau khi ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 18/2014/TT-BNV, Bộ Nội vụ sẽ phối hợp với Hội Cựu thanh niên xung phong Việt Nam nghiên cứu, đăng tải rộng rãi danh sách phiên hiệu

<sup>130</sup> Các bộ, ngành gồm: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

thanh niên xung phong mới được công nhận của các địa phương để thuận tiện trong việc tra cứu, thực hiện chế độ chính sách cho thanh niên xung phong.

**9.4.** Đề nghị bộ, ngành Trung ương sớm ban hành hoặc trình cấp thẩm quyền ban hành các chương trình, đề án, dự án thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ (*Phú Yên*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Sau khi Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021 -2030 được ban hành, Bộ Nội vụ đã ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược, đồng thời ban hành các văn bản hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương triển khai những nhiệm vụ trọng tâm thực hiện quản lý nhà nước về thanh niên hằng năm; tổ chức các hội nghị tập huấn triển khai, đánh giá việc thực hiện chính sách, pháp luật về thanh niên, trong đó có hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các bộ, ngành triển khai nhiệm vụ này.

Đến nay, các bộ, ngành đã trình cấp có thẩm quyền ban hành 07 chương trình, đề án và tổ chức triển khai thực hiện; 01 dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và tiếp tục thực hiện giai đoạn 2021 - 2030<sup>131</sup>; 07 nhiệm vụ, đề án đề nghị lồng ghép thực hiện với các chương trình, đề án, nhiệm vụ do bộ, ngành đang chủ trì triển khai thực hiện để tránh trùng lặp về nội dung và đối tượng<sup>132</sup>; các nhiệm vụ, đề án còn lại đang trong quá trình xây dựng, hoàn thiện để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định<sup>133</sup>.

Trong thời gian tới, Bộ Nội vụ tiếp tục phối hợp với các bộ, ngành xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các nhiệm vụ, chương trình, đề án theo phân công của Thủ tướng Chính phủ tại Chiến lược; đồng thời đôn đốc, kiểm tra kết quả thực hiện để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

**9.5.** Đề nghị Chính phủ nghiên cứu, xem xét, sửa đổi quy định về độ tuổi thu hút sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ và mở rộng đối tượng thu hút (Thủ khoa đại học trong nước, thạc sĩ loại giỏi, xuất sắc ở nước ngoài...) tại Nghị định số 140/2017/NĐ-CP để thu hút được các đối tượng có thành tích học tập tốt ở bậc đại học, được đào tạo bài bản ở nước ngoài vào làm việc tại các cơ quan hành chính nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, đáp ứng yêu cầu thực thi công vụ (*Quảng Ninh*).

***Ý kiến của Bộ Nội vụ:***

Thực hiện Nghị định số 140/2017/NĐ-CP của Chính phủ, nhiều cơ quan ở trung ương, địa phương đã quan tâm, ban hành các văn bản quy định, kế hoạch

<sup>131</sup> Trong đó: 01 đề án do Bộ Công an chủ trì; 01 đề án do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì; 05 đề án do Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh chủ trì; 01 dự án do Bộ Quốc phòng chủ trì.

<sup>132</sup> Trong đó: 03 đề án do Bộ Tư pháp chủ trì; 02 đề án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì; 02 đề án do Bộ Nội vụ chủ trì.

<sup>133</sup> Trong đó: 01 đề án do Bộ Quốc phòng chủ trì; 02 đề án do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì; 01 nhiệm vụ do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì; 03 nhiệm vụ do Bộ Y tế chủ trì; 01 chương trình do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì; 01 đề án do Bộ Ngoại giao chủ trì; 01 đề án do Bộ Nội vụ chủ trì; 01 đề án do Bộ Tư pháp chủ trì; 01 đề án do Đài Truyền hình Việt Nam chủ trì; 01 đề án do Thông tấn xã Việt Nam chủ trì và 02 đề án do Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh chủ trì.

tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ và triển khai thực hiện có hiệu quả. Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ sau khi được tuyển dụng cơ bản đều năng nổ, nhiệt tình cống hiến, chấp hành tốt mọi sự phân công, chỉ đạo của người đứng đầu đơn vị, được đánh giá ở mức hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ. Một số trường hợp được đánh giá cao về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; năng lực tư duy, áp dụng kiến thức vào thực tiễn; có triển vọng phát triển; khả năng làm việc nhóm, làm việc độc lập tốt.

Việc quy định độ tuổi trong Nghị định số 140/2017/NĐ-CP nhằm thực hiện mục tiêu thu hút, từng bước đào tạo, bồi dưỡng các sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ đủ năng lực, phẩm chất thành nhân tài cho đất nước theo quy định tại Kết luận số 86-KL/TW ngày 24/01/2014 của Bộ Chính trị.

Để nâng cao hiệu quả việc thu hút, trọng dụng, giữ chân người tài trong các cơ quan nhà nước, Bộ Nội vụ đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 31/7/2023 phê duyệt Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; đồng thời, xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định chính sách thu hút và trọng dụng nhân tài. Đối với ý kiến của tỉnh Quảng Ninh về việc mở rộng đối tượng thu hút, Bộ Nội vụ sẽ nghiên cứu và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.